

SƠN NAM

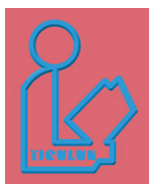
Vạch một chân trời



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

vạch một chân trời

SƠN NAM



Paris * 04.2025

Bìa : *NXB Trẻ*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

vạch một chân trời

SƠN NAM

**Nguyệt san Văn Nghệ
1965**



Năm 1830...

Đất Rạch Giá chỉ là một vùng rừng rậm hoang vu, Xen vào đó những sông ngòi chằng chịt, những lung bào sinh lầy. Trên rừng có rùa, dưới sông có cá.

Nhưng ít ai chú ý đến nguồn lợi đó. Dân chúng đa số người Miên thường bơi xuống theo mé sông để vớt sáp ong. Ong làm tổ trắng, lổm đổm khắp rừng tràm. Ổ quá to, rớt xuống trôi lênh bênh theo dòng sông, người ăn ong cứ xuống mà vớt đem về.

Tư Bá vốn là một thanh niên lực lưỡng ở rạch Ba Láng, Cần Thơ. Đạo ấy, vùng Cần Thơ được tổ chức thành bốn đội đồn điền. Cứ năm mươi người khai phá đất hoang gần nhau thì được quan bố chánh gom lại thành một đội ; họ tạo bốn trung tâm quan trọng ở Ba Láng, Phong Điền, Ô Môn, Bình Thủy hằng ngày, người dân phu đồn điền được tự do cày cấy. Khi có giặc họ phải nhập ngũ lập tức. Việc canh phòng trộm cướp là nhiệm vụ thường xuyên của họ. Tại mỗi vàm rạch có bố trí trạm canh. Sống gần

gửi nhau, người dân đồn điền được bảo đảm về mặt an ninh đối với trộm cướp nhưng sự thật họ không vui sướng cho lắm. Luật lệ triều đình – lúc ấy khá gắt gao – tịch thu đất đai của những ai ba năm liên tiếp không đóng thuế. Lắm kẻ nhờ cho vay nặng lời nên làm giàu to. Họ nộp tiền cho quan trên để mua chức bá hộ, sanh tặt hồng hách. Vì vậy người dân đồn điền lần lần cảm thấy mình bị áp bức ít nhiều.

Hằng ngày, họ ngóng vọng về phía Tây Nam, nơi rừng rậm phì nhiêu chưa ai khai thác, chưa ai cai trị.

Một buổi chiều tháng ba năm 1830... Tư Bả cùng nhiều bạn xóm nhau vượt qua vùng Rạch Giá.

Đất Cần Thơ khuất dần sau lưng họ.

Không còn thấy ngọn dừa, ngọn cau. Không còn thấy làn khói nấu cơm vươn lên từ mái nhà lá. Bạch Ba Láng ngoằn ngoèo, mấy đề lục bình bông tím, lá xanh trôi dài trước mặt họ.

Họ đi tất cả là năm chiếc xuồng. Mặc dầu họ không có cuộc bầu cử, Tư Bá nghiêm nhiên là viên đội trưởng vì so sánh với bạn đồng đội, anh là kẻ mạnh khỏe, thông thuộc đường đi, nước bước nhứt.

Hai Tam, người bơi chiếc xuồng thứ nhì hỏi lớn:

– Ở đây là ở đâu Anh Tư?

Từ phía sau chót, Tư Bá nói lại:

– Làm sao tôi biết được. Chắc là mình qua địa phận Kiên Giang rồi. Vùng này không có ranh giới rõ rệt. Ta cứ đi tới, lục bình trôi tới đâu, mình bơi theo tới

đó. Mà này, Hai Tam biết chuyện người chài cá đời Tấn không?

Hai Tam đáp:

– Lo sống trước, lo ăn học sau. Sống chưa yên cửa, yên nhà, tôi nào có thì giờ học tập Kinh sử. Anh Tư giỏi hơn tôi phần đó. Nói tích mấy người đánh cá đời Tấn nghe coi...

– Hồi đó, dường như trên ngàn năm rồi, nước Tàu loạn lạc. Vài người thợ chài ở đất Vũ Lăng chèo ghe đánh lưới đến nơi này thấy có hoa đào trôi êm đềm trên mặt nước. Họ tò mò theo dấu. Dè đâu gặp động tiên rồi cưới tiên làm vợ...

Một người cười reo lên:

– Có thiệt vậy không chú Tư.

Tư Bá đáp:

– Phen đó, tối quạt nước châm trà cho viên Quản Cơ, nghe người nói như vậy với quan Bố. Chuyện hoang đường nhưng mà vui quá... phải không bà con?

Ai nấy nhìn nhau mỉm cười. Nhưng kia, mặt trời đã gác lên núi rừng, nắng vàng chuyển sang màu máu đỏ ké. Họ biết vùng rừng rậm, trời mau tối lắm. Lát nữa đây, mặt trời khuất bóng, muỗi bu lại nhiều, cộp đi tìm mồi và sấu dưới rạch bắt đầu đùa giỡn từng bầy.

Hai Tam nói:

– Mình nên để ý chuyện ngày nay. Đi theo dấu mấy lục bình trôi chớ không phải hoa đào nước suối,

« Cà... um um... Um » Rõ ràng cộp rống từ phương xa. Lá tràm như trở mình xào xạc. Mặt nước như chuyển động.

Mấy người phía trước đà lơl mái chèo. Họ nhìn nhau rồi hướng về phía sau, phía Tư Bá. Đoán chắc nỗi thắc mắc của anh em, chú cười lớn:

– Có Tư Bả ở đây nghe ông hổ. Mình không thù oán với nhau. Đi tới chốn được bình an, bà con làm heo cúng ông. Bữa nay bất thành linh tới giang san của ông, bà con không kịp trình trước, ông đừng giận...

Tiếng cộp rỗng dứt hẳn, chập sau lại nổi lên. Tư Bá nói:

– Đánh lửa lên anh em. Rồi mời vô con cúi. Cộp ưa ăn thịt người đi phía sau như tôi đây chớ không bao giờ đón mấy người trước.

Có tiếng thì thầm:

– Mặt nước rung rinh dợn sóng.

Chắc ông ở gần mình,

Tư Bá nói:

– Ở xa. Chẳng qua là khi rỗng, cộp cúi mặt xuống mé nước. Bà con yên trí. Nó không dám lộ ra ăn thua với mình. Sợ sấu. Và đây là con rạch Ba Láng.

Tức thời, Tư Bá ra lệnh gom các xuống lại, đậu sát bên nhau, ở giữa rạch. Hai xuống chính giữa là nơi tập trung để ngủ. Ba xuống chung quanh bỏ trống. Hai Tâm gật gù nói nhỏ:

– Mưu trí của đại ca cao thật. Sấu bén mảng tới thì quật đuôi vào mấy xuống trống lỗng chung quanh. Mà dễ gì làm chìm xuống đã kết lại thành bè.

Vài người lật nấp ra, nằm ngửa nhìn vòm trời xanh lục. Bếp un tỏa lên. Muỗi xúm lại quây quần. Lắm con khờ khạo

cắm đầu vào bếp lửa, chết vun đống.

– Mạnh ai nấy ngủ, nghe bà con, Nhớ cắm sào, buộc giây cho chặt. Không khéo lát nữa nước ròng đưa tụi mình trở lại Ba Láng như cũ mà... ở tù. Ai còn lo sợ nổi gì nữa không?

Không nghe tiếng trả lời, Tư Bá nằm xuống sau chót. Chú cố nhắm mắt để ngủ nhưng tâm trí sao cũng còn bận rộn chút gì. Mấy con vạc ăn sương kêu oác... oác. Rồi cộp lại rống nghe như gân bên bờ sông. Chú cảm thấy như nhiệm vụ quá nặng nề. Với năm chiếc xuồng, mười cây mác thông... làm thế nào chinh phục được vùng đất bên kia sông Cái Lớn? Nhớ lại hồi năm ngoái, chú đến bờ sông đó một lần. Hai bên khỉ lọ nổi kêu inh ỏi, dạn dĩ đến mức hái bông mà ném xuống ghẹo kẻ đi đường. Gần vàm biển, gió thổi lồng lộng ngày đêm, sóng dâng

lên cơ hồ cuốn mất dạng ghe xuống qua lại. Ngôi miếu dựng không biết đời nào bên gốc cây dương cổ thụ. Bên trong một tảng đá lớn có nhiều đỏ che phủ. Hỏi vài người chung quanh, họ nói:

– Đó là miếu ông cậu của người Việt Nam, người Triều châu người Miên thờ chung. Ông tà nọ, theo lời người Miên rất linh thiêng. Khấn vái ông, cúng vái gà vịt đầy đủ mới hòng vượt qua bên kia sông, xứ có ma mà có vàng. Chưa ai dám tới khai phá và lập nghiệp.

Chú hỏi:

– Xứ đó là xứ nào?

Đáp:

– Miệt U Minh. U là tối, mình là mờ. U Minh cũng như âm phủ.

Mí mắt của chú Tư Bá lần lần sụp xuống vì quá mệt mỏi. Đêm nay giữa tràm ở ngọn Ba Láng, bất chấp cộp, beo, rần, sấu chú mơ tưởng vùng U Minh.

– Nay mai, nó là thiên đường của dân mình.

Nghĩ vậy, chú yên tâm đánh một giấc say nồng cho tới sáng.

*

Sáng tinh sương.

Gà rừng gáy inh ỏi. Hai Tam đánh thức bạn đồng đội. Họ khoát nước để rửa mặt. Ngạc nhiên làm sao ! Đàn muỗi từ lòng nước tung ra, bay quanh quẩn vài vòng rồi nường vào lưng của họ để mà đậu. Đó là mấy con lăng quăng vừa lột xác. Tư Bá nói:

– Bà con hiểu chưa, nước sanh ra muỗi chứ không phải là cây sanh ra muỗi. Mình nên ra khỏi chốn này Hai mươi dặm nữa, chúng ta đến vàm ông Rầy.

Một người hỏi:

– Ông Rầy là sao? Ở đó, ong mật nhiều lắm phải không?

Chú Tư đáp:

– Ông là ông cạp, rầy có nghĩa là rầy rà, ăn thịt người. Hồi đó, ngay vàm rạch có một người bị cạp tha. Về sau thiên hạ tìm được mảnh áo đẫm máu của nạn nhân, đem bẹo lên ngọn cây cao để khách qua đường biết mà đề phòng. Bây giờ cạp còn nhưng chúng ta không sợ. Ban ngày sáng tỏ, hơn nữa, chúng ta cắm xuống giữa sông.

Họ dùng cơm trưa ở vòm rạch ông Rầy. Tư Bá cho một tốp người lên bờ bắt cá, bắt rùa đem về nướng ăn. Vì số gạo đem theo rất ít, họ ăn cá, ăn rùa nhiều hơn cơm để tiết kiệm, nói khôi hài với nhau:

– Ăn cá nhiều quá sanh ngán, phải không anh em?

– Phải ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, ông bà của mình còn ăn cơm trộn với khoai. Minh trong này ăn cơm độn với cá. Sung sướng thật...

– Dầu sao, cơm cũng là món ăn chánh của người mình. Ăn thịt nhiều quá, tánh nết con người sanh ra hung hăng.

– Đời này khác hơn đời xưa ở chỗ loài người ăn cơm nhiều, biết cách cày bừa. Chúng mình ra đi hôm nay cốt là đi tìm nơi cày bừa.

Tư Bá nói:

– Nhưng trước khi cày bừa, mình cần hưởng ơn trời, lộc nước trước. Đất huên hoang, nhưng mấy năm đều phèn, ruộng nương thất bát, phải có huê lợi gì khác để sanh sống cầm chừng, chờ ngày đất trở nên phì nhiêu.

– Theo ý đại ca, chúng ta còn huê lợi gì khác?

Hình ảnh của vùng U Minh bên kia sông cái Lớn hiện ra lớn vồn trong tâm trí Tư Bá. Phá rừng đốn củi lập rẫy bắt rùa đối với chú là những huê lợi tầm thường, không xứng đáng với công khó nhọc của đoàn người viễn du. Nếu chỉ cần bao nhiêu nguồn lợi đó, chú có thể ra lệnh cho anh em dừng chân tại rạch ông Rẫy này lập nghiệp. Theo sự phỏng đoán của chú vùng U Minh sẽ dành cho đoàn

người nhiều ngạc nhiên mà từ nào đến giờ chưa có người Việt Nam nào hưởng được. U Minh! Xứ co nhiều vàng... chú sẽ tới đó làm giàu để dàng, xưng hùng, xưng bá một cõi. Triều đình nghe đến thanh danh của chú rồi phong chức lớn ngang hàng với ông Mạc Cửu xưa kia ở đất Hà Tiên. Điều đó, chú chưa muốn nói ra e có sự chia rẽ của đoàn người. Họ sẽ tách ra từng nhóm nhỏ, giành nhau đến U Minh trước để thám thính. Nhưng giữ hoàn toàn bí mật có thể làm giảm bớt sự hăng hái của anh em. Chỉ nói úp mở:

– Mình sẽ tới đất U Minh. Đất U Minh phì nhiêu lắm, khỏi cần cày bừa lúa cũng mọc. Một công trên mười gạ. Làm một tháng đủ gạo ăn hai năm.

– Tội tình gì mình phải đi xa, chú Tư ! Ở miệt này, tôi thấy đất hoang còn nhiều, cỏ mọc xanh lắm, chắc là đất tốt.

Rồi chú bơi xuống vào mé rừng trèo nhanh lên cây dừa nọ nhìn tứ phía. Phía lưng sau lác đác vài túp lều, tận trong rạch. Trước mặt xa, tít tận ngọn rạch bên kia sông là dãy nhà sàn của người Miên. Bên tả, bên hữu, đất trống hoang ăn dài, cách mí rừng chừng hai dặm. Chú nói:

– Hay là bà con mình hạ trại nơi đây. Xem chúng dễ làm ăn lắm...

Tư Bá cau mày. Nếu dừng bước nơi đây, tất cả kế hoạch của chú sẽ đổ vỡ. Chú cương quyết:

– Mình phải đi thiệt gấp. Xứ này chỗ nào không dễ làm ăn !

Đoàn người hơi lặng vì giọng hơi gắt của người anh cả trong bọn. Bỗng đâu nghe tiếng chèo khoát nước phía trong rừng, tiếng thưa thớt chúng tỏ không

phải của đoàn người đi đông đảo. Vì vậy họ không cần chuẩn bị tự vệ. Nhịp chèo khoan thai nọ đưa hơi cho một giọng hát trong trẻo:

Đố ai quét sạch lá rừng.

Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây...

Họ nhìn nhau vui cười, chờ đợi bóng dáng một người đẹp. Đúng như thế! Kia mũi thuyền ló ra sông cái, sau lái một cô thiếu nữ đứng chéo, vóc hình yếu điệu. Chợt thấy đoàn người quá đông, cô nọ dừng chèo hốt hải không nói lên lời.

Đoàn người cười vang:

– Lại đây nhìn bà con nè cô em ơi!

Thiếu nữ đáp:

– Dạ thưa... cha mẹ anh em tôi đều ở trong ngọn rạch này.

Hai Tam thích chí:

– Cho tôi vô đó với. Tôi muốn lập nghiệp ở xứ này, được không cô ? Cô nọ đáp :

– Đó là tùy cậu. Đất nước ở đây ai có công khai phá, người đó làm chủ...

Hai Tam nói:

– Bữa nay cô đi đâu một mình không sự cộ sao ?

– Tôi ra đây để đón ghe buồn của người Triều Châu để mua ngon mأك.

Tứ Bá nãy giờ bực mình, không muốn trì hoãn ở đấy nữa. Nhìn sắc mặt của cô nọ và Hai Tam, chú cảm thấy nó bắt đầu triều mến nhau. Để sanh hại, không khéo Hai Tam chằm rể tại rạch này, đoàn người diễn hành sẽ thiếu một

tay quan trọng. Nghĩ vậy chú Tư nói:

– Chú Hai biểu cô nọ cây mác đi. Minh về phía sông Cái Lớn sẽ có dịp mua cây khác. Trưa rồi chúng ta cần lên đường. Mà này cò ời ! Hổm rày có nghe động tịnh gì về phía sông cái không ?

Cô nọ đáp:

– Hổm rày, nghe tin tàu buôn Hải Nam vô sông Vàm Cái Lớn bốn chiếc. Họ tính sửa sang miếu ông Cậu.

Dường như đụng chạm với người Việt Nam và người Thổ, hai bên đều có người thiệt mạng. Rốt cuộc, tụi tàu Nam Hải phải rút lui. Sau đó người Thổ hiệp lực với người Việt Nam để trấn thủ hai bên bờ sông...

Nghe qua, Tư Bá hứng chí thêm. Thật là dịp may. Đến đó vào lúc này

chú dễ dàng thâm nhập vào địa phận ven sông Cái Lớn, tức là vùng U Minh. Hơn nữa lúc này người Việt Nam người Miên đang nương tựa vào nhau, chú tìm dễ dàng mấy người Miên có tuổi cao để dò chuyện hỏi đường đi, nước bước trên vùng U Minh.

Cây mác đã trao cho thiếu nữ. Hai Tam bịn rịn nhìn cô nọ như luyến tiếc lắm.

Cô ấy nói:

– Cảm ơn mấy cậu. Tôi biết lấy gì đền ơn lại.

Hai Tam nói nhỏ:

– Thế nào tôi cũng trở lại. Cô rán đợi chờ.

Cô hỏi:

– Chừng bao lâu nữa ?

Hai Tam chưa suy nghĩ kịp để trả lời thì đoàn xuống đã lướt tới. Chú cất mái chèo ra đi, ruột tầm bối rồi như tơ vò. Phía Tây Nam, nắng lên sáng rực. Phía sau kia cô thiếu nữ dăm dăm nhìn theo, cất tiếng hát vừa thúc dục vừa làm bịn rịn lòng người :

Đố ai quét sạch là rừng,

Để ta khuyên gió...

Muốn vượt qua sông Cái Lớn phải đến miếu ông Cậu cũng trước. Thường thường, ghe xuống phải hạ lèo, đốt pháo hoặc thả gà lên rừng. Việc phóng sanh ấy giúp kẻ qua sông khỏi bị sóng thần.

Gần đến miếu, Tư Bá hạ lệnh cho đoàn xuống đậu lại, nấu cơm. Ăn cơm xong chú khuyên anh em nên dạo chơi

lối xóm để dò xét thái độ của dân chúng đối với đoàn người mới đến này như thế nào.

Hai Tam được giao phó một nhiệm vụ quan trọng vì chú biết chút ít tiếng Miên. Chú phải lân la nơi miếu, giả đồ cúng, luôn dịp làm quen với mấy cụ lục có uy tín.

Hai Tam mượn cây đoản đao của Tư Bá nhưng chú cản lại:

– Đi tay không tốt hơn. Không khéo họ nghi kỵ. Chạng vạng tối mà vào nhà người để làm quen là chuyện rất khó.

Tuy nhiên Hai Tam yên trí rằng mình sẽ thu lượm được nhiều kết quả. Ban đêm ai nấy trở về nhà để bàn tán công việc làm ăn, chú có thể rình nghe được tâm sự của họ.

Đằng miếu ông Cậu dường như có tiếng xôn xao.

Hai Tam đi tắt phía trong rừng. Đến miếu chú leo lên cây nằm trên nhánh cây nọ lắng tai nghe. Miếu không có cửa không có vách. Nhờ vậy mà thấy được cảnh bên trong. Hai thếp đèn dầu cá cháy lơ mờ. Trên bệ cao, rõ ràng tấm nhiều đỏ phủ trên tấm đá lớn. Lau sậy mọc thưa thưa dưới bệ nọ như chỗ một mô đất giống như hang rắn. Hai Tam rừng mình như lo sợ. Tại sao vùng này dân cư khá đông mà họ không chịu săn sóc bên trong miếu ? Chắc hẳn họ cố tình dưỡng nuôi con rắn họ dưới hang. Mùi nhang bốc lên ngào ngạt thơm gắt đến nhức đầu. Phía sau tượng đá thô sơ một cái ô đồng đầy nước. Nước trong rung rinh, Vài giọt nhều trên đá còn ướt mềm chứng tỏ nãy giờ có người vào đây cúng

kiến hay làm bùa phép gì đó.

Thời khắc nặng nề trôi qua, Đàn dơi bay tới lui kêu chót chét điểm từng đốm đen ngòm linh động trong miếu.

Nằm trên này quá lâu, Hai Tam bắt đầu thối chí, muốn trở về ngủ.

Bỗng phía trước sáng rực lên. Hai người cầm đuốc đi xâm xâm vào miếu.

Đi đầu là một thanh niên Việt Nam chừng hai mươi lăm tuổi. Theo sau là một ông người Miên mặc quần áo đen nhưng đầu cạo trọc.

Họ vào miếu thấp nhang, xá bốn phía, chập sau chàng thanh niên quì xuống bên tay mặt người Miên nọ thì lạy hai lạy.

Người Miên nọ đi vòng ra sau bệ

đem ra ô nước, nhúng tay vào rẫy khắp chàng thanh niên. Chàng nọ nói:

– Thừa lục cụ, hôm nay có chuyện gì cần, con hứa sẵn sàng. Bấy lâu nay nhờ ơn lục cụ luyện rèn, chra có dịp nào con trở tài.

Lục cụ trả lời giọng trong trẻo, nói tiếng Việt Nam thật rành rẽ:

– Con đừng nóng nảy. Rồi đây ta quyết một mất một còn với bọn tàu buôn Hải Nam. Mình phải cẩn thận mới được. Tại nó giỏi nghề võ, mình có mưu mẹo, sức chịu đựng mới thắng được.

– Thừa lục cụ, tụi nó muốn gì? Kỳ này vô đây dường như tụi đó không chủ ý mua bán. Con theo rình thấy có chừng mười đứa chống chiếc tam bản lần vô rạch Thầy Quơn.

– Phải! Tụi nó muốn dò xét đường đi săn chim để khai thác. Bấy lâu nay tụi nó mua lông chim đem về Quảng bán lại để kết quạt. Nhưng ngoài chuyện xâm chiếm Sân chim của người mình, con biết tụi nó âm mưu gì khác không?

– Thưa không.

– Tụi nó muốn đào vàng trên U Minh tại đồn ông Bót.

– Thưa Lục cụ chuyện bí mật của xứ này làm sao tụi nó biết?

– Thầy không rõ. Chắc có người lên báo tin cho tụi nó. Sở dĩ thầy biết như vậy vì hôm rồi thầy thấy dưới chiếc tam bản có một người Hải Nam trọng tuổi râu tóc bạc phều. Chắc là quân sư của tụi nó đi theo coi phong thủy. Con nên nhớ người Tàu rất giỏi về khoa tìm vàng đời

xưa. Họ nhìn những lá cây ngọn cỏ, họ đi thiếp để nhờ thần mách bảo.

Chàng thanh niên nói:

– Mình phải làm sao bây giờ? Tụi đó chừng nào trở qua đây lục cụ?

Lục cụ im lặng hồi lâu vỗ vai đệ tử:

– Chắc là trở qua gấp. Lần hồi, thế nào chúng cũng dò xét được kho tàng nọ. Bởi vậy thầy định cho một số bạn bè qua U Minh dò xét gấp.

– Bạn bè ở đây thiếu gì ? Sao bấy nay Lục cụ không chỉ mở? Tìm vàng ai mà không ham...

– Thầy cần những người dạn dĩ biết đánh cọp. Trên đó cọp nhiều lắm. Hiện giờ chưa ai biết chắc địa điểm ngôi đền của ông Bót ở ngay hướng nào. Thầy

chỉ nghe phong phanh người xưa nói lại rằng phía đông bắc, từ mé sông đi vô chừng nửa ngày đường. Cần phải lên đó giả cất nhà làm ruộng, dò xét chừng một vài tháng... Con có quen với người nào biết đánh cọp không? Cọp U Minh dữ lắm.

Chàng thanh niên đáp:

– Để ngày mai con hỏi lại rồi cho thầy hay...

Nói xong hay thầy trò họ tắt đèn, từ từ ra khỏi miếu. Chừng họ đi Hai Tam lặt đặt tuột xuống gốc cây. Chú sáng mắt lên, dè dặt ở sông cái Lớn này có nhiều bí mật như vậy. Bên kia sông có đền vua cũ, có vàng. Hiện nay Lục cụ đang cần người biết đánh cọp. Dịp may hiếm có cho đoàn người này.

Về đến xuống, chú lật đặt tìm Tư Bá, người trưởng đoàn nhiều cơ mưu nhất. Sau khi nghe Hai Tam thuật lại câu chuyện đầu đuôi những điều nghe thấy ở miếu ông Cậu, Tư Bá xiết đôi vui mừng vỗ vai Hai Tam nói nhỏ:

– May quá. Mấy người kia ngủ hết rồi, họ dò xét không gặp gì ráo. May là chú có sáng kiến lại đăng miếu nghe ngóng. Nói thật với chú, chuyến đi của tụi mình không ngoài mục đích tìm kho vàng bí mật trong rừng U Minh. Lúc khởi hành tôi không dám nói cho anh em nghe sợ đổ bể chưa được vàng mà nội bộ ta phải chia rẽ trước. Hồi đi ngang rạch ông Rầy thấy chú làm tình với cô gái, nọ, tôi giận biết bao nhiêu mà không dám nói. Nhờ trời Phật phò hộ phen này chúng ta giàu to. Hai Tam nói:

– Nhưng chúng ta không rành đường

đi nước bước bằng lục cụ nọ. Họ là dân bốn xứ.

Tư Bá đáp:

– Chú khéo lo thì thôi! Chưa ắt họ là dân bốn xứ. Tôi đoán ông cụ Lục này không phải là người Miên, ổng là người Chà Châu giang hay là người Việt Nam. Ông khéo trá hình để khéo hành động. Về phần chúng ta, cần nhứt là thâm nhập vào nội bộ của họ giả đồ không hay biết mảy may gì về kho tàng bên kia sông. Ngoại trừ chú và tôi không nên cho một ai trong bọn mình hay biết. Ngày mai tôi sẽ tìm cách cho ông Lục cụ chú ý tới tài đánh cọp của bọn mình. Tức nhiên ông sẽ nài nỉ chúng mình đi theo, thâm thập làm đệ tử

Hai Tam hỏi:

– Cọp ở đâu mà đánh thử cho họ coi đại ca?

Tư Bá đáp:

– Chuyện đó để mặc tôi. Chú cứ ngủ yên đi: Đứng nằm chiêm bao mà nhớ cô gái dọc đường nghe chú...

✱

Một buổi sáng trời, lục cụ Bô Pha ngồi trong nhà uống trà chợt có tiếng cắc kè kêu vang vội ngoài hiên. Là người Miên, lục cụ rất e ngại khi cắc kè kêu bất thành linh. Thói thường, cắc kè kêu lúc chạng vạng, có sao hôm nay kêu buổi sáng? Đang phân vân thì tiếng kêu dứt, Lục cụ đếm kỹ: nó kêu năm tiếng tức điềm lành. Mỉm cười Lục cụ gọi to:

– Mách ơi

Một thanh niên vạm vỡ bước ra, chấp tay xá nói:

– Thế nào ? Hồi tối ta làm phép gồng tại miếu, con có nhức mình nhức mẩy không?

Tên Mách đáp:

– Nhức chút ít. Suốt đêm qua con ngủ không được.

– Con thay quần áo rồi lại miếu xem có gì lạ không! Phải dò xét kỹ lưỡng bọn buôn tào Hải Nam coi chứng tội nó để lại vài đứa giả dạng đang làm rầy. Bữa nay có điềm kỳ quá. Hay là...

– Thưa Lục cụ, điềm gì?

– Thấy e có người theo dõi chúng ta đêm hôm qua. Kho vàng ở bên kia sông nhất định phải về tay thầy trò mình. Con

khá giữ bí mật. Con đi. Nhớ về gấp.

Lục cụ Bô Pha nằm lim dim trên ván nhìn lơ đãng mấy lượn sóng cồn bủa lên trắng xóa dòng sông Cái Lớn trước mặt nhà. Gió thổi mỗi phút mỗi mạnh hơn. Hàng dừa lay chuyển lá giựt qua giựt lại như tóc rối. Từng đê lục bình lớn bằng cong đất trôi nhanh như buồm căng gió, lục cụ nghĩ tới công việc nay mai rồi ngáp dài, cái ngáp ngụ ý thêm muốn và chán ngán...

Tên Mách trở về, mặt mày hớn hờ.
Nó nắm tay Lục cụ mà kè dặng:

– Lục cụ ơi may phước quá!

Lục cụ Bô Pha hỏi:

– Chuyện gì?... nói mau... Tụi ghe buồm Nam Hải hả?

– Không phải. Người Việt Nam. Hai kẻ lạ mặt tới xóm này bán xương cọp. Chúng nó xưng là thợ săn ở núi Tây Ninh xuống đây tìm đất làm ruộng.

– Con dại quá. Sao không mời họ về nhà mình. Mình đang cần.

– Dạ lát nữa họ đi ngang qua đây.

Tên Mách vừa dứt lời, hai người Việt Nam thấp thoáng ngang qua cửa.

– Xương cọp, vây cọp... bà con mua dùng thử để phòng thân nè! Lâu lâu mới có một dịp.

Lục cụ Bô Pha mời họ vô nhà, châm nước trà, cười nói rối rít:

– May quá, hai chú ở đâu lại?

Người lớn tuổi đáp :

– Dạ, ở Tây Ninh xuống đây bản vây cộp. Nghe đồn miệt này còn nhiều cộp, anh em tôi không ngại đường xa...

Tên Mách lẹ miệng:

– Vây là cái gì ? Cộp đâu phải cá mà có vây... ủa... có vi?

Lục cụ lườm tên đệ tử của mình như ra lệnh cho hắn đừng nói nhiều. Hai người khách trầm tĩnh uống nước. Xong xuôi người lớn tuổi mở gói ra. Hết bọc phía ngoài đến gói vải đỏ bên trong. Mở gói vải đỏ chỉ thấy hai miếng xương nhỏ chừng cỡ mút dừa. Chàng thanh niên cầm một miếng trao cho Lục cụ Bô Pha:

– Lục cụ xem thử. Đây là vây cộp thứ thật.

Lục cụ Bô Pha rất đổi ngạc nhiên. này giờ ngỡ là vật chi lại lòng, dẽ đâu chỉ

là hai miếng xương, tấm thường, lục cụ nói:

– Để làm gì ? Linh nghiệm ra sao? Tôi tưởng là cao nấu bằng xương cọp. Ở đây, mấy người Tiểu mua xương cọp đem về nấu lại làm thuốc trị nhức mỏi. Hai miếng vây này nhỏ quá, làm sao nấu đủ?

Người nọ bèn cười:

– Cốt ý anh em tôi không phải là chữa bệnh nhức mỏi. Bệnh nhức mỏi không cần đến xương cọp, cứ nấu rượu rế là nhàu uống cũng hết. Vây cọp quý lắm. Người đi rừng dùng nó để ngừa cọp. Cọp đánh hơi gặp là chạy cong đuôi.

Lục cụ Bộ Pha gật đầu, đắc ý lắm:

– Thật như vậy không? Hồi nào tới giờ tôi chưa nghe ai nói. Vây là thứ gì?

– Dạ vây là cục xương nhỏ nằm giữa hai lắc léo của xương vai cạp, phía trước. Nhờ hai cục xương hai bên đó mà cạp trở nên lanh lẹ hơn loài người. Loài người có hai cục xương tròn như vậy, ngặt ở hai đầu gối nên chậm hơn.

Lục cụ Bộ Pha bèn lấy tay sờ ngay đầu gối mình, suy nghĩ giây lâu:

– Có lý! Có lý!

Khách nọ nói tiếp:

– Ở miệt rừng Tây Ninh, đánh được cạp là bỏ tất cả xương, không thềm, không cần nấu cao như người Tàu. Thiên hạ chỉ dùng có hai cái vây này ở chân trước.

Tên Mách nói:

– Vậy thì mấy ông giết một con cạp nên được hai cái vây này. Cạp đó bao lớn?

– Nói dẫu chi mấy ông, cạp này lớn gần bằng con bò con. Cạp nhỏ quá, vậy không hiệu nghiệm. Nói rõ hơn: hai miếng vậy này tức là hai con cạp. Mỗi con chỉ có miếng vậy bên trái là xài được cho đàn ông. Sách thuốc của ông... Thần Nông có câu: nam tả, nữ hữu.

Lục cụ Bộ Pha hỏi:

– Miếng này giá chúng bao nhiêu? Xài cách nào?

– Dạ thưa mang nó vào mình, bọc trong bao vải nhỏ đeo ở cổ. Vào rừng cạp không dám lại gần. Còn giá cả thì bà con thương...

– Hai đồng bạc được không? Tôi nghèo.

Khách ra về suy nghĩ:

– Chúng tôi muốn đổi nó với vài công ruộng. Chúng tôi muốn cất nhà, làm ruộng ở đây. Lục cụ có đất tốt không?

– Đất tôi ít quá. Tôi muốn qua bên kia sông cái lớn khai khẩn. Hai chú có chịu theo không?

– Vậy thì may mắn quá. Tôi xin tặng Lục cụ một miếng vầy này. Chùng nào mới qua sông ? Bên kia là vùng nào ?

– Mai mốt tôi qua khai khẩn liền, trước mùa mưa. Bên kia là U Minh, cộp nhiều lắm.

Khách mỉm cười nhìn ra ngoài sân, Bên kia sông, rừng xanh một giải trùng trùng điệp điệp. Cây mọc rậm đến đổi che lấp các vàm rạch. Gió thổi ngày một mạnh.

Khách nhìn hàng dừa dưới mé sông

rồi lấy tay che mắt ngẩng lên mấy cụm mây trắng bay nhanh. Bỗng khách day lai Lục cụ:

– Xin lỗi!

Rồi chạy xuống bến ngay gốc dừa cung tay, co chân, chuyển sức:

– Âm!

Cây dừa ngã lăn trốc gốc nằm bập bênh dưới sông.

Lục cụ và tên đệ tử thù người ra vì hồi nào tới giờ chưa gặp một ai có sức khỏe đến thế ấy.

Sau khi lập thành tích phi thường, khách trở lên nhà.

– Xin Lục cụ thứ lỗi cho chẳng qua là tôi muốn thử sức để cụ lục thấy rõ công hiệu của vây cạp. Đeo nó vô mình, sức

khỏe càng ngày tăng lên.

Lục cụ mân mê miếng vảy nọ. Khách bèn gói miếng còn lại, giắt vào lưng rồi cáo tử, Lục cụ hết sức nài nỉ xin hai khách ở lại ăn cơm chiều. Khách hẹn sáng mai sẽ lại hầu chuyện. Hai người khách nọ chẳng ai khác hơn là Tư Bá và Hai Tam.

Từ giã lục cụ Bô Pha, họ bước nhanh chân, chập sau dừng lại để nhìn kỹ phía sau. Thấy tư bề không có một bóng người, họ ôm nhau mà cười như đười ươi.

Hai Tam nói:

– Bữa nay phải thưởng đại ca một lít rượu mừng. Tài đáp ứng của đại ca thật là thế gian hy hữu.

Tư Bá đáp :

– Chuyện gì cũng vậy, nên để một

người nói. Nói thiệt hồi nãy tôi phập phồng quá, e chú bàn tán xen vô không ăn ý họ sanh nghi. Chú thấy không? Ông lục cụ có tịch riêng, chính ông cũng lờm tên đệ tử không cho hấn nói nhiều, sợ lộ bí mật.

Hai Tam sực nhớ lại:

– Trời ơi ! Làm sao hồi nãy anh đá trốc gốc được cây dừa. Dè đâu võ nghệ của anh cao cường đến thế!

Tư Bá mới giải thích cho Hai Tam rõ mưu mẹo khi nãy. Số là hồi mới vô nhà lục cụ Bô Pha, chú đã ngóng xung quanh nhà để tìm cơ hội trổ tài. May thay dưới bến có hàng dừa. Mọc gần mé sông đất có phân, cây nọ lung lay vì gie ra ngoài quá xa. Lúc ấy, gió thổi mạnh. Nếu chú không đập cây dừa nọ thì chập sau gió mạnh thổi tới chắc chắn thế nào nó cũng

tự ngã. Chú đã khéo đoán được luồng gió sắp nổi lên. Thừa lúc gió đưa, chú cố sức xô tiếp. Chú kết luận:

– Đối với người Miên, mình cần làm việc thực cho họ thấy. Nói miệng tài, ai tin được.

– Còn miếng vây cạp?

–... Nhắc lại làm chi hai miếng xương heo đó.

Để chứng tỏ lòng thành thật của mình, Tư Bá và Hai Tam đến viếng xã giao lục cụ Bô Pha và tên Mách lần thứ nhì luôn dịp mời họ đến viếng thăm căn cứ của mình.

Tên Mách thay mặt lục cụ đến chào của Tư Bá mà uống rượu với đoàn người tùy tùng. Hắn uống rượu nhiều nhưng rất tỉnh táo, cố ý dò xét coi bọn Tư Bá

phải là người Hải Nam hay trá hình chẳng ! Chừng không thấy điều gì đáng nghi tên Mách nói:

– Sáng mai, chúng ta vượt qua sông Tà Lê này để qua bên U Minh mà làm ruộng.

Tư Bá trố mắt:

– Sông Tà Lê ở đâu?

– Xin lỗi... Sông Tà Lê tức là sông Cái Lớn của người An Nam. Người Miên chúng tôi gọi nó là Tà Lê, cũng như sông lớn, thí dụ như Tà Lê Sáp tức là Biển Hồ trên Nam Vang.

Tư Bá lộ vẻ ái ngại:

– Sông quá lớn. Xuống của chúng tôi e vượt qua không nổi, Rủi chìm löt vào bụng cá.

Tên Mách cười dòn:

– Anh em nói giỡn hoài! Người An Nam qua sông giỏi lắm... nếu không giỏi thì làm sao qua sông Mê-Kong, sông Ba Thắc mà tới đây được...

– Nhờ tụi tôi biết cúng tổ... Cúng mấy lượn sớng thần. Nghe đồn ở sông Cái Lớn có hai lượn sớng thần linh hiển lắm?

Tên Mách gật đầu, hớp thêm chút rượu:

– Đúng vậy sông đang im lặng... người ta thấy hai con ngỗng ở dưới nước nổi lên. Túc thì giồng tổ nhận chìm bao nhiêu ghe xuống...

Tư Bá nói:

– Anh thấy cặp ngỗng đó lần nào chưa?

– Chưa tôi nghe đồn vậy thôi...

– Dầu sao đi nữa, chúng ta nên mua một con vịt cúng tổ...

– Đừng lo việc ấy lục cụ tôi sẽ giúp mấy anh... Lát nữa tôi đem vịt lại đây nấu cháo...

Tên Mách bước ra.

Hai Tam cười vang:

– Nhờ tài ăn nói của đại ca hôm nay tại mình được ăn thịt vịt....

Tư Bá đáp:

– No bụng, mạnh chân, khỏe tay... là thắng được sóng thần mà hưởng được thịt vịt. Sóng thần chẳng qua là chuyện bịa đặt của mấy người... thèm nhậu.

Vàm sông Cái Lớn tuy rộng lớn nhưng lúc vượt qua đoàn người không hồi hộp e ngại chút nào cả. Mặt nước tỏa hơi sương màu trắng đục. Gà rừng gáy vang dội, từ bờ sông xa xôi.. Mặt trời chưa lên cao... Ai nấy nhìn nhau rồi ngạc nhiên: phải chăng kiếp nhân sinh giống như bức tranh thủy mặc này: Đất nước lắm khung cảnh mơ hồ, mỗi người chỉ là một chấm đen bé bỏng....

Vì lãnh trách nhiệm chỉ huy nên Tư Bá không cầm dầm mà bơi, Chú đi riêng một xuồng với Hai Tam. Giữa cảnh bao la không ai giết được ai... Lục cự và tên Mách ngồi trên chiếc xuồng cách họ chừng đôi công đất... Phía sau Tư Bá ngồi dựa lưng vào một cái thùng bằng cây đựng đầy gạo...

– Đến ông Bót là đến gì vậy anh Tu?

Hai Tam hỏi khẽ.

– Tôi chưa biết. Có lẽ là ngôi đền thờ của người Cao Miên đời xưa... của ông hoàng tử nào đó tên Bót.

– Làm hoàng tử tất nhiên ông Bốt rất giàu có.

– Lẽ dĩ nhiên. Nếu chưa có bị ai cướp phá thì đền thờ này lót bằng bạc, tượng Phật đúc bằng vàng... Thường thường mỗi ông Phật có bốn tay...

Im lặng hồi lâu Tư Bá nói tiếp:

– Nhưng chúng ta đến quá trễ...

Hai Tam ngạc nhiên :

– Thật hoài công. Vậy thì qua rừng U Minh để làm gì?

Tư Bá nói:

– Để tìm kho tàng... kho tàng ở dưới đất. Thói thường người Miên đào hầm trước bàn Phật bỏ xuống nào là vàng bạc, đồ trang sức. Họ hy vọng đến kiếp sau những món ấy sẽ hoàn vào tay con cháu họ... Hơn nữa, xung quanh đền có mấy ngôi tháp to tướng trong tháp có bình bằng vàng đựng xương cốt của người quá cố...

Niềm phấn đấu đã bộc phát trong đôi cánh tay Hai Tam.

Cú bơi mạnh hơn.

Nhưng lạ thay, lục cụ Bộ Pha và tên Mách dùng tay rồi bỗng nhiên quay xuống trở lại.

Tứ Bá truyền cho Hai Tam: Chú quơ dầm lên làm hiệu lệnh cho anh em mình phía sau hãy chuẩn bị đề phòng. Chúng

ta cứ trầm tĩnh... Tại sao bọn chúng không chịu đi tiên phong dẫn đường như chúng đã hứa.

Xuông của tên Mách chậm chạp rẽ nước đến gần....

Tư Bá lên tiếng:

– Thừa lục cụ, chuyện gì vậy?

Lục cụ nói:

– Nguy lắm, có cạp...

– Cạp ở đâu ?

– Ở mé sông.

– Mé sông ở đâu?

– Kia... mình vô tới bờ U Minh rồi, chú chưa thấy à ?

Hai Tam và Tư Bá trở mắt. Quả thật

màn sương đã tan, mé sông lộ ra sừng
sừng đen ngòm như bức tường thành.
Lá dừa nước chen nhau dày bịt. Đọt dừa
đâm lên tua tủa như hàng ngàn ngọn
giáo của ai ghim sẵn...

Hai Tam cười xòa:

– Gần tới bờ nhưng cạp ở đâu?

Lục cụ giải bày:

– Mùa này nước mưa ngập rừng U
Minh... Nai, heo rừng chạy ra mé sông
mà ở... cạp ra mé sông tìm mồi...

– Nó đứng kia kia...

Đôi mắt cụ lộ vẻ sợ hãi, giọng nói
run run:

– Chim bay lên... Chim kêu... đó.

Tư Bá đồng ý nhận xét của cụ lục là tinh vi, là đúng. Nhưng cọp không bao giờ ăn thịt kẻ ở ngoài sông. Ba mươi sáu kế, kế hay nhất là dùng cặp xuống vào bờ. Ba mươi sáu kế, kế hay nhất là dùng cặp xuống vào bờ. Chú giữ thái độ trầm tĩnh:

– Thứ cọp này tôi coi như đồ bỏ... Vậy thì xin lục cụ ra giữa sông mà nghỉ để tôi đi trước dọn đường cho... Chúng tôi quyết trở tài... và bêu đầu cọp lên ngọn cây cho cụ lục thấy. Chừng ấy, Lục cụ hãy vào bờ...

Tên Mách đáp:

– Dạ... để tôi đưa Lục cụ trở ra ngoài sông... Mấy anh rán đánh cọp dùm...

Tư Bá nhìn theo xuống của Lục cụ rồi cười dòn:

– Chú Hai phục tôi chưa ?

Hai Tam chưa hiểu rõ:

– Nguy quá ! Làm sao đại ca đánh cộp được? Mình không đủ khí giới, hơn nữa loại cộp này ở vùng sinh lầy, chưa biết lợi hại thế nào...

– Đừng lo. Như tôi nói ban nãy, cộp không bao giờ dám lội xuống nước tấn công bọn mình. Xưa nay cộp vẫn làm chúa sơn lâm chứ chưa bao giờ làm chúa Hà bá... Vả lại chim bay hoảng hốt chưa chắc là có cộp tới... Mấy tay thầy bùa bao giờ cũng nhát như thỏ...

Ánh nắng lên cao..

Ven bờ U Minh hiện rõ rệt...

Không có gì lạ : dừa nước, bần, tràm. Cây nào cũng to lớn đến mức ngã

ngiêng hoặc tróc gốc. Vậy thôi.

– Đốt lửa lên nấu cơm, anh ém ơi!

Tư Bá ra lệnh.

Rồi chú nói với Hai Tam:

– Ăn cho no rồi hãy tính. Phía bên trái dường như có vàm rạch nhỏ. Chờ nước ròng chúng ta hãy xáp vô bờ. Giữa cộp và chúng ta lúc đó cách nhau một bãi bùn khá rộng. Hai bên đều bình an vô sự chúng ta đợi gì đánh cộp quá sớm. Và lại thấy khói nấu cơm của chúng ta, cộp sẽ chạy trốn mất từ lâu rồi... Cắm sào lại rồi anh em mình lo nấu cơm.

Ý kiến của Tư Bá được anh em tán thành.

Hai Tam hỏi:

– Mình ở đây yên rồi... nhưng lục cụ

ngoài kia, không lẽ bọn họ phải bơi cầm chừng để cho xuống khỏi trôi...

– Họ sợ cọp nên họ phải mệt như vậy. Chú nghĩ coi, ở gần bờ như bọn mình đây thật vững như bàn thạch. Nước đang lớn, mình ăn cơm dần bụng. Chừng nào nước ròng mình hãy vào vàm rạch thầy Quơn,

– Sao vậy ? Nước đang lớn mình đi xuôi chớ.

– Nước xuôi nhưng mệt. Cọp ở rừng U Minh ăn uống thất thường, Mấy ổng dám xuống tận mé lá dừa sát bãi sông để kiếm mồi. Bơi xuống gần bờ, rủi gặp mấy ổng thì mình không chết chóc gì ráo nhưng mà giật mình bất tử. Nước ròng mình đi ngược nhưng giữa mình và mấy ổng có bãi bùn ngăn cách như bức tường thành...

Một người trong bọn cất tiếng hỏi:

– Cọp U Minh xuống tận mé lá dừa nước thiệt sao Đại ca ?

– Tôi nói dóc làm chi... Chuyện này tôi nghe bà con mình ở miệt Long Xuyên thuật lại. Phen đó cọp đi len lỏi vào đám dừa nước. Vì thân hình không gọn gàng nên đuôi ông ta mắc kẹt giữa hai bộp dừa. Bỗng đâu có anh tiểu phu chạy đến. Anh ta sợ cọp. Cọp càng sợ hơn, rón sức rút đuôi mà chạy... Anh ta tịch thu được một nắm lông đuôi cọp đem về khoe khoang với bà con hàng xóm... Cả bọn cười xòa.

Tư Bá thích chí nói tiếp :

– Đó là chuyện nói dóc mà nghe để giải buồn. Người đặt chuyện đó muốn kêu ngạo mấy ông quan ăn hối lộ... Bây

giờ cơm chín chưa anh em?

Cơm dọn ra. Nói là dọn chớ sự thật đoàn thám hiểm này thiếu cả chén, đĩa. Họ hái lá cây, hái nhánh cây mà thay thế...

Nước chảy trở lui... Bãi bùn phơi loang loáng dưới ánh mặt trời. Hai Tam nhổ sào rồi cầm dầm mà bơi.

Tư Bá ngồi trước mũi xuống... Vào ngọn rạch, chú đứng dậy quan sát.

Hai Tam hỏi :

– Mình phải ra hiệu cho Lục cụ bơi xuống theo chớ ? Không lẽ để họ linh đình ngoài sông Cái. Hơn nữa, chúng mình chưa rành địa thế,

– Vì chưa rành nên mình quan sát trước. Chưa chắc họ thiệt tình với bọn mình.

Dứt lời Tư Bá nhảy lên bờ rạch, tay xách búa. Nhanh như con sóc, chú lên ngọn cây tràm cao nhất, lấy tay che nắng. Chú không dè rừng U Minh thừa thốt đến thế ấy...

Tùng đám tràm mọc xơ rơ giữa cánh đồng xanh rờn đầy dây Choi. Xa xa vài vũng nước, nơi tụ họp hàng trăm con cò, con diệc, chú day qua bên phải. Tận chân trời một tàn cây nhô lên giống như lọng che, chủ lắm bầm:

– Cây bàng thì phải. Loại cây này ít khi nào mọc tự nhiên ở đất ẩm thấp. Nhứt định xưa kia có người đem tới đây trồng...

Hình ảnh của kho vàng bị một hiện ra trong tâm trí. Chú gật đầu, nhìn kỹ lần nữa tàn cây xa xôi ấy.

Ngồi dưới xuống, Hai Tam nóng ruột nên thúc giục:

– Có gì lạ không ? Cho anh em tụi tôi coi với...

Tư Bá trở xuống đất, bước lên xuống rồi nói:

– Lạ chớ... nhưng thiên cơ bất khả lậu. Nãy giờ mình ở trong ngọn rạch đầu quá ngoài kia Lục cụ chờ đợi, sanh nghi mình trở ra lập tức, mời họ vào...

Vừa thấy dạng xuống Tư Bá trở ra, Lục cụ mừng rỡ vô cùng. Tên Mách tỏ vẻ tức giận :

– Nãy giờ tụi nó ăn cơm no bụng bỏ mình ngoài này.

Rồi nhìn Lục cụ, y tiếp:

– Bọn này lợi hại lắm, phải không Lục cụ?

– Đúng vậy... Vì bọn họ họ lợi hại nên mình phải đề phòng cẩn thận. Từ nay bất cứ câu chuyện nào giữa chúng mình tôi chỉ nói bằng tiếng Miên... Chú mày nói lại cho bọn nó hiểu. Thỉnh thoảng tôi mới nói tiếng Việt.

Xuống cụ vào vòm. Tư Bá cười nói niềm nở:

– Thừa cụ đúng như lời cụ đoàn trước ngoài vòm này hồi nãy có cốp đi tới đi lui.

Bán tín bán nghi, Lục cụ hỏi :

– Cốp đâu rồi?

– Cốp sợ tui tôi. Thừa lúc ấy tui tôi đuổi theo tận ngọn rạch nhưng cốp chạy mất dạng về phía này...

Lục cụ ngồi nhổng tới hỏi tắt ngang:

– Phía nào ?

Để dò ý Lục cụ, Tư Bá cố tình nói sai lạc:

– Dạ phía tay trái...

Trên gương mặt Lục cụ thoáng gọn nỗi vui mừng.

« Phải chăng phía tay mặt, phía có tán cây bàng là địa điểm có kho tàng? » Tư Bá mãi suy nghĩ nhưng chưa dám quả quyết. Dẫu sao đi nữa trong bức màn bí mật đã hé một tia sáng đáng chú ý.

Đoàn xuống lướt nhẹ trên dòng nước đục ngầu.

Ngon rạch nối tiếp vào khu rừng tràm thủy.

Ngon choai phủ lên mặt nước, ai nấy đứng dậy chống sào....

Được một khoảng dài, tên Mách nói với phía trước:

– Tới đây nguy hiểm lắm. Lục cụ muốn dẫn đường cho anh em. Không khéo đêm nay không biết ngủ phương nào...

Để tỏ thái độ đàn em, Tư Bá ứng thuận.

Lúc xuống bơi qua mặt, Lục cụ dặn dò :

– Chú nên cẩn dặn anh em điều này thôi.

– Điều gì xin Lục cụ dạy cho. Anh em chúng tôi là kẻ xa lạ, trăm sự đều trông cậy vào sự bao bọc của Lục cụ.

– Cõi chùng rấn độc...

Hai Tam và Tư Bá giật mình, quan sát mớ dây choại xanh tươi bị đè bẹp ngã rạp dưới lườn xuống.

Tên Mách mở giọng đàn anh:

– Rấn ở phía trước mặt, ở trên ngọn cây... Mấy anh chim cò vùng U Minh ăn thịt rấn mà sống. Mấy anh sợ hả?

Sợ thì Hai Tam, Tư Bá sợ thật ! Nhưng không lẽ những người không sợ cộp lại nhút nhát trước những con vật bé bỏng hơn, Tư Bá giữ sắc mặt trầm tĩnh:

– Rấn ở nước nào có cần chết ai.

Lục cụ nói:

– Đêm nay mình ngủ trên đất khô. Lát nữa tới vùng rấn độc... loại rấn hổ...

Nhờ cố gắng chéo chống, đoàn người nghỉ tay trước mặt trời lặn.

Lục cụ dẫn họ tới một giồng đất khá cao. Cơm chiều vừa ăn xong, họ đốt lửa cho ấm.

Muỗi loạn rừng bay ra ào, lớp thì lửa tập cháy cánh, lớp bị đập... nhưng từng vẫn chiếm ưu thế.

– Mệt thì mấy chú chung vô nóp ngủ trước - Lục cụ nói.

Tư Bá lắc đầu:

– Lục cụ nên ngủ trước. Anh em tụi tôi canh chừng cọp.

– Tôi chưa buồn ngủ.

Tuy nói vậy chớ Lục cụ cũng ngáp dài. Tư Bá sanh nghi.

Muỗi bay như vãi trấu, có sao Lục cụ chưa chịu rút vô nóp. Hẳn Lục cụ thừa cơ hội này để quan sát địa hình địa vật hoặc âm mưu ám hại. Chú nói:

– Thừa Lục cụ, tôi có tật thức khuya. Nếu vậy thì đêm nay ta cùng thức...

Lục cụ không trả lời, cúi mặt lầm lì nhìn ánh soi sáng trên giồng đất, phản chiếu xuống mặt nước.

Lá choại rung chuyển. Một con rùa bò lên, ngóng cổ rồi đi quanh giồng.

Để giải trí Tư Bá tìm cục đất khô định ném con rùa nọ.

Lạ thay! Giồng này toàn là cát mịn. Quào lớp cát, tay chú đau đặng. chạm vào một vật gì cứng và bén, Moi lên, chú trở mắt: đó là miếng chén kiểu, tráng men xanh. Giả bộ như không để ý, chú

ném miếng chén nọ về phía con rùa.

– Bõm !

Tiếng động ấy khiến Lục cụ giật mình. Lục cụ liếc thấy miếng chén rơi trước mặt:

– Chưa ngủ sao chú ? Làm gì vậy ?

Tư Bá đáp:

– Buồn quá, tôi liệng rùa.

– Hơi đâu mà liệng. Muốn ăn mấy con, mai này mặc sức mà bắt. Xứ này nhiều rùa lắm. Thôi mình đi ngủ.

Nói xong Lục cụ chung vào nóp.

Tư Bá nói:

– Tôi cũng ngủ...

Nằm trong nóp, Tư Bá mở mắt trao

tráo. Đống lửa tàn rụi, còn vài đóm than thoi thóp rực sáng khi gió rừng thổi qua. Cái miếng chén phát giác ra khi nãy khiến chú trần trọc, nghi ngờ rằng trên giồng cát này, xưa kia đã có người đến ở. Họ giàu, xài chén kiếu.

– Rừng U Minh bí mật thật ! Mình là kẻ đến sau. Người giàu sang nào đã đến tá túc nơi giồng này?

Tư Bá cố tìm ra câu trả lời. Đôi mắt mệt mỏi bắt đầu sụp mí, chú ngáy pho pho quên cả trận mưa rơi lác rác bên ngoài nóp.

★

Hai căn chòi đã dựng xong trên giồng cát...

Họ đốn tràm làm cột, làm kèo. Lá dừa nước mọc rải rác ở mấy lung gần đó,

tuy ít nhưng đủ lợp che mưa, che nắng. Cứ đôi ba ngày. Hai Tam bơi xuống về phía sông Cái Lớn, mua gạo mua muối.

– Bây giờ chúng tôi làm ruộng ở đâu ? Tư Bá hỏi.

Lục cụ trình bày:

– Xung quanh đây chớ ở đâu. Đất tốt lắm.

– Nhưng mùa này nước lụt.

– Nước lụt là cơ hội tốt. Mấy chú cứ phát cỏ, chặt dây choại đốn gốc tràm... Nước ngập, gốc cây gốc cỏ phải chết. Tháng sau, nước giụt xuống thấp vì trời bớt mưa. Qua mùa hạn, cứ đốt lớp cỏ đó, lấy tro làm phân.

Tư Bá gật đầu:

– Tôi hiểu rồi. Mùa mưa năm tới,

mình bắt đầu tĩa lúa xuống.

– Chú nói đúng, giống như làm rẫy bắp. Thay vì trồng bắp, ta gieo lúa giống.

Kế hoạch đã vạch sẵn, Tư Bá, Hai Tam và nội bọn bắt đầu thi hành.

Lạ thay! Lục cụ và tên Mách chỉ đốn cây chặt cỏ lấy lệ. Thỉnh thoảng hai người bơi xuống đi vào rừng sâu.

Tư Bá đến gần Hai Tam, nói nhỏ :

– Họ đi đâu vậy ? Chú coi chừng. Một mình tôi bơi xuống theo họ cho biết.

– Không nên, chú Tư à ! Rủi bẽ gì... Hay là hai anh em mình cùng đi.

– Họ càng sanh nghi. Rủi họ trở lại đây thành linh, thấy mất dạng tội mình...

– Không sao... Mình viện cớ đi bắt

cá, đi hái củi.

Hai Tam và Tư Bá bước lên chiếc xuống độc mọc nhằm hướng cây bàng trực chỉ.

Sậy mọc thưa thành hàng dài, đang mùa mưa mà lá sậy như khô cằn. Bỗng nhiên cây sào của Hai Tam lún sâu xuống đất. Mất thăng bằng, chú té nhào. May thay, nước chỉ ngập ngang cổ.

Tư Bá cản nhần :

– Phải có ý tứ mới được! Mình gây tiếng động ầm ầm như vậy ắt lộ bí mật. Biết đâu bọn Lục cụ và tên Mách đang trèo lên ngọn cây nào đó để dò xét chúng mình.

Hai Tam ôm ghi vào lái xuống, lấy trớn để nhảy trở lên:

– Đại ca rầy oan cho tôi. Đường như cây sào đục nhằm thứ đất gì quá mềm... nên tôi té.

– Chống lên bờ sậy mà đất mềm à ? Vô lý quá. Đất ở dưới nước mới mềm chứ...

Hai Tam cãi lại:

– Không tin tôi trở lại chỗ cũ cho đại ca thấy rõ.

Xuống cặp vào bờ sậy. Hai Tam phóng sào lên bờ, cầm từ từ, bỗng dừng cây sào nọ chạy tuốt luốt như lọt vào cái hố không đáy.

– Thấy chưa ! Đại ca cãi nữa chưa ?

Tư Bá trấn mắt:

– Đâu, chú đưa cây sào cho tôi.

Rồi chú dò dẫm. Quả như lời Hai Tam, cây sào ăn xuống rồi chạy luôn vào lòng đất...

Chú nói:

– Đất địa gì kỳ quá. Để tôi thám thính thử coi. Chú Hai đưa cây móc cho tôi.

Cầm cây móc, Tư Bá bước qua đám sậy, đôi chân dò dẫm trên giồng. Nước lạnh ngắt, mặt giồng xộp như bông gòn. Đi tới lui vài bước, chú lẩm bẩm:

– Đất không chân.

Hai Tam e ngại:

– Đại ca coi chừng...

– Coi chừng cái giống gì?

– Kìa, phía đầu giồng rung rinh bọt nước sôi lên sùng sục. Đại ca hãy trở lên xuống...

– Không được, ta phải dò thử...

Vài con rắn nước bò sột soạt trên mớ lá cây sậy vàng úa. Biết loại này không lợi hại nhưng Tư Bá ngửa tay, chém mạnh. Lũ rắn lặn xuống nước.

Một con rắn bị đứt lìa, khúc đầu cố gắng ngóng lên khỏi mặt nước há miệng thở khò khè. Thân rắn chìm xuống máu loang loáng trong màu nước đỏ sậm.

Hai Tam hơi cây sào đập đầu rắn.

Nước tung lên trắng xóa mang theo cái đầu rắn... Tình cờ rắn lại rớt ngay vào xuống. Hai Tam mất bình tĩnh đập xuống, nhảy qua giồng.

Nước ào vô xuống ngập be.

Xuống sắp chìm, Tư Bá hiểu rằng nước trong rừng không có chỗ nào quá

sâu, dù sao đi nữa cũng có thể vớt xuống tát nước ra.

Nhưng kìa Hai Tam hươi tay, ú ớ:

– Cứu tôi! Cứu tôi!

– Cái gì vậy?

– Đất sụp, đất sụp...

Ngạc nhiên Tư Bá dậm chân xuống giếng:

– Chú nói gì lạ quá... Đất cứng mà. Tại sao sụp? Nãy giờ tôi đứng vững chỗ này được.

Hai Tam thét to:

– Đất lún dưới chân tôi...

Hai Tam nói đúng. Hai chân của chú lọt vào khoảng trống.

Lớp đất trên mặt giồng chỉ là mớ rễ cây, mớ dây choại phủ ngang. Không mấy chốc, chú đã lún xuống ngang lưng, ngang ngực.

– Làm sao bây giờ?

Tư Bá không dám bước lại gần để níu bạn trở lên. Rủi bẽ gì, cả hai phải chết oan uổng. Nhanh trí, chú hươi cây sào, cắm xuống đất bên cạnh Hai Tam.

– Chú Hai vói qua cây sào thử coi...

Hai Tam vịn lấy cây sào không đứng vững. Phía dưới nơi cắm sào, dường như không có đất.

Tư Bá ôn lại trí nhớ. Hồi nào tới giờ chú chưa từng gặp cuộc đất nào như vậy...

Tư Bá nói:

– Đừng nhúc nhích. Đất lún xuống nguy lắm, để tôi đốn cây tràm cho chú vịn...

Thời khắc trôi qua...

Hai Tam thất sắc. Bóng diêm chúa hình như phảng phất đầu đây, mặt nước dâng lên ngang ngực, ngang cổ. Trong phút giây chú ngỡ mình đã chết rồi. Hơi thở dồn trong ngực, đôi mắt mờ dần. Còn đâu hình dáng xóm làng bên bờ Hậu Giang mát rượi bóng cau, bóng dừa! Còn đâu hình dáng của thiếu nữ yêu kiều mà chú đem lòng thương mến từ khi gặp nhau lần đầu tiên tại rạch Ông Rầy. Hồi nào đến giờ chú chưa được ai yêu... mãi đến lúc nhắm mắt.

Nước lạnh ngắt. Vài con vật loe ngoe đục chân chú. Chú rú lên.

Tư Bá chặt nhất búa cuối cùng vào gốc trầm, chú đẩy cây trầm lên xuống hơi nhanh.

Cây trầm cao hơn năm sáu sải, cắm xuống bên cạnh Hai Tam.

Mừng quỳnh, Hai Tam ngoi lên... cố sức nhắc thân mình. Vững bèn xao động, sôi bọt bốc mùi hôi hám.

Ngồi trên xuống, Tư Bá đốc thúc:

– Được rồi... Được rồi để tôi bơi xuống lại gần.

Thân chú nhô lên khỏi bùn đến nửa lưng. Khốn nỗi cây trầm nọ như cắm vào nơi không có đáy! Sức nặng của Hai Tam lại trĩ cây cọc xuống sâu hơn khi chú vừa bám vào.

Xuống tiến lại gần.

Thừa cơ, Hai Tam với qua mũi xuống.

Xuống nghiêng qua một bên, nước tràn vào.

– Đừng làm vậy... không khéo chết cả đám bây giờ. – Tư Bá hét to rồi chống xuống trở lui.

Hai Tam hệt tay. Toàn thân của chú lún xuống như cũ.

Cảm thấy sự khiếp nhược của mình, Tư Bá cho xuống dừng lại, suy nghĩ. Tìm phương kế nào bây giờ?

Làm “đại ca” lẽ nào bỏ rơi em út khi lâm cơn hoạn nạn. Nhưng tự tử với em út là dại dột. Tư Bá nhìn trời.

Trên ngọn tràm, quạ bay lượn đen ngòm như chờ mồi.

Hai Tam không rên siết, có lẽ vì mòn

hơi, có lẽ vì hiểu số kiếp.

Bỗng từ phía cây bàng, chiếc xuống của tên Mách và Lục cụ Bô Pha tiến lại.

Tư Bá quơ cây sào lên trời làm dấu hiệu.

Tên Mách nói lớn:

– Nguy quá rồi, để tôi ra sức cứu chú Hai.

Tư Bá càu nhàu:

– Trăm chuyện nhờ Lục cụ và chú Mách. Tội nghiệp, chúng tôi ở xa đến chưa hiểu địa thế vùng này...

Lục cụ xăm cây sào xuống đất, nhìn bọt nước sôi lên ùng ục. Lục cụ rút sào lên, xăm lần thứ nhì cách đó chừng vài sải. Đất cứng dội lại.

– Chỗ này đây...

Tên Mách nhảy xuống nước ngập tới lưng quần. Hắn đưa đầu cây sào đến trước mặt Hai Tam.

– Chú nắm cho chắc. Tôi kéo chú ra khỏi “trấp”.

Hai Tam y lời.

Lục cụ nói:

– Để tôi nhảy xuống chịu ngay đầu sào. Coi chừng trượt “trấp” này nguy hiểm lắm, hồi nào tới giờ chôn sống không biết bao mạng người.

Chập sau, Hai Tam mừng rỡ:

– Khỏi rồi. Đất chỗ này cứng.

Chú đứng dậy, khoát nước rửa mặt rồi nhìn Tư Bá với đôi mắt buồn phiền:

– Nãy giờ đại ca tẻ quá... Nhảy xuống nước chết chóc gì đâu.

Tư Bá thở dài:

– Tôi chưa hiểu tại sao ở đây có những vùng đất sa lầy xen vào những vùng đất cứng. Mùa này nước ngập làm sao tôi thấy dưới đáy cho được. Chú Hai hiểu giùm tôi. Nếu biết trước được như vậy, tôi cũng không dám phiền Lục cụ.

Để đánh tan bầu không khí bất hòa, Lục cụ mỉm cười:

– Thôi, chú Hai lên xuống của tôi dưỡng sức.

Xuống Lục cụ và tên Mách đi trước chở Hai Tam.

Tư Bá lúi thủi chống xuống theo sau như kẻ thất trận. Chú buồn bực trong

lòng. Dầu muốn hay không, nhứt định Hai Tam sẽ mang ơn cứu tử hoàn sanh của Lục cụ và oán hận vì khi nãy chú không dám liều mình cứu bạn.

Chú hỏi:

– Thừa cụ, chỗ sa lầy hồi nãy là cái trấp? Trấp là gì, chúng tôi chưa hiểu.

Lục cụ giật mình nói trở:

– Ờ, hồi nãy tôi nói cái trấp. Khó hiểu lắm. Trấp cũng như vũng lầy vậy thôi, không cắt nghĩa được...

Rồi cụ nói lảng sang chuyện khác:

– Tới chòi rồi... Mách ơi... đói bụng quá...

Cú kêu từng chặp.

Khu rừng lúc này thật là ảo não. Bầy cò ma thỉnh thoảng thức giấc kêu hoảng.

Tư bề trời tối như mực. Vài bóng con đom đóm bay tới lui rồi đậu vào lá cỏ ven thêm đất.

Lục cụ Bô Pha chưa ngủ.

Đêm nay Lục cụ coi vui mừng vì hồi trưa Lục cụ đã cứu được một mạng người. Hàng ngũ Tư Bá sút mẻ. Hấn lợi hại thật nhưng chỉ còn một mình hấn thôi. Hai Tam, tên bộ hạ đắc lực, đã bắt đầu mất tín nhiệm “đại ca” và ngỏ ý muốn làm đệ tử Lục cụ.

Trong chòi, bếp un đã gần tàn.

Nhặt góc củi khô, Lục cụ mỗi vào bếp un quạt khói.

Trong nóp, Hai Tam trở mình rồi nói nhừa nhựa:

– Đại ca gì mà nhát quá... Trời ơi! Phải không có Lục cụ tới cứu thì anh chết mất rồi... em ơi!

Lục cụ bước lại gần gọi khẽ:

– Hai Tam... Hơi đâu mà giận. Chùng này chưa ngủ sao?

Hai Tam nghiêng răng nói tiếp:

– Em ơi từ ngày gặp nhau ở rạch Ông Rầy, anh nhớ... thương. Ngờ đâu chúng ta lại hội ngộ, ắt là duyên tiền định chứ gì... Nói đi em Anh không muốn ở rừng U Minh làm gì. Anh thể sống chết...

Lục cụ lắng nghe giựt mình. Rạch Ông Rầy chính là nơi ông ta tá túc một thời gian khá lâu, trước khi học bùa ngải

đi tìm vàng. Nơi đấy... Lục cụ đã lưu lại bao kỷ niệm vừa chua xót, vừa thơ mộng.

Hai Tam đến rạch Ông Rầy để làm gì chứ?

Miệng nóp mở tung, Hai Tam dụi mắt hỏi:

– Lục cụ còn thức sao?

– Nãy giờ tôi chưa ngủ. Chú khỏe chưa?

– Thưa Lục cụ, khỏe rồi... khát nước quá. Nãy giờ tôi nằm mê hử? Lục cụ nghe tôi nói gì không?

– Chú mớ nhiều chuyện, tôi nghe không hết đầu đuôi. Thôi chú ngồi dậy cho khỏe.

Lục cụ đích thân xách gáo nước đến mí nền nhà, múc nước lạnh cho Hai Tam.

Sau khi uống nước, Hai Tam lau mồ hôi rồi nằm xuống kéo mí nóp lại.

Lục cụ đến bên cạnh, sờ vào trán của Hai Tam:

– Khoan ngủ, chờ tôi nấu nước tràm cho chú uống.

– Dạ không dám làm phiền Lục cụ.

– Đừng ngại... Tôi uống luôn thể. Nước lá tràm trừ phong bổ phổi.

Cực chẳng đã Hai Tam đành ngồi dậy để chiêu lòng Lục cụ.

Bắc nồi nước lên bếp xong, Lục cụ chẻ củi, quạt lửa:

– Nè chú Hai, tôi hỏi chú điều này ?

– Dạ điều gì ?

– Tôi ngại quá, không hiểu chú nói thiệt với tôi chẳng ?

– Dạ, ơn của Lục cụ như trời như biển, cứu tôi ra khỏi sa lầy, Lục cụ cứ coi tôi như,.. em cháu trong nhà.

– Nãy giờ, chú nằm chiêm bao gặp ai mà nói lảm nhảm?

Mỗi tình riêng ấp ủ từ lâu không lẽ giờ đây đem ra thổ lộ. Nói dối thì cũng ngặt bằng nói thật thì chưa chắc Lục cụ cảm thông hoàn cảnh của chú. Mỗi người có một trường hợp yêu đương khác nhau. Nói chuyện yêu đương cho người tu hành nghe là điều không nên, vô lễ.

Nghĩ vậy. Hai Tam trả lời vắn tắt:

– Tôi nhớ người tình nhân ở quê xứ.

– Tại sao chú không cưới vợ cho rồi ? Giữa Tư Bá và chú, chắc là chỗ bà con thân thuộc.

– Người lạ Lục cụ à! Tư Bá rủ tôi đi theo y đi lập nghiệp, tôi vui lòng nhận lời, kiến y làm anh cả...

– Dạ đi bắt cá....

– Bắt cá... sao sụp xuống trấp?

Tiếng “trấp” khiến cho Hai Tam chú ý hơn. Hồi nào đến giờ chú nghe trong truyện Tàu nhắc lại Đường Vương sa lầy... Trấp là gì ? Phải chăng đó là tiếng của người Miên ? Tại sao ở những nơi bùn lầy nước đọng khác lại không có trấp? Câu chuyện tìm vàng khiến Hai Tam trầm ngâm, mãng suy nghĩ mà quên trả lời câu hỏi của Lục cụ,

– Chú té xuống nước à? – Lục cụ nhắc lại câu hỏi...

– Dạ, vô ý té xuống nước... Nhưng thưa Lục cụ, trấp là gì? Tiếng của người Miên?

– Đó là tiếng Việt Nam... chỗ nào bùn lầy thì kêu là “trấp”.

Câu trả lời của Lục cụ chưa làm hài lòng Hai Tam. Thứ bùn lầy ở trấp như không phải là bùn thú thiệt. Hồi sáng lúc lâm nguy sắp chết ngộp, chú có cảm giác như đứng chơi vơi giữa lòng sông. Tất cả sự huyền bí của khu rừng U Minh bao gồm trong tiếng trấp.

Để gợi ý, Hai Tam nói:

– Thưa Lục cụ, ở miệt Long Xuyên thiếu gì nơi bùn lầy, nhưng tôi chưa chết hụt lần nào cả.

Bầu không khí trở nên yên lặng.

Tình thế Lục cụ thật là khó xử.

Lục cụ chợt nảy ý định muốn lôi cuốn Hai Tam về phe mình. Nếu Hai Tam chịu tố giác âm mưu của Tư Bá thì Lục cụ sẵn sàng trọng thưởng Hai Tam, chia cho một phần kho tàng...

Xúi dục Hai Tam làm phản là chuyện khó, không xứng đáng với một thái độ anh hùng.

Không xúi dục thì thất bại.

Dẫu sao đi nữa. Hai Tam cũng đã sụp vào trấp, suýt chết. Và Tư Bá đang bận khoản về tai nạn đã qua, cái tai nạn kinh khủng làm mất thanh danh y.

Sau cùng Lục cụ quyết định: nên giải thích sơ qua tiếng “trấp” để tỏ lòng thành

thật và để ý dò xét coi bọn Tư Bá có ẩn ý tranh giành với mình không?

– Nè chú Hai buồn ngủ chưa?

– Dạ tôi còn thức. Đêm nay mừng quá khó ngủ.

– Từ rày về sau chú đừng bén mảng tới chỗ nào có trấp. Trấp là những con kinh ăn luôn dưới mặt đất. Hôm nào rảnh chú dạo rừng U Minh với tôi. Đường đi nước bước ở đây khó khăn lắm.

– Được như vậy may mắn cho tôi quá.

– Hồi xưa thiếu gì người tài giỏi hơn chú. Vậy mà họ bỏ mạng tại rừng U Minh. Chú nghe chuyện ông Bao Công chưa?

Giật mình, Hai Tam ngồi dậy...

Sở trường của người Miên là thuật lại những chuyện quái đản loại “Thạch Sanh chém chằn”, loại “Công chúa đi tắm giữa rừng cây tòng”. Chuyện Bao Công xử án Quách Hòe chỉ dành riêng cho người Tàu và người Việt Nam. Biết đâu Lục cụ là người Việt Nam cải trang?

– Dạ tôi nghe nói sơ sơ về chuyện Bao Công xử tội Quách Hòe.

– Còn nhiều chuyện khác. Thí dụ như Bao Công đi chẩn bần.

– Dạ, nhờ Lục cụ nói rõ...

– Theo lời truyền tụng của ông già bà cả thì ông Bao Công ra lệnh cho bộ hạ đi khắp hoàn cầu. Ông sắm cho mỗi tên bộ hạ một chiếc tàu bằng đồng. Tàu này chạy buồm, không sợ giông tố. Nếu trời im gió, bọn bộ hạ ra tay chèo chiếc thuyền

nọ. Cột chèo bằng đồng, quai chèo bằng chỉ tơ, cây chèo bằng trầm hương. Người bộ hạ kéo neo. Tàu bắt đầu qua thăm nước Nhựt Bản, nước Chà Và, Ma Ní, miền Dưới rồi đến nước Nam.

Những chi tiết mơ hồ vô lý ấy khiến Hai Tam nghi ngờ. Chú nói:

– Ông Bao Công đến nước Nam từ bao lâu? Trên tàu họ chở món gì?

– Từ ngàn năm nay. Họ đi chần bần mang theo quần áo, vật thực để phân phát cho người nghèo đói.

Hai Tam lẩm bẩm:

– Lạ quá!

– Chú Hai chưa tin à?

– Dạ... Xứ mình từ hồi nào tới giờ dư gạo chở qua bên Tàu bán là khác. Ông

Bao Công đem gạo qua đây làm gì?

– Hễ xứ nào thiếu gạo thì ông Bao Công tới phát gạo. Xứ nào thiếu vàng ngọc châu báu thì phát vàng bạc.

– Nhưng mà có ai nhận lãnh được món nào không?

– Để tôi nói tiếp. Đi ngang sông Cái Lớn, rồi tàu họ đến rừng U Minh. Tàu chạy buồm ngon trớn, vượt qua rừng tràm nhằm mùa nước nổi. Bọn bè sửa soạn nấu cơm, kẻ nhóm lửa, người vo gạo, anh bạn nọ thấy cái thùng xuống nước. Lạ quá, thùng dội lên, đụng đất. Hoảng hốt anh ta la lên:

– Xá buồm... Ngừng tàu lại... Nước cạn.

Trễ quá rồi! Tàu chạy sấn lên mô đất khá cao, ủi đất. Chập sau, tàu ngừng lại.

Bạn bè lặc đầu, họ không tài nào kéo chiếc tàu nọ trở lại sông Cái được. Hơn nữa mùa mưa đã dứt, nước trên rừng dần dần cạn. Họ lui thủi trở xuống mé sông, tìm ghe Hải Nam mà quá giang về Tàu. Xác chiếc tàu nọ ở gần đây.

– Chỗ nào thưa Lục cụ?

Lục cụ đáp:

– Tư Bá biết rành hơn tôi.

– Dạ tôi chưa nghe Tư Bá nói.

– Tôi biết nhiều người lên đây để tìm xác chiếc tàu nọ. Họ tin tưởng trong đó có vàng. Ban đêm họ nằm ngủ ngoài rừng rình mò từng đốm sáng. Miệt rừng, đom đóm nhiều lắm, thỉnh thoảng ở dưới đất bốc lên một làn xanh lè.

– Tại sao vậy?

– Vàng chôn lâu ngày thành “tinh”.

– “Tinh” là gì? Thừa Lục cụ?

– Là yêu tinh ma quỷ. Cách đây chừng năm sáu năm, vài người Tàu tới đây rình mò. Họ theo dõi mấy lần xanh lè đỏ, ngày này qua ngày khác. Sau rốt họ gặp xác chiếc tàu của ông Bao Công. Để che mắt mấy người đi rừng ăn ong hoặc kiếm củi, mấy người Tàu nọ giả đồ cất chòi làm rẫy. Họ cuốc đất, đục be tàu, đục hũ vàng. Lúc mừng quýnh họ la lớn:

– Vàng! Vàng!

Tức thời, đất sụp chôn chiếc tàu nọ, chôn luôn xác mấy người tìm vàng.

Câu chuyện hấp dẫn tâm trí Hai Tam, khiến chú quên rằng kẻ ngồi trước mặt là kẻ thù của chú và Tư Bá.

Lục cụ mở khay trầu, nhai miếng cau, đôi mắt trầm ngâm nhìn ánh lửa thoi thóp. Phải chăng mình đã nói quá nhiều, tiết lộ hai điểm bí mật? Rủi Hai Tam làm phản, đem chuyện bí mật kể lại cho Tư Bá nghe thì bị sao? Nhưng “phóng lao thì phải theo lao”, Lục cụ nói tiếp:

- Mấy người Tàu nọ chết oan mạng.
- Tai vì ông Bao Công linh hiển, phải không Lục cụ ?
- Tôi không biết rành tích ông Bao Công. Tại họ thiếu âm đức... Lời tục thường nói: Được bạc thì sang, được vàng thì khó. Vàng để dành cho kẻ nào đủ âm đức, ông cha kiếp trước ăn ở từ thiện.
- Chiếc tàu bị chôn ở đâu? Mình nên lập miếu thờ những người chết oan...

– Tôi không rành chỗ chiếc tàu nhưng điều mà tôi biết thì đường chiếc tàu đã chạy qua ủi đất... Nó ở ngay trên nền chòi mình đang ngồi đây... ăn dài lên rừng, đất lở một đường như con kinh đào, kinh đó sâu lắm, lâu ngày cỏ mọc lấp lên mặt choại dớn bò tràn lan. Rắn độc chen chúc đào hang... Đó là trấp. Sụp xuống trấp ắt bỏ mạng vì nó sâu như con kinh nhưng hai bên bờ trên mặt thì che khuất.

Hai Tam rừng mình:

– Tôi không dè. Hèn chi nước dưới trấp lạnh ngắt, dường như cá cua xúm lại cắn chân tôi. Qua mùa nắng, trấp còn nước không, thừa Lục cụ.

– Còn chớ. Người đi rừng dễ bị sa lầy hơn. Lúc đó khó phân biệt đâu là trấp đâu là đất cứng vì choại và dớn lan tràn.

– Tráp ăn dài từ đâu tới đâu?

– Tôi chưa biết.

Ánh lửa trong bếp un lụi dần, tiếng vạch ăn đêm kêu oang oác... Lục cụ bước xuống đất, toan khép cửa lại. Vừa tới cửa, bỗng nghe tiếng chân người chạy thành thịch.

– Ai đó? Ai đó?

Bóng nọ đã khuất trong bóng đêm.

Không cần suy nghĩ, Lục cụ thừa hiểu là bóng Tư Bá. Nãy giờ hẳn nghe ngóng ngoài vách.

– Thằng này lợi hại thật. Lục Cụ lăm bắm.

Nằm trên vạch, Hai Tam hoảng sợ. Chú tưởng tượng cuộc xung đột sắp xảy ra. Tình thế của chú thật khó xử, bên

tình bên lý.

Bếp lửa tàn lụi, Lục cụ trở lên vạt, chun vô nóp không nói một lời.

Gió rừng thổi mạnh, chừng nghe quá lạnh Hai Tam mới hay rằng Lục cụ quên khép cửa. Chú thức dậy lần mò từ bước. Kia... đứng nép vào bệ cửa một bóng người không xa lạ cho lắm: tên Mách.

– À anh Mách nãy giờ thức hay ngủ ?

– Làm sao ngủ được. Tôi không dè anh em mình lại rình rập với nhau như vậy. Mình đã là người đi kiếm đất làm ruộng thì nên đùm bọc lẫn nhau. Tôi không dè Tư Bá lại rình rập. Tôi chờ lệnh của Lục cụ để ra tay.

Từ trong nóp, Lục cụ nói vọng ra.

– Mách ơi! Đi ngủ đi. Còn ai rình

nữa. Mở cửa chòi sáng đêm cũng không sợ. Nãy giờ tại sao mày không thức coi chừng?

– Dạ con không dè ..

– Nhưng mà... chưa đến nỗi nào. Thôi đi ngủ.

Sáng hôm sau Hai Tam xin phép Lục cụ để về chòi của Tư Bá:

– Hôm nay trong mình tôi khỏe rồi, Lục cụ hiểu dùm tình cảnh khó xử của tôi.

– Chú cứ về, rán cẩn thận lời ăn tiếng nói khi nào cần chú tới thăm tôi.

– Dạ cảm ơn.

Giương mặt ưu tư trầm trầm của Tư Bá khiến Hai Tam nghĩ tới việc rình bên chòi nghe lén hôm qua. Chú xét lại bản thân vững lòng tin rằng mình không có thái độ hoặc lời nào phản bạn.

Nhưng Tư Bá không muốn tin như vậy.

– Nè chú Hai, Lục cụ là người như thế nào?

Câu hỏi thật là tối nghĩa. Hai Tam hỏi kỹ:

– Đại ca muốn biết tánh tình của ông ta à? Đó là người kín đáo.

– Thì ông ta kín đáo từ hồi nào tới giờ với tất cả mọi người. Tôi muốn hỏi: Lục cụ có phải là người Việt Nam không?

– Đúng là người Việt Nam.

– Sao chú biết?

– Ông ta nói tiếng Việt Nam rất rành, rành hơn mấy người Việt Nam ít ăn học. Tôi nằm ngủ rên rồi mới vậy mà ông ta nghe được.

Suy nghĩ hồi lâu, Tư Bá gật đầu đồng ý: Màu da đen đúa của Lục cụ chưa chắc là màu da thiệt. Chú nghe đồn rằng mấy người học gong Xiêm thường uống thuốc “nồi” để luyện nội công. Chất thuốc ngấm vào thịt, màu da trở nên đen sạm.

– Lục cụ nói chuyện gì mà tôi nghe lóm tích ông Bao Công chần bần ?

– Ông nói hồi xưa có ghe vàng của người Tàu tới rừng này, ghe mắc cạn, tạo nên mấy đường « trấp » sâu không kém kinh đào. Ngày hôm qua tôi mắc nạn vì

sụp xuống trấp đó.

– Tôi hiểu rồi. Tôi đứng rình ngoài vách từ đầu tới cuối. Chú đi nghỉ dưỡng sức. Khuya nay, bọn mình có công việc. Tất cả những món gì bên đều gom lại, thí dụ như cây mác mà chú xin được ở vòm rạch ông Rầy. Lát nữa, tôi trở về.

Dứt lời Tư Bá xuống xuống, chống đi một mình về xóm Cây Bàng.

Hai Tam nhìn theo, chú hơi buồn vì phen này, dường như chú không được tín nhiệm như trước.

Xuống đi khuất vào rừng. Tư Bá quan sát địa hình, địa vật. Chỗ Hai Tam bị sụp ngày hôm qua, là nơi lau sậy mọc thành hàng dài. Hàng lau sậy đó nhô lên mặt nước như bờ đê nhỏ, chạy quanh co vô rừng sâu.

 ẫn thận, Tư Bá vừa chống xuống
vừa cảm sào, thọt xuống đất để
dò xét.

Quả thật dưới hàng lau sậy nọ là con
kinh không đáy.

Một khoảng đất trống hiện ra, cái
nền nhà khá to. Lạ thay mặt đất đã bị
đào tự đời nào! Trong mớ miếng chén,
miếng cà ràng có vài cục đá to và một
cục đá tròn như cột nhà...

– Họ đào trước mình! Có lẽ đây là
chỗ người Tàu đến giả bộ làm rẫy cất
chòi trước khi mình đến, như Lục cụ nói.

Tuy thất vọng, nhưng Tư Bá cầm dao
đào lớp đất để cầu may. Mũi dao đụng

nhằm vật gì cứng cứng; nhìn kỹ, đó là một cọng rễ to lớn. Chú ngạc nhiên:

– Giữa rừng tràm làm sao có loại cây cứng và chắc như vậy?

Chặt lên lột khúc vỏ, chú đưa vào miệng nhai thử.

Chú nhăn mặt... Vỏ có mủ rít rít chát ngắt. Hồi nhỏ, dường như chú đã từng ngậm một lần.

– A, vỏ cây sao!

Chú mừng quýnh khi thấy gốc sao to tướng nhô lên cách đó không xa. Bị chặt ngang, chồi sao mọc khá cao màu lá xanh đậm nổi bật giữa rừng tràm.

Và tiếng ve kêu rả rả. Hồi ở Long Xuyên tiếng ve đã gây cho chủ một nỗi buồn man mác khi trời nắng êm ả thiêu gió mát.

– Cây sao là loại mọc trên giồng đất cao hoặc trên núi. Chắc có người tới đây cất nhà hay cất chùa. Họ trồng cây sao làm dấu tích.

Qua khỏi nền nhà, bờ lau sậy tiếp tục giăng hàng nối qua giồng đất cao hơn, tàn cây bàng đứng sừng sững như lọng che. Loại cây bàng theo chú hiểu không bao giờ mọc tự nhiên giữa rừng tràm thủy. Trường hợp của nó cũng giống như cây sao này.

Mặt trời lên cao.

Chú xuống xuống trở về chòi mang theo mớ rau muống, một con rùa để Lục cụ khỏi nghi kỵ khi bắt gặp.

Bước vô chòi, chú ngạc nhiên khi thấy Hai Tam vắng mặt.

– Họ toan bày âm mưu gì đây? Quả

thật Hai Tam đã bắt đầu bước qua phe Lục Cự, làm phản.

Nghĩ vậy Tư Bá rất đổi cảm tức, chạy qua chòi của Lục Cự.

Trên vạt trà, Hai Tam đang ngồi xếp bằng, cung kính. Trong lúc đó, Lục Cự cầm cái ô đồng đựng nước, miệng đọc bùa chú.

– Chú Hai! Về bên này lập tức.

Hai Tam trợn mắt, day lại:

– Chuyện gì gấp dữ vậy. Lục Cự đang làm phép đọc kinh cho tôi.

– Làm gì mà đọc kinh?

– Tôi nhức đầu từ hồi sáng tới bây giờ.

– Đi rừng về, đói bụng, tôi tưởng chú

ở nhà biết lo công việc, dè dặt.

Dứt lời Tư Bá quay gót.

Vô tình, chú đã sa vào kế ly gián của Lục cụ.

Lục cụ mỉm cười, nhúng ngón tay vô ô nước rảy lên lưng Hai Tam.

– Phép của tôi tới đây là hết! Buồn quá. Thôi chú về, kéo Tư Bá giận lây tới tôi.

– Tôi về chòi để hỏi Tư Bá đầu đuôi tự sự. Làm anh cả của tôi mà tánh tình hèn hạ tiểu nơn. Tôi nhứt định không phục.

Tư Bá lui cui nhúm lửa trong nhà. Thấy Hai Tam về, chú không quay lại. Bầu không khí bắt đầu khó thở. Như hồi hận, Hai Tam xúc gạo vào nồi đem vo ở

mé nước sát thêm.

Vo xong, Hai Tam đến gần bếp, đặt nồi lên:

– Đại ca đừng giận. Hồi sáng đại ca vô rừng mà không cho tôi theo. Ở nhà buồn quá, tôi nằm nghỉ chợt thấy ớn lạnh xương sống. Thiếu thuốc men, tôi qua chòi nhờ Lục cụ làm phép giùm.

Tại sao Hai Tam mê bùa phép của Lục cụ? Dầu sao đi nữa, theo sự xét đoán của Tư Bá, Hai Tam cũng đã mất bản chất trung thành.

– Phải lắm, – Tư Bá nói. – Tôi không muốn chú vô rừng chung một xuống với tôi.

– Đại ca đổi ý kiến rồi sao chứ! Hồi nào mình thể thốt sanh tử đủ điều. Nếu không thấu nhận thì tôi trở về.

– Về Long Xuyên à?

– Không? Tôi không về Long Xuyên. Tôi về rạch Ông Rầy. Ở đó tôi có người quen như đại ca biết.

– Đồ mê gái! Bao giờ làm được chuyện đại sự?

– Đại ca không nên nói nặng nhẹ. Tôi đi đây.

Rút cây móc trên vách, Hai Tam đút vào nóp, cuộn lại rồi đi qua chòi Lục cụ. Bao nhiêu hình ảnh đen tối hiện ra trước mắt của Tư Bá. Từ rày về sau, chú sẽ cô độc. Trong số người đi chung một đoàn hôm trước chẳng có ai đáng tin cậy. Rồi Hai Tam sẽ nói rõ mục đích tìm vàng và thủ đoạn bán vây cộp cho Lục cụ nghe. Tất nhiên Lục cụ hiểu được điểm yếu của Tư Bá và bố trí giết chú sau khi tìm được

dấu vết kho vàng bí mật.

“No mất ngon, giận mất khôn”

Nghĩ vậy, Tư Bá bước ra ngoài kêu với:

– Chú Hai ở lại ăn cơm rồi hãy đi.
Nãy giờ tôi nóng tánh, chú đừng buồn.

Hai Tam nói gắt:

– Tôi no rồi.

– Bể nào chú cũng phải trở lại để
nghe tôi nói vài lời.

– Ờ ... tối tôi trở lại.

Để giữ mối thiện cảm, Tư Bá khuyên
Hai Tam xuống xuống của chú mà qua
chòi Lục cụ.

Xuống vừa cặp sát nền nhà, Lục cụ
đã ngoắt Hai Tam:

– Khổ quá! Đường như chú gây gổ với chú Tư. Tôi là kẻ ngoại cuộc. Tôi khuyên hai chú nên hòa thuận.

Hai Tam kể lại những gì đã xảy ra. Chú nói gần:

– Hai ba ngày rày, Tư Bá hết tin tôi, nghi rằng tôi theo phe Lục Cự.

– Sao chú biết ?

– Tôi đủ chứng cứ. Hồi sáng này Tư Bá chống xuống vô rừng một mình, có lẽ đi theo mấy cái trấp.

“Nghi ngờ gì nữa! Quả thật Hai Tam đã thuật lại chuyện ông Bao Công chẩn bần cho Tư Bá nghe rồi. Và có lẽ Tư Bá đã vào rừng thám thính” Lục cự muốn trách cứ Hai Tam về tội tiết lộ bí mật nhưng suy nghĩ một chập, Lục cự nói:

– Tư Bá đi vô trấp bằng xuống?

– Dạ.

– Đi hướng nào.

– Tôi chưa rành.

– Dưới xuống có gì lạ không.

– Có vài con rùa. Xuống đậu ở mé nước kia.

Đôi mắt của Lục cụ bỗng nhiên sáng lên. Trong khoang xuống vài miếng vỏ cây đen mốc nổi lên bênh. Giả đồ như mối lưng, Lục cụ vươn vai bước xuống đất, đi ra sân. Không cần nhai thử, Lục cụ quả quyết đó là vỏ cây sao, loại cây không bao giờ mọc tự nhiên ở rừng trầm thủy này.

Buồn bã, Lục Cụ vào chòi. Vừa lúc ấy Hai Tam đang mở nóp ra nằm ngủ.

Chợt thoáng thấy cây mác, Lục Cự thất sắc, nói thầm:

– Thảo nào hôm trước Hai Tam ngủ mê, miệng nói lảm nhảm với người con gái ở miệt Ông Rầy.

Người con gái ở ngọn rạch ấy nào xa la gì với Lục Cự!

Nằm ngủ không yên, Hai Tam trình bày về trường hợp của mình:

– Bị xua đuổi tôi thối chí quá, nếu tôi nhập theo phe của Lục cự thì sớm muộn gì Tư Bá cũng giết hại.

– Chú Hai muốn đi về đâu?

– Dạ tôi về rạch Ông Rầy.

– Quê tôi ở đó. Chú cứ tả lại hình dạng của tôi ai cũng biết. Cầu chúc chú bình an vô sự. Khi nào làm ăn khá, tôi

bảo thằng Mách tới đó báo tin cho chú hay. Tôi thắc mắc quá. Chưa chắc Tư Bá cho phép chú về.

– Tại sao vậy ?

– Chú về làm hư hỏng công việc làm ăn của y.

Trời vừa chạng vạng tối.

Giữ lời hứa hồi trưa, Hai Tam xuống xuống trở về chòi Tư Bá. Cuộc gặp gỡ cuối cùng thật gay cấn. Mỗi lời nói của Tư Bá đều biểu lộ sự hăm dọa:

– Hồi năm xưa, tôi xử tử một đứa em phản bội. Bây giờ tôi coi như chú sắp phản bội tôi.

Hai Tam cau mày:

– Để tránh sự nghi kỵ, tôi xin về quê, xa lánh đại ca và cũng để xa lánh Lục Cự. Hai bên đều là tình nghĩa là ân nhân của tôi. Bây giờ tôi nói thiệt với đại ca vang thoi bạc nén tôi không màng, tôi... muốn cưới vợ làm ruộng.

– Tôi muốn chú ở nán lại vài tháng vì tôi cần người đáng tin cậy.

– Nhưng tôi đâu được đại ca tin cậy như xưa nữa. Ở lại cũng vô ích.

Tư Bá cười to:

– Tôi tìm cách khác giúp đỡ chú trở lại đường ngay lẽ phải. Chú đừng qua chòi Lục Cự nữa.

– Đại ca nên thương tôi. Tôi về xứ.
Chán cảnh rừng rậm này quá rồi.

– Về thì công việc đổ bể hết sao?

Đứng trước tình thế khổ sở ấy Hai Tam suy nghĩ nát óc. Từ rày trở đi, dầu trung thành hay phản bội, chú cũng khó sống vì hai phe đều nghi kỵ. Trong ba mươi sáu chước đào tẩu là hay nhất, chú lắm bả.

Muỗi bay vo ve, khó dỗ giấc ngủ.
Chú nói:

– Tôi bỏ quên cái nóp bên chòi Lục cụ. Đại ca cho mượn chiếc xuống trở qua đó lấy cái nóp về đây, lần chót.

– Ờ lần chót. Qua đó rồi về lập tức, gặp mặt tôi.

Xuống đậu ngay bến của Lục cụ.

Hai Tam chạy lên chòi, nói nhanh:

– Nguy quá rồi, thưa Lục cụ, Tư Bá không cho phép tôi về rạch Ông Rầy. Y muốn tôi ở lại chòi của y, giam lỏng tôi.

– Chú ở đây, chờ tôi nghĩ kế khác.

– Không được. Tư Bá ra lệnh cho tôi về chòi gấp, ngủ tại đó đêm nay. Tôi viện cớ qua đây lấy lại cái nóp. Lục Cụ cứu tôi. Sớm muộn gì Tư Bá không tha tội tôi.

– Chú cứ trở về. Khuya nay, tôi qua chòi thăm chú rồi tính toán sau.

– Không được. Rủi bết gì, Tư Bá gây sự với Lục Cụ, với tôi.

– Đừng sợ. Chừng Tư Bá ngủ, chú ra ngoài sân đón. Bên này, tôi bơi xuống qua, trước mũi xuống có bếp un cháy đỏ...

Về chòi, Hai Tam ung dung trải nóp xuống vạt mà nằm nghỉ lưng.

Chập sau, Tư Bá ngáy pho pho.

Vừa hé cửa, Hai Tam chợt thấy xuống của Lục cụ lù lù tiến lại gần.

Lục cụ nói khẽ:

- Nó ngủ chưa?
- Dạ, đang ngủ say...
- Chú đợi lát nữa..

Cái lưng rón rén như kẻ trộm. Lục cụ lại gần bếp un, móc trong túi ra một gói giấy nhỏ thả vào lửa.

Mùi khói khét ngột. Gió luồn qua khe cửa đưa làn khói vô ngay nóp Tư Bá. Bàn tay của Lục cụ mò trong bóng tối tìm bàn tay của Hai Tam.

Theo hiệu lệnh, Hai Tam ra sân, đứng im.

Chập sau, Lục cụ nói to:

– Được rồi. Hồi nãy tôi xông lá cà được. Nhất định nó ngủ say tới mười giờ sáng. Chúng ta tha hồ nói chuyện. Trời gấm, Tư Bá cũng không thức dậy nổi.

– Thừa Lục cụ, tôi xuống xuống Tư Bá đi bây giờ. Nội đêm nay, xuống qua sông Cái Lớn.

– Gấp gì. Ở lát nữa rồi hãy đi. Tôi muốn nhờ chú một điều này.

– Xin Lục cụ tin tôi.

– Chú dám giết Tư Bá không?

– Ủy trời ơi! Tôi sợ lắm. Nào thù oán gì, dầu sao Tư Bá cũng là người ơn.

– Chùng tỉnh dậy, Tư Bá nhất định tìm chú mà bắt trở lại.

Hiểu rằng đó chỉ là lời hăm dọa mơ hồ do Lục cụ bịa ra để hăm dọa mình, Hai Tam lắc đầu. Không khéo lát nữa, Lục cụ sẽ đích thân hạ sát Tư Bá, chùng đó vai tuồng của chú thật khó xử, chưa biết binh ai, bỏ ai. Chú vào chòi lấy nóp và cây móc đem ra sân, đôi mắt nhìn chiếc xuống con đang lắc lư vì gợn sóng như đòi tách bến.

Trong chòi, Tư Bá trở mình, rên hừ hừ.

– Ai đó... tôi chết, tôi chết.

Hai Tam lật đật trở vào. Tư Bá ngáy đều đều. Hai Tam nhìn chiếc nóp của bạn rồi thở dài.

– Mục đích của mình là trốn khỏi

rừng U Minh, chớ nào phải giết bạn.

Một sáng kiến chợt nảy ra: chú cúi xuống đập mớ lá cà dước dưới lớp tro bếp, với hy vọng rằng vài giờ sau, Tư Bá sẽ tỉnh lại được, nếu Lục cụ ra tay Tư Bá có thể xoay trở ứng phó.

- Bây giờ chú đi về rạch Ông Rầy?
- Phải, thừa Lục cụ ở lại mạnh giỏi.
- Chùng nào chú trở lại.
- Dạ chắc đi luôn.
- Về tới đó, chú nói với bà con lối xóm rằng tôi gửi lời thăm hỏi. Tôi về.

Xuống tách bến.

Vì quên đem theo bếp un Hai Tam bắt đầu khó chịu; hơi rừng xông ra lạnh buốt, muỗi bay theo xuống nướm nướp.

Gần tới khúc quanh, chú ngoảnh mặt nhìn lại phía chòi của Lục cụ và của Tư Bá: Hai bóng đen lơ mờ trùm lên khoảng đất trống như hai nắm mồ. Và hai bếp lửa than le lói như đèn ma tượng trưng cho tham vọng tìm vàng của loài người. Nay mai, nó bốc lên thành ngọn lửa.

*

Rạch Ông Rầy sống những ngày tung bùng náo nhiệt.

Dân chúng bàn tán xôn xao về tài hoa của lão thầy rắn nọ. Gọi là “lão” cho có vẻ nghiêm trang, chứ thật ra tuổi thầy trạc bốn mươi. Từ sáng tới chiều, lão đi la cà từ đầu làng đến cuối xóm, mình mẩy đen đúa không cần mặc áo. Lão nói:

– Rắn thần phò hộ tôi.

Rồi lão móc trong lưng quần, đem ra

một con rắn vàng khè. Rắn ngoan ngoãn bò trên tay, quấn vào cổ lão.

Trẻ con xúm lại trố mắt nhìn. Lão truyền lệnh cho rắn bò tới bò lui, leo lên cây, trở xuống mặt đất.

Dân làng mời thầy ở nán lại vài hôm để giúp một việc lớn: bắt “ông” rắn hổ mây ở trước miếu Cây Đa.

Sáu Hiền đại diện cho dân chúng trình bày:

– Ông hổ mây lớn bằng cột nhà, ban đêm dạo ngoài ruộng, lau sậy ngã rạp xuống như có ai kéo chiếc ghe lườn. Thỉnh thoảng, ông bay khỏi mặt đất kh-iến cây lá xào xạc như trời nổi cơn giông.

Lão thầy rắn đáp:

– Tôi hứa đem hết tài nghệ giúp bà

con.

Sáu Hiền rất đổi vui mừng, mời thầy vô nhà. Vừa đến cửa, chú gọi to:

– Nhưng đâu rồi? Mau bắt gà nấu cháo đãi thầy.

Trong nhà có tiếng “dạ” êm dịu. Một cô gái thùy mị bước ra chào khách rồi trở vào.

Ngồi bên chén rượu nồng, lão thầy rần nói thao thao bất tuyệt:

– Tôi ở Châu Đốc làm nghề chài lưới. Nghề bắt rần... Tuy bỏ từ lâu, nhưng tôi hãy còn thờ tổ. . Trên trang, vồn vện có một cái lư hương và một cái hũ.

Sáu Hiền ngạc nhiên :

– Hũ đựng rượu, phải không thầy.

– Hũ đựng đứa con của tổ...

Vừa nói, lão móc trong lưng quần đem ra con rắn vàng khè.

– Rắn của tổ luyện cho tôi. Ban ngày nó đi đó đi đây kiếm chim, kiếm chuột, ban đêm nó về hũ. Bỗng nhiên bữa đó, rắn không chịu trèo lên trang mà ngủ như mọi lần. Lấy làm lạ, tôi thắp nhang, cầu mộng. Tổ hiện về mách bảo rằng ở phía Tây Nam có con mãng xà tinh đang lộng hành, khuấy rối dân lành. Tôi vâng lời tổ, ra đi lần hồi bốn tháng trường, bây giờ mới gặp.

Mâm cháo dọn ra.

Nhan sắc của cô gái khiến lão nhìn ngẩn ngơ:

– Cháu đây là...

Sáu Hiền nói nhanh:

– Là con gái tôi, tên Nhung...

Tay cầm muống chưa kịp húp mà lão đã khen:

– Ôi thôi... cháu này thơm quá, ngọt quá.

Bất mãn quá vì thái độ thiếu nhã nhặn của ông khách lạ, Nhung quay trở vào bếp.

Sáu Hiền đưa lão thầy rắn trở lại đầu đề khi này:

– Thầy gặp măng xà tinh chưa?

– Thì hôm rày tôi đi tìm kiếm khắp nơi. Dân làng hiểu lầm, cho tôi là thằng say rượu nói bá láp, cà kê dê ngỗng. Sau rớt, tôi gặp măng xà tinh tại miếu Cây Đa ở vòm Ông Rầy.

– May quá ! Nhờ thầy ra tay trị gấp. Tuy mãng xà tinh bấy lâu nay chưa hại ai nhưng biết đâu, để lâu ngày...

– Đúng vậy, tôi coi rồi... tới rằm tháng tám năm nay, mãng xà tinh tu đúng một ngàn ngày. Còn hai tháng nữa...

Cầm cái đùi gà trong tay, lão thầy rần nhai ngấu nghiến cả thịt lẫn xương rồi chép miệng :

– Xin lỗi chủ gia, tôi xin thêm trái ớt.

Nãy giờ đứng gần vách buồng, Nhung nghe rõ câu chuyện. Nàng sợ ông khách lạ mặt vì ông ta rành về bùa phép và có những hành động lạ thường là ăn đến sáu trái ớt lớn.

Sáu Hiền nói :

– Nhưng à, con kiếm thêm trái ớt.

Nàng đáp :

– Thừa cha hết ớt chín rồi, ngoài cây, ớt tươi xanh.

Lão thầy răn cười hể hể :

– Đừng lo, bác không chấp nhứt gì ráo! Cứ hái năm ba trái gì đó đem ra đây.

Ngắm nghía mấy trái ớt trong tay người đẹp, lão thầy răn chép miệng :

– Cháu có lòng quá. Cực chẳng đã bác mới làm phiền cháu. Ở trên non, bác ăn toàn là ớt hiểm rừng, lâu lâu lại ăn quế thể cho ớt. Nói lại bác mới nhớ, còn miếng quế đây này.

Theo lời mời mọc của lão thầy răn, chú Sáu Hiền ăn thử... Lão day qua mời Nhung.

Nàng đáp :

– Cháu không dám.

– Bậy nè ! Cháu ăn thử, thơm, ngon lại ngứa được sơn nham chướng khí.

Cực chẳng đã, Nhung cầm miếng quế nhỏ, bước lui vào trong toan quăng bỏ. Nhưng nghĩ hơi tiếc nàng cất nó trong kẹt lá.

Buổi tiệc đã tàn. Lão thầy rắn nằm ngủ luôn, ngáy pho pho.

Sáu Hiền dặn Nhung :

– Con thêm bếp un phía ngoài này. Ở nhà, khi nào « ổng » thức dậy thì nhớ mua thêm ít rượu. Cha đi sửa soạn để ngày mai ông bắt mãng xà tinh.

Tin tức ấy lan truyền khá nhanh. Chú Sáu Hiền nghiêm nhiên trở nên người quan trọng trong xóm. Theo lời

chú, muốn bắt măng xà tinh thì cần ba con vịt luộc để thầy cúng tổ. Ngoài ra, dân làng phải qua xóm kế bên mượn một chiếc ghe lườn thật to và một bộ ván gỗ.

Có người hỏi:

– Chi vậy?

– Ai biết... Thầy nói phải nhờ bộ ván này, không có không được.

Xế chiều chú Sáu trở về để thúc hối Nhung chuẩn bị cơm nước đãi thầy.

Ngạc nhiên làm sao! Nhà cửa vắng hoe, trừ ông thầy đang nằm lảm nhảm:

– “Tự cổ như danh tướng”. Câu đó ta không nhớ trọn câu, phải nhớ thì ngon lành quá. Xứ này, chẳng ai biết chữ nho. “Bất hứa nhân gian”...

Sáu Hiền nắm tay lão thầy rắn:

– Thưa thầy, thầy nói chuyện với ai đó?

Lão thầy rần giựt mình, mở mắt:

– Tôi nhớ lại câu thần chú! Chữ nho mắc mớ lắm, nhứt tự lục nghị, một chữ có tới sáu nghĩa khác nhau, nghĩa trắng nghĩa đen, nghĩa bóng nghĩa gió.

Vì không hiểu chữ nghĩa nên Sáu Hiền tin nơi lão thầy rần. Từ khi đến rạch Ông Rầy phá rừng dựng nhà, Sáu Hiền sống yên ổn, lúa dư đầy bồ, trở thành người có “căn bản” làm ăn, nhưng chú vẫn thấy thiếu thốn về tinh thần. Trong xóm nhiều người muốn hùn tiền lập ngôi đình, Sáu Hiền nuôi nấng hy vọng được làm hương việc hoặc bồi bái, hưởng phần xôi thịt. Chùng ấy chú sẽ đích thân đến chợ Vĩnh Long mua cái khăn đóng áo dài cho ra vẻ.

Gặp lão thầy rắn này là dịp may cho xóm giếng và cho gia đình chú. Chú ngỏ lời:

– Sau khi bắt ông “hổ”, thầy ở lại đây chơi vài tháng để dạy cho tôi chút ít chữ nho.

Lão thầy rắn nói:

– Chí trai bốn biển là nhà, tôi chẳng ở nơi nào quá lâu. Chờ coi, nếu vui, tôi sẵn sàng cất nhà tại rạch Ông Rắn này.

Để tỏ lòng biết kính trọng kẻ sĩ, chú Sáu Hiền gọi to:

– Nhưng ơi, nấu nước pha trà, con ơi. Thầy thích trà ngon, đừng bao giờ để bình trà nguội lạnh.

Phía nhà bếp chẳng ai trả lời. Chú Sáu Hiền ngạc nhiên:

– Con nhỏ này đâu rồi?

Chú đến nhà bếp thấy lửa cháy, trong
cà ràng siêu nước réo sôi phun ra làn hơi
khá mạnh. Nắp siêu nhíp lộp cộp.

Chú nổi giận, nói hơi to để làm vừa
lòng lão thầy răn:

– Nước sôi rồi, nó đi đâu vậy cà?

Lão thầy răn nói giọng nhỏ nhẹ:

– Để đó, tôi châm nước pha trà. Chắc
là cháu nó lo việc khác.

– Đâu được, phận gái lo tề gia nội
trợ, lúc khách quý đến nhà thì...

Đột nhiên, chú Sáu Hiền nhận ra
bóng dáng đứa con gái:

– Mày ngồi làm gì bên bờ giếng đó?

Nhưng vẫn cúi đầu, chẳng thém dấy

lại. Trong phút giây, chú Sáu Hiền nghĩ đến trường hợp thường xảy ra. Nhưng đang rầu rĩ vì gặp chuyện trái ý nhục nhã.

Chẳng lẽ... trò đời éo le đến mức ấy?

Sáu Hiền chưa dám đặt giả thuyết rõ rệt. Chú đến bên cạnh con:

– Sao? Nói cho ba nghe.

Nhung vẫn nhìn xuống giếng nước, khóc nức nở:

– Nhục lắm ba ơi!

– Cái gì mà nhục nhã?

– Nó xúc phạm tới con,

– Mà nói mơ hồ quá. Xúc phạm chuyện gì ? Ai xúc phạm?

Trước thái độ im lặng của Nhung, chú Sáu Hiền nói ướm thử:

– Khách quý đang ở trong nhà. Con nên giấu giếm chuyện buồn phiền để cho họ thấy nhà mình đang hoàng.

Nhưng nói to:

– Thằng già mắc dịch đó!

– Sao?

– Hồi nãy con đang lui cui nấu nước sau bếp, nó vô bếp, tới gần bên con để... thò tay vô bếp, kiểm cục than lửa mỗi thuốc.

“Thôi rồi”. – Chú Sáu Hiền vừa lăm bắm, vừa thở dài. Nhứt định chuyện bại hoại thuần phong mỹ tục đã xảy ra. Nhưng là đứa có hiếu, chẳng bao giờ dám bịa đặt, vu khống lão thầy răn.

Chú Sáu nói:

– Để ba hỏi lại rồi... đuổi nó ra khỏi nhà. Con kể thiệt cho ba nghe...

Nhung lắc đầu:

– Khó nói quá, ba à. Thằng cha đó làm chuyện kỳ cục quá, làm sao nói rõ được.

– Không. Ba muốn con thể.

– Thể chuyện gì ?

– Thể không vu oan cho ai.

– Con xin thể. Nhưng mà, ba ời, thằng gia đó khốn nạn lắm, nắm tay con. Con cự nự. Nó cười nhả nhổ rồi hăm dọa...

– Hăm dọa chuyện gì ? Dân chúng xóm ông Rầy đủ sức bắt trói nó, giết nó.

– Nó nói nếu con mét với ba thì nó

giết con, giết luôn ba một cách thảm thiết. Vừa nói, nó vừa móc trong lưng quần, đem ra...

Chú Sáu Hiền nói nhanh.

– Một con rắn.

– Một cái chai nhỏ đựng nọc rắn.

– Được rồi. Con vô nhà, làm như con chưa cho ba hay chuyện đó. Mình xài nó trước rồi trừng trị nó sau

Chú Sáu trở về nhà lấy siêu nước châm vào bình trà. Lão thấy rắn ngồi dưới bếp, rửa mặt rửa tay. Chú đã hiểu :

– Lão ta ra vẻ tỉnh táo để chạy tội và để cho bớt già nua. Già mà còn chứng diện.

Nhưng lạ quá. Lão thấy rắn vừa khoát nước, vừa trông ngóng phía xa xa

– Thầy ơi, lên uống nước cho vui...

Lão thầy rần nói:

– Khách tới !

Lại biến cố gì xảy ra nữa đây? Chú Sáu Hiền lật đật chạy xuống bến:

– Đâu?

Lão thầy rần nói:

– Cái thằng chèo xuống đó. Nó dòm ngó nhà này. Dường như nó ở xứ lạ mới tới, cặp mắt lảo liên như bọn trộm cướp.

Chiếc xuồng rẽ sóng, ngang qua bến nhà Sáu Hiền. Người đứng chèo là một thanh niên mạnh khỏe. Sáu Hiền quên việc thầy rần ve vãn con Nhung. Chàng thanh niên nọ cất tiếng hát giữa trưa nắng:

*Đố ai quét sạch lá rừng,
Để ta khuyen gió, gió đừng rung cây.
Đố ai biết lúa mấy cây...*

Hát xong, chàng ta dùng tay chèo. Nước chảy xuôi, đáng lý ra chàng xuôi chèo cho xuống trôi theo dòng nước. Nhưng lạ quá! Chàng ta khoát nước nhẹ để kềm giữ đừng cho xuống trôi.

Lão thầy rắn nói khẽ:

– Sáu Hiền thấy chưa? Thằng này “có tịch” muốn dòm hành nhà chú.

Chú Sáu đáp:

– Nãy giờ, tôi hồ nghi. Xưa nay, người ta chèo ghe rồi hò hát khi gặp xuống ghe khác, trời mát mẻ, nắng dịu trắng trong, đảng này hát một mình lúc trưa nắng. Làm sao bây giờ?

– Kêu nó lại, hỏi nó muốn gì ?

Sáu Hiền dè dặt :

– Như vậy là mình gây gỗ, xúc phạm tới nó. Rủi bẽ gì... thí dụ như nó là tay sai của đảng cướp, vô tình mình rước tai họa vào thân.

Lão thầy răn muốn lập công để gây thêm sự tín nhiệm đối với Sáu Hiền. Lão cũng đã hiểu: thế nào cô Nhung cũng thuật lại cho cha nghe hành vi... thô bạo, vô duyên của lão.

– Tôi đủ sức ăn thua với thằng nhãi con đó. Để tôi kêu nó trở lại. Đối với tụi bất lương, một khi muốn giết bọn mình thì tụi nó... làm liền. Đối xử nhả nhận là vô ích.

Lão thầy răn liền đứng dậy:

– Chú em!

Chàng thanh niên như mừng rỡ, quay xuống lại chèo nhẹ nhẹ, cho xuống cập bến:

– Xin lỗi hai bác...

Sáu Hiền hỏi:

– Chú em ở xứ nào tới, kiếm ai?

Chàng ta mừng rỡ:

– Tôi có người bà con lập nghiệp ở xứ này.

– Tên gì?

– Dạ quên rồi, người đó thứ... sáu, quê ở Tân An.

Sáu Hiền mừng quýnh:

– Phải Sáu Hiền không?

Chàng nọ liếc nhìn lên nhà:

– Dạ... phải. Chắc là Sáu Hiền.

– Mời chú em lên bờ. Chú em là con ai? Sao qua chưa biết chú em? Lên chơi rồi nhìn bà con.

Hai Tam tự giới thiệu, chẳng cần giấu giếm tên họ. Ăn xong bữa cơm, chàng mỉm cười. Từ già rừng U Minh, chàng trở về rạch Ông Rầy để tìm cô gái hôm nào, nhờ trận gió lạnh đưa đẩy nên tình cờ nhận ra người đẹp.

Chính là nàng. Lúc Hai Tam ngưỡng nghịu, ấp úng thì nàng xuất hiện bên bờ giếng. Lúc câu hát “quét sạch lá rừng” vang lên, Hai Tam chú ý thấy nàng mỉm cười. Có lẽ nàng muốn chạy xuống bến đón mình nhưng vì có hai người lớn tuổi – chắc cha chú trong gia đình – nên nàng

đứng sững, liếc mắt đưa tình.

Sáu Hiền giới thiệu:

– Tôi là Sáu Hiền, chủ nhà, còn đây là ông thầy răn. À! Chú em là con ai? Nói rõ để qua biết vai vế, xưng hô cho đúng. Biết đâu chú em thuộc vào vai anh, vai chú của qua đây!

Hai Tam nói bình thản:

– Tôi là con của Tư Muôn!

Tư Muôn là nhân vật mà Hai Tam bịa đặt ra cho hợp lý. Đã từng đối phó với Lục Cự với tên Mách với Tư Bá, Hai Tam tỏ ra rành đời. Ngu dại gì mà không nói láo! Hai Tam cương quyết đến đây, tìm cô gái năm xưa, cưới cô làm vợ. Nếu Sáu Hiền không chấp thuận, chàng sẽ dùng thủ đoạn hoặc võ lực để cướp cho bằng được.

Suy nghĩ hồi lâu, Sáu Hiền nói:

– Tư Muôn nào kìa! Qua đây ở Tầm Vu.

Hai Tam lạnh trí, bịa ra một địa danh khác:

– Dạ, ba tôi là Tư Muôn ở kinh Nước Mặn, qua đời hồi năm ngoái. Trước khi nhắm mắt ba tôi có trăng trời, cho biết có mấy người trong “kiếng họ” tới Cần Thơ, ở rạch Ông Rầy...

Sáu Hiền gật đầu, nói thành thật:

– Trước lạ sau quen. Để tôi kêu con Nhung của tôi ra cho biết mặt.

Hai Tam mừng quỳnh khi nghe giọng nói Sáu Hiền:

– Nhung ơi, ra nhìn bà con.

Bốn mắt gặp nhau, vừa quen thân, vừa ngỡ ngàng. Lúc tâm thần hoang mang, Nhung cố bám víu vào chàng trai mà nàng đã gặp hồi mấy tháng trước. Cánh tay gân guốc của Hai Tam đủ sức bảo vệ nàng thoát khỏi âm mưu quỷ quyết. Lão thầy rắn quá già, nếu đem trình tiết mà giao phó cho hắn thì tự tử còn sướng hơn...

Nhung cúi chào Hai Tam rồi hỏi cha:

– Bà con làm sao?

Sáu Hiền uống thêm chút rượu rồi gật gù:

– Trời mà biết. Bà con một xứ, biết chưa?

– Thưa ba, con hỏi rõ để xưng hô cho đúng vai vế.

– Ủ ! Thi con kêu thằng Hai Tam này bằng anh. Hơi đâu mà phăng mỗi, tìm hiểu tông chi họ hàng. Miệt này chưa có bộ sổ, ai xưng tên gì, họ gì thì tha hồ...

Lão thấy rần hiểu ngầm: Chàng trai mới đến là đối thủ lợi hại. Chàng đã chinh phục khá nhiều cảm tình của Nhung, trong khi đó lão bị Nhung ruồng rẫy lúc nãy, tại nhà bếp.

Để vai trò lão không bị chìm, lão nói chậm rãi:

– Bà con một xứ, quý lắm. Ngũ hồ tứ hải giai huynh đệ.

Hai Tam không chịu thua:

– Đành vậy. Nhưng người một xứ... yêu thương nhau nhiều hơn người khác xứ. Ở Cần Thơ, tôi nhớ rõ: mấy người xưa kia từ Nhựt Tảo - Tân An đến lập

nghiệp đều qui tụ thành một xóm, kêu là xóm Nhựt Tảo. Chẳng hay bác ở xứ nào tới?

Trước thái độ khiêu khích ấy, lão thầy rần dùng thủ đoạn thâm độc là im lặng để chờ dịp trả thù. Nay mai, lão bắt rần hổ, dùng nọc rần mà đầu độc Hai Tam. Nếu không xong, lão sẽ cướp Nhung dẫn qua vùng khác. Còn Hai Tam thì khinh thường lão thầy rần vô danh tiểu tốt này. So với Lục cụ, tên Mách, hoặc Tư Bá thì lão thầy rần chẳng ra gì cả.

Lão thầy rần hỏi vặn ngược:

– Còn chú em, hôm rày ở đâu?

Hai Tam cười tủm tỉm:

– Học võ nghệ chút ít để phòng thân.

Lão thầy rần bắt đầu sợ sệt, nếu dùng

võ lực mà ăn thua, lão sẽ bị chàng trai hạ sát ván. Tuổi già gần năm mươi, lại thêm ghiền trà, ghiền thuốc quá nặng, cơ thể lão càng gầy gò như con mằm.

Nhưng bước vào nhà sau, đứng sát vách để nghe ngóng cuộc đấu khẩu. Trong khi đó, Sáu Hiền thích thú vô cùng. Chú thích ăn nhậu. Món lươn xào sả nghệ khá ngon. Rượu thêm nồng, nhờ mấy trái ớt hiểm. Chú nâng chén rượu:

– Thầy uống cho vui. Cháu uống cho vui. Tôi tới đây mấy chục năm, nên nhà nên cửa sẵn sàng chiêu hiền đãi sĩ. Nói nhiều thì hóa ra nói dóc chớ nuôi trong nhà chừng bốn năm người, chẳng bao giờ tôi ngán. Cơm gạo thiếu gì. Mình tới trước thì giúp đỡ người tới sau. Trước kia, tôi xuống rạch Ông Rầy với cái nóp rách trong lưng không một đồng tiền kềm.

Lão thầy rần nâng chén, liếc qua Hai Tam:

– Uống chớ.

Hai Tam liếc thấy Nhung phía trong buồng nên chú muốn tỏ ra ta đây là người anh hùng :

– Uống ! Ai uống bao nhiêu thì tôi uống bấy nhiêu.

Nói xong, Hai Tam nốc cạn chén.

Bị thua ba trận liên tiếp, lão thầy rần tức giận càn hông. Lão hiểu rằng Nhung đang theo dõi để so sánh. Qua sự giới thiệu mù mờ lúc nãy, lão đoán chắc chắn: Hai Tam chẳng phải là kẻ bà con thân thích gì với Sáu Hiền cả và anh ta đến nhà này với dụng ý khác, ngoài dụng ý nhờ cậy cơm ăn áo mặc. Những cái liếc mắt trao đổi qua lại giữa Hai Tam

và Nhung khiến lão kết luận: “Tụi nó hò hẹn với nhau từ lâu. Phải giành cô gái này, với bất cứ giá nào”.

Sáu Hiền chép miệng :

– Nhung ơi ! Nướng thêm bốn năm con cá lóc.

Nhung nói khẽ:

– Thừa ba, chờ chút nữa,..

– Sao vậy ?

– Con đi hàng xóm. Ở nhà còn mấy con cá rô nhỏ.

– Ủ ! Lại đằng nhà anh hương ắp xin... bậy vài con.

Trong khi đó, lão thầy răn muốn chứng minh tánh tình lịch thiệp của hẳn cho người đẹp hiểu :

– Thôi đi. Bao nhiêu đây đủ rồi. Cô Nhung đi kiếm cá, đường xa thêm nắng nôi.

Nhung bước ra cửa sau. Hai Tam đứng dậy, vươn vai, giả vờ đi tìm một cọng lạt để xĩa răng. Chú đến sân. Đường như Nhung dừng lại. Chú tăng hăng... Nhung day mặt, mỉm cười. Hai Tam cúi đầu chào rồi trở vào.

Lão thấy rần tức tối vô cùng. Lúc Hai Tam vắng mặt, lão khêu Sáu Hiền:

– Thằng này nguy hiểm lắm. Coi chừng... nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà.

Sáu Hiền lắc đầu:

– Tôi luôn luôn rộng lượng với mọi người. Nhà tôi đâu có vàng bạc ngọc ngà gì mà sợ. Chẳng lẽ nó điếm chỉ cho bọn

ăn trộm cướp phá nhà tôi.

– Nó phá hại chuyện khác. Nó làm cho ông điều đúng. Thằng này hơi trắc nết.

Sáu Hiền nói:

– À! Thầy muốn nói rằng nó tình tự với con Nhung? Khó lắm. Con gái tôi là đứa nết na.

Bỗng dưng Hai Tam chạy vô nhà:

– Bác ơi! Cô Nhung làm gì chạy sấn sả về! Hay là cọt rượt.

Sáu Hiền và thầy rần ra sân.

– Đâu! Kia! Cái gì vậy Nhung?

Nhung xám mặt, chưa thốt nên lời. Từ phía ngọn rạch Ông Rầy, tiếng mõ nổi lên vang dậy, ở mấy nhà kế cận, dân

chúng tìm khúc củi, đập mạnh vào cột nhà, bộ ván, nôi đồng, mâm thau.

Hai Tam hỏi lại:

– Cọp hả? Gây tiếng động cho cọp chạy hả?

Sáu Hiền và lão thầy rắn chạy thẳng đến đầu xóm. Hai Tam và Nhung đứng gần nhau. Hai Tam đánh bạo nắm tay nàng:

– Em. Anh tới đây vì nhớ em.

Nhung giựt tay ra:

– Sợ gần chết. Ông Hồ.

– Sợ nổi gì! Chẳng lẽ cọp tới đây ăn thịt anh em mình. Ba đi rồi.

– Rắn. Ông Hồ tức là ông rắn hổ. Lớn bằng cây cột nhà, quần tròn con nai.

– Nếu vậy thì nó là con trăn.

Nhung lắc đầu. Hai Tam đánh bạo nắm tay nàng lần thứ nhì:

– Tội nghiệp anh. Sau lần gặp gỡ đầu tiên, anh nhớ em. Nhưng vì bận rộn công việc tìm vàng trên rừng U Minh, anh theo chúng bạn, cốt ý tìm... vàng để gây dựng tương lai cho em. Hồi này, em nhớ mặt anh không? Anh chèo xuống qua lại trước bến năm bảy lần, thấy em, anh mừng quá. Dè đâu lên nhà gặp thẳng cha già địch.

Nghe lời tâm sự của Hai Tam, Nhung cảm động bồi hồi. Nàng thấy tương lai chói sáng trước mắt. Hai Tam tìm mỏ vàng ở U Minh. Chàng trở lại đây, chắc là vì gặp mỏ vàng. Rõ ràng Hai Tam là người trọng tình yêu hơn tiền bạc. Nhưng hỏi han tin tức về mỏ vàng vào giờ này

thì quá sớm. Hai Tam sẽ khinh nàng, cho rằng nàng yêu vì tiền bạc chẳng.

Tiếng mõ, tiếng đập ván, đập mâm thau càng vang dội. Nhưng trở lại thực tế:

– Ờ. Họ đánh mõ cho rần chạy trốn. Thầy rần với ba em tới gốc đa ở cuối xóm. Thầy ta chờ bắt rần để trở tài bắt rần cho bà con lối xóm biết mặt và để... cưới em đó.

Hai Tam chợt nghĩ ra:

– Anh em mình nên tìm chỗ nào vắng vẻ, bàn tính chuyện mai sau.

Nhưng cau mày:

– Rủi ba em thấy được thì sao !

– Ông lo bắt rần với thầy rần. Bà con lối xóm sợ chết, ai hơi đâu mà rình rập

anh em mình.

Nhung đồng ý nhưng đưa ra điều kiện :

– Em sợ lắm. Anh đừng làm điều gì trái ý em là được.

Hai Tam mừng rỡ vì người đẹp đã ưng thuận :

– Mình nói chuyện ở đâu cho kín đáo ?

– Ở ngoài vòm có cái ao xung quanh đây sậy đổ. Mùa này ao cạn người ta tát cá hết rồi. Ra đó mà ngồi thì ấm áp vô cùng, chẳng ai thấy.

Đến bờ ao, Nhung len vào đám sậy già. Gió thổi hiu hiu, đột sậy rung rinh mở bông trắng tuyết. Vào giữa đám sậy, Nhung ngồi xuống dọn một khoảnh đất

trống rồi lấy sậy lót cho khô.

Hai người ngồi xuống.

Hai Tam xít lại gần:

– Em.

Nhung làm nghiêm :

– Dừng. Em chạy bây giờ,

– Xin lỗi em. Em muốn anh nói chuyện gì ?

– Chuyện làm ăn, chuyện lập gia đình. Hầm rày, lão thấy rắn tới nhà, gây cảm tình với ba em. Nếu phen này bắt hoặc đuổi được con rắn « hổ chúa » thì lão ta trở thành ân nhân của xóm. Sớm muộn gì ba em cũng gả em cho nó.

– Sao vậy ?

– Vì sợ nó thù oán: Em thì vì chữ

hiếu mà đành chịu ép duyên. Ở U Minh vui không anh ?

Hai Tam cố ý nói lái:

– Vui lắm.

– Kho vàng, mỏ vàng ở đâu? Anh gặp chưa? Chỗ bùn lầy nê địa làm sao có mỏ vàng? ? Em nghe nói ở trên núi cao mới có mỏ.

Hai Tam ngồi gần bên Nhung, nói rỉ vào tai nàng :

– Bí mật. Coi chừng có kẻ nghe lén.

– Ờ..

Nhung liếc vòng quanh. Lau sậy khua vào nhau sột soạt:

– Gió thổi vậy thôi anh cứ nói.

Hai Tam nói thao thao bất tuyệt về

cảnh vật rừng U Minh, sự tích Bao Công chặn bắn, chiếc xuống bằng đồng. Chú ta kết luận:

– Kho vàng của người Tàu bỏ sót lại trên đất mình. Anh gặp nhưng chưa muốn tri hô. Anh còn chôn giấu kỹ lưỡng. Nếu tri hô thì bọn cướp giết anh để chia của. Hiện giờ, mấy người tìm vàng đã qua vùng khác... Một mình anh hiểu rõ chỗ chôn vàng của người Tàu.

✱

Đám người nhìn nhau, ngơ ngác. Người thì bảo rằng con rắn hổ to tướng đã chạy vào rừng chồi, kẻ khác quả quyết:

– Ổng chun vô hang, còn đó. Hồi nãy ổng bắt trọn một con heo con.

Mặc cho thiên hạ cãi vã, lão thầy rắn ung dung hút thuốc, bên gốc cây gừa.

Sáu Hiền ngồi bên cạnh lão, hỏi khẽ:

– Thầy nghĩ thế nào ?

– Để đó. Thiếu gì dịp. Bữa nay không nhằm giờ linh thiêng. Ông rắn hổ này tới xóm đề đòi nợ.

Sáu Hiền vẫn thắc mắc:

– Cái hang còn sờ sờ. Thầy phải làm bùa phép như thế nào cho ông rắn hổ bò lên. Bằng không thì khó ăn khó nói... Ai nấy đều trông mong thầy trở tài...

Lão thầy rắn giữ thái độ nghiêm nghị ra vẻ suy nghĩ, hai tay chấp lại để trước ngực như một tu sĩ chân chánh đang tham thiền nhập định. Chẳng ai đoán được ra tâm trạng xao động của lão. Lão nhớ tới Nhung. Nó chạy về đâu? Hay là nó ngồi nhà, tha hồ tình tự với Hai Tam. Hai Tam là ai? Biết đâu Hai Tam đã từng

chung chạ với con Nhung, lão chỉ là kẻ đến sau thôi, dầu sao đi nữa, lão không chịu thua trí một đứa trẻ ranh như Hai Tam. Đầu đuôi cũng tại con rắn hổ này. Vì nó xuất hiện bất ngờ nên lão mất thời giờ quý báu.

Sáu Hiền thúc hối:

– Thầy nhầm bề bắt ông rắn hổ này được không?

Lão thầy rắn muốn về lập tức. Trong đám người đứng lao nhao lỗ nhổ chung quanh cây gừa, nào thấy bóng dáng con Nhung và Hai Tam.

Nhưng làm sao về trong khi lão chưa làm xong nhiệm vụ? Sáu Hiền buồn rầu hơn ai hết. Nuôi quân ba năm để dùng một ngày. Sau mấy tháng ròng rã ăn nhậu, giờ đây lão thầy rắn ngồi trơ trơ

bất lực như bao nhiêu kẻ khác.

Sáu Hiền nói:

– Nếu hôm nay chưa nhắm giờ linh, thầy cho anh em biết kéo họ chờ đợi.

Lão thầy rần gật đầu. Cái hang rần còn đó, miệng hang trơn láng chứng tỏ rằng con rần đã chui vô. Tài nghệ của thầy quanh đi quẩn lại chỉ là đùa giỡn với mấy con rần nhỏ, do thầy nuôi nấng. Con rần dưới hang quá to. Lão chưa biết nó thuộc loại gì, làm sao nó bò lên được?

Trước đám đông, lão biết cách gây uy tín, dàn cảnh khéo léo. Hồi lưu lạc ở núi Thất Sơn, lão học được kinh nghiệm: rần luôn luôn sợ đám đông, sợ loài người. Hễ gặp loài người là rần tìm cách tẩu thoát. Giờ đây con rần hổ mà lão chưa bao giờ thấy mặt đành nằm chui rúc dưới hang

tối. Nhứt định nó nằm miết dưới đó, chẳng bao giờ dám chui ra.

Sáu Hiền nói :

– Thầy định liệu thế nào ? Xế chiều rồi. Hay là đốt nhánh cây rồi quạt cho khói chui xuống hang để rắn ngộp thở, bò lên.

Cái sáng kiến bất nhơn ấy khiến lão thầy rắn xám mặt. Nếu chui lên rắn sẽ mổ ngay lão vì lão là người ngồi gần miệng hang. Chừng đó, lão sẽ co chân tẩu thoát trước hơn ai hết.

Để bác bỏ ý kiến ấy, lão thầy rắn chẳng cần suy nghĩ dông dài :

– Ông anh đừng chơi đại như vậy. Điều trước tiên là nếu xông khói, chúng ta xúc phạm quỷ thần. Con rắn hổ này đã thành tinh, nó biết... nghe tiếng nói của

loài người.

Sáu Hiền hơi giận :

– Tôi đốt lửa, tôi quạt khói cho. Nếu quỷ thần linh thiêng thì tôi chết trước. Thấy cú lo bắt con rắn cho thiên hạ thấy.

Lão mồm cười :

– Rắn có hang.

Sáu Hiền nóng nảy đáp:

– Điều đó đứa con nít cũng hiểu

– Nhưng hang thì có ngách. Hang rắn ăn thông qua nơi khác. Mình quạt khói nơi này, rắn ngộp thở, chui lên mặt đất theo nẻo bí mật khác...

Sáu Hiền nói gắt :

– Nếu nó chui theo ngách, trốn mất thì may mắn cho bà con xóm này. Chúng

tôi rước thầy tới đây để bắt con rắn hoặc đuổi nó đi nơi khác, vậy thôi, tại sao thầy lưỡng lự?

Hàng chục người bàn tán thì thảo nói xa nói gần như châm chọc, thách đố lão thầy rắn. Có kẻ ác miệng nói đùa:

– Nếu con rắn này còn thì thầy rắn mới còn... cơm ăn rượu uống, nếu không có ma quỷ thì thầy phù thủy sống với ai? Mà xin lỗi bà con tự xưa rày, ai thấy tận mắt con rắn này? Tôi hồ nghi đó là con rắn.. bịa đặt, do một tay em của thầy rắn phao tin...

Đã đến lúc lão thầy rắn không còn đất đứng. Con Nhung, Hai Tam, Sáu Hiền đến cả xóm, ai cũng chán ghét, xem lão là phường vô dụng. Lão đã no say, sống phè phỡn từ mấy tháng qua. Lão đã chán xóm Ông Rầy, vì tất cả đều chán ngán

lão. Lão nghĩ đến bài toán chót: bắt cóc con Nhung rồi qua xứ khác, xây tổ uyên ương.

Rải rác, vài người rủ nhau về. Họ nói:

– Bữa nay, tổ trác thầy rần rồi.

Lão thầy rần liền đứng dậy, đúng lúc để ra về:

– Nè bà con coi! Tổ trác tôi, thiệt đó. Tôi làm không nên chuyện, không bắt được con rần hổ này cũng vì bà con trong xóm khinh thường quỷ thần.

Đám người trở mắt nhìn lão thầy rần đã phản ứng. Lão tiếp lời:

– Giờ này, nhiều người làm chuyện ô uế. Tôi bắt rần hàng chục, hàng trăm lần mà chưa lần nào ngồi mang nhục như vậy. Tôi mang nhục vì bà con làm nhục.

Sáu Hiền hỏi nhanh:

– Thầy nói điều gì, mơ mơ màng màng làm sao chúng tôi hiểu?

– Có người làm chuyện tối phong bại tục, ô uế cách đây không xa.

Rồi lão nắm tay Sáu Hiền:

– Tôi chưa dám nói ra. Tôi buồn lắm.

Nói xong lão thầy rần đi phăng phăng về nhà Sáu Hiền. Lại một đề tài mới cho ai nấy bàn tán. Chuyện gì gọi là ô uế, tối phong bại tục? . Bọn người tò mò bắt đầu kính nể – nói đúng hơn là họ sợ thầy rần trả thù. Theo lời đồn đãi thông thường, bùa phép của thầy pháp thầy phù mất hiệu lực nếu trong đám cử tọa có kẻ vô tình hay cố ý phá hoại thí dụ như vãi trấu trước sân, như phụ nữ đến kỳ kinh nguyệt mà đứng bên cạnh thầy.

Sáu Hiền cố bước nhanh nhưng chẳng tài nào theo kịp thầy răn.

– Thầy ơi! Chờ tôi.

Lão thầy răn đáp:

– Họ làm chuyện ô uế để phá tôi.

– Họ là ai?

– Buồn quá, nếu họ là người xa lạ thì tôi giết họ rồi. Đằng này họ là người gần gũi... trong nhà.

Sáu Hiền chột hiệu. Con Nhung và Hai Tam đâu rồi? Tại sao họ vắng mặt? Không ra phía cây gừa để xem bắt rắn thì chẳng lẽ họ đàm đạo ở nhà lúc mọi người lo lắng cho sanh mạng cả xóm, tại sao họ ung dung thảnh thơi?

Vừa bước vô nhà, Sáu Hiền gọi to:

– Nhưng ời!

Sáu Hiền chạy xuống bếp, từ mấy năm qua, lúc dậy thì, con Nhung thích chưng diện nhưng không bao giờ có cử chỉ sỗ sàng lả lơi với bọn trai tơ. Bếp lửa lạnh tanh. Con gà mái nháy qua rổ chén. Sáu Hiền hươi tay. Con gà hoảng sợ, vỗ cánh, bay sà sà. Nhung vì quá nặng, nó bay không nổi. Trước khi nháy, con gà nhún chân khiến cái rổ chén đổ xuống đất.

Điều xui xẻo gì đây ? Sáu Hiền chửi đồng:

– Con gái không nên nết. Nhung!

Lão thầy rắn nằm trên bộ ván, cười bí hiểm. Lão đã dư hiểu giờ phút này con Nhung đang làm gì, ở đâu? Nếu nói thẳng ra. Sáu Hiền sẽ khinh khi lão, cho

rằng lão ghen tương, có ác ý. Lão đã mất uy tín với Sáu Hiền khi chọc ghẹo con Nhung vô hiệu quả. Con Nhung đã thuật lại cho Sáu Hiền nghe nhưng Sáu Hiền bỏ qua vì con rắn còn sờ sờ đó.

Hay là con Nhung bị giết ? Sáu Hiền hoang mang, nhớ đến những chuyện hoang đường: rắn bắt người sống mà ăn thịt. Sáu Hiền đành mở miệng hỏi :

– Con Nhung đâu ?

Lão thầy rắn tức tối:

– Làm sao tôi biết.

Sáu Hiền càng hoang mang, hồ nghi rằng chính lão thầy rắn đã âm mưu bày chuyện rắn xuất hiện để thừa cơ hội ấy, cho kẻ khác đến bắt cóc con Nhung. Kẻ ấy là Hai Tam chăng ?

Sáu Hiền chạy ra cửa trước, thấy chiếc xuồng của Hai Tam còn buộc dưới bến.

– Lạ quá. À ! Thấy thấy Hai Tam không ?

– Lạ quá. À! Thấy thấy Hai Tam không?

Lão thầy rắn nói một câu thâm độc. Lão muốn Hai Tam phải chết vì bàn tay Sáu Hiền. Và giờ phút này lão muốn chứng minh rằng lão trong sạch, không mê sắc dục như Sáu Hiền lắm tưởng:

– Hai Tam là người bà con của ông anh.

Sáu Hiền cau mày, đành thú nhận:

– Xin lỗi thầy. Thấy xuồng bến, thấy Hai Tam trước tôi. Tôi chưa chấp Hai

Tam vì nó lỡ đường, tôi thì hiếu khách. Xứ này, hễ thấy ai lỡ đường là tôi sẵn sàng cho ăn ở đùm đậu.

Bỗng dưng lão thầy răn cảm thấy đau nhói. Chắc chắn rằng con Nhung và Hai Tam đang tình tự với nhau. Chúng nó tình tự với nhau. Chúng nó tình tự quá lâu rồi. Trai gái mới lớn nên thường quá si mê, bất chấp dư luận, không cần dè dặt giữ bí mật. Sau khi nằm trong vòng tay Hai Tam quá lâu, con Nhung chỉ còn là đóa hoa tả tơi mất hương sắc. Lão nói:

– Hồi nãy ở ngoài gốc cây gừa, tôi làm bùa phép mà không linh nghiệm vì chuyện tồi phong bại tục, chuyện ô uế... trong nhà này. Ông anh hiểu chưa?

Sáu Hiền chạy ra sân, nhìn dáo dác. Khỏi khu vườn chừng vài mươi bước là cây cỏ mọc um tùm. Rạch Ông Rầy

hoang vắng, chúng nó tình tự tại đâu?
Sáu Hiền lại ra sau vườn dòm đảo dác:

– Nhung ơi!

Tiếng gọi ấy tan mất, chẳng vọng lại. Hay là con Nhung bị Hai Tam cưỡng hiếp rồi giết chết? Hai Tam là ai? Chẳng lẽ mới quen biết với nhau mà chúng nó yêu nhau quá sớm. Con Nhung đâu phải là gái mất nết?

Vừa lúc ấy Hai Tam xuất hiện. Anh ta hút thuốc, bước khoan thai ra khỏi khu rừng chồi:

– Chú Sáu kiếm cô Nhung hả?

Sáu Hiền nén giận không được:

– Ủ! May đi đâu nãy giờ? Nó ở đâu?

Hai Tam giả vờ như kẻ ngây thơ:

– Cháu theo dõi.. con rắn, Cháu đầu có ở nhà,

Sáu Hiền nói gằn :

– Còn con Nhung?

Cuộc ái ân vụng trộm vừa qua khiến cho Hai Tam hiu hiu tự đắc. Nếu là con nhà gia giáo, có căn cội thì anh ta sợ dư luận xóm riêng. Đằng này, anh ta la kẻ phiêu bạt giang hồ: Chưa ắt Sáu Hiền dùng võ lực để thanh toán trong khi ông ta chưa bắt quả tang.

Tuy nhiên, Hai Tam chột hối hận. Anh ta suy nghĩ:

Mình tư tình với con gái ông rồi mình làm phách, thách đố ông thì hóa ra kẻ tiểu nơn. Ông nào phải kẻ tì ừ. Làm cha, ai chẳng nóng ruột khi hiểu ngầm rằng con gái mình mất nết với trai, nhưt

là chàng trai vô nghề nghiệp. Mình nên xin lỗi Sáu Hiền.

Sáu Hiền đến gần Hai Tam, tròn mắt như toan thộp ngực anh ta mà đánh cho hả giận :

– Mấy đi đâu?

Hai Tam vẫn trả lời như cũ :

– Cháu coi con rắn...

Lão thầy rắn chạy đến, sau lưng Sáu Hiền. Bộ mặt si tình, ghen tương của lão ta trông thật đáng ghét. Lão ta nói với Sáu Hiền bằng một giọng trịnh trọng:

– Tôi hiểu hết. Con nít bây giờ quá trời rồi. Tụi con nít gian mà không ngoan. Bây giờ mình già cả, hồi xưa mình cũng trẻ tuổi, cũng rắn mắt như tụi nó...

Lời nói xỏ xiên trịch thượng ấy khiến Hai Tam giận run. Anh ta ra mặt chống đối:

– Ông già rồi! Ông làm thầy răn thì ráng bắt cho xong răn, tại sao ông can dự vào việc riêng của tôi. Vái trời cho con răn đó sống dai để ông... có rượu uống cơm ăn.

Sáu Hiền quắc mắt:

– Hai Tam cháu đừng nói hỗn. Con Nhung đâu?

– Cháu với con Nhung mới quen nhau một ngày. Cháu đâu biết nó đâu.

Cảm thấy mình ngớ ngẩn, Sáu Hiền quay sang vấn đề khác.

– Về mà ăn cơm. Buồn quá bữa nay gặp toàn chuyện xui xẻo.

Hai Tam nheo mắt cười. Lão thầy răn càng tức tối. Lão ta đoán chắc Hai Tam đã tư tình với con Nhung nhưng nói ra khó quá, chưa nắm được bằng cứ. Rõ ràng Hai Tam là đối thủ lợi hại.

Mới đến có một ngày mà anh đã chinh phục quả tim con Nhung, hưởng lạc thú xác thịt. Hai Tam lại đủ thông minh để vạch mặt lão. Thật ra chẳng tài nào dùng bùa phép để bắt con răn ấy được.

Hai Tam giả vờ làm thân:

– Thầy ơi ! Cho xin điều thuốc.

Lão thầy răn cau có:

– Chú em còn nhỏ, đừng hút quá sớm.

– Nãy giờ... mệt quá. Tôi thấy con

rắn nọ có vảy, co bốn chân, trên đầu có mòng đỏ hói. Nó bay trên ngọn cây. Tại sao thầy chưa bắt nó, lột da coi chơi?

Lão thầy rắn lại nổi giận :

– Đừng hỗn hào. Hồi nãy, bởi vì trong xóm có chuyện ô uê nên bùa phép của tôi không linh nghiệm,

– Chuyện gì ô uế ?

Sáu Hiền bước nhanh, nói với lại:

– Thôi đi ! Hai người này sao cãi và với nhau hoài vậy ?

Trên con đường gồ ghề Sáu Hiền bước mạnh, bàn chân đau điếng như đập trên gai góc, sỏi đá. Còn hơn sỏi gai nữa, Sáu Hiền ví mình như đang sống trong cái ổ ong, trong miệng cọp, trong vạc dầu sôi. Hai Tam và lão thầy rắn là kẻ bắt

lương lợi dụng lòng hiếu khách của lão. Lão buồn buồn. Mấy chục năm rồi, lão lập nghiệp tại đây, mong mỗi xóm làng trở nên đông đúc, phồn thịnh. Đình làng sẽ dựng lên, lão được làm hương chức đình. Mong ấy không thành vì... con rắn hổ còn đó.

Nếu trừ được con rắn hổ, lão sẽ gây được uy tín với xóm giềng vì đã nuôi nấng lão thầy rắn, chịu tốn kém cho xóm làng được nhờ.

Phải ly gián hai thằng này mới được. Hai Tam với lão thầy rắn đang kình chống với nhau. Mình nên chia tụi nó ra hai phe để dễ bề tìm hiểu...

Từ nhà bếp khói bốc lên cuộn cuộn. Và con Nhung đang ngồi bên lu nước lui cui đập đầu mấy con cá lóc, xỏ lụi để chờ nướng trui.

Hai Tam nói to để thanh minh cho trường hợp của anh ta:

– Bác Sáu ơi! Cô Nhung đó! Cô Nhung ở sau nhà sao bác hỏi tôi?

Nhung là cô gái thông minh. Nghe câu nói của Hai Tam, Nhung vững dạ. Như vậy có nghĩa là Hai Tam không nhìn nhận gặp Nhung: lúc thiên hạ lo việc bắt răn. Nhung ung dung vào bếp giữ thái độ trầm tĩnh.

Sáu Hiền nói:

– Nhung ! Nấu cơm rồi chưa?

Nhung đáp tỉnh khô:

– Nãy giờ con nấu cơm. Bắt được con răn không ba? Ở nhà con sợ quá. Rủ con răn nó chạy vô nhà này thì nguy!

Lão thấy răn càng tức tối. Sau khi

tình tự ngoài rừng chồi, con Nhung còn ngạo mạn, giả mù sa mưa chế giễu lão. Nó sung sướng khi gặp Hai Tam.

Nó sẽ âm mưu với Hai Tam để đưa lão ra khỏi nhà này. Sau khi Sáu Hiền chết. Hai Tam là tên bơ vơ, vô nghề nghiệp trở thành con rể trong gia đình, thừa hưởng gia tài.

Nhung gây gổ với con Nhung làm gì ? Lão thấy rắn dụ giọng. Lão muốn lôi cuốn Sáu Hiền, con Nhung đứng về phe lão để tống xuất Hai Tam:

– Con rắn này lợi hại lắm cháu, Nó không dám vô nhà này đâu. Chùng bắt được con rắn, bác cho cháu xem. Bác nhứt định bắt nó, một ngày gần đây.

Hai Tam hơi nhột nhạt:

– Thế gian này thiếu gì rắn. Tôi nghe

thánh hiền dạy rằng: trong lòng mỗi người đều chứa chấp một con rắn độc.

Bữa cơm dọn ra. Sáu Hiền chẳng thèm uống rượu, lão mời hơi :

– Ai ăn thì ăn.

Hai Tam và Sáu Hiền lên bộ ván. Con Nhung đứng lóm thóm dưới nhà bếp, hiểu rằng giông tố sắp nổi dậy, trong gian nhà này.

✱

Đêm sáng trăng. Cảnh vật mơ màng, mấy cành tre vươn lên khỏi nóc nhà Sáu Hiền, đuông đưa. Đó là những nét yếu điệu mềm mại nhút trên nền trời xanh thẳm, trong vắt. Muối bay từng đàn. Hễ bước mạnh, đụng vào lùm cây là muối bay tủa ra. Nhung và Hai Tam ra sau nhà, tìm gốc cây xoài mà ngồi.

Hai người đã hò hẹn gặp nhau bàn kế hoạch ăn thua với lão thầy rần.

Cây xoài um tùm, mọc bên thềm địa. Cá ăn móng, đớp bọt. Thỉnh thoảng, vài con cá lóc nhảy dựng, phóng mình lên rồi rơi tòm xuống. Hai Tam lo ngại:

– Ngồi ở đây yên không?

Nhung đáp:

– Yên lắm. Chùng này ba ngủ say.

– Anh sợ mấy người trong xóm rủ nhau tới đây bắt cá, giăng câu. Họ gặp tụi mình...

– Hơi đâu mà sợ. Xứ này thiếu gì cá.

- Còn lão thầy rần. Lão đi đâu suốt buổi chiều mà chưa về 2.

– Ai biết ! Anh à ! Đã thương nhau

anh em mình nên lo liệu. Ở đây khó bề yên ổn. Cha em có thể giết em nếu hay biết chuyện tình tự này. Lão thầy rắn quyết lòng phá hại đời em. Cha em muốn giữ thể diện với xóm làng nên để cho lão ta ve vãn. Ngày nào đó, lão bắt sống em, đem đi nơi khác. Thà rằng em theo anh đến rừng U Minh.

Nghe qua, Hai Tam sùng sốt. Dè dàu. Nhưng lại dám sống chết với người yêu. Phải chăng vì sống bần chạt trong khuôn khổ gia đình, Nhưng đâm ra chán nản, muốn tìm một chân trời mới, xa vùng lau sậy rạch Ông Rầy? Nhưng đưa Nhung lên U Minh là điều khó khăn. Đôi uyên ương sẽ làm gì để sanh sống? Hai Tam nhớ đến bầy muỗi rừng dậy lên, suốt ngày đêm Lục cù, tên Mách, Tư Bá và đồng bọn đang làm gì?

Nhung chưa hiểu nỗi thắc mắc của

Hai Tam. Nàng nhắc lại:

– Anh chưa tin lời em sao? Em muốn chúng ta sống ở ven rừng nào đó, xa lánh xóm giềng. Em lo cấy lúa trồng khoai, anh thì lo... tìm kho vàng.

Hai Tam lắc đầu, thở dài. Anh ta đã bịa chuyện tìm vàng để nói cho Nhung nghe chơi. Anh quả quyết với Nhung rằng kho vàng ấy hãy còn, chưa ai biết rõ địa điểm. Nhung quá tin vào lời Hai Tam và tin chắc rằng Hai Tam đã thật sự lên thám hiểm vùng U Minh.

Hai Tam gật gù:

– Trên rừng, cực khổ lắm. Anh sợ em chịu muỗi cắn mất máu, sưng mặt mày, sanh ghẻ chốc. Muỗi gì mà bay như trấu vãi. Hùng sáng, hể khoát nước rửa mặt là muỗi lột vỏ bay lên. Bệnh lắm.

Nhung hỏi :

– Bệnh gì ?

Hai Tam nói bịa thêm để Nhung đừng đòi hỏi trốn lên U Minh. Anh muốn dục hiểm cầu mưu. Dầu sao đi nữa, sống ở rạch Ông Rầy vẫn vui thú hơn, muối ít, nước ngọt quanh năm, cơm ăn đầy đủ ngày hai buổi, ăn trên bộ ván. Đó là chưa nói tới những thức ăn nấu nướng khéo léo đầy đủ gia vị.

– Ở U Minh, anh chưa thấy bóng dáng người đàn bà nào cả.

Nhung hoảng sợ:

– Tại sao?

– Bệnh rét kinh niên, bệnh chói nước. Ai chưa quen thì uống nước rừng vài hôm là bụng lớn như... cái trống châu,

mắt vàng khè, nước da vàng như nghệ. Em mà lên đó vài tháng thì xấu xí, mặt nám chân phèn. Xưa nay, chỉ có bọn đàn ông mới hiên ngang phá rừng cuốc rẫy.

Nhung hỏi:

– Làm sao họ tạo lập gia đình?

– Khi nên nhà nên cửa, họ mới cưới vợ.

– Em muốn làm người đàn bà... anh hùng, phá rừng cuốc rẫy lần đầu tiên... Chết cũng vui. Hễ mang bệnh thì em về đây nằm tịnh dưỡng...

Hai Tam chợt nghĩ ra ý kiến để ngăn cản Nhung:

– Đàn ông thì đông, đàn bà quá ít. Người đi khai hoang chẳng muốn có bóng dáng đàn bà gần họ.

– Tại sao vậy?

– Đàn bà khuấy rối, khiến bọn đàn ông ghen tương, đâm chém lẫn nhau. Nhứt là đàn bà đẹp như em.

– Em ở với anh, trong căn chòi hẻo lánh, gần kho vàng...

Hai Tam vẫn ngăn cản:

– Rủi để chữa thì thiếu bà mụ. Còn gì khổ cho bằng một thiếu nữ sanh con đầu lòng giữa rừng...

Nhưng cười khì.

– Anh bàn lui hoài. Thương nhau tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua.

Gió đêm thổi mát rượi, xua đuổi mấy đàn muỗi. Loại muỗi ở vùng đất khai phá xong luôn luôn yếu đuối, không lì lợm và

ngu dại như muối ở U Minh. Muối đập một con, thật khó. Hai Tam vừa vung tay lên là con muối đã đánh hơi, bay mất.

Nhung hơi ngạc nhiên vì Hai Tam im lặng quá lâu.

- Anh buồn hả?
- Hơi buồn buồn.
- Sao vậy ?

Làm sao nói sự thật cho Nhung nghe ? Nếu đem Nhung về rừng, lấy gì làm sanh kế. Những ngày đầu tiên Nhung thối chí. Khó tìm một cọng rau, một trái ớt. Rau cải vừa trồng xuống đất là bao nhiêu trùn để kéo tới phá hại. Lại còn nạn cạp beo, tuy mơ hồ nhưng ai dám bảo đảm rằng không có. Nếu để Nhung ở đây, trước sau gì nàng cũng lọt vào tay kẻ khác.

Hai Tam nghe cảm giác gì nặng nặng trong lồng ngực. Đầu Nhung nghiêng dần rồi ngã vào vai Hai Tam như trái chín rụng. Hai Tam cúi mặt hôn người yêu.

Nhung Nhung vội vã ngồi lui ra xa:

– Anh! Cái gì rớt xuống kia?

Có tiếng rơi nhẹ, từ trên cây. Nhánh cây xoài rung chuyển. Con vạc vỗ cánh, bay đi, kêu oang oác. Để chứng tỏ mình đầy đủ bản lĩnh, Hai Tam vội trấn an:

– Đâu có gì! Trái xoài rụng.

Nhung uối khế:

– Anh điên rồi hả ? Mùa này đâu có xoài.

– Đó là cái nhánh khô.

Đột nhiên, Nhung ôm chầm lấy Hai Tam:

– Nó đó! Con ma...

Hai Tam sửng sốt, một vật gì đen đúa, khá to, từ trên nhánh xoài từ từ buông thòng xuống, toòng teng, cách xa chừng vài thước. Hình dáng nó giống hệt cái thân, với bắp đùi, bắp chuối, bàn chân và cái đầu gối cong cong. Hai Tam chỉ sợ thú dữ hay là kẻ thù nào mang võ khí. Ma quỷ do loài người tạo ra. Cái thủ đoạn này anh đã nghe nói, đã nghe người khác giải thích.

Hai Tam day ra sau lưng. Một nhánh xoài khô nằm lẫn lóc, do ai đốn sẵn nhưng chưa đem về làm củi. Anh vững bụng. Đó là thứ võ khí thuận lợi nhất,

nếu xảy ra chuyện bất trắc.

Anh nói khẽ:

– Còn cái chân thứ nhì. Em chờ xem...

Đúng như lời Hai Tam dự đoán, cái chân thứ nhì từ từ buông xuống rồi đơng đưa, không chấm mặt đất.

– Con ma giả em ơi!

Nhung run rẩy:

– Mình chạy trốn...

– Không được. Ban đêm mà chạy ẩu, dễ gặp tai nạn. Trước khi bày cái trò này, tụi nó đã sắp xếp trước để hù tụi mình chạy. Cứ ở đây ?

– Em sợ lắm.

– Nếu chạy về nhà, ba em nghi ngờ.

Em sao khờ quá. Cái thằng rung cây nhát khỉ này muốn chia rẽ hai đứa mình. Nó nổi ghen. Nó sợ mình, tại sao mình sợ nó.

– Kìa! Cái đó...

Nhưng nói không trọn câu. Một thân hình, một cánh tay buông xuống toòng teng như treo bằng sợi dây mảnh khảnh.

Hai Tam quyết định ra tay, giết cho kỳ được thủ phạm. Thủ phạm là ai? Anh phân vân.

– Trước khi gặp anh, em có hứa hôn hoặc dan díu với cậu trai nào không vậy Nhung?

Nhung ngược mắt:

– Cái chết đã gần kề sao anh hỏi em điều đó. Không có ai hết.

Hai Tam quả quyết: thủ phạm là lão thầy răn chó ai xa lạ. Hắn theo dõi, hiểu địa thế và đoán chắc hai người đến gốc xoài này để âu yếm. Hai Tam nghe nói: bọn trộm cướp thường tiện từng khúc cây giống như đùi, mình, đầu, tay người. Chúng ngồi trên ngọn cây, buộc dây, cho thòng xuống từng bộ phận để nhát mấy người yếu bóng vía. Đó là loại ma có hình dáng ai cũng nhận thấy. Nếu kẻ đứng xem mà thách đố, bọn bất lương vẫn ung dung cho khúc chân thòng xuống hay rút lên để rồi sau rốt, tất cả những bộ phận ấy ráp lại, giống như con người

Nhung thúc giục:

– Về, anh ơi!

– Về thì ba em hay biết. Anh muốn ở đây ăn thua với nó.

Rồi Hai Tam cố ý to:

– Nó là thằng cha thấy rần. Nó ngồi trên ngọn cây này. Mình ngồi dưới gốc cây với thanh đoản đao, làm sao nó dám xuống: Mình cứ yêu nhau sáng đèn, nó mắc kẹt trên ngọn cây.

Rồi anh ngựa mặt quát to:

– Thằng kia muốn sống thì xuống đây, chạy trời cũng không khỏi. Tao biết mày là thằng thấy rần.

Có tiếng cười rú lên. Những tiếng cười phát ra từ bụi cây mua, phía trước mặt. Hai Tam rối trí, chẳng hiểu tại sao có hiện tượng ấy! Mọi việc xảy ra không đúng với dự đoán của anh. Anh suy nghĩ: “Sao vậy? Tại sao nó không ngồi trên cây để giết đây, thả mấy cái chân cây đó! Ai ngồi trong bụi mua, trên mặt đất? Chắc

là tụi nó đông đảo, gồm ba bốn đứa như vậy là mình bị bao vây tứ phía, mãnh hổ làm sao chống nổi với quần hồ?”

Với nhánh khúc cây nằm gọn trong lòng bàn tay, Hai Tam đứng dậy bước tới, sau khi nói với Nhung:

– Em đừng chạy. Tụi nó bắt sống em đó. Ở đây có anh.

Một bóng người nhô lên từ bụi cây mua. Trời tối om nhưng Hai Tam nhận ra dễ dàng:

– Thằng già dịch. Tao đập mày. Chạy hả?

Vừa nói, anh vừa chạy tới bụi cây. Cái bóng đen chạy trốn. Hai Tam chẳng muốn gây tiếng động. Giết lão thầy rắn để làm gì lúc này. Anh muốn giữ thể diện cho Nhung, anh muốn ở xóm Ông Rầy.

Anh chạy vòng quanh để chặn đầu :

– Thầy răn ! Đứng lại chớ. Tao biết mặt mày rồi.

Lão thầy răn lính quỳnh, té quỵ xuống, chấp tay:

– Cậu tha tội cho tôi.

– Đứng dậy, nói chuyện đảng hoàng. Mày ra đây hồi nào? Đứa nào ở trên ngọn cây? Còn đứa nào nữa? Tụi bay mấy đứa?

Lão thầy răn nói:

– Một mình tôi thôi. Tôi xin cậu đừng cho ai biết chuyện này...

– Chuyện này là chuyện gì? Đứa nào ngồi trên ngọn cây xoài, thòng mấy khúc hình nộm xuống đó.

– Dạ, một mình tôi...

Hai Tam đâm mạnh vào ngực hẳn. Lão ta kêu lên một tiếng hự, rồi té sấp, anh bước sấn tới, đập lên lưng lão ta:

– Vô lý! Mày kêu thằng đó xuống.

– Dạ, đâu có!

– Tới nước này mà còn dối.

– Sao cậu nghi ngờ tôi. Tôi... nói thật. Tôi đâu thềm ngồi trên ngọn cây để buông thông mấy khúc hình nộm xuống. Tôi ngồi tại bụi cây mua này buộc sợi dây dài để điều khiển. Dễ quá...

Nãy giờ, Nhung đã bớt sợ. Nàng lên tiếng can gián:

– Anh ơi! Tha cho ông đi. Em muốn về nhà. Mình ra ngoài này lâu rồi. Ở nhà, rủi ba thức dậy, ông nghi ngờ. Khổ lắm. Anh thì không sao, chớ em chắc chắn bị đánh đập.

Hai Tam thở dài:

– Ủ! Vậy thì em về trước. Để anh với lão già này ở lại. Anh là khách khứa, nếu bị trách mắng, anh dễ trả lời. Ông thầy rắn này cũng vậy,..

Nhưng mừng quýnh bước khỏi gốc cây xoài,

Trăng lên cao, Lão thầy rắn ngồi cú rữ như con mèo mắc mưa. Hồi lâu lão mới ngỏ lời:

– Cám ơn cậu. Mình là người lưu lạc, tới xứ lạ quê người tìm sanh kế. Xin cậu thương xót, dùng độ lượng quân tử mà đối xử với tôi. Người mạnh khỏe thì đi U Minh phá rừng tìm vàng. Yếu đuối như tôi, làm sao xông pha nổi. Tôi bày ra nghề bắt rắn. Rủi thay tôi gặp cậu. Tại sao cậu không lên rừng U Minh cứ ở đây

chen lẫn với tôi? Đất rộng người thưa, chí trai bốn biển là nhà. Người trẻ tuổi như cậu mà đánh đập kẻ lớn tuổi như tôi, thật là không đúng điều!

Nói xong, lão ho sù sụ rồi khóc rầm rứt như kẻ bị hiếp đáp. Hai Tam cầm lòng không đậu. Anh nhớ đến quả đấm khá mạnh mà anh vừa ban cho lão thầy rần.

Anh thở dài:

– Mình là người đồng cảnh ngộ. Xin lỗi ông. Ông đáng bậc cha chú, chỉ vì con Nhung xinh đẹp mà tôi với ông đâm ra thù nghịch.

Lão thầy rần gật đầu:

– Tôi già rồi. Hồi nhỏ tới từng tuổi này, chưa bao giờ cưới vợ. Thiếu gì gái đẹp ở nơi khác...

– Ông đừng hiểu lầm. Tôi quen với con Nhung từ lâu... Tôi lên rừng U Minh...

– Ủa! Sao cậu không ở trên đó?

Hình ảnh Tư Bá, Lục cụ, tên Mách hiện ra trước mắt Hai Tam. Lên rừng khai hoang nào phải chuyện dễ dàng thơ mộng như lão thầy răn mơ ước. Nó gay cấn đẫm máu. Ở rạch Ông Rầy, người ta giành gái đẹp, hoặc giành địa vị xôi thịt trong làng như Sáu Hiền. Ở rừng xanh đất đai dư, đất chưa đem huê lợi trực tiếp, người ta giành kho tàng. Nhưng nói sự thật náo nức ấy cho lão già gần đất xa trời này để làm gì? Hai Tam về đây vì anh là kẻ chiến bại, anh thối lui, rời khỏi U Minh. Giờ đây, anh chỉ còn một nẻo thoát.

– Tôi nhút định lên U Minh lần thứ nhì.

– Cho tôi theo với.

Ý kiến đột ngột ấy khiến Hai Tam cau mày:

– Ông già rồi, sức yếu. Lên đó làm chi?

– Để giữ thể diện.

– Tại sao ông không ở đây bắt con rắn mãng xà, ông rắn hổ gì đó? ? Sáu Hiền sẵn sàng nuôi ông trong nhà để ông trở tài... Bắt được rắn, ông nổi danh, ở không mà ăn chục suốt ngày, từ đầu xóm tới cuối xóm, cho tới chết.

– Nhưng... con rắn đó đâu có thật. Tôi ăn chục ba bốn tháng rồi.

– Cứ ở hoài. Giả mù sa mưa mà sống.

– Cậu chưa hiểu. Dân xóm Ông Rầy này kỳ cục lắm. Họ tin tôi nhưng khi nào họ biết tôi là tay lừa bịp thì họ giết tôi lập tức, một hột gạo cũng không thêm bổ thí. Đến lúc tôi ra đi...

– Tôi sẵn sàng giúp ông.

Cả hai ngồi bên gốc xoài, đêm khuya lạnh vắng.

– Còn thuốc không !

Lão thầy rắn sờ vào túi :

– Cậu đánh tôi, gói thuốc văng mất. Để tôi trở lại kiếm. Mình hút chơi rồi bàn qua kế hoạch để giữ thể diện cho tôi và để cậu... cưới con Nhung.

Hai Tam cười dòn:

– Ông nhường con Nhung cho tôi hả? Sáu Hiền đâu thêm gả nó cho sao tôi

có tiền làm đám cưới?

Lão thầy rắn đáp:

– Rốt cuộc chú mày được vợ mà khỏi tốn kém gì hết. Đời bọn mình như con chuồn chuồn “khi vui nó đậu, khi buồn nó bay”. Ngày mai, bọn mình lên đường, để lại cho xóm này nhiều chuyện vui, chuyện buồn. Mình về...

Trăng sắp lặn. Hai Tam đi lững thững bên cạnh lão thầy rắn không nói một lời. Qua khỏi vùng lau sậy hoang vu, họ đến con đường mòn duy nhất xuyên qua xóm Ông Rầy.

Ngôi nhà Sáu Hiền hiện ra. Vài tiếng chó sủa văng vẳng. Đèn vẫn cháy sáng ở nhà trên và nhà bếp. Chưa đến nhà là Hai Tam đã hình dung được những gì đang chờ đợi.

Lão thầy rần cười khì:

– Nè Hai Tam. Lát nữa chú mày vô nhà, giả bộ như không hay biết gì hết. Chờ xem Sáu Hiền ứng phó với tội mình ra sao. Mình đừng lên tiếng trước. Chắc con Nhung bị đánh mềm xương về tội ban đêm trốn ra khỏi nhà để tình tự với trai.

Hai Tam lắc đầu:

– Tôi nghiệp con Nhung quá chừng. Làm cách nào gỡ tội cho nó ! Ông lớn tuổi hơn tôi, ông nên vô nhà để nói vãn vã với Sáu Hiền. Dầu sao đi nữa, Sáu Hiền cũng nể mặt ông hơn là tôi, Sáu Hiền muốn đuổi con “Mãng Xà” để ông ta lấy danh..

Nói xong, Hai Tam ngồi xuống, trong bóng tối. Lão thầy rần thúc hổi:

– Mầy dọ đường, thử coi Sáu Hiền đang làm gì ? Chẳng lẽ bọn mình ngủ suốt đêm ngoài sân, Sáu Hiền chưa bắt quả tang, tại sao mầy sợ?

– Ông nói nghe phải.

Thay vì bước vào nhà, Hai Tam đi vòng ra sau nhà đứng rình tại vách nhà bếp. Nhung ngồi lau nước mắt, đầu tóc rối nùi, đôi mắt bầm tím, sưng húp.

Từ nhà trên, giọng Sáu Hiền cần nhần:

– Thằng Hai Tam, thằng thầy rắn... hai đứa nó dụ dỗ mầy đi đâu? Làm thân con gái mà đèo bông ngu dại, bị hai thằng dụ dỗ một lượt. Mầy nói thiệt tao nghe. Tụi nó đi đâu, hẹn với mầy để làm gì? Tại sao chừng này mầy mới về? Để con như mầy thiệt vô ích. Tao giết mầy bây giờ. Sao mầy không nói?

Hồi lâu, con Nhung trả lời:

– Con ngủ rồi con giật mình, con mở cửa chạy ra sân...

Sáu Hiền cười gằn:

– Mà bị ma bắt hả? Tại sao mà giật mình?

– Thừa cha dường như có luồng gió mạnh thổi ngoài vườn, nhánh cây gãy răng rắc rồi có người chạy nghe thành thịch...

– Vậy hả?

Hai Tam chưa biết phản ứng của Sáu Hiền ra sao? Ông ta có tin lời đứa con gái vừa nói không? Sáu Hiền ưa tin chuyện dị đoan, huyền bí.

Vừa lúc ấy, lão thầy rắn bước vào nhà, mặt hơ hải:

– Trời ơi! Nếu tôi không sáng trí thì cả xóm này mang họa vì con mãng xà. Anh Sáu còn thức hả? Nãy giờ tôi với Hai Tam chạy ra vòm rạch để theo dõi.

Thừa cơ hội ấy, Hai Tam đi vòng đến sân trước nhà rồi bước vào, ngồi trên bộ ván, kể bên Sáu Hiền.

Sáu Hiền như sức tỉnh cơn mơ. Ông ta dụi mắt, ngáp dài, day lại:

– Ờ... hèn gì... Báo hại, tôi rầy, tôi đánh con Nhung.

Lão thấy rắn vẫn điềm tĩnh đóng kịch:

– Anh Sáu đánh nó về tội gì?

– Nó mở cửa, bỏ nhà. Ban đêm làm thân con gái thì phải ngủ tại nhà, chẳng được phép ra ngoài. Rủi hàng xóm hay

được, họ dị nghị cho rằng có việc bất chánh.

Lão thầy rắn ung dung rót nước trà:

– Tôi với thằng Hai Tam chạy một gần chết. Ngày mai này, tôi ra tay một lần chót cho xong chuyện.

Sáu Hiền mừng rỡ. Nếu đuổi con rắn hổ mang ra khỏi xóm thì Sáu Hiền sẽ trở thành ân nhân, dân trong xóm sẽ bầu cử ông làm vị hương lão. Ông sẽ xuất ra số tiền lớn để cất miếu cất đình, được ăn trên, ngồi trước trong những dịp lễ cầu an, cúng tế. Đồng thời khi con rắn mất dạng, ông ta đủ lý do để tổng khứ lão thầy rắn sau khi đền ơn cho lão một số tiền. Xóm Ông Rầy trở nên yên tĩnh như trước, ông ta có địa vị và con Nhung có thể lấy chồng, kén người chồng sang trọng, môn đăng hộ đối.

Hai Tam vui thích vô cùng, thừa hiểu kế hoạch mà lão thầy răn sắp thi hành nay mai. Lão thầy răn giả vờ an ủi, nói to tiếng cho Nhung yên lòng:

– May lắm đó. Anh Sáu đánh đập con Nhung làm gì? Nó trở về nhà đó là điều may mắn cho gia đình anh Sáu. Ngủ đi Nhung.

Rồi lão nói khẽ với Sáu Hiền:

– Anh biểu con Nhung đi ngủ đi. Tôi muốn bàn với anh chuyện này. Nó là đàn bà con gái, yếu bóng vía. Hồi năm xưa, tôi trở tài bắt ông Mãng Xà ở rạch Xà Phiên. Loại Mãng Xà hung ác lắm..

Lão thầy răn đổi giọng, day qua Hai Tam:

– Chú em đi ngủ đi.

Hai Tam hiểu ý, chui vào nóp. Ngoài này, lão thầy răn nói chuyện tỉ tê với Sáu Hiền, khi canh khuya gà gáy.

– Thằng Hai Tam là đứa “xấu háy” để nó nghe lóm thì công việc hư hỏng.

Sáu Hiền bắt đầu tin tưởng nơi lão thầy răn. Ngoài trời, gió thổi mạnh, cây rừng chuyển động từng cơn. Lão thầy răn nằm kê Sáu Hiền, tha hồ bịa đặt bao nhiêu giai thoại, tuy vô lý nhưng được truyền tụng. Ở rạch Xà Phiên, ở Tân Bằng, ở Cà Mau, thỉnh thoảng Mãng Xà Vương xuất hiện. Hồi thời Gia Long tẩu quốc, loại mãng xà vương phá hại dân lành. Đó là rắn to từ biển Hải Nam nổi lên, bò vào rừng để bắt những cô gái “đồng trinh”. Tại Tân Bằng, trước đó vài chục năm cứ đến tháng giêng là các ông kỳ lão tìm một cô gái bắt trời lại để dâng cho Mãng Xà Vương. Khi Mãng Xà

Vương xuất hiện, cây rừng rung chuyển, gãy nghe rảng rắc.

Sáu Hiền gật đầu, tỏ vẻ thông thạo:

– Chắc ông Mãng Xà ở rạch Ông Rầy này là... con cháu ông Mãng Xà Vương hồi thời ông Gia Long tẩu quốc. “Nhứt điều, nhì ngư, tam xà, tứ tượng”, rắn đời xưa to hơn con voi, Xứ này rừng rú, còn sót vài con rắn to...

Lão thầy rắn nghe tiếng gà gáy sáng nên vội kết thúc câu chuyện:

– Anh Sáu biết hồi xưa ông bà mình làm cách nào đánh đuổi Mãng Xà Vương không? ? Nếu để ông sống thì mỗi năm trong xóm mất đi một người con gái đẹp.

– Ai mà biết. Dùng bùa phép chứ gì?

– Dùng toa thuốc bí truyền.

– Thầy biết toa thuốc đó không?

– Biết chớ. Nhưng tôi chưa muốn dùng tới. Để tôi nói tiếp cho anh Sáu rõ. Năm đó, quan ngự y Nguyễn Hữu Long đến vùng Tân Bằng, dùng toa thuốc đó dồn vô xác một con chó, cạo lông sạch. Con chó được dựng đứng, lom khom. Lúc nửa đêm Mãng Xà Vương tới để hưởng lộc. Trong bóng tối lờ mờ Mãng Xà Vương khó phân biệt đâu là chó, đâu là... cô gái trắng nõn. Ăn xong Mãng Xà Vương say thuốc độc, trở thành con rắn điên khùng. Nó chạy như giông như gió ra biển khơi mất dạng. Tối mai mình làm công chuyện đó.

Sáu Hiền nắm tay lão thầy rắn:

– Xin lỗi thầy. Tài của thầy cao vậy mà bấy lâu nay tôi chưa hiểu. Có lúc tôi ngỡ thầy là kẻ bất tài nên cách đối xử trở

nên lạnh nhạt. Thấy đừng phiền tôi. Tồn bao nhiêu, tôi sẵn sàng. Để lâu quá, dân chúng rạch Ông Rầy cười chê cho rằng tôi là người ngu dại, nuôi thầy trong nhà như... nuôi ong tay áo...

Sáu Hiền vội ngừng lời vì đã nói quá trớn. Lão thầy rắn vui sướng như mở cờ trong bụng. Sáu Hiền là người quá thiệt thà. Đêm mai sau buổi lễ cúng tế ngoài gốc cây đa để... đầu độc Mãng Xà Vương, thầy và Hai Tam sẽ trốn lên rừng U Minh với con Nhung. Kế hoạch đó nhất định sẽ được thực hiện.

Chiếc xuống lắc lư trên sóng nước.

Đã quá canh hai, gió từ khu rừng tràm xa xôi thổi lộng về, rặng lau thưa nghiêng mình, gục xuống. Cảnh đẹp thật nhưng con Nhung đâu được rảnh rang. Nó nghe ngóng những tiếng động

từ phía miếu bà chúa xứ. Lão thầy rần và Hai Tam đang có mặt tại miếu với hầu hết dân làng.

Đây là đêm cuối cùng. Buồn quá đi thôi. Từ thuở bé đến giờ con Nhung làm quen với con đường mòn, với gốc cây gừa, với cây xoài quéo cổ thụ ở cuối xóm. Thuở ấy con Nhung còn nhớ rõ: nó mới được bảy tám tuổi, suốt ngày cời truồng, tắm lội dưới rạch trong. Con Nhung thử mạo hiểm đến bờ rạch, hái mấy trái bần chua đem về ăn với muối hột. Tình cờ, nó nghe tiếng “khọt khẹt” quá to. Nó chạy về xóm, tri hô lên:

– Cọp! Cọp rượt tôi.

Cha con Nhung liền đánh mõ, dân trong xóm xách gậy, xách hèo đứng lóng nhóng trước cửa vì chẳng ai dám chạy ra mé rạch để đánh cọp. Vừa thấy con

Nhung, Sáu Hiền hỏi:

– Cọp ở đâu?

Con Nhung nói hơ hải:

– Cọp rượt ở... sau lưng!

Bấy giờ, ai nấy đều trở nên bình tĩnh. Dưới sự hướng dẫn của con Nhung, hàng chục người chạy ra bãi bùn. Họ chất vắn:

– Cọp đâu?

Con Nhung lính quỳnh:

– Nó ở trên này. Hồi nãy, tôi nghe nó kêu rõ ràng.

Ai nấy cười ngất khi thấy hàng chục con khỉ đại đột đang nhả răng ăn trái bần chua. Sáu Hiền mắng con:

– Cọp ở đâu? Sao không thấy dấu chân cọp?

Con Nhung đáp:

– Dạ, nó kêu “khọt khẹt” ở trên cây.

Sáu Hiền tát tai đứa con gái, gọi là để xin lỗi với bà con chòm xóm:

– Ngu như con... khỉ. Đó là con khỉ...!

Người trong xóm vội can gián:

– Hơi đâu mà đánh nó. Nó là con nít ở trường, chưa thấy cọp lần nào. Người lớn ưa nói chuyện cọp thì trẻ con bắt chước nói theo. Thôi mình về nhà.

Sáu Hiền nói:

– Báo hại bà con xách gậy, xách mác cho quen tay. Ở nhà cũng chẳng làm gì.

Mấy con khỉ đột hái trái bần ném xuống, như trêu ghẹo đoàn người đi săn cọp. Trưa đó con Nhung còn nhớ rõ, nó

bắt đầu nhuộm bệnh, mình mẩy nóng ran Sáu Hiền lo sợ khi người hàng xóm bàn tán:

– Miệng đàn bà con trẻ thường nói chuyện linh thiêng chắc là con Nhung gặp... ma cọp.

Sáu Hiền đã hiểu rằng con Nhung có thể mang bệnh vì nó bị oan hồn cô gái năm xưa quả trách. Rạch Ông Rầy nổi danh là linh thiêng, có cô hồn. Cô gái bị cọp vồ thuở trước đã hiện về làm điếm cho dân trong xóm, đòi ăn. “Con Nhung thấy bóng dáng con cọp thiệt”. Thế là dân trong xóm bàn chuyện cúng tế. Sau buổi tiệc của bà con, con Nhung bỗng hết đau nhờ uống một chén tàn nhang.

Giờ đây, nó đã lớn khôn, đến tuổi dậy thì. Nó đang làm một chuyện táo bạo: nó bỏ ra đi, đi tận rừng U Minh để

xây tổ uyên ương với Hai Tam. Thừa dịp này, lão thầy rắn cũng trốn luôn.

Ngồi chờ đợi quá lâu, con Nhung đứng dậy, nhảy lên bãi sậy bước mon men lại gần gốc dừa. Năm sáu ngọn đuốc cháy chập chờn. Mọi người trong xóm đều có mặt. Con Nhung nhìn mặt cha. Cha nó chưa hay biết gì về kế hoạch bịp bợm của lão thầy rắn, nó thương cha, nó mến tất cả những người chòm xóm. Ra đi như vậy là bất hiếu. Nhưng nó nghĩ thầm:

– Còn trời còn nước còn non thì mình còn ngày trở về đây báo hiếu. Lên rừng U Minh vái trời cho Hai Tam gặp... kho vàng... Ở cái xóm Ông Rầy này, làm sao mình tìm được một người yêu có chí anh hùng dọc ngang. Thiên hạ đồn đãi quá nhiều, cho rằng mình là gái mất nết.

Bọn người bàn tán xôn xao, tại gốc cây gừa. Vì gió thổi ngược nên con Nhung lắng nghe tiếng được tiếng mất. Họ chờ đợi, họ thúc hồi lão thầy rắn nên trở tài.

Lão thầy rắn nói:

– Bà con coi chừng hướng gió. Kìa! Mặt đất rung rinh, chắc là ông Mãng Xà Vương thức giấc.

Hai Tam đứng xớ rớ, tay cầm bó đuốc, thỉnh thoảng liếc nhìn về phía vòm rạch. Con Nhung biết Hai Tam đang áy náy. Lúc này Hai Tam đã đến tận bãi bùn để quan sát và còn căn dặn nó:

– Em ngồi đây. Hễ anh chạy tới là mình cho xuống tách bến.

Con Nhung giật mình. Lão thầy rắn đánh lên một hồi trống. Hàng chục

người đứng khúm núm bên gốc cây gừa, cúi đầu nhìn xuống hang rắn.

Lập tức con Nhung chạy trở về chiếc xuống. Nó nghe Hai Tam la thật to:

– Bà con ơi! Coi kìa, đuốc sắp tắt. Chắc là ông Mãng Xà Vương phun hơi độc. Đi khỏi gốc cây cho xa. Kìa! Ổng đó! Ông Mãng Xà Vương chạy đó!

Dường như cả bọn đang chạy tán loạn. Chừng day lại con Nhung thấy mấy bó đuốc đều tắt. Bóng tối lan tràn, những tiếng chửi rủa vang lên từng chập. Con Nhung cầm sẵn cây dầm khoát nước khi Hai Tam nháy xuống:

– Nhung! Bơi cho mau. Họ rượt theo anh.

Lục cụ sai tên Mách ra tận mé sông ngõ Ba Đình để kiếm lá trâm bầu. Tên Mách cần nhân:

– Mình lên rừng U Minh để tìm kho vàng, dè đâu có Tư Bá và Hai Tam theo dõi. Hai Tam trốn rồi. Tư Bá ở một mình. Mai chiều mình tìm cách giết nó. Dễ quá, hai người như tôi với Lục cụ chẳng lẽ không đủ tài trí giết Tư Bá?

Lục cụ ngáp dài:

– Tao biểu mày cứ làm. Mày lười biếng quá, cứ nói lảng qua chuyện khác. Mạng Tư Bá nằm trong tay tao, nhưng tao chưa muốn giết nó. Tao để cho nó sống thêm vài tháng để bọn mình đỡ tốn công thám thính chốn rừng sâu.

– Thám thính bằng cách nào? Ở đây còn nhiều trấp, nước chảy luôn dưới đất.

Chắc hồi xưa có con kinh đào ăn thông tới... đền vua.

– Kiểm lá trâm bầu cho tao hút. Tao ghiền thuốc từ mấy ngày rồi. Đầu óc tao tối om...

Tên Mách sức nhớ: lá trâm bầu có thể dùng để vắn hút như hút thuốc. Khói trâm bầu có mùi thơm nhưng không cay.

“Phải từ chối mới được”. Tên Mách sẵn sàng tìm thuốc cho Lục cụ hút vì con đường từ căn chòi đến mé sông không xa lắm. Hắn chỉ sợ Tư Bá rình rập, chém hắn dọc đường. Nếu thú nhận sự hèn nhát thì xấu hổ. Tên Mách nói trớ:

– Sợ lộ bí mật...

Lục cụ căn nhắc:

– Vậy tao nhịn hút một giây nữa.

Mày rảnh không? Nếu chậm trễ thì Tư Bá chiếm kho tàng trước bọn mình.

– Dạ rảnh.

– Kiểm cho tao chừng một chục con rùa, thú rùa hơi to. Coi chừng thằng Tư Bá thấy công việc làm của mày.

– Bắt rùa là chuyện thường lệ.

– Tao cần dặn sao mày ưa cãi lời quá.

Tên Mách nói:

– Để tôi đến gần chòi Tư Bá cho biết nó có ở nhà hay không?

Chòi Tư Bá trống hoang, có vách cũng như không. Bếp un còn tỏa khói dưới bộ vạt. Tư Bá ngồi dưới gốc hè mài cây mác cho bén. Tên Mách hơi luống cuống:

– Chú Tư không ngủ trưa sao?

– Tao sửa soạn vô rừng để... đánh cọp. Mà biết gài bẫy cọp không?

Tên Mách sực nhớ: hai đêm trước, có tiếng cọp rống ở phía rừng sâu.

– Tôi chưa gài bẫy cọp lần nào.

– Ngày mai nếu rảnh, mày theo tao cho biết. Uống quá, Hai Tam đi vắng.

– Hai Tam biết gài bẫy cọp hả?

– Nó biết toa thuốc bí truyền để thuốc cọp. Cọp ăn mỗi vài giờ sau là ngã lăn ra chết.

– Hai Tam đi đâu lâu quá?

Tư Bá nói, giọng buồn buồn:

– Cái thằng anh hùng rơm. Nó về xứ rồi. Mà nó về xứ... đó là chuyện may cho

bọn mình.

– Sao vậy?

– Hỏi Lục cụ thì biết.

– Thôi, sáng mai tôi xin phép Lục cụ để vô rừng coi chú gài bẫy cọp.

Nói xong, tên Mách chạy về chòi, cho Lục cụ biết rằng Tư Bá còn ở tại chòi của y. Lục cụ nhắc nhở:

– Bắt hơn mười con rùa mới đủ xài.

– Trời ơi! Ăn uống gì nhiều vậy.

Lục cụ gọi tên Mách đến gần để giải thích. Tên Mách tỏ ra trung thành, sẵn sàng tuân lời, biết sợ oai quyền của Lục cụ. Nhưng Lục cụ chẳng làm điều gì khiến hắn buồn. Kinh nghiệm trước mắt cho thấy: vì Tư Bá khó tánh mà Hai Tam ra đi, bỏ Tư Bá bơ vơ một mình. Nếu Lục

cụ tỏ ra nghiêm khắc, đọc đoán thì tên Mách cũng trốn, bỏ cuộc. Chừng đó, còn ai hộ vệ Lục cụ trên đường tìm kho vàng bí mật.

– Mình kiếm một chục con rùa là ít. Đáng lý ra, mình kiếm hàng trăm con, thứ rùa thật to. Mỗi con rùa đem về nhà để khắc chữ, khắc dấu lên mai, hoặc mình chặt bớt một chân.

– Như vậy tội lắm.

– Mấy cái tráp ở rừng này là con kinh đào từ lâu đời. Dây choại bò phủ ngang qua kinh nên mới trông qua ai cũng tưởng là đất liền. Mấy con kinh hồi xưa đều ăn thông với nhau rồi gom về một mối, tức là một hồ nước. Thời xưa, hễ vua chúa xây cất kinh đô ở đâu luôn luôn có kinh đào dẫn nước. Mình khắc chữ thập lên mai con rùa, thả xuống tráp

rồi mình lên rừng sâu đào thử mấy chỗ đất lún. Nếu mình gặp con rùa mà trước kia mình đã làm dấu thì...

Tên Mách hỏi ngay:

– Thì đó là đường về kinh đô.

– Ủ! Mày nói đúng. Có hàng trăm con kinh đã mất tích. Chẳng lẽ bọn mình suốt ngày vô rừng, đào từng khoảnh đất để tìm xem trấp ăn tới đâu. Giữa rừng này, có một vũng nước bao la, chim cò bay về làm ổ ngàn con, hàng vạn con. Mình lên vũng nước đó mà vớt thử, sau khi thả rùa. Nếu gặp thì vũng nước đó là nơi kinh đô ngày xưa, tức là kho tàng ở gần vũng nước.

Tên Mách hứa:

– Chùng xế chiều tôi mang vài chục con rùa về cho Lục cụ. Tôi ra mé sông

Cái để bắt rùa, như vậy Tư Bá ít chú ý, sẵn dịp tôi kiểm lá trâm bầu cho Lục cụ vấn thuốc hút đỡ ghiền.

Nói xong, tên Mách quấn khăn lên đầu, tay xách cây móc làm khí giới phòng thân. Cây móc là dụng cụ cần thiết cho hắn bắt rùa. Bắt xong, hắn dùng mũi nhọn ở đầu móc mà xoi lỗ ở mai rùa, dùng dây choại buộc lại thành một xâu toòng teng.

Từ phía sông Cái, tiếng tù và đưa lại vắng vắng:

– Tu... tu...

Lục cụ nhảy nhóm. Đó là ám hiệu của chúa đảng Tàu Ô từ Hải Nam tới. Hàng năm, Lục cụ đều gặp một tên chúa tàu. Năm ngoái, chính tên chúa tàu đã điềm chỉ và gợi ý cho Lục cụ biết: trên

rừng U Minh có kho tàng bí mật. Năm nay tên chúa tàu đến quá sớm, trước mùa gió bắc.

Làm sao bây giờ?

Lục cụ bước ra khỏi chòi, lấy tay che mắt, ngóng về phía sông. Bên kia Tư Bá đứng sẵn tự bao giờ. Lục cụ tức tối, muốn đâm mạnh vào ngực. Nếu không có Tư Bá, Lục cụ đã chạy ra mé sông, ắt Tư Bá chú ý.

Dường như Tư Bá không yên tâm cho lắm khi nghe tiếng tù và. Hai người hờm nhau. Thời khắc trôi qua nặng nề. Tiếng tù và lại rú lên. Lục cụ tin rằng tên Mách đã ra đến bờ sông Cái, lát nữa, nếu có xảy ra điều gì lạ, nó sẽ trở về báo cáo. Nếu bỏ căn chòi, chạy đi đón chúa Tàu Ô thì gây thêm sự nghi ngờ đối với Tư Bá.

Thái độ của Lục cụ khiến Tư Bá suy nghĩ miên man. Chú cho rằng Lục cụ đang bối rối vì tiếng tù và. Tù hồi dẫn thân “phiêu bạt giang hồ” đến giờ, Tư Bá chưa ra ngoài biển nên chưa hiểu sinh hoạt nhộn nhịp của dân chài lưới, của bọn hải tặc.

Ngồi cố thủ trong chòi là chết, là mất cơ hội. Tại sao sợ Lục cụ? Biết đâu bọn người thổi tù và ngoài kia là kẻ thù của Lục cụ? Nghĩ vậy, Tư Bá trèo lên nóc chòi, ngóng về sông Cái Lớn. Chú thấy rõ ràng chục chiếc tàu đen thui, mỗi chiếc có hai hay ba cột buồm. Số người trên tàu dường như khá đông, mặc toàn quần áo đen.

Tư Bá trở xuống đất. Lục cụ đứng bên kia chòi, hỏi vọng:

– Cái gì vậy?

Tư Bá trả lời, giọng khiêu khích:

– Ai làm gì, mặc kệ nó. Xứ này của tôi. Có lẽ là người lạ.

Lục cụ gật đầu:

– Bọn mình vốn vẹn đôi ba người. Chắc là họ muốn cướp phá.

– Thì tôi sẵn sàng mời họ lên bờ.

Nói xong Tư Bá xách lên cây mác, chạy nhanh ra mé sông. Tiếng người nói vang rân, như ong vỡ ổ, như cãi vã. Giờ phút ấy, Tư Bá vô cùng hối hận, vì đời chú đã bỏ mất nhiều cơ hội để học tiếng Hải Nam. Chắc họ là người từ đảo Hải Nam tới. Người Hải Nam có lối phát âm nặng nề “xí xô xí xào như Chệt chìm tàu”.

Sau khi tìm vị trí ẩn núp thuận lợi, Tư Bá quan sát khung cảnh từng bừng diễn ra giữa sông. Có tất cả sáu chiếc tàu buồm, sơn đen, be tàu nhô lên khỏi mặt nước, chứng tỏ rằng dưới tàu chẳng có chuyên chở hàng hóa gì ráo. Tàu đã quăng neo giữa sông, chung quanh tàu có hàng chục chiếc tam bản nhỏ.

Chiếc tàu thứ nhứt mang lá cờ đỏ, đề hai chữ đen: Long Phi. Viên chúa tàu mang bộ râu năm chòm, bạc phếu. Hắn chống cánh tay vào khẩu súng thần công quá to, nòng súng chạm trở rần rục.

Hai chiếc tam bản nhỏ từ từ mở dây. Sáu tên hải tặc nhảy xuống, mang mã tấu sáng choang.

Tư Bá yên tâm vô cùng. Chú tin rằng bọn này lên mé sông để tìm nước ngọt đem về tiếp tế cho thủy thủ. Hai tên hải

tặc cầm tay chèo duy nhất ở sau lái tam bản đẩy qua đẩy lại.

Trong phút chốc, tam bản xắn mũi vào bãi bùn, cách xa Tư Bá chừng vài chục bước. Chúng nhảy lên bờ, cố sức lội trên đất bùn, lội rất hăng hái mặc cho bùn ngập lên quá gối.

– Hản là tụi nó muốn lũng bắt người nào đây!

Nghĩ vậy, Tư Bá trèo lên ngọn cây bần, ngồi im để dễ bề quan sát. Bọn hải tặc rút mã tấu, phát mấy nhánh cây, hò hét ồm tỏi:

– A Lầu! A Lầu!

Tư Bá càng thắc mắc, chẳng hiểu A Lầu là nhân vật nào? Theo sự điều tra của chú vùng U Minh Thượng này chỉ có Lục cụ, tên Mách và chú mà thôi. Chú

đặt ra nghi vấn:

– Chắc tụi hải tặc này đã cho thằng A Lầu nào đó lên bờ dò thám từ trước. Chúng chờ A Lầu để biết tình hình, trước khi cho đổ bộ.

Đột nhiên, một tên hải tặc dừng chân ngay gốc cây bần, nơi Tư Bá đang ẩn nấp. Chú nín thở, chờ đợi. Tên hải tặc chém vào gốc cây để hạ cơn giận rồi nói lú lo.

Bầy khỉ chuyển từ gốc cây bần này qua gốc cây bần khác. Vài con khỉ đột ngồi ở chót nhánh cây đang hái trái bần ném xuống để trêu chọc tên hải tặc.

Trái bần thứ ba rơi xuống trúng ngay đầu, hấn rút ngọn phi tiêu phóng lên. Con khỉ đột rơi xuống, giãy giụa. Tư Bá phục thẩm tài nghệ của hấn. Hấn phóng

phi tiêu quá giỏi, không cần dùng mắt mà nhắm trước mục tiêu.

Bầy khỉ chạy tán loạn, kêu gào thảm thiết. Sau khi tên hải tặc vừa quay lưng, bầy khỉ nhảy xuống đất, xúm nhau khiêng xác đồng loại.

Tên hải tặc day mặt ra ngoài sông Cái, đưa tay lên vành môi gọi to:

– A Lầu! A Lầu!

Một chiếc tam bản nhỏ – chiếc thứ ba – rời khỏi tàu buồm Hải Nam, mang theo hai tên hải tặc và một người cao lớn, mặc áo đen – kiểu áo bà ba. Bây giờ, Tư Bá mới an tâm. Chiếc tam bản xáp lại bãi biển. Bọn hải tặc xúm lại bàn tán với người mặc áo bà ba.

Không cần suy luận, Tư Bá đã đoán chắc: A Lầu là tên chàng này. A Lầu nói

to, bằng tiếng Việt Nam:

– Chúa tàu Long Phi ra lệnh cho mấy người hồi nãy ra trình diện. Ai ỉn núp thì bị chém đầu. Nghe chưa!

Gió đưa thoang thoang, nhánh bần đong đưa trông êm dịu làm sao! Lá bần vừa tròn, vừa xanh, bần trắng bạc như có sắc ngân nhũ. Cành lá khua động rì rào, chẳng vọng lại tiếng trả lời nào cả.

A Lầu nói tiếp:

– Nghe chưa! Để tụi nó bắt sống thì nguy to. Tôi là người Việt Nam, bà con cứ tin tôi. Nếu xảy ra điều hiểu lầm, tôi sẵn sàng bênh vực. Đừng sợ. Tụi nó muốn hỏi thăm tin tức.

Tư Bá càng ngạc nhiên. Đoàn tàu buồm này đến ven rừng U Minh với sứ mạng đặc biệt. Chú Tư tin rằng bọn

hải tặc chẳng bao giờ dám xông cuồng chiếm cứ đất đai, lập vương quốc riêng biệt tranh chấp với triều đình Huế. Là hải tặc, chúng đến sông Cái Lớn với mục đích dễ đoán ra: quyền lợi, tiền bạc, của cải. Chú nghĩ đến cái kho tàng bí mật mà Lục cụ và tên Mách đang theo dõi.

Nếu là một đoàn người để khai hoang có tổ chức thì Tư Bá sẵn sàng hy sinh, lên tiếng để bọn hải tặc bắt cóc, đem xuống tàu. Tư Bá ngậm ngùi hối tiếc vì đoàn người đi theo mình hồi mấy tháng trước đã tản lạc. Còn gì thích thú cho bằng đánh quân thù từ trong đánh ra. Thôi thì đành theo dõi hành động của bọn hải tặc này, chờ xem tình thế ra sao?

– Lần chót, tôi mời người nào đang trốn tránh nên ra mặt đừng giấu giếm vô ích. Hồi nãy, mặc dầu mù sương dày đặc trên sông nhưng chúa tàu Long Phi thấy

rõ có chiếc xuống... bắt lương bơi ngang. Người lương thiện sao lại ẩn lánh?

A Lầu nói chưa dứt lời, bọn hải tặc hò reo, bao vây bãi bùn, quan sát kỹ từng ngọn bần.

Bao nhiêu chim chóc vỗ cánh, tung bay rợp sân, lượn vòng quanh như muốn rời tổ ấm. Bọn hải tặc nắm tay nhau bước tới, quyết lòng kiểm soát từng gốc cây ngọn cỏ. Trong khi đó vài tên khác trèo lên tận nóc chót vót cột buồm, ngóng về phía rừng xa xôi.

– Tụi này ghê thật! Mình nên chuyển qua mấy cây bần khác. Hồi nãy tụi nó sanh nghi...

Bọn hải tặc hò reo như vừa tìm ra tung tích kẻ thù. Chúng chạy dồn tới góc bãi sông. Thừa lúc chúng quay về hướng

khác, Tư Bá trèo lên chót vót cây bần. Bọn hải tặc gập chiếc xuồng nằm trên đất khô, sát bãi. Chúng chạy vòng quanh chiếc xuồng hò hét, chặt nhánh cây rồi cười ha hả. Giọng A Lầu nổi lên:

– Mi là ai? Tại sao chạy trốn? Mi bơi xuồng ngang sông, chặn đầu tàu Long Phi để dọ thám hả?

Tư Bá trở mắt nhìn. Bọn hải tặc đang trói tay một người bê bết sinh lầy. Người đó là... tên Mách. Tư Bá hiểu rõ: Khi nghe tiếng tù và, tên Mách vâng lệnh Lục cụ ra đây rồi bị bắt. Nhưng còn chiếc xuồng? Bọn hải tặc đánh đập toi bời tên Mách trong khi A Lầu nói to:

– Còn người nữa đâu?

Tên Mách đáp:

– Tội nghiệp tôi. Tôi ra đây một mình.

– Nhà mày ở đâu?

– Dạ ở chòi, trên rừng.

A Lầu phiên dịch lại cho bọn hải tặc nghe. Chúng đánh thêm vài tát tai, đập tên Mách, ra lệnh cho tên Mách quỳ xuống. Có đứa hươi mã tấu, kể sát cổ tên Mách trong khi A Lầu nói, giọng giận dữ:

– Mày qua sông để dọ thám với một người nữa. Đừng chối cãi. Nãy giờ mày không có tội gì đáng chém nhưng mày nói láo nên tội nó muốn chém mày lập tức. Tội nó hung hăng lắm.

– Dạ, chết thì tôi chịu. Tôi ra đây một mình.

– Chiếc xuồng này của ai? Tại sao trên xuồng có hai cây dầm, có gạo, có bánh, có hũ đựng nước ngọt?

Tên Mách cúi đầu rồi chấp tay lạy.

Từ chiếc tàu Long Phi, tiếng tù và lại trời lên. Tên chúa tàu đưa tay ngoắt. Bọn lâu la bắt trời tên Mách rồi quăng xuống chiếc tam bản. Chúng rời bãi bùn không quên kéo theo chiếc xuống để làm tang vật.

Tấn thảm kịch đã diễn xong. Tâm trí Tư Bá rộn lên bao nhiêu nỗi lo âu. Hổm rày, chú sống bần chạt như ếch ngồi đáy giếng, quên rằng từ biển khơi ngoài sông Cái Lớn còn bao nhiêu người qua lại. Lục cụ là người quá bé bỏng kém quan trọng, chú đã lao tâm, tốn trí để tìm mưu kế đối phó với hắn. Trong khi đó, bao nhiêu bí mật đang bao vây khu rừng, những cạm bẫy bí mật do con người tạo ra còn ghê gớm hơn là cọp gấu, hoặc những cái trấp sinh sụp.

Tư Bá tuột xuống đất, chưa biết nên về chòi hay là ra tận mé bãi để thám thính bọn hải tặc Tàu Ô.

Về nhà tức là thủ thế, bó tay chờ chết. Bọn hải tặc sẽ đến bao vây căn chòi. Giờ này, chắc tên Mách không chịu nổi sự tra tấn nên đã tiết lộ sự thật về kho tàng.

Nếu ở nấn ná trên bãi sông, liệu có ích lợi gì. Chú sẽ đóng vai tuồng con người thụ động, bó tay trước tình thế. Khi bọn Tàu Ô kéo lên bờ, chú sẽ ẩn lánh để rồi nghẹn ngào khi thấy chúng hò hét.

Từ bụi rậm phía trước, có tiếng gọi:

– Chú Tư!

Tiếng gọi quá quen thuộc khiến Tư Bá hỏi kỹ:

– Ai vậy?

Hai cái đầu nhô lên khỏi bụi rậm:

– Tụi tôi.

Tư Bá mừng quỳnh:

– Hai Tam? Tới đây hồi nào? Ai đó?
Cô nào đó?

Hai Tam nói:

– Chuyện dài dòng lắm, để tôi nói sau. Cô này là cô Nhung ở rạch Ông Rầy hồi hôm xưa, chắc chú Tư còn nhớ, trước khi lên U Minh mình qua rạch Ông Rầy, nghe tiếng hát “Đố ai quét sạch lá rừng”...

Tư Bá khoát tay:

– Lúc này mà nói chuyện đời xưa: vô ích. À, cô Nhung đẹp quá. Tính sao đây? Bộ hai người mới tới...

Hai Tam đáp:

– Tụi em bơi xuống qua sông, gặp tụi Tàu Ô nên lập tức lủi qua bên này bỏ xuống trên bãi. Báo hại thằng Mách bị tra tấn.

– Được rồi mình về chòi, liệu định sau. Anh mừng quá. Có em anh vững bụng đối phó với tụi nó. Còn cô Nhung liệu bề theo tụi tôi nổi không?

Con Nhung cười gượng:

– Em tưởng ở rừng rậm thì yên ổn nào dè...

Cả ba người đi về chòi. Lục cụ đứng xơ rớ như sốt ruột.

– Chú Tư gặp thằng Mách không?

Tư Bá đáp, gọn lỏn:

– Nó đi đâu mà tôi gặp?

Lục cụ nhìn Hai Tam:

– Hai Tam cưới vợ đó hả? Gặp thằng Mách không? Ở đâu tới? Ngoài sông cái có gì lạ?

Tư Bá nói nhanh để dọ xem phản ứng của Lục cụ:

– Thằng Mách bị tội dưới Tàu Ô bắt sống, chém đứt đầu rồi!

Lục cụ kêu lên:

– Ủy trời, chém chưa?

– Hồi nãy tôi thấy tội nó sửa soạn chém.

– Lạ vậy! Để tôi xin cho nó khỏi tội. Tội Tàu Ô lạ quá!

Nói xong Lục cụ chạy ra ngoài bãi sông. Tư Bá nghiêm nét mặt:

– Tôi cấm không cho ông đi về phía đó! Nghe chưa?

Lục cụ quay lại nói to:

– Trước sau gì mày cũng chết nghe Tư Bá.

Rồi Lục cụ chạy nhanh lên phía rừng sâu. Nhưng ngờ ngác nói với Hai Tam:

– Chuyện gì vậy anh? Em sợ quá. Thà rằng...

Hai Tam lắc đầu:

– Anh đủ sức bảo bọc cho em.

Rồi hỏi Tư Bá:

– Mình liệu sao? Để em rượt theo, bắt sống Lục cụ. Nó làm như kẻ gian dối. Chắc nó dính dáng với mấy chiếc Tàu Ô ngoài kia.

Tư Bá mỉm cười:

– Để nó lên rừng. Chắc là chuyện kho tàng. Mình đừng cho nó gặp tụi Tàu Ô là đủ rồi.

Nhưng Lục cụ chạy không xa cho lắm. Đến gốc cây bàng cổ thụ, ông ta dừng lại trèo lên ngọn cây. Tư Bá nói:

– Để anh bắt sống nó. Nó muốn liên lạc với tên Mách, với bọn Tàu Ô. Đoàn tàu này tới đây, thổi tù và làm dấu hiệu.

Nói xong Tư Bá ra ngoài sân rồi khom lưng, chạy lẩn theo khu rừng chồi. Mấy ngày liên tiếp trời không mưa. Vài con rắn bò sột soạt trên lá khô. Lát sau, Hai Tam thấy Lục cụ trở xuống đất. Rồi thì ông ta và Tư Bá đều mất dạng, lẩn khuất phía rừng sâu.

Nhung thở dài ngao ngán. Căn chòi

trống hoang, chỉ có bộ vạt lót bằng cây tràm. Nơi góc chòi ba cục đất khô nhô lên, làm nơi nấu nướng. Hai cái gáo dừa, hai đôi đũa tre, một cái hũ nhỏ... Đó là tất cả dụng cụ bếp núc... Gian nhà ẩm áp ở rạch Ông Rầy hiện ra trong tâm trí. Nhưng hồi tiếc khung cảnh yên ả. Hồi ra đi, nó ngỡ rằng Hai Tam đã “lập nghiệp” nơi ven rừng cất xong ngôi nhà rộng rãi, chung quanh có vườn tược đầy chuối ổi.

Nó ngả lưng trên bộ vạt tràm rồi nằm nghiêng, lăn qua trở lại, hai hàng nước mắt tuôn trào, lăn tròn trên má. Nó muốn thét lên thật to:

– Hai Tam ! Mấy gặt gẫm tao. Tưởng là lên đây được sống nhàn rồi, trong cảnh thần tiên nào dè đâu mây... ăn lông ở lỗ. Kho vàng ở đâu ?

Hai Tam như hiểu ý Nhung, đến gần an ủi:

– Em mệt hả?

Nhung không trả lời, Hai Tam nói giọng khiêu khích:

– Liệu bề em... chịu nổi cảnh này không? Anh hối hận quá. Em lên đây nhằm lúc khó khăn. Chốn rừng xanh này không hợp với đàn bà con gái.

Bị chạm tự ái, Nhung vụt ngồi dậy:

– Em dư sức chịu cực.

– Nhà anh ở đâu ? Đây là chòi của anh Tư Bá mà.

Đột nhiên, Hai Tam nẩy ra sáng kiến: cứ nói gạt con Nhung:

– À. Anh quên nói rõ. Tối đây, chúng

mình mới đi được nửa chặng đường, thành linh bị bọn tàu Ô quấy rầy. Nhà anh ở trên kia, gần nơi có kho tàng.

– Vậy mà em tưởng rằng anh gây dựng sự nghiệp tại đây. Mệt quá.

Hàng chục con muỗi bu vào chân tay Nhung mặc dầu bếp un ở ngoài cửa không dứt tỏa khói. Từ phía sông Cái Lớn, tiếng tù và vang rền cứ trỗi lên từng chập. Người thổi tù và chắc là mạnh khỏe, có hơi dài. Nhưng bản chất của tiếng tù và là trầm buồn, não nuột, chẳng bao giờ cất cao được.

Nhung trở lại thực tế:

– Tụi Tàu Ô tới đây làm gì? Hồi sáng, em điếng hồn ngỡ rằng bị bắt sống? Nó bắt ai vậy?

Hai Tam đáp:

– Tụi nó ngang ngược lắm. Nó muốn tìm bắt bất cứ người nào ở đây...

– Chi vậy?

– Để tụi nó dò đường đi nước bước.

– Tụi nó vô đây rồi ở lại chừng bao lâu?

– Xứ này của người Việt Nam, làm sao tụi nó ở lâu. Triều đình đem binh tới đánh.

– Tại sao chtrra thấy binh lính của Triều Đình ?

– Làm sao anh biết ... Thôi, em ngủ cho khoẻ để anh nấu cơm cho em ăn. Muối cần nhiều không ?

Nhưng không trả lời. Phía sông Cái Lớn, tiếng tù và im bật. Vì quá mệt nàng nằm thêm thiếp. Hai Tam thương hại

Nhung hơn bao giờ hết. Nhung dư sức chịu đựng khổ cực, bằng cứ rõ rệt là nàng ngủ dễ dàng. Nắng chiều xế dần.

Thỉnh thoảng, Hai Tam bước ra sân mà ngóng, ngóng phía rừng sâu rồi quay ngược lại, cố gắng theo dõi đoàn Tàu Ô ngoài sông Cái Lớn. Tư Bá chưa về, mấy ngọn cột buồm còn đó, nhô lên khỏi ngọn bần.

Căn chòi Lục cụ vẫn trống hoang, gió thổi phất phơ, lay động mấy tàu lá khô trên vách, để lộ ra một cái hũ. Hai Tam chạy qua chòi Lục Cụ, xúc tất cả mớ gạo rồi đem về chòi Tư Bá để dành dự trữ.

Trời đã tối. Nấu xong nồi cơm, Hai Tam nướng hai con cá khô. Anh giả vờ gọi :

– Nhưng ời ! Thức hay ngủ.

Nhung ngáy đều đều, Hai Tam nói lảm bảm:

– Để cho nó ngủ luôn.

Rồi anh đốt thêm bếp lửa để un muối. Bụng đói nhưng anh ăn không thấy ngon. Miếng cơm như chặn ngang cuống họng. Rủi Tư Bá bị Lục cụ giết trên rừng thì sao? Ngày mai bọn Tàu Ô sẽ giở trò gì? Tại sao tụi nó bắt tên Mách?

Nhung trở mình nói lảm nhảm:

– Ba ời! Thằng cha thầy rắn nó... đụng tới con.

Bất giác Hai Tam thở dài. Nằm đây mà Nhung nhớ tới những ngày thanh bình ở rạch Ông Rầy. Lão thầy rắn đã xiêu lạc phương nào? Nếu tới đây, chắc hẳn lão ta đã bị bắt một lượt với tên Mách. Lão

ta giả trò bịp bợm đòi bắt ông rắn hổ để được ăn không ngồi rồi và được gái tơ kính nể. Hai Tam cúi mặt thẹn thắm. Kho tàng bí mật rừng U Minh giống như con rắn hổ ở rạch Ông Rầy. Và Hai Tam nào có tài cán gì hơn lão thầy rắn. Tuy có thiện chí tìm kho tàng nhưng Hai Tam tới giờ phút này vẫn là kẻ nói dối, lường gạt con Nhung.

Ngoài sân, một bóng người qua lại, hơi quen.

– Hai Tam đó hả?

Hai Tam nhận ra Tư Bá:

– Anh Tư... Lục cụ đâu? Bắt nó được không?

Tư Bá đáp:

– Ra đây, đi với tôi kéo chết cả bọn.

– Sao vậy ?

– Chắc tụi nó giành giựt kho tàng với anh em mình. Lục cộ lên rừng rồi trở xuống mé sông Cái Lớn rồi. Nó thông đồng từ lâu, đâu hồi năm ngoái với tụi Tàu Ô.

Hai Tam còn phân vân:

– Đi trốn à? Còn Nhung?

– Mặc kệ con Nhung. Mình đâu sợ ai mà trốn! Mau ra mé sông với tôi.

– Rủi con Nhung thức dậy thì làm sao ? Nó sống một mình trong căn chòi với... ma,

– Thôi! Kêu nó thức dậy, biểu nó ngồi chờ, anh em mình đi chốc lát rồi trở về. Cứ nói dối với đàn bà, kéo hư hỏng chuyện lớn hơn.

✱

Tên Mách từ từ mở mắt. Tư bề tối om như mực. Hấn quơ tay, mừng thầm:

– Tụi nó mở dây rồi. Hai tay của mình cử động được. Nhưng mình đang ở đâu?

Hấn nằm im, không khí ngột ngạt, ướt át. Lưng hấn chuyển động chới với. Hấn cố tìm một tia sáng. Chừng này là giờ Tí hay giờ Ngọ? Hấn rờ vào khoảng tối, đụng vào vật gì cứng ngắc, lạnh lẽo như tấm vách. Hấn đã hiểu: bọn Tàu Ô nhốt hấn dưới hầm tàu. Hầm này quá sâu, đầy nắp kỹ lưỡng. Có lẽ chúng quăng xác hấn xuống đây. Toàn thân hấn đau nhức. Hấn quào thử vào mặt. Mấy ngón tay cứng đơ. Mặt mày hấn đã trở thành tấm ván, cục gạch, mất tất cả cảm giác tế nhị, nồng ấm. Hấn nhớ tới trận đòn

chí tử khi chúa tàu Long Phi điều tra hắc về... kho tàng bí mật. Hắc một mực kêu oan:

– Lạy ông, trên rừng không có kho tàng.

Chúa tàu lắc đầu:

– Còn người kia đâu rồi: Tại sao vợ chồng mày chạy trốn, bỏ chiếc xuồng trên bãi?

Hắc thú thật, nói tất cả những gì hắc biết. Hắc cho rằng chỉ có Lục cụ và Tư Bá là am hiểu kho tàng. Hắc van nài:

– Tôi là người của Lục cụ. Lục cụ biểu tôi tới mé sông đón rước ông... chúa Tàu Ô.

A Lầu trở tài “thông ngôn”, cố gắng giải thích cho chúa tàu Long Phi nghe.

Nhưng viên chúa tàu vẫn khư khư giữ ý kiến:

– Tại sao Lục Cự không ra đây đón tao? Tại sao Lục Cự không ra đây gặp tao để nhìn nhận mây? Tại sao mày trốn trên bãi bùn, khi gặp tao ? Tao ra lệnh cho mày ra mặt, tại sao mày giả câm giả điếc ?

Sau rớt viên chúa tàu ra lệnh trói tay, trói chân tên Mách, đánh đập như tử. Hắn chết xủ khi hứng chịu đôi ba quả đấm đầu tiên.

Hắn nghiêng tai, tròng mắt. Khoang hầm vẫn bốc hơi lạnh lẽo. Đột nhiên, hắn nghe văng vẳng tiếng trống, tiếng kèn từ trên sàn tàu. Sàn tàu khua động, có người dẫm chân lên tấm ván ngay trên cao, trên đầu hắn. Hắn nín thở.

Một luồng ánh sáng rọi xuống. Hấn nhắm mắt kêu rú:

– Trời ơi ! Nhức đầu quá

Từ trên sàn tàu, có bóng người từ từ... rơi xuống, toòng teng. Tên Mách tự trấn tĩnh, trông lên. Người ấy đang bám vào sợi dây. Sợi dây thòng xuống đung đưa.

– Dang ra. Tao đá trúng mặt mày bây giờ !

Tên Mách lom côm đứng dậy, dựa lưng vào hông chiếc tàu:

– Thưa ông... A Lầu!

A Lầu nói:

– Thưa với bầm làm gì cho mệt. Đêm nay đúng ra tao được quyền uống rượu rồi ngủ cho thẳng giấc. Tại vì mày lì lợm,

ngu đại nên chúa tàu sai tao xuống đây
rước mày lên!

– Tội nghiệp tôi

– Mày muốn ở dưới này luôn hả ?
Ngu vừa vừa chứ.

Tên Mách nói khế:

– Thưa ông... ông cứu giùm tôi.

– Lên lẹ lẹ, mày ơi! Ở dưới này quá
lâu, chắc tao ngộp thở mà chết. Chúa tàu
là người ưa nghi ngờ. Nếu mày không
chịu lên thì tao giết mày, đem xác mày
lên cho chúa tàu thấy làm tin. Kéo ông
nói rằng mày đã... vượt ngục.

– Làm sao lên?

A Lầu nói:

– Đeo vô sợi dây này! Lên trước, tao
lên sau.

Từ đáy tàu lên đến mặt sàn, thật là cao, thật là sâu. Tên Mách lắc đầu :

– Chắc tôi chết quá. Tôi đeo sợi giây không nổi. Sức tôi yếu quá, từ sáng tới giờ chưa ăn một hột cơm.

– Không đeo vô sợi dây hả ?

A Lầu giả vờ như rút ngọn đoản đao để đâm tên Mách. Tên Mách nói:

– Dạ, tôi đeo sợi dây.

– Đeo cho chắc. Hễ thấy sợi giây rung rinh là trên kia tội nó rút mảy lên. Rán nghe không? Tội nó chưa dám giết mày đâu, đừng sợ.

– Dạ, tôi sợ sút tay.

Chưa chi, tên Mách kêu la bài hải, không thành tiếng rõ rệt. Chân hẫ từ từ rời đáy tàu, thân hẫ lơ lửng. Hẫ ngừng

đầu lên. Trên kia, ánh sáng chói lòa. Hai tay hấn đau điếng Vì sợ té nên hấn bắt chắp tất cả, bám thật chặt vào sợi giây luyệt. Lòng bàn tay hấn nóng ran. Khi gần đến sàn tàu, hấn nín thở để khỏi sút tay. Thân hấn nặng gấp ba, gấp bốn.

Vừa tới sàn tàu, hấn té nhủi, nằm dài. Hai tên hải tặc bước lại gần hấn nói líu lo. Lát sau, A Lầu đã lên đến sàn.

– Mách ! Phải mấy tên Mách không? Đừng làm bậy chớ. Chúa tàu chờ mấy. Đứng dậy.

Tên Mách gượng gạo đứng thẳng. Hai tên hải tặc dìu tay hấn. Chúa tàu Long Phi ngồi chễm chệ trên chiếc ghế, hai bên có chừng ba bốn chục tên hải tặc đứng hầu, cầm đuốc.

A Lầu thúc hỏi:

– Quỳ xuống lạy chúa tàu đi.

Tên Mách vâng lệnh quỳ xuống. Nhưng khi gượng đứng thẳng người lần thứ nhì, hấn té quỵ. A Lầu nói:

– Mày tệ quá! Đồ hũ rượu của chúa tàu rồi.

Chúa tàu Long Phi vẫn lạnh lùng nói chuyện thì thảo với A Lầu rồi hấn khoát tay. Từ dưới khoang hầm, bốn cô gái mập mập chui lên, khiêng chúa tàu xuống.

Tấm ván đẩy khoang hầm đã khép lại.

Tên Mách còn ngơ ngác như nằm mơ. Thái độ hiền lành của chúa tàu khiến hấn mừng rỡ. Chúa tàu Long Phi sống với bốn cô gái. Điều ấy chứng tỏ ông ta yêu đời và có những hành động ngoại lệ – hoặc ác độc, hoặc khoan hồng – mà

các tướng cướp khác không bao giờ có.

– Mày lại đây! Đứng dậy chớ. Đêm nay, chỉ còn tao với mày.

Vì yếu sức và nhịn ăn suốt buổi, tên Mách bước lão đảo. A Lầu tỏ ra thông cảm.

– Ngồi xuống cái ghế này. Uống rượu với tao.

Tên Mách ngồi xuống, nắm vào thành ghế:

– Tôi đói quá, không dám uống rượu.

– Chúa tàu ra lệnh cho mày nhịn ăn nhưng uống rượu. Ông muốn hành phạt...

Dè dàu chúa tàu lại dùng thủ đoạn tinh vi đến thế. Tên Mách nài nỉ:

– Ông thương thì cho tôi uống nước lạnh.

A Lầu gật đầu:

– Tao nghĩ tình đồng bạn, không bắt buộc mày uống rượu nhưng cũng không cho mày uống nước lạnh.

Tên Mách bắt đầu thất vọng, suy luận rằng sớm muộn gì hắn cũng bị giết. Vài tiếng vạc ăn sương kêu oang oác. Hắn trông lên bờ sông. Rặng cây bên chấp chóa hàng ngàn, hàng vạn ánh đom đóm. Gió thổi mát lạnh, mấy bụi dừa nước trở mình, tàu lá uốn éo như những cây lược khổng lồ chải trong không trung, Cách xa bãi sông chừng đôi mươi công đất là đến hai căn chòi của Lục Cự và Tư Bá. Họ đang tranh giành nhau về cái kho tàng mơ hồ giữa chốn rừng xanh. Chưa ai biết kho tàng ấy có thật hay chẳng? Và

nếu có thì nó chứa đựng những món quý báu gì ? Ý nghĩ tự tử bỗng len vào óc tên Mách. Hắn muốn nhảy xuống sông. Nếu may mắn thì hắn sống, bằng không thì hắn chết như hắn đã toan tính.

A Lầu nói:

– Chúa tàu là người hung ác với kẻ có quyền thế, với các đảng cướp biển khác. Nhưng gặp kẻ dưới tay, đang sa cơ thất thế thì chúa tàu tỏ ra hiền lành. Phải vậy không ? Ô Mày chưa tin lời tao hả ?

– Tôi không hiểu tôi phạm tội gì?

– Chúa tàu muốn hỏi mày đầu đuôi sự việc. Tại sao mày chạy trốn, hồi sáng sớm? Nếu mày ra trình diện thì đâu đến nỗi bị nhốt dưới hầm tàu. Ông không biết tiếng An Nam, nên ra lệnh cho tao hỏi mày. Lát nữa ông hỏi tao. Mày phải

nói sự thật để tao tìm cách cứu mạng mày.

– Trời ơi! Tôi biết gì mà nói? Lát nữa là chừng nào.

– Mày liệu hồn. Chúa tàu Long Phi lấy đêm làm ngày. Sau khi nô đùa với mỹ nữ, nếu đồ giấc ngủ không được thì ông thức dậy lập tức.

– Ông cứ hỏi. Tôi trả lời...

A Lầu nói nhanh:

– Trên rừng này có nhiều chim không?

Tên Mách hơi ngạc nhiên:

– Thiếu gì chim.

– Chừng nào có lông chim. Lông chim bán bao nhiêu quan tiền một bó.

Tên Mách lắc đầu:

– Ai bán lông chim? Xưa nay ai bán lông chim!

– Một bó lông gồm có lông cánh, lông đuôi... trọn bộ. Chúa tàu ở Hạ Châu, ở Hải Nam nghe danh lông chim rừng U Minh nên đem tàu đến đây.

Tên Mách đáp:

– Tôi ở xứ xa mới tới.

– Tới để làm gì? Nói mau. Mà nói dóc hoải.

Tên Mách thở dài:

– Nếu chúa tàu muốn mua lông chim thì nên đi chỗ khác. Ở đây không có lông chim.

– Tao đâu phải là con nít.

Nói xong, A Lầu đưa tay ra phía sau, hạ tay xuống sờ vào một sợi dây giựt mạnh ba bốn lượt. Nấp hầm vụt mở. Một cô gái chạy đến. A Lầu trả lời với cô gái rồi day qua tên Mách:

– Mày ráng chọn! Tao thương mày mà mày không thương tao.

Từ khoang hầm, chúa tàu Long Phi bước lên. Ông ta ở trần, khoe cái bụng to. Lần đầu tiên tên Mách thấy rõ ràng sắc mặt ông ta: mắt xếch ngược, đầu thắt bím và dưới cằm bên mép, dưới tai có đủ năm chòm râu. Ông ta chỉ lên ngọn cột buồm.

A Lầu nói:

– Nếu mày cãi, chúa tàu buộc chân rồi cho người rút mày lên treo toòng teng trên ngọn cột buồm. Mày nghe chưa?

Buộc chân, đầu mày thòng xuống đất. Chùng đó, mày nài nỉ muốn mở trời thì vô ích. Mày khóc lóc ở trên cao, ai nghe cho được.

Tên Mách quỳ lạy chúa tàu. Chúa tàu phun nước bọt xuống sàn tàu rồi quay lưng xuống hầm. Bấy giờ tên Mách trình bày tất cả sự thật về chuyện săn vàng, về sự thù hằn giữa Tư Bá và Lục cụ.

A Lầu hỏi:

– Tại sao chưa ai tìm được kho vàng?

Tên Mách thú thật:

– Vì cả hai bên đều là kẻ mới tới U Minh.

– Ai hiểu vùng U Minh? Ai là người tới đây trước? Lục cụ với Tư Bá, ai là người khôn ngoan? Cứ nói thật, tao nói với chúa tàu tha cho.

Tên Mách nói:

– Lục cụ hiểu rành mấy con đường trap.

– Hiện giờ Lục cụ ở đâu?

– Ở tại chòi.

A Lầu đến ngay cửa khoang hầm, nói thì thảo với chúa tàu Long Phi. Gà rừng gáy rộ.

Bọn hải tặc được báo động hai hồi tù và. Chũng năm mươi đứa nhảy xuống chiếc tam bản. Chúa tàu Long Phi đứng chống nạnh để theo dõi. A Lầu nói với tên Mách:

– Xuống tam bản với tao.

Tên Mách rụng rời tay chân.

– Đi đâu?

– Kiểm Lục cụ... để kiểm kho vàng. Mày xuống tam bản dẫn đường cho tụi nó.

Viên chúa tàu quát to như giận dữ. Nhờ A Lầu phiên dịch, tên Mách mới hiểu:

– Hễ bên này chết một người thì mày bị xẻo từ miếng thịt, treo xác trên ngọn cột buồm. Mày đói bụng hả? Đem bánh bao theo mà ăn; dưới tàu thiếu gì bánh bao. Trời còn đầy sương mù, mau lên.

Năm chiếc tam bản từ từ rẽ nước cặp vào bãi. Chiếc tam bản phía sau chiếc thứ sáu – chở A Lầu và tên Mách Vừa đến bãi, A Lầu thúc giục:

– Mày là người chỉ huy. Hễ bắt sống được Lục cụ thì mày lập công lớn. Nếu không bắt được Lục cụ, mày dư hiểu.

Bọn hải tặc ngồi chồm hổm, sắp hàng hai bên gốc bần. Trong khi tên Mách ăn bánh bao, A Lầu nói:

– Mà thấy chưa? Đừng khinh thường bọn hải tặc Tàu Ô. Tao theo tụi nó hơn tám tháng rồi. Hề ra tay ăn thua bất cứ ai là tụi nó hăng hái, phục tùng mệnh lệnh người chỉ huy.

Tên Mách hoảng sợ vô cùng. Từ mé sông lên đến hai căn chòi, con đường tuy gần mà hóa ra xa. Hắn tin chắc rằng Lục cụ, Tư Bá chẳng bao giờ dám kháng cự với đám hải tặc khá đông đảo. Bọn hải tặc đến chòi rồi trở về tàu bình yên vô sự. Nhưng mục đích của chúa tàu là bắt sống hoặc mời Lục cụ. Trong chốc lát, tên Mách thấy cái xác của hắn treo toòng teng trên ngọn cột buồm. Hắn dụi mắt vỗ trán để xua đuổi cái ám ảnh đen tối ấy.

Muỗi bay đến, bu vào đầu, vào chân bọn hải tặc: Bọn chúng đập muỗi chan chát như tức giận. A Lầu nói:

– Chờ đợi gì nữa? Mặt trời chưa mọc, mày nên lợi dụng cơ hội. Chắc thằng “Lục cù” còn ngủ say. Để lát nữa nó thức dậy, khó làm ăn lắm. Đi về hướng nào?

Tên Mách đáp:

– Từ hồi nhỏ tới từng tuổi này, tôi chưa từng chỉ huy lần nào!

– Đừng giỡn. Hay là tao đem mày xuống tam bản, cho mày gặp mặt chúa tàu Long Phi để ông treo xác mày lên cột buồm!

– Làm sao tôi chỉ huy được?

– Nè! Cầm lấy cái còi!

Đó là thứ còi nhỏ, làm bằng trúc ngắn như một ngón tay.

– Mày giả như người đốn củi, đi trước một mình, thỉnh thoảng mày thổi từng tiếng một, rời rạc như vậy là đủ rồi.

Tên Mách vẫn thắc mắc:

– Rủi gặp cọp, gặp... người lạ thì làm sao?

– Cứ thổi ba tiếng ngắn. Ừ! Có cọp nữa sao?

Tên Mách nảy ra một sáng kiến thần tình. Rõ ràng là bọn hải tặc này sợ cọp. Chúng nói chuyện «xí xô xí xào» khi nghe A Lầu làm dấu hiệu riêng. Vài đứa rút mã tấu cầm sẵn trong tay. Tên Mách nghĩ đến cách tẩu thoát khi cơ hội thuận tiện đưa đến. Trời chưa sáng hẳn, từ bãi sông đến căn chòi, không có đường mòn. Hẳn

đưa cái còi lên miệng, thòi một tiếng nhẹ

Bọn hải tặc đứng dậy. Khi tên Mách bước năm sáu bước hẳn quay lại. Bọn hải tặc tiến tới, sắp hàng hai trông thật buồn cười. Chúng đi ngang như con cua, day mặt qua hai bên đường. A Lầu đi gần sau chót. Anh ta nói:

– Nè! Coi chừng cộp đánh hơi...

Tên Mách mừng thầm :

– Đừng sợ

Rồi hẳn thối còi, từng tiếng nhỏ.

Đến gốc cây dừa, hẳn thấy mặt đất trở nên cao ráo; chỉ còn chừng trăm bước là đến căn chòi của Lục Cự. Đột nhiên, hẳn khoát tay, làm dấu hiệu cho bọn hải tặc ngồi xuống, im lặng.

A Lầu tiến đến gần, hỏi khẽ:

– Cái gì ? Cọp hả ?

Tên Mách đáp:

– Coi chừng. Tôi nghe tiếng gì lạ lắm.

Rõ ràng bọn hải tặc quá sợ loài cọp. Thế mới hay: lắm khi người ta dầy dạn sương nắng, ngao du khắp năm hồ bốn biển nhưng vẫn dốt nát. Kẻ sống ngoài biển thường tỏ ra can đảm trước sóng gió, trước loại cá mập. Cọp ở rừng xanh là huyền thoại đối với họ.

Tên Mách nói với A Lầu:

– Để tôi trèo lên ngọn cây xem thử.

Hắn lên ngọn cây gừa. Phía hai căn chòi, cảnh vật vẫn mơ hồ. . Trong làn sương trắng dày đặc, hai căn chòi hiện ra.

Chòi của Lục cụ tối om trong khi

chòi của Tư Bá có đến hai ánh lửa vàng vọt lên chấp chóa, như đôi mắt mù lòa.

Tên Mách càng thêm hoang mang. Lục cụ đi vắng rồi. Nếu có ở nhà, chắc Lục cụ đã đốt lửa trước sân để un muối và ngăn ngừa thú dữ đến bén mảng.

Nếu dẫn bọn hải tặc tới đó. Chúng sẽ nổi giận vì không đạt được mục đích là bắt sống kẻ am hiểu bí mật của kho tàng. Chòi của Tư Bá còn lửa sáng chập chờn. Điều ấy chứng tỏ trong chòi có nhiều người. Tư Bá rủ ren bè bạn đến chăng? Nếu Tư Bá làm liều, tấn công bọn hải tặc để tự vệ thì lẽ dĩ nhiên tên Mách bị buộc tội đồng lõa.

Bọn hải tặc xem mạng chúng là qui hơn tất cả, làm sao chúng phân biệt ai là Lục Cụ, ai là Tư Bá.

“Lục cụ không có ở chòi. Như thế có nghĩa là Lục cụ đã trốn. Tại sao mình không trốn lên rừng, sớm muộn gì cũng gặp Lục cụ”.

Đột nhiên tên Mách gọi A Lầu:

– Coi chừng, ban đêm, cọp ngủ say.

A Lầu nói:

– Như vậy là bây giờ... cọp thức.

Tên Mách cười thầm. Hắn nói khẽ:

– Cọp thức thì cọp tỉnh táo lắm. Cọp đi về phía mé sông để uống nước.

– Làm sao bây giờ?

– Nên cho tất cả mọi người... để phòng.

– Để phòng cách nào? Xưa nay chưa ai dám dùng mã tấu để chém cọp. Nếu

rút lui thì chúa tàu chém cả bọn.

Sẵn câu nói ấy, tên Mách giả vờ can đảm:

– Nên chuẩn bị... tiến tới. Tất cả nên leo lên ngọn cây, nín thở. Cọp không biết trèo lên. Và ai nấy nín thở nên cọp chẳng tài nào đánh hơi được.

Bọn hải tặc bàn tán thì thảo rồi tuân lệnh A Lầu. Mấy gốc tràm rung chuyển. Vài tên hải tặc kêu rú vì nhánh tràm gãy đổ.

Tên Mách thừa lúc lộn xộn, từ từ tuột xuống đất rồi bò sát mình trong cỏ. Hắn không chạy về phía hai căn chòi. lát sau, khi đã xa chừng vài chục bước, hắn tìm cục đất khá to, liệng mạnh về phía bọn hải tặc rồi nhái tiếng cọp rống:

– Cà um! Cà um!

Bọn hải tặc sừng sốt, đứa ngồi xuống núp bên gốc cây, đứa thì trèo lên ngọn cây. A Lầu vụng về hơn, kêu la ồm tỏi rồi tìm gốc trầm gần nhứt, cố gắng leo lên.

Rủi thay, trên ngọn trầm đã có hai tên hải tặc mập béo ngồi sẵn. Chúng sợ thân trầm bị gãy nên xua A Lầu.

Tiếng “cộp” rỗng vang lên lần thứ nhì, lần thứ ba. A Lầu nhảy thót, níu vài nhánh cây thấp nhứt, gốc trầm gãy ngang khiến A Lầu té nằm sấp, nghẹn thở. Phía mé sông Cái, tiếng tù và trỗi lên. Bọn hải tặc ngồi im tại chỗ, như chờ hiệu lệnh của chúa tàu.

Mặt trời chưa mọc nhưng chân trời đã đậm mây ngang. Bọn hải tặc thấy rõ ràng trên chót ngọn cột buồm của tàu Long Phi có lá cờ mau đen. Lá cờ này được kéo lên chót cột buồm rồi hạ xuống,

rồi kéo lên đến ba lượt.

Lát sau, tàu Long Phi di chuyển từ từ, quay mũi về phía vàm sông Cái Lớn như sắp sửa ra biển, vượt trùng dương đến xứ khác

Linh tính như bao trước cho bọn hải tặc biết điều gì không may sắp xảy ra. Lần này, chúa tàu Long Phi đã nổi giận và ông ta đích thân điều khiển một số hải tặc đến cứu viện.

Chiếc tàu di chuyển, quay mũi về phía biển chính là kế nghi binh mà ông ta thường áp dụng để đánh lạc hướng đối phương.

Bọn hải tặc gọi A Lầu. A Lầu gắng gượng lắm mới lên tiếng trả lời:

– Tôi đây.

Bọn chúng chửi rửa:

– Chúa tàu lên tới rồi kìa!

A Lầu nói với đồng bọn:

– Nguy lắm! Chắc là chúa tàu thấy rõ quân thù. Không phải là cọp đâu? Tên Mách trốn thoát. Nếu bắt được bọn nó ắt phen này chúa tàu nhốt tôi dưới khoang hầm.

Từ ngọn cây, vài tên hải tặc nghiêng mình để quan sát về phía mé sông Cái. Bọn đến cứu viện dùng tam bản để lên bãi sông. Đến bãi, chúng chia ra làm hai ba cánh, tìm cách bao vây hai căn chòi nhỏ bé.

Chúa tàu đi ở cánh giữa trong khi cánh quân bên tả và bên hữu tiến thật nhanh. Gọng kềm siết lại từ từ. A Lầu nói với đồng bọn:

– Lát nữa, khi chúa tàu đến điều tra, tụi bay cứ nói rằng tên Mách bị cộp ăn thịt, công xác đem đi nơi khác. Bằng không thì tao và tất cả chúng mày bị trừng trị.

✱

Nhung nằm trên bộ vạt, rên hừ hừ. Hai Tam đốt thêm đồng lửa thú nhĩ để sưởi ấm căn chòi. Sương xuống mù mịt, gà rừng gáy nghe vắng vắng. Tư Bá vụt trở mình, mở miệng nóp chui ra:

– Hai Tam!

Hai Tam hỏi:

– Cái gì vậy? Đại ca ngủ mơ, nằm chiêm bao hả? Sáng rồi, coi chừng tụi cướp biển lên đây...

Tư Bá nói to:

– Đừng đốt lửa. Chú mày ra ngoài coi chừng. Biết đâu tên Mách đã cung khai bậy bạ.

Ba tiếng tù và trời lên khiến Nhung trở mình. Tuy bị vịnh rét hoành hành, nó muốn chạy trốn:

– Anh Hai, chú Tư... cái gì vậy?

Trong khi Hai Tam trèo lên ngọn cây để quan sát, trong này, Tư Bá sờ vào trán Nhung:

– Thím cứ nằm yên. Đau bệnh rét rừng mà thức sớm quá không nên...

Nhung nói:

– Em sợ quá. Tưởng rằng theo anh Hai Tam lên giữa rừng thì sống yên ổn, chẳng ai quấy rầy. Dè đâu em mang bệnh rét lại còn... phải chạy giặc Tàu Ô.

Tư Bá thấy lòng mình nhẹ lâng lâng. Chú cố gắng giữ thái độ đứng đắn. Ánh lửa chiếu mập mờ gương mặt trái xoan của Nhung. Cơn sốt đang hoành hành khiến cho môi đỏ mọng lên:

– Chú Tư! Em sợ quá!

– Sợ nỗi gì?

– Hồi nãy hay là hồi đầu hôm gì đó, em quên rồi. Em nằm chiêm bao thấy có người lạ mặt bắt trói em...

Tư Bá nói đùa để an ủi người đẹp:

– Đưa thím về rạch Ông Rầy để chịu tội với xóm làng về tội bỏ nhà theo tình nhân.

Nhung lắc đầu:

– Em nói thật đó. Họ bắt trói em, đưa em tới nơi đó tối om, giống hệt như

chốn âm phủ.,.

– Thím chưa chết, tại sao biết âm phủ ?

– Chỗ đó tối om, lạnh ngắt, hai bên cửa có bốn năm đứa quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa, tay cầm đinh ba, xà mâu.

Tư Bá sờ lên trán Nhung:

– Còn nóng quá.

Nhung nói:

– Mát rồi. Gần hết cỡ nóng, chắc qua cỡ lạnh. Để em nói tiếp cái chuyện chiêm bao...

– Thôi đi! Đau ốm mà nói chuyện âm phủ buồn lắm. Bệnh rét là thứ bệnh thông thường. Người mang bệnh và người không mang bệnh đều giống nhau.

– Sao vậy?

– Vì ai nấy đều ăn uống tự nhiên, cười giỡn suốt ngày nhưng gương mặt xanh xao hốc hác.

– Như vậy là vài tháng nữa... cháu bị già trước tuổi.

Tư Bá nói khẽ:

– Cháu đừng quá dại. Người quá đẹp như cháu, dầu mang bệnh rét nhưng không sao cả.

Từ ngoài sân, Hai Tam gọi to:

– Chú Tư!

Tư Bá ra sân, hỏi về phía ngọn cây bàng:

– Cái gì?

– Tụi nó thổi tù và... Tôi nghe tiếng gì như cộp rỗng.

– Chú mày nói gì, tao chưa hiểu. Hùng sáng, tụi hải tặc thổi tù và để kiểm điểm từng đứa. Còn cộp thì vô lý, tù hồi lên đây tới giờ, tao chưa thấy.

Hai Tam vẫn giữ ý kiến:

– Tôi nghe mấy tiếng cà um, cà um!

Tư Bá hỏi:

– Mấy chiếc tàu buồm còn đậu tại bãi sông Cái?

– Còn đó. Sương mù nhiều quá...

– Coi kỹ lại. Nếu sương mù còn che phủ, tại sao chú mày thấy dạng mấy chiếc tàu?

– Tụi nó treo cờ trên chót cột buồm.

Kìa! Lá cờ đen treo lên, ủa nó rút cờ xuống... mà nó kéo cờ lên.

– Đừng đùa giỡn. Coi cho kỹ.

Hai Tam đứng thẳng người rồi cố sức trèo lên nhánh cây ở nơi chót vót ngọn. Nhánh ấy quá yếu ớt nhưng Hai Tam tin rằng nó không gãy. Thân hình Hai Tam đong đưa như con cá dính lưới câu.

– Coi chừng té nghe Hai Tam! Coi cho kỹ. Tụi Tàu Ô là bọn cướp lão luyện, chớ khá khinh thường !

Giọng Hai Tam vọng xuống từng chập:

– May quá... Tụi nó cho tàu chạy tới...

– Tới đâu?

– Vô trong ngọn sông Cái... Ủa! Tàu quay mũi rồi... quay qua bên kia bờ sông,

chắc tụi nó qua bên kia... tụi nó trở ra ngoài biển rồi.

– Dữ ác hôn! Xuống cho mau. Coi chừng nhánh cây gãy đó.

Thấy Hai Tam vào chòi, con Nhung mừng quýnh:

– Êm hả anh?

Hai Tam uốn ngực nói đùa:

– Xứ của mình làm sao tụi Tàu Ô dám xâm chiếm. Hồi nãy, anh trèo lên ngọn cây, nhẹ nhàng như con chim... phụng hoàng. Anh hóa phép, lấy ngón tay chỉ về phía sông Cái. Thế là năm sáu chiếc tàu bị nước cuốn, giông tố nổi lên ầm ầm, tụi hải tặc chết vô số kể.

Tư Bá vào chòi. Bỗng dưng chú dừng bước. Đôi uyên ương ngồi kề bên nhau,

xem chừng họ vui hưởng hạnh phúc. Tư Bá cảm thấy hơi tức, hơi ghen. Tuy yêu thầm Nhung, Tư Bá vẫn cố nén thú tình cảm bất chánh ấy. Đã làm “đại ca” thì Tư Bá phải làm thế nào cho hai em khâm phục về mặt đức độ.

Nhung nói:

– Anh Hai... em nói cho anh nghe. Anh cúi xuống, cúi đầu gần em...

Tư Bá ngỡ Nhung muốn hôn người yêu. Chú bước lui ra. Nhưng trong chòi, đôi uyên ương vẫn thì thảo to nhỏ.

Tư Bá nghĩ đến trường hợp đôi uyên ương rủ nhau trốn đi nơi khác. Trước đây, Hai Tam đã sợ cực nhọc, sợ tranh chấp với Lục cụ nên trốn về rạch Ông Rây. Giờ đây, trước hiểm họa giặc Tàu Ô, có lẽ Hai Tam muốn dẫn người yêu đến

góc rừng khác. Nhung là gái đẹp, hiền lành nhưng còn nhu nhược, chưa quen với gian khổ tầm thường của chốn rừng xanh. Chú đến sát vách, nghe rõ tiếng Nhung:

– Anh à... anh muốn có con không?

Hai Tam là trai tơ nên chưa hiểu nghĩa bóng của câu nói ấy. Anh ta đáp:

– Ai mà không muốn có con?

– Anh muốn con trai hay con gái?

– Con trai thì bảnh hơn. Nếu ba bốn năm nữa chúng mình tìm được kho tàng thì vui biết mấy. Chừng đó, nếu em sanh được đứa con trai thì rõ ràng nó sống trong đồng vàng...

Nhung im lặng hồi lâu rồi sờ vào bàn tay Hai Tam:

– Anh à! Em thấy kỳ quá hè!

Hai Tam vẫn ngơ ngác:

– Có gì đâu mà kỳ? Chúng mình tuy không làm lễ cưới hỏi nhưng đã là vợ chồng rồi.

– Không! Em nói chuyện khác...

– Hay là em mệt vì bệnh rét?

– Em đau rét mà như muốn ứa mưa...

Hai Tam vuốt mái tóc người yêu:

– Đó là sự thường...

Tư Bá tức giận. Rõ ràng Hai Tam là cậu trai ăn chưa no lo chưa tới. Anh ta chưa biết tâm trạng sinh lý của người con gái. Nhưng mỉm cười nói nhanh:

– Em ứa mưa vì... chắc là có thai.

Hai Tam sửng sốt:

– Sao vậy? Thật không em?

– Em nghe mấy bà già ở rạch Ông Rầy nói lại. Nếu buồn mưa từng chập là... có con trong bụng!

– Được rồi! Anh lo liệu.

Tư Bá day mặt ra phía rừng xanh. Chú muốn tìm một chân trời bao la mát mẻ hơn. Vừa rồi, chú đã nổi cơn ghen với Hai Tam. Con người sống bản chất thường hay hờn ghen. Kinh nghiệm mấy mươi năm lưu lạc giang hồ đã dạy chú như thế.

Mặt trời ló dạng. Tư Bá mỉm cười khi thấy chim rừng bắt đầu rời tổ đi kiếm mồi.

Đột nhiên chú đứng chết trân. Trước

mặt chú, hàng năm bảy chục bóng người, mặc áo quần đen đang chạy nhanh. Chúng nó chạy về phía căn chòi này. Chú kêu to:

– Hai Tam! Tụi Tàu Ô tới!

Hai Tam cãi lại:

– Vô lý quá. Hồi nãy em thấy tụi nó rút lui...

– Đồ khốn nạn! Trể rồi! ! Mầy làm ăn như vậy đó. Chạy cho mau...

– Còn Nhung?

Tư Bá vào chòi nắm tay con Nhung:

– Em đừng sợ. Ráng chịu đựng. Anh luôn luôn bảo bọc em. Em không chết đâu, đừng nói bậy bạ. Hể nói bậy bạ là chết.

Bọn Tàu Ô hò reo vang dậy. Tư Bá truyền lệnh cho Hai Tam:

– Theo tao! Bỏ Nhung lại. Đừng bịn rịn. Mày bịn rịn tao giết mày!

Hai Tam chạy theo Tư Bá vào khu rừng chòi. Bọn cướp Tàu Ô chia ra hai cánh nhỏ, bao vây từng căn chòi. Bốn đứa liều mạng xách mã tấu rượt bén gót Hai Tam và Tư Bá.

Trong chòi, tiếng Nhung kêu thất thanh:

– Tội nghiệp, mấy ông ơi! Tôi... đau mà!

Hai Tam chắc lưỡi:

– Nguy quá. Để tôi ở lại...

Tư Bá nắm tay Hai Tam, kéo tới rồi đâm mạnh vào màng tang anh ta. Chú

công Hai Tam lên vai, bước lom khom. Tư Bá xé miếng vải nơi vạt áo Hai Tam, nhét vào miệng để anh ta đừng kêu rú.

Từ phía hai căn chòi, bọn Tàu Ô thối liên tiếp năm sáu tiếng còi. Bốn tên hải tặc rượt theo khi nãy dường như đã rút lui, chúng bước càn lên mớ nhánh cây, gây tiếng động mỗi lúc một nhỏ.

Sau khi lựa nơi kín đáo, Tư Bá ngồi xuống, đặt Hai Tam nằm dài trên mớ lá khô. Anh ta nấc lên, lắc đầu rồi há miệng buông ra vài tiếng rời rạc:

– Ai giết... tôi... giết tôi luôn đi... Tư Bá,.. ác độc...

Tư Bá bịt miệng Hai Tam. Bọn Tàu Ô lần lượt kéo về phía mé sông Cái, ca hát ồm ồm. Chắc là chúng nó đã bắt sống con Nhung. Tư Bá nghĩ rằng, cau mày

khi nghe tiếng bọn Tàu Ô cười the the.

Hai Tam chột mở mắt:

– Chú Tư... Sao chú đánh tôi?

Liệu chừng quân thù đã đi xa, Tư Bá nói đùa:

– Tao đánh cho chú mày ngất xỉu để chú mày cảm ốm...

– Tội nghiệp con Nhung... Nó đâu rồi? Chú Tư đỡ tôi dậy để tôi kiếm nó. Tụi Tàu Ô bắt nó rồi hả? Tôi không bảo bọc nó được...

Tư Bá nói gắt:

– Mày là đồ hèn! Mày tỉnh lại chưa ?

– Tại sao hèn?

– Vì lúc lâm nguy mà chỉ nhớ tới đàn bà con gái. Con Nhung không chết đâu.

Nó bị bắt nhưng chưa ắt nó bị cưỡng hiếp. Nếu tao không đánh mày lúc này thì cả bọn đều bị bắt. Bây giờ mình ra sông Cái...

Hai Tam gượng gạo đứng dậy, nhìn trân trân về phía căn chòi. Hai làn khói bốc lên, vươn khói ngọn cây. Tư Bá trèo lên nhánh cây cao gần đó rồi tuột xuống:

– Nó đốt chòi mình với chòi Lục cụ.

Hai Tam khóc rống lên:

– Tôi làm gì để cứu Nhung bây giờ. Nó đang đau yếu, nó mang thai... với tôi. Để tôi về chòi xem thử...

– Đồ hèn!

Vừa nói, Tư Bá vừa kéo Hai Tam. Hai Tam trì nín lại. Phía sông Cái, tiếng tù và trỗi lên. Hai Tam xấu hổ vô cùng:

Rõ ràng là bọn tàu Ô còn tại bãi sông chớ không ra ngoài biển. Chúng giả vờ cho tàu quay mũi, di chuyển tới lui để làm cho Hai Tam hiểu lầm.

Cực chẳng đã, Hai Tam đành bước theo Tư Bá. Ra khỏi vòm cây, Hai Tam ngoảnh mặt về phía căn chòi, Khói đã hạ xuống, lan tỏa mờ hồ.

Tư Bá nén giận không được :

– Muốn về căn chòi để thăm đồng tro tàn hả ? Mà y hèn quá !

– Trời ơi ! Chú Tư đừng nghi ngờ tôi. Tôi dám chết vì con Nhung.

– Ủ! Nếu tụi nó giết Nhung rồi thiêu xác nó trong căn chòi... Mà y bới đồng than, lượm từng lóng xương của nó để khóc nhìn ăn hai ba ngày liên tiếp. Mà y dám tự tử...

Hai Tam trừng mắt:

– Vậy chớ chú Tư biểu tôi làm gì? Tôi ra ngoài mé sông Cái cho chú xem. Nếu tụi nó hành hạ con Nhung trên tàu thì...

Nói đến đó, Hai Tam nghẹn họng.

– Thì sao? – Tư Bá hỏi. – Thì mày chửi rửa hả? Vô ích. Làm vậy chỉ hại cho con Nhung, tụi Tàu Ô bắt sống rồi giết mày. Tao khuyên mày bình tĩnh, nghe lời tao, ra mé sông Cái với tao. Tới đó mày ngồi im quan sát. Đời còn dài mà. Tụi Tàu Ô, chẳng đậu tàu ở đây hoài để chịu chết đói, chết khát, chết vì bệnh rét rừng. Tụi nó vô sông này đâu phải tìm con Nhung.

Rặng cây bản hiện ra trước mắt. Gió thổi hiu hiu. Nắng đã lên cao, phản chiếu vào lớp sơn đen bên hông tàu. Sau khi

tìm vị trí thuận lợi, Tư Bá ngồi suy nghĩ. Dường như bọn hải tặc cho tàu cập sát vào mé bãi, thừa lúc nước lớn. . Mấy cánh buồm cuốn tròn, treo nghiêng nghiêng. Bọn hải tặc ngồi quá đông đảo, chia nhau từng ngụm rượu, thứ rượu đựng trong bầu bằng đất.

Đột nhiên, chúng quăng bầu rượu xuống sông một lượt. Tên chúa tàu từ khoang hầm chui lên, gương mặt giận dữ. Hai Tam hỏi:

– Con Nhung đâu? Hay là tụi nó nhốt con Nhung dưới khoang hầm?

– Mà y cứ lo cho con Nhung ! Kìa !

Từ khoang hầm, hai cô gái ăn mặc theo kiểu Trung Hoa bước lên, bưng mâm đầy rượu thịt. Chúa tàu nâng bầu rượu, uống nửa chừng rồi quăng bầu rượu xuống sông. Tư Bá nói khê:

– Tại sao tụi mình không bò tới núp vào bụi ô rô để nghe kỹ...

Tên chúa tàu quát to:

– A Lầu!

Hai Tam và Tư Bá nhìn nhau. A Lầu là người mà họ thấy đứng thấp thoáng trước chòi khi này.

Tư Bá nói khẽ:

– Chờ xem... Tụi tàu Ô này có hành động bí mật lắm. Tụi nó dường như đã thông đồng trước với Lục Cự và tên Mách. Thằng A Lầu này ốm yếu, dáng điệu không giống như bọn hải tặc tàu Ô

Chúa tàu nói ồm tỏi, múa men tay chân trong khi bọn hải tặc ngồi xếp bằng tròn trên sàn tàu. Người tên là A Lầu qui xuống lạy.

Hai Tam nói:

– Chú Tư ! Thằng đó lạy theo kiểu gì lạ quá.

– Chú Tư! Thằng đó lạy theo kiểu gì lạ quá.

– Có gì là lạ.

– Nó đập đầu xuống sàn tàu rồi không ngóc đầu lên.

– Đó là kiểu “cúi đầu phủ phục” của người Tàu. Chắc thằng A Lầu đang ăn năn, cầu khẩn chúa tàu tha tội.

– Tội gì?

– Làm sao biết được? Tụi tàu Ô kéo nhau lên bờ, bao vây hai căn chòi, theo sự hướng dẫn của tên Mách để bắt sống tụi mình. Bọn mình trốn thoát được. Bởi

vậy chúa tàu nổi giận vì A Lầu chẳng làm tròn phận sự ..

Bọn hải tặc vụt đứng dậy nghiêm chỉnh. Chúa tàu phun nước bọt vào đầu A Lầu. lát sau A Lầu đứng dậy rồi té xỉu. Hắn gắng gượng bò la bò lết mặc dầu không bị ai đánh đấm cả.

Tên chúa tàu vươn cánh tay chỉ lên ngọn cột buồm.

Trên ấy, chẳng có gì cả, ngoại trừ một con quạ khá to, từ đâu bay đến, đậu lại nghỉ cánh.

Đột nhiên A Lầu dấm ngực, kêu rú. Hai tên hải tặc bước tới, trói tay hắn vào sợi dây khá dài từ ngọn cột buồm thông xuống.

– Tội nó trừng phạt A Lầu đó!

Hai Tam vẫn chưa hiểu :

– Sao vậy ?

– Chú mày hỏi lắm lắm hoài. Bọn Tàu Ô là lũ dã man, xem con người như món đồ chơi.

Sợi dây từ từ rút lên. Thân xác A Lầu quay tròn như một khúc gỗ, A Lầu quơ chân kêu la rồi im lặng. May thay, bọn hải tặc trối tay A Lầu phía trước ngực nên hấn đỡ phần đau đớn.

Con quạ bay lên không trung khi xác A Lầu được rút lên tới chót cột buồm.

Khoang hăm lại hé mở. Hai đứa nữ tử xuất hiện, đẩy con Nhung lên sàn tàu. Hai Tam trố mắt, há miệng :

– Con Nhung! Chắc tụi nó giết con Nhung. Chú Tư ! Làm sao cứu nó.

– Chú mày đừng nói chuyện quá to, đừng khóc lóc như kẻ khiếp nhược. Nếu thương con Nhung thì bọn mình nên tìm hiểu thâm ý bọn tàu Ô để rồi tìm cách giải thoát cho nó. Bất quá là chúng nó hành hạ, làm cho con Nhung mang bệnh chớ... không chết.

Nhung day mặt vào rừng bần ở bãi sông, đôi mắt thiếu ngủ, lơ đãng. Nó đâu dè Hai Tam, Tư Bá đang rình rập, cách xa chừng mười bước mà thôi. Bọn hải tặc vẫn im lặng trong khi hai đứa nữ tỳ của chúa tàu bắt đầu trói tay Nhung.

Không cần suy nghĩ dông dài, Tư Bá cũng biết chắc.

– Tụi nó muốn treo con Nhung lên ngọn cột buồm để cảnh cáo bọn ngời trên bờ. Chắc là tụi tàu Ô đang nghi ngờ điều gì ? Việc này có liên quan đến kho

tàng của vua chúa thời xưa tại rừng U Minh...

– Tụi nó muốn treo con Nhung lên ngọn cột buồm để cảnh cáo bọn ngồi trên bờ.

Con Nhung bỗng la lên, thật to:

– Tụi nó giết tôi! Cứu tôi với! Mấy người ở trong hai căn chòi nên xuống đây, gặp mặt chúa tàu...

Mỗi tiếng kêu la là một mũi kim bén nhọn đâm vào tim phổi Hai Tam và Tư Bá. Nhứt là Hai Tam. Anh ta cúi đầu, nghiến răng:

– Làm sao bây giờ!

Tư Bá nói:

– Đó là mưu kế độc ác của bọn Tàu Ô để bắt sống bọn mình.

Nhung thét lên lần thứ nhì:

– Có ai trên bờ không? Nếu lên tiếng thì tụi nó tha tội cho tôi. Bằng không thì tôi chết... Ai ở trong chòi?

Tư Bá nói với Hai Tam:

– May lắm. Bọn mình sẽ thắng bọn Tàu Ô.

– Tại sao thắng? Chú Tư ơi! Nếu làm cách nào cứu được con Nhung thì em đội ơn chú suốt đời. Chú biết rõ: Em là đứa bất tài.

– Nhung xứng đáng lắm. Nó sắp bị treo rút lên cột buồm mà nó vẫn bình tĩnh không gọi đích danh bọn mình. Bây giờ mình làm như vậy. Để tôi tùy cơ ứng biến.

– Chú nên liệu định cho thật gấp.

Con Nhung đau rét rừng, đang có thai. Mạnh khoẻ như thằng A Lầu mà còn chết xỉu huống gì con Nhung là gái.

– Để tao ra trình diện với bọn tàu Ô. Chú mày ráng lên rừng tìm bọn Lục Cự với tên Mách. Xưa kia Lục Cự với tên Mách: thương yêu mày lắm.

– Lục Cự ở đâu ?

– Chạy lên rừng, mày chịu khó vô rừng sâu mà kiếm thử. Đừng hèn nhát, mày phải bạo dạn vô rừng một mình. Nếu gặp bọn Lục cự mày liên kết với họ, giả như cả bọn đang tìm kho tàng bí mật. Dọc đường mày nhớ làm dấu là bẻ gãy nhánh cây, đốt lửa... Mày lên rừng đi. Để tao cứu con Nhung.

Hai Tam nói, giọng meo máo:

– Chú Tư, làm cách nào em theo chú

xuống tàu để gặp mặt con Nhung.

– Đồ khiếp nhược, tao không cho mày xuống tàu.

– Sao vậy?

– Tụi nó sẽ điều tra, tra tấn, rút lên chót cột buồm. Mày chịu nổi không? Nhớ kiểm Lục cụ nường nấu với ông ta. Nhớ làm dấu ở dọc đường. Tao dẫn tụi cướp Tàu Ô lên rừng để bắt sống tụi mày. Mày hiểu chưa?

Bấy giờ Hai Tam mới bắt đầu yên tâm. Anh ta thấy tương lai chưa đến nỗi u ám. Tư Bá sẽ dẫn bọn Tàu Ô lên rừng, đi sâu lần lần vào nội địa rừng U Minh. Tư Bá và con Nhung gặp hoàn cảnh thuận tiện để trốn luôn.

– Nhớ cứu con Nhung, nghe không chú Tư. Nhờ chú rửa thù dùm em.

– Tao cứu con Nhung rồi tao đốt luôn mấy chiếc tàu của tụi nó.

– Chắc tụi nó lên rừng không?

– Còn hỏi! Tao bịa rằng trên rừng còn nhiều điều bí mật, còn vàng bạc là tụi nó tin lời. Mục đích của bọn Tàu Ô là tìm vàng bạc châu báu, chứ còn gì khác hơn.

Từ trên tàu, Nhung gọi to:

– Bà con ơi! Ông chúa tàu biểu bà con xuống chơi, xuống... một người cũng được.

Tư Bá vô cùng cảm động. Chú không ngờ rằng Nhung còn nhỏ mà tỏ ra đầy đủ khí phách, biết giữ bí mật.

– Tao đi đây. Mày ở đây. Nhớ nghe Hai Tam!

Nói xong, Tư Bá chạy ra bãi sông, đưa tay lên cao mà ngoắt:

– Ông chúa tàu! Có tôi đây nè! Ông chúa tàu! Mau cho người rước tôi...

A Lầu từ từ mở mắt, bấy giờ trời đã xế chiều. Anh ta sờ nhẹ vào ngực, vào cườm tay với niềm hân hoan:

– Mình còn sống, không mang thương tích nào đáng kể. Chẳng hiểu chúa tàu mở trói, hạ sợi dây cho mình xuống tàu từ hồi nào?

Mặc dù mình mảy rêm nhức anh ta đứng dậy rất nhanh. Đôi mắt hoa lên khiến anh ta chơi vơi chụp vào cây cột buồm. Bên cạnh cây cột buồm có bóng người mặc áo đen đang quơ tay.

– Làm gì kỳ vậy? Mấy người muốn gì?

Giọng nói cô gái Việt Nam. A Lầu mới sực nhớ: trong chuyến bao vây hai căn chòi hồi sáng, bọn hải tặc bắt sống cô gái này. Bọn hải tặc vỗ tay, cười đùa. A Lầu vội xin lỗi:

– Cô đừng giận. Tôi không muốn làm nhục cô đâu? Dưới tàu này, chỉ có tôi với cô là người “An Nam”. Cô tên gì?

– Không biết.

Từ phía mũi tàu, tên chúa tàu quát to:

– A Lầu!

A Lầu lê lết từng bước, tâm trí rối loạn. Chúa tàu đã tha tội cho anh ta hay là muốn dỗ ngọt để dùng thứ hình phạt khác, ác độc hơn. Bàn chân anh ta vấp vào một người đang nằm dài trên sàn tàu. Anh ta cúi đầu xuống, gắng gượng

giữ thẳng bằng.

Chúa tàu Long Phi ngồi uống rượu có mỹ nữ hầu hạ bên cạnh:

– Lại đây A Lầu! Ta tha tội cho mi. Mi biết tại sao ta treo mi lên cột buồm không?

A Lầu chống tay thưa:

– Bởi vì tôi cho tên Mách chạy thoát. Tôi ngu dại, sợ cộp, nên mắc mưu nó!

– Chưa đúng!

– Bởi vì tôi không bắt được bọn đàn ông trong chòi!

– Không đúng! Đáng lý ra ta giết mi từ hồi sáng để làm gương cho bọn thủy thủ... Mi làm cho ta mất một kho tàng.

A Lầu vẫn chưa hiểu ý định của chúa

tàu. Anh ta suy luận: Chứa tàu là kẻ mê gái, kho tàng có nghĩa là gái đẹp.

– Thưa... Đại vương, chúng tôi đã bắt được cô gái!

– Cô gái đó... có thể là kho tàng. Mi phải điều tra khéo léo. Vừa rồi có người chồng của cô ta tới đây chịu tội thay cho vợ. Ta đánh thẳng đó, nó dở sống dở chết trên sàn tàu. Cô gái đẹp thiệt, nhưng ta muốn kho tàng... thứ thiệt. Với vàng bạc châu báu ta mua hàng ngàn cô gái như vậy. Rõ ràng là khu rừng này có kho tàng của ông “Bao Công” để lại lúc qua nước “An Nam” chẵn bản. Ta chẳng cần đậu tại đây để mua lông chim kết quạt.

A Lầu mừng quýnh vì anh ta bắt đầu được trọng dụng như trước:

– Sau: Mi phải đoái công chuộc tội!

Nghe chưa! Phải điều tra thật nhanh, kéo tên Mách lên rừng đào xới kho tàng trước ta. Thằng chồng cô gái có thể là kẻ quan trọng, hiểu biết về kho tàng. Hồi năm ngoái ta vào sông này một lần. Có tên pháp sư hơi lớn tuổi tìm cách liên lạc với ta, nhờ ta cướp phá kho tàng trong rừng này. Dường như có vài toán người An Nam vào rừng từ mấy năm trước nhưng chưa ai gặp kho tàng cả.

A Lầu nói:

– Xin vâng lệnh... đại vương!

– Chùng nào mi điều tra xong. Ta muốn lên rừng, theo dấu tên Mách.

– Đại vương muốn chùng nào lên rừng?

– Mi khờ đại quá. Xưa nay, sách lược của ta là làm việc nhanh chóng. Đây là

nơi xứ lạ quê người. Mi quên rằng vua chúa ở xứ này có sẵn binh hùng tướng mạnh. Nếu trể nải, họ chặn vằm sông thì làm cách nào chúng ta ra biển? Chùng nào!

– Dạ, tôi cố gắng điều tra đến sáng mai...

– Nếu không xong mi tính sao?

– Tôi xin chịu tội.

– Được rồi.

A Lầu gãi đầu sờn sột:

– Xin đại vương cho tôi thức ăn và rượu. Tôi đói bụng, vợ chồng cô gái kia chắc đang chờ được ăn. Tôi dùng rượu thịt mà dụ dỗ họ.

– Cứ ăn uống với họ. Ta cho phép mi dùng mọi cách, bắt buộc họ cung khai

nơi có kho tàng. Nhớ đừng giết hoặc làm cho họ mang tật. Đối với cô gái, mi nên dùng lời nhã nhặn. Lắm khi người con gái vô tình tiết lộ những điều mà bọn đàn ông không bao giờ cung khai.

Nói xong, chúa tàu Long Phi quát to, chỉ vào mặt bọn hải tặc như để giới thiệu A Lầu. A Lầu vô cùng sung sướng khi được chúa tàu vỗ nhẹ vào vai.

Khi chúa tàu xuống dưới khoang hầm khuất dạng, A Lầu đến gần Tư Bá đỡ dậy:

– Tỉnh chưa?

Tư Bá đã tỉnh táo từ lâu nhưng chú giả vờ đau ốm để thừa cơ hội mà quan sát tình hình. Chú lắc đầu:

– Ông là ai? Ông nói tiếng An Nam rành quá vậy? Tại sao ông bắt vợ tôi đem

xuống tàu?

Vừa nói Tư Bá vừa liếc qua Nhung. Nhung đã hiểu: trong cuộc điều tra sắp tới nó và Tư Bá phải đóng vai hai vợ chồng. Tư Bá đã liều mạng xuống tàu trình diện để cứu mạng sống cho nó. Nó đã chứng kiến thái độ Tư Bá khi chú vừa đặt chân lên tàu. Tên chúa tàu đánh Tư Bá đến ngất xỉu để dẫn mặt. Tư Bá lão đảo, ngã gục xuống, không kêu van hoặc than khóc một tiếng.

A Lầu dạy lại:

– Cô này! Nếu cô hiền lành thì tôi tha tội cho cô. Tôi là người An Nam, tôi có đủ quyền hạn! Vợ chồng cô cứ theo tôi!

Nhung nhìn về Tư Bá như để dò hỏi ý kiến. Gương mặt Tư Bá vẫn lạnh lùng,

đanh thép. Nhưng hiểu Tư Bá muốn khuyên cô nên tỏ thái độ cứng rắn.

A Lầu truyền cho vài tên hải tặc trái chiếu phía sau lái tàu, dọn rượu thịt sẵn sàng.

– Mời anh và chị ăn cơm!

Tư Bá lắc đầu:

– Tại sao mi bắt vợ ta? Mi vô lễ quá. Mi tự xưng là người An Nam mà không biết giữ lễ phép đối với người An Nam? Vợ ta còn bị trói gần cây cột buồm.

– Xin lỗi, tôi quên.

Sau khi mở trói cho con Nhung, A Lầu đi về phía lái tàu. Thừa lúc vắng mặt A Lầu, Tư Bá hỏi:

– Mình làm như vợ chồng...

Con Nhung hỏi:

– Còn chồng của em đâu rồi?

– Hai Tam lên rừng theo bọn Lục cụ và tên Mách. Không sao đâu. Xưa kia, Hai Tam là bạn của tên Mách...

– Tên Mách nào?

– Chuyện dài dòng lắm. Em cứ nói rằng trên rừng có kho tàng nhưng chẳng ai biết rõ nơi chôn giấu, trừ tên Mách. Như vậy là đủ rồi. Nhớ xưng hô cho khéo léo, như vợ chồng. Cái thằng này xem cũng hiền hậu nhưng quá khiếp nhược. Lát nữa em nhớ phục rượu cho nó say. Sống dưới tàu lâu ngày, nó thèm đàn... bà.

Đôi mắt Nhung ửng hồng, đẹp hơn bao giờ hết. Tư Bá nghĩ đến phận mình. Chú cũng ao ước tình yêu. Nếu Hai Tam

là người xa lạ thì chú đã thừa cơ hội bắt sống Nhung, nhẩy xuống sông để tẩu thoát, xây tổ uyên ương nơi khác. Nhưng thể diện con người “đại ca” không cho phép chú làm chuyện đó. Chú phải cư xử theo đường lối quân tử để cho vợ chồng Nhung kính phục.

A Lầu uống rượu, cúi đầu chờ đợi. Thái độ lạnh nhạt của đôi vợ chồng “tù binh” khiến anh ta suy nghĩ miên man. Anh ta muốn trốn thoát khỏi nanh vuốt của bọn Tàu Ô nhưng chưa gặp cơ hội. Hồi sáng chúa tàu Long Phi đã đối xử quá tệ bạc với anh ta, xem kho tàng quan trọng hơn sanh mạng người cộng sự.

A Lầu ngược mặt lên. Đôi vợ chồng “tù binh” đi kề nhau, xem êm ấm quá. Khi họ đến gần, A Lầu đứng dậy mời:

– Xin anh chị bớt giận... Tôi chưa

biết anh chị là ai, từ đâu đến, tên gì? Tôi là người An Nam phiêu bạt đã lâu, theo bọn Tàu Ô. Tên tôi là Lầu.

Tư Bá gật gù, ngồi xuống chiếu:

– Tôi là... Tư Bá, vợ tôi tên Nhung. Vợ chồng tôi sống ở ven rừng. Chẳng hiểu sao bọn Tàu Ô đến bao vây bắt vợ chồng tôi. Vợ chồng tôi nào có tội tình gì?

A Lầu ngỏ lời xin lỗi và thú thật rằng anh ta chỉ là kẻ thừa hành phận sự:

– Nó treo tôi lên cột buồm, anh chị cũng thấy rõ ràng.

Tư Bá cười nhạt:

– Đó là khổ nhục kế.

A Lầu lắc đầu:

– Chúa tàu Long Phi là đứa giết người không gớm tay. Năm ngoái, lúc tàu chạy linh đình ngoài biển, ông ta quăng một thiếu nữ xinh đẹp để làm mồi cho cá mập, hưởng gì phận tôi.

– Đừng hăm dọa tôi chớ!

Vừa nói, Tư Bá vừa rót rượu uống thêm. Nhưng ngồi lẳng lặng ăn chén cơm nguội.

A Lầu nói khế:

– Tôi muốn tìm cách cứu mạng anh chị, mong anh chị tin lời tôi.

Tư Bá cười giòn:

– Chúa tàu biểu chú mày làm gì? Tại sao bỗng dưng chúa tàu đối xử quá tử tế với vợ chồng tao? Mày phải biết: tao là đứa lưu lạc giang hồ, đã từng bị bắt như vậy nhiều lần rồi.

Liệu bề dũ dũ không xong, A Lầu nói thật:

– Chúa tàu muốn anh điếm chỉ nơi chôn giấu kho tàng.

Tư Bá gật đầu:

– Dễ lắm. Nếu chúa tàu... giao tấm bản đồ ghi rõ kho tàng cho tôi. Tôi dẫn đường cho.

A Lầu mừng thầm vì đã được phân nửa nhiệm vụ của chúa tàu giao phó. Anh gõ xuống sàn tàu ba tiếng. Hàng chục tên hải tặc chạy tới hươi mã tấu. A Lầu trấn an:

– Anh chị chịu khó ngồi tại đây, đừng tìm cách tẩu thoát. Tụi này tới canh chừng vậy thôi. Tôi gặp mặt chúa tàu.

Dường như A Lầu đã căn dặn bọn hải

tặc, khuyên bọn chúng nên đối xử nhã nhặn. Nhờ đó, Tư Bá và Nhung được tự do trò chuyện.

Gió thổi hây hây, nước sắp lớn. Vài con bìm bịp kêu vang trên bãi bùn. Nãy giờ Nhung chờ cơ hội để nói chuyện với Tư Bá. Cơ hội ấy đã đến. Tư Bá lên tiếng trước:

– Nhung! Anh sẽ cứu em, không để em lọt vào tay bọn bắt lương này.

Nhung giật mình, nhìn bọn hải tặc.

Tư Bá nói tiếp:

– Đừng sợ. Tụi nó chẳng tài nào theo dõi câu chuyện của chúng mình. Chỉ có thằng A Lầu là biết tiếng “An Nam”.

Nhung cúi mặt, hơi e thẹn. Tư Bá xưng là anh, gọi Nhung bằng em.

Nhung hỏi:

– Cứu bằng cách nào vậy... chú?

Tư Bá cười giòn:

– Cứ xưng anh em như vợ chồng. Tuy là chẳng ai nghe... chúng mình nói chuyện, nhưng em nên xưng hô như vậy cho quen miệng kéo thằng A Lầu nghi ngờ. Thế nào chúa tàu cũng bắt buộc chúng mình lên rừng để tìm kho tàng. Chừng đó mình liệu bề tẩu thoát.

Nhung trố mắt:

– Sao không tẩu thoát lúc này? Em biết lội giỏi lắm. Khi nhảy xuống sông là mình chìm xuống đáy sông, tội nó chẳng tài nào bắt được. Lát sau mình trôi lên lặn xuống chừng vài hơi là tới bên kia sông. Trời tối, trăng mờ... dễ trốn lắm.

Tư Bá lắc đầu:

– Mình tới đây đâu phải là để... sống như loài cây cỏ. Mình muốn tìm kho vàng của vua Gia Long, của ông Bao Công... trên rừng. Em nghĩ sao?

Trong một thoáng, Nhung thấy hiện ra hình ảnh mờ nhạt của Hai Tam. Nó thở dài. Trước đây chừng một tháng ở xóm Ông Rầy xảy ra chuyện bắt ông rắn Hổ. Chuyện ông Hổ linh thiêng, bắt người ăn thịt được nhiều người đồn đãi khá lâu rồi không có gì là xác thực cả. Chính vì vậy mà nó gặp Hai Tam, trốn theo Hai Tam đến rừng U Minh, tìm kho vàng.

Giờ đây, phải chăng kho vàng là chuyện bịa đặt từ ngàn xưa để rồi rồi cuộc chẳng ai tìm thấy? Hai Tam bảo đảm rằng thế nào anh ta cũng gặp và anh

ta đã gặp rồi, chỉ cần Nhung đến rừng là đào kho tàng, đôi uyên ương sống trong nhung lụa. Nhung lẩm bẩm:

– Hai Tam cũng là một tay giang hồ như lão thầy răn nhưng trẻ tuổi hơn. Còn Tư Bá? Dường như Tư Bá yêu mình rồi đó.

Tư Bá vuốt tóc Nhung:

– Tội nghiệp... em quá.

Nhung lắc đầu:

– Em tội nghiệp thân em, em chẳng mong ai tội nghiệp giùm.

– Nói bậy đi! Em đã có ý nghĩ không tốt đối với anh.

– Em rầu rĩ cho cuộc đời.

– Đời ai?

– Đời của mọi người...

– Có anh đây! Coi chừng nó nghi ngờ rằng tội mình không phải vợ chồng thì hỏng mọi việc.

Vừa nói, Tư Bá vừa ghì Nhung vào ngực. Nhung toan phản đối vì bọn hải tặc cười âm lên. Tư Bá nói khẽ:

– Anh không ngu dại làm chuyện lỗ lã trước mặt bọn bất lương này cho chúng nó khinh thường. A Lầu rình rập kia.

Nhung liếc về phía mũi tàu. Nấp khoang hầm giở lên. A Lầu và tên chúa tàu xuất hiện. Nhung thấy rõ ràng tên chúa tàu đang vỗ vai A Lầu.

A Lầu đến sau lái tàu, ngồi gần Tư Bá:

– Chúa tàu cho phép hai anh chị ngủ đêm nay.

Nhung ngồi thẳng người nói gay gắt:

– Vô duyên quá vậy! Chết thì tôi chịu chứ sống như vậy nhục nhã quá.

Thay vì nổi giận, A Lầu tỏ ra nguội lạnh lạ thường:

– Xin lỗi! Tôi đâu nói lời gì xúc phạm.

Nhung đáp:

– Tới chuyện ngủ của con người mà cũng chờ chúa tàu cho phép.

A Lầu nói:

– Khó lắm. Cô chưa hiểu tánh tình ông chúa tàu này. Tôi muốn bàn chuyện riêng với anh.

– Để chị ngủ lại tại tàu. Chúng mình bàn chuyện gấp lắm.

Tư Bá lên giọng:

– Em ngủ đi.

Nhung nằm xuống, hai chân co lại vì trời quá lạnh. Trong khi đó, A Lầu ra lệnh cho bọn hải tặc ngồi dang ra, canh chừng.

✱

– Ngày mai tụi mình lên đường. Chúa tàu hứa sẵn sóc kỹ lưỡng vợ anh, không cho đứa nào trêu ghẹo...

Nghe qua, Tư Bá sửng sốt. Thế là kế hoạch bôn tẩu đã bị gãy:

– Ủa! Là vậy? Tôi để vợ tôi ở lại tàu

này? Đâu được. Chồng đâu vợ đó chứ? Nếu vậy thì chúa tàu quên lời cam kết? Hồi sáng ông ta hứa thả vợ tôi, nếu tôi ra mặt...

– Tôi đâu có phải chúa tàu! Chúa tàu là đứa... ghê gớm. Nó bắt vợ anh để làm con tin mãi tới khi tìm được kho tàng!

– Kho tàng ở đâu? Nếu có thì tôi đã giàu trở thành chúa tàu rồi?

A Lầu nói khô khan:

– Anh Tư nói chí lý. Nếu là chúa tàu thì tôi thả anh chị từ hồi sáng, anh Tư tin tôi không? Trên tàu này tôi là người An Nam độc nhất. Nó bắt tôi từ mấy năm nay, để làm con tin suốt đời!

– Phải! Anh theo bọn hải tặc này để làm thông ngôn. Nhưng thiếu gì dịp để anh trốn.

– Nó bắt buộc tôi vô đảng Hồng Môn!

– Hồng Môn là cái gì?

A Lầu nói khẽ:

– Đêm khuya rồi. Nếu muốn tâm sự với tôi thì anh Tư nói nhỏ một chút. Đây nè!

A Lầu xòe bàn tay dưới ánh trăng mờ:

– Thấy gì lạ không?

Tư Bá sờ bàn tay A Lầu:

– Ngón tay út của anh bị đứt một lóng...

– Đó là lời thề...

– Tại sao anh vô đảng Hồng Môn? Cái đảng đó nghe lạ quá.

Bây giờ Tư Bá mới hiểu sơ qua về đảng Hồng Môn. Đó là Thiên Địa Hội mà chú nghe nhiều cụ già nhắc đến. Người Tàu không ưa sự thống trị của nhà Thanh, xem nhà Thanh như bọn ngoại bang xâm lược. Đảng Hồng Môn – tức Thiên Địa Hội – là hội kín lập ra quy tụ những người muốn lật đổ triều đình nhà Thanh. Hồng tức là Hồng Võ. Châu Hồng Võ, người sáng lập nhà Minh. Đảng Hồng Môn lập nhiều chi nhánh ở Hạ Châu, Lữ Tống Nam Dương và ngay cả Việt Nam. Lần hồi, dường như đảng Hồng Môn bị phân tán. Chúa tàu lãnh trách nhiệm kiếm tiền bạc, kiếm nhiều chùng nào hay chùng ấy cho một chi nhánh ở Hạ Châu.

Khi thấy trên rừng U Minh có người ở và nghe bàn đến kho tàng, chúa tàu thích chí, đổi phương sách làm tiền. Ông

ta ra lệnh cho A Lầu tìm kho tàng, với bất cứ giá nào.

Tư Bá mỉm cười:

– Anh vô đảng Hồng Môn để làm gì? Nước mình chỉ có triều đình nhà Nguyễn, đâu dính dáng đến vua Càn Long, vua Khang Hy?

– Đảng Hồng Môn bắt buộc người khác vô đảng cho đông đảo. Năm đó tôi phiêu lạc qua Xiêm, bị tội hải tặc bắt sống. Nó đánh đập, bắt buộc tôi vô đảng.

– Tại sao anh không từ chối hoặc tìm cách trốn tránh?

– Tôi vô để sống. Nếu vô được vài năm rồi trốn thì tội nó truy nã. Đây là dịp may. Tôi liều mạng vì chẳng lẽ trong rừng lại có đảng Hồng Môn theo dõi tôi.

Trong phút giây, Tư Bá nhớ tới hành động khả nghi của Lục cụ.

Tư Bá hỏi:

– Người trong đảng Hồng Môn dùng ám hiệu gì?

Để tỏ lòng thành thật, A Lầu cho biết:

– Ai tiết lộ thì bị xử tử. Nhưng tôi cứ nói vì không nói ra sớm muộn gì tôi cũng bị giết.

Tư Bá trở mắt:

– Ai giết?

– Bọn người của đảng Hồng Môn đang lẫn lút trong rừng hoặc là... ông anh đây!

Để theo dõi Lục cụ, Tư Bá nài nỉ

khẩn khoản, thể bảo vệ A Lầu tới cùng:

– Tôi thì... trước sau gì cũng chết. Tôi không sợ chết nữa đâu. Anh cứ nói.

– Thí dụ như khi bùng chén trà cho người khác uống thì trong đảng bùng với hai ngón tay, trở và cái, ngón giữa thì để lòn dưới đáy chén. Hoặc khi người trong đảng vừa giết ai, anh ta chạy trốn tại nhà đồng đảng. Muốn cho đồng đảng hiểu, anh ta cắt một nắm tóc quấn vào cánh tay rồi đưa tay dụi lên con mắt bên trái.

– Tôi tin lời anh. Chừng nào khởi hành lên rừng U Minh?

– Chưa biết.

– Chúa tàu đi theo không?

– Có lẽ nó giao cho tôi trọn quyền chỉ huy. Nó nói rằng trên rừng có kho tàng,

một người trong đảng Hồng Môn lên đó, từ mấy tháng qua. Điều chắc chắn là nó bắt buộc vợ anh ở lại tàu để làm con tin.

– Thôi, mình ngủ cho khỏe.

★

Nhung thức giấc khi nghe tiếng tù và thổi ba lượt. Nó gọi Tư Bá:

– Chú...

Tư Bá cựa mình:

– Kêu bằng chú, nguy lắm đó.

Nhung không trả lời. Nó liếc về phía cửa khoang hầm:

– A Lầu với chúa tàu kia...

Tư Bá ôm Nhung vào ngực:

– Nhung! Em có gan dạ không?

– Sao... anh hỏi vậy?

– Có gan thì mới sống, có gan thì anh mới nói cho em nghe.

– Ủ! Em sẵn sàng liều chết. Chẳng lẽ mình sống vậy hoài. Em dám tự tử...

– Bậy nè! Tự tử để cho kẻ thù sống hoài hả? Hôm nay, anh dẫn tụi hải tặc lên rừng. Em ở lại để làm con tin. Tùy hoàn cảnh, anh cứu em. Anh hứa làm cách nào cho tụi nó tin anh. Anh trở về tàu, dẫn em đi trốn.

A Lầu chạy đến:

– Tư Bá! Đứng dậy. Chúa tàu kêu anh.

Tư Bá đến gần chúa tàu.

Chúa tàu nói, rồi A Lầu dịch lại:

– Mày dẫn toán quân lên rừng... tìm cho bằng được kho tàng.

– Trời ơi! Khó quá. Nếu gặp khó khăn thì sao? Trên rừng có cọp, có xà niêng, lại còn những kẻ thù khác.

– Tao cho mày đủ quyền hành với A Lầu.

Tư Bá ngập ngừng:

– Thưa ông! Tôi chưa có bản đồ. U Minh quá rộng, kiếm kho tàng trong một ngày một buổi e khó gặp.

Vô tình Tư Bá sa vào quỷ kế của chúa tàu. Hắn nói:

– Bởi vậy, mày để vợ mày lại đây. Vợ mày biết nơi chôn giấu kho tàng không?

Câu hỏi bất ngờ ấy khiến Tư Bá càng thêm khó xử. Bảo rằng Nhung biết chút

ít chi tiết về kho tàng thì nó sẽ bị tra tấn, nói rằng không thì chúa tàu bắt buộc nó ở dưới tàu.

– Sao?

Tư Bá nói nhanh, nước đôi:

– Vợ tôi hiểu chút ít, qua lời đồn đãi nhưng nó đang mang thai.

– Vậy thì nó ở lại đây, tao hứa săn sóc kỹ lưỡng. Mà đi cho mau.

Sáu chiếc tam bản từ từ mở dây, đưa hàng trăm tên hải tặc lên bờ. Nhưng ngồi sau lái tàu, đưa ngón tay lên mái tóc để chải gỡ. Tư Bá vô cùng đau xót, sợ e Nhưng không đủ can đảm trước sự uy hiếp về tinh thần của tên chúa tàu gian manh. Chú nói:

– Xin chúa tàu cho tôi gặp vợ...

– Đâu được! Mà muốn nhả nhử điều gì, nói cho tao nghe, tao nói lại với nó.

Tư Bá nói to:

– Nhưng ời! Cứ ở lại chờ anh!

Tên chúa tàu hỏi A Lầu, A Lầu phiên dịch lại:

– Nó từ già vợ, vậy thôi.

A Lầu và Tư Bá xuống chiếc tam bản sau chót. Chiếc tam bản từ từ rời chiếc tàu lớn. A Lầu nắm tay Tư Bá:

– Anh em mình sống chết có nhau nghe anh Tư!

Tư Bá hơi ngạc nhiên vì tấm lòng tốt của A Lầu. Chú day lại mỉm cười. Nhưng A Lầu đã kịp thời căn dặn:

– Đừng day lại. Cứ nhìn thẳng vô bờ.

– A Lầu nói sao? Hay là chúa tàu thừa lúc này bắn lên sau ót tôi một mũi tên tầm thuốc độc.

– Đâu phải! Chúa tàu Long Phi đang theo dõi. Nó ra lệnh cho bọn hải tặc kiểm soát anh em mình.

– Ủa! Tại sao nói trao quyền cho tôi?

– Đó là một chuyện. Vừa rồi nó khoát tay làm dấu hiệu riêng với bọn hải tặc... Đừng nói nữa...

Sáu chiếc tam bản đi trước đã tới bãi bắn. Bọn hải tặc hò hét vang rân. Sau những ngày sống tù túng dưới tàu, bọn chúng lấy làm vui thích khi đặt chân lên đất, dầu là đất bùn, Tư Bá bàn với A Lầu:

– Mình cho tụi nó tiến sâu vô rừng.

Tội nó đem theo lương thực đủ ăn chừng bao nhiêu ngày?

– Hai ngày thôi.

– Tôi giao cho anh trọn quyền, vì tôi không biết tiếng Hải Nam.

A Lầu truyền lệnh. Lạ thay bọn hải tặc không chịu vượt qua khỏi rặng bần. Một đứa đã trèo lên ngọn bần trong khi bọn còn lại đã dàn ra như hai cánh quân, cố ý kềm giữ A Lầu và Tư Bá.

A Lầu hỏi:

– Cái gì? Tao ra lệnh cho mày xuống đất.

Tên hải tặc đưa tay che trên trán:

– Trên nền nhà có người ngồi.

Tư Bá giựt mình. Lục cụ và tên Mách

đã chạy trốn. Hai Tam đã lên rừng. Kẻ lạ mặt nào đến ngồi trên nền nhà?

Tư Bá quát to:

– Đừng nói láo!

Tên hải tặc nói líu lo, nhờ A Lầu thông dịch lại:

– Mời ông lên ngọn cây!

Rồi nói khẽ:

– Đừng lên ngọn cây. Tụi này bất lương lắm. Nó đốn gốc cây, anh té xuống thì sao? Tốt hơn là anh em mình bước tới. Anh biết ai ngồi trên nền nhà không?

Tư Bá nóng lòng muốn tìm hiểu sự thật. Trước mặt chú, rặng cây bản giăng ngang, che khuất khu rừng chồi giáp ranh với hai căn chòi. Chú nói:

– Cứ tiến tới! Chẳng lẽ một bọn người như vậy mà sợ một kẻ lang thang ngồi trên chòi. Tôi chưa hiểu là ai.

*

Sau khi rời khỏi mé sông, Hai Tam buồn bực vô cùng. Anh muốn tự tử cho xong. Đồng ý rằng Tư Bá là người đầy mưu trí nhưng có gì đảm bảo rằng Nhung không trở thành trò chơi xác thịt của tên chúa tàu. Tội nghiệp cho Nhung. Vì quá tin lời người yêu mà nó chịu đựng nhiều nỗi tủi nhục. Làm sao anh ta đủ can đảm nhìn mặt Nhung, khi nó được Tư Bá giải cứu? Hai Tam thấy mình hèn yếu bất lực.

Đến trưa hôm ấy, Hai Tam còn đứng xơ rợ trên nền chòi. Căn chòi cháy rụi sập xuống còn mấy cột than trơ vơ. Hai Tam nhìn cái nóp của Nhung. Cái nóp còn nguyên vẹn, bị quăng ra khỏi nền nhà,

chúng tỏ rằng trước khi bị bắt Nhung đã chống cự mãnh liệt.

Bàn tay Hai Tam mân mê chiếc nóp như tìm hơi ấm của người yêu. Bất giác, hai hàng nước mắt tuôn nóng hổi. Lập tức, anh ta chạy trở xuống bãi sông, lén nhìn xuống mấy chiếc tàu buồm. Bọn hải tặc ngồi dùm năm dùm ba trên sàn tàu. Tư Bá và Nhung đều mất dạng. Bị nhốt dưới khoang hầm hay bị ném xác làm mồi cho cá sấu?

Suốt đêm, Hai Tam lật nóp mà ngủ. Giấc ngủ mãi không đến. Tiếng cá lóc quậy dưới trấp khiến Hai Tam nhớ đến thức ăn. Suốt ngày, anh chưa nuốt hột cơm nào vào bụng. Anh ta ngồi dậy. Muỗi bay tới ào ào như ai hốt trấu mà vãi. Thôi thì đành chui vào nóp mà ngủ. Cơn đói lại hoành hành.

Khi Hai Tam thức dậy, mặt trời mọc khá cao rồi. Anh ta cứ ngồi cú rú vì đói, vì lạnh. Sương phủ trắng xóa cảnh vật rồi sương tan dần tự bao giờ.

Đột nhiên anh ta nghe tiếng quát to:

– Ai đó! Muốn chết hả?

Hai Tam giựt mình. Tư Bá với giọng nói quen thuộc.

Nhanh như chớp, Hai Tam đứng dậy:

– Ai?

– Mà không chạy hả?

Hai Tam hiểu rằng Tư Bá nói thật khuyên nhủ anh ta nên tẩu thoát. Trong phút giây, anh ta lẩn khuất. Phía sau lưng có giọng cãi cọ qua lại:

– Nó đó! Nó chạy rồi! Rượt theo không?

– Rượt làm gì thêm nguy hiểm? Nằm xuống!

Hai Tam trở lại thực tế. Tư Bá ra lệnh nằm xuống là cố ý cho anh ta dư thời giờ chạy trốn, tìm tên Mách và Lục cụ. Hai người này đã xiêu lạc về đâu rồi, sau khi căn chòi của họ bị cháy?

Chạy được một đôi khá xa, Hai Tam dừng lại. Anh đánh bạo, núp bên gốc cây rồi trèo lên. Phía căn chòi, bọn hải tặc ngồi dùm đầu đông nghẹt hàng trăm đứa.

Hai Tam trở xuống, chạy theo đường trấp, lên phía U Minh Thượng.

Chạy một đôi khá xa, Hai Tam ngồi lại, thở dốc. Giờ này, tên Mách và Lục

cụ đang ở phía U Minh Thượng, làm sao gặp họ?

Rừng U Minh rộng vô tận, cỏ cây còn nguyên vẹn, không dấu chân người. Gió thổi hây hây. Vài con cò trắng bay chập chờn, bình thản. Hai Tam dụi mắt. Từ ngọn tràm phía xa, một làn khói trắng vươn lên. Anh ta chạy đến nơi ấy. Mặt trời lên cao, mù sương đã tan. Khói ấy là khói bếp.

Qua khỏi rừng chồi, Hai Tam vui sướng vô cùng. Mặt đất trở nên bằng phẳng, dây choại bò lan tràn như thảm cỏ xanh cao ngang ngực.

Vì khát, vì đói, Hai Tam ngồi xuống bứt đợt choại mà nhai. Đợt choại tiết ra thứ nước đặc sệt, mát lạnh, nuốt thấy khỏe khoắn lạ thường.

Bỗng nhiên, Hai Tam thấy con vật gì di chuyển, lẩn khuất dưới đám dây choại. Anh ta buột miệng quát to:

– Heo rừng! Heo...

Nhưng Hai Tam đã lầm. Tên Mách đứng sừng sững trước mặt anh.

– Ủa! Hai Tam! Lên đây hồi nào?

– Xin lỗi. Tôi tưởng là con heo!

– Trời nắng, tôi nằm dưới đất cho mát. Tư Bá đâu rồi? Anh lên đây với ai? Bọn hải tặc rút lui chưa?

Hai Tam mừng quýnh vì tên Mách tỏ ra thân mật:

– Mình gặp nhau vì nương tựa nhau mà sống. Tụi hải tặc bắt vợ tôi, Tư Bá liều mình xuống tàu để tìm cách giải thoát...

Tên Mách suy nghĩ hồi lâu rồi thú nhận:

– Chính tôi đã dẫn đường cho chúng nó lên chòi. Tôi giả mạo tiếng cộp rống rồi thừa cơ chạy lên đây!

Hai Tam gật gù:

– Lục cụ đâu rồi?

– Ổng chạy trước tôi, ở trên rừng này tôi kiếm hoài mà không gặp.

– Vậy chó ai đốt lửa?

Vừa nói Hai Tam vừa chỉ về phía làn khói:

– Khói hạ xuống rồi. Hồi nãy khói bay cao lắm. Hay là người đốt lửa nơi đó đã thấy bọn mình?

– Có lý!

Để chứng minh rằng mình là người thành thật, Hai Tam đáp:

– Tôi về rạch Ông Rầy, cưới vợ rồi chở vợ lên trên này. Lúc bơi xuống vượt sông Cái Lớn, thỉnh linh tôi gặp bọn hải tặc. May quá vợ chồng tôi lên bờ núp trong cây bần. Tôi thấy tụi nó bắt anh. Anh bị bắt thay cho vợ chồng tôi.

– Hèn gì! Nó cứ tra tấn, cho rằng tôi bơi xuống ngang qua sông với một người nữa. Vợ chồng anh gây tai nạn cho tôi. Tôi dẫn đường cho bọn hải tặc bắt sống vợ anh. Đầu đuôi cũng vì cái chuyện kho tàng của Lục cụ.

– Lục cụ biết về kho tàng? – Hai Tam hỏi.

– Ông ta biết ít nhiều nhưng chẳng bao giờ nói cho tôi biết.

Hai Tam gật đầu.

– Nếu vậy thì làn khói bốc lên trong rừng lúc này chính do Lục cụ. Ông ta muốn làm dấu hiệu gì chẳng?

Tên Mách thở dài:

– Theo tôi hiểu, đó là Lục cụ vô ý đốt lửa để nấu cơm nướng cá. Nếu Lục cụ muốn dùng tôi thì ông ta kiếm tìm. Tôi liều mạng lên tiếng cầu cứu. Chẳng ai trả lời tôi hết.

Hai Tam nghe tiếng tù và văng vẳng phía mé sông:

– Mách! Anh mạnh chân thì trèo lên ngọn cây! Tụi hải tặc lên bờ từ hồi sáng với... Tư Bá! Cả bọn ngồi trên nền nhà.

Tên Mách trèo lên ngọn cây:

– Tư Bá dẫn tụi nó lên rừng bắt anh em mình. Kìa!

Hai Tam cãi lại:

– Nói bậy hoài! Tư Bá đâu phải là kẻ phản phúc. Thấy gì không?

– Tụi cướp biển, đông lắm.

– Có đàn bà không?

– Làm sao có đàn bà?

Hai Tam vô cùng đau xót nhưng vẫn giữ niềm hy vọng mỏng manh. Có thể là Nhung theo Tư Bá lên bờ. Nhung còn ở phía sau. Từ trên ngọn cây, tên Mách nói vọng xuống:

– Thăng A Lầu nữa!

– A Lầu là ai?

– Người “An Nam” làm thông ngôn

cho tụi cướp biển. Bữa hôm, nó dẫn tôi lên rừng, tôi giả làm cạp rỗng rồi trốn thoát. Lên đây mà coi.

Hai bàn tay Hai Tam ghì chặt vào nhánh cây tràm. Phía chòi, bọn hải tặc mặc toàn đồ đen, hàng trăm đứa. Đột nhiên, Hai Tam nhận ra Tư Bá. Chú dẫn đầu một toán bốn người rời khỏi đám đông. Bên cạnh chú, còn một thanh niên cao ráo, phía sau còn hai tên hải tặc mang mã tấu.

Tên Mách nói khẽ:

– Nên chạy trốn hay là ở đây? Tụi nó bốn đứa cũng như ba vì Tư Bá đứng về phe tụi mình!

Tên Mách đã nuôi sẵn mối căm hờn với bọn hải tặc nên tỏ ra cương quyết:

– Tôi giết thằng A Lầu!

Hai Tam sức nhớ lời căn dặn của Tư Bá, dọc đường, nên làm nhiều dấu hiệu để Tư Bá có lý do hướng dẫn bọn hải tặc lên rừng. Lập tức, anh ta trở xuống đất, gọi tên Mách:

– Anh em mình nên chạy lên U Minh Thượng! Tư Bá rủ tụi nó lên rừng tìm kho tàng. Nếu gây sự tại chỗ này thì bất lợi cho bọn mình. Chi bằng mình tìm cách gạt tụi nó...

Vừa lúc đó, giọng Tư Bá trỗi lên rõ rệt:

– Hai Tam ở đâu?

Hai Tam rút cây dao nhỏ, chặt nhánh cây quăng xuống cỏ rồi gạch dấu chữ thập vào gốc cây tràm. Để Tư Bá thấy rõ Hai Tam rung gốc cây ba bốn lượt. Hành động liều lĩnh ấy khiến tên Mách lo ngại:

– Coi chừng thằng A Lầu!

Giọng A Lầu lại vọng tới:

– Anh em cứ làm dấu trên cỏ, trên gốc cây. Tôi với Tư Bá kiếm anh em. Nhưng mạnh khỏe như thường... Đừng trả lời, đừng kêu hú tui tôi. Tui nó nghi ngờ...

Hai người đã yên tâm tẩu thoát. Tên Mách vẫn còn nghi ngờ A Lầu nên nắm tay Hai Tam mà kéo tới, chạy một đôi khá xa, tên Mách dừng bước:

– Ngồi nghỉ một hồi chớ. Ủa! Làm gì mà cười hoài vậy?

Hai Tam thích chí đáp:

– Nhưng là... vợ tôi. Nó còn sống. Tôi mừng.

– Chắc A Lầu với Tư Bá không dám

đi vô vùng này. Họ còn lo ăn cơm rồi trở về tàu, nói rõ cho chúa tàu biết.

– Có lẽ...

Mặt trời xế dần. Hai Tam tìm vại con cá lóc thật to. Tên Mách lắc đầu:

– Chắc mày mừng quỳnh rồi quên hết sự đời. Làm sao có lửa mà nướng cá?

Sau lưng Hai Tam có tiếng nhánh cây gãy nghe rôm rốp. Tên Mách cau mày:

– Coi chừng A Lầu hay tụi hải tặc đi bọc hậu bao vây tụi mình!

Hai Tam ngồi xuống, ghé hai tai sát đất lắng nghe cho kỹ:

– Vô lý! Chắc là heo rừng. Chú mày nghe thử!

– Heo rừng gặp bọn mình thì nó

chạy lẹ. Đây là tiếng bước chầm chạp của... của con cọp!

Hai Tam hơi sợ, nhưng nói gượng gạo:

– Cọp gặp bọn mình thì cọp chạy rồi.

Một tiếng cười khanh khách vang ra:

– Tụi bay ngồi tại chỗ!

Tên Mách giận sôi gan. Từ khi bọn Tàu Ô đến sông Cái Lớn, Lục cụ đã bỏ tên Mách. Trước kia, Lục cụ hứa bảo vệ anh ta lúc nguy hiểm. Về phần Hai Tam thì chẳng chút nào sợ hãi. Quả thật Lục cụ là kẻ thất thế, trốn chui trốn nhủi trong rừng. Nếu có bùa phép, tại sao Lục cụ không đến mé sông để ăn thua với bọn Tàu Ô. Chẳng qua là Lục cụ muốn dương oai diệu võ, xem Hai Tam và tên Mách như kẻ đàn em để lợi dụng.

Thái độ im lặng, cứng rắn của hai người khiến Lục cụ suy nghĩ.

– Tụi bay bỏ tao hả? Tụi bay làm phản hả?

Hai Tam hiểu rằng rừng U Minh là nơi rộng rãi bao la, nếu rượt bắt nhau thì chưa ắt kẻ cầm sẵn khí giới trong tay như Lục cụ lại nắm phần thắng. Hai Tam đã thủ sẵn ngọn đao, nhỏ hơn.

Hồi lâu, Hai Tam mới lên giọng:

– Lục cụ nói sao? Ai phản ai? Ai bỏ ai? Tụi tôi bị tụi Tàu Ô rượt bắt, tụi tôi chạy lên đây. Nghe đồn rằng Lục cụ có tài... Tụi Tàu Ô hiện giờ ngồi đèn nhặt trên nền chòi. Tại sao Lục cụ chưa trở tài?

– Tài gì?

– Lục cụ làm phép cho mấy chiếc Tàu Ô bị lũng hoặc bị sóng gió nhận chìm.

Lục cụ lẩm bẩm:

– Hôm nay, chưa gặp ngày tốt, làm sao gây sóng gió được?

Tên Mách nói xen vào:

– Xin Lục cụ làm phép cho tụi Tàu Ô mắc bệnh dịch, ói mửa chết cả bọn!

Nghe qua Lục cụ cười gằn:

– Tụi bay là con nít. Tao đang làm một thứ bùa phép nguy hiểm hơn. Tao... lợi dụng tụi nó để tìm kho tàng. Hồi năm xưa ở rạch Tắc Cậu, tao gặp một người Tàu. Người đó cho biết rằng bọn Tàu Ô có tấm bản đồ ghi rõ kho tàng trên rừng U Minh. Giết tụi nó làm gì? Bây giờ mà giết tụi nó thì hơi sớm. Hơn nữa, tụi bay

thấy tao giết người lần nào chưa? Nếu theo tao thì tụi bay được chia phần trong kho tàng. Tụi bay tưởng rằng tao lên rừng vì tao hèn nhát hả? Muốn sống thì theo tao! Tao chờ tụi nó lên đây để tao giết tụi nó, giết không cần gươm súng.

Lục cụ đứng dậy, chống nạnh rồi quăng ngọn dao xuống đất:

– Tao cho tụi bay suy nghĩ. Đứa nào muốn giết tao thì cứ ra tay.

Tên Mách và Hai Tam nhìn nhau như muốn nói điều gì nhưng hoàn cảnh không thuận lợi. Để tỏ rằng mình là kẻ quân tử, Lục cụ nói:

– Thì nắm tay nhau, lại đằng kia bàn tán. Muốn theo tụi Tàu Ô thì theo!

Tên Mách và Hai Tam bước ra xa. Ý kiến của Hai Tam là nên quy thuận, sống

nướng nấu với Lục cụ cho qua cơn ngặt.
Tên Mách gặt đầu:

– Tới đâu thì tới. Tôi chỉ sợ bọn Tàu
Ô bắt lần thứ nhì.

Lục cụ nói nhanh:

– Tụi bay ăn cơm chưa?

Hai Tam đáp:

– Dạ chưa.

Lục cụ vỗ ngực kiêu hãnh:

– Tao không có cơm, cá nhưng tao
có món này. Tao là thầy của tụi bay mà.

Cái “đánh lửa” nằm gọn trong tay
Lục cụ.

Đêm ấy, cả bọn ngồi trên gò đất khá
cao tha hồ đốt lửa, nướng cá thay cho

cơm. Lâu lâu, Hai Tam trèo lên cây nhìn về phía mé sông.

Lục cụ nói:

– Tụi nó rút lui xuống tàu rồi!

– Thôi! Tụi bay ngủ yên giấc. Nếu tụi Tàu Ô nằm ngủ trên nền chòi thì tụi nó đốt lửa cao ngọn để ngừa cộp beo và muỗi mòng.

Lục cụ vẫn ngồi im bên gốc cây. Sự xuất hiện của Hai Tam khiến ông ta vừa mừng vừa lo. Hai Tam là người của Tư Bá, Tư Bá đang nương dựa vào lực lượng bọn Tàu Ô. Như vậy có nghĩa là Hai Tam là kẻ nội ứng cho Tư Bá. Và bọn Tàu Ô chịu khổ lên bờ, neo tàu suốt ngày rồng rã chính là để tìm kho tàng.

– Kho tàng là chuyện thật.

Nghĩ vậy, Lục cụ đến gần Hai Tam. Hai Tam ngủ mê mệt, miệng há hốc, lâu lâu nói lảm nhảm:

– Nhưng... em ơi... anh thế...

Lục cụ hơi giận: phải chi nó nói lảm nhảm chuyện khác thì hay biết mấy. Nhưng là đứa con gái mà Hai Tam bắt về rừng hôm trước.

Hai Tam trở mình, nói rời rạc từng tiếng:

– Chú Tư... coi chừng Nhưng... giùm em. Em mang ơn... suốt đời... Chú đừng làm vậy?

Lục cụ nắm tay Hai Tam:

– Thức dậy đi.

Hai Tam mở mắt ngồi thật nhanh:

– Cái gì? Tụi Tàu Ô tới hả?

– Tụi Tàu Ô đâu có nguy hiểm bằng chú mày.

Hai Tam dụi mắt định thần:

– Tôi... làm gì mà Lục cụ nghi ngờ tôi?

Lục cụ nói chặn đầu:

– Mày kêu Tư Bá lên đây bắt sống tao hả? Đừng chối.

Nói xong, Lục cụ siết cổ Hai Tam. Hai Tam muốn chống cự nhưng đã trễ, Lục cụ kề ngọn dao sát cổ Hai Tam:

– Nói thiệt cho tao nghe! Trước khi lên rừng này, Tư Bá dặn mày làm chuyện gì? Tại sao Tư Bá theo phe bọn Tàu Ô?

Lúc ban đầu, Hai Tam còn cố gắng

chống cự nhưng thái độ tên Mách không được rõ rệt. Đôi mắt Hai Tam trợn ngược lên, tròn xoe.

Tên Mách cúi mặt. Hai Tam nhắc nhở để dọa thử:

– Mách ơi! Anh nói giùm tôi. Tôi không phải là đứa phản bội.

Tên Mách cứ ngồi yên. Hai Tam rên rỉ:

– Tôi đâu ưa thích gì bọn giặc Tàu Ô. Tội nó bắt sống vợ tôi.

Lục cụ cười gằn:

– Được rồi. Tao cho mày suy nghĩ. Tư Bá nhờ bọn Tàu Ô hộ vệ, tìm cách lên rừng để đào kho tàng. Kho tàng ở chỗ nào? Tư Bá biểu mày lên đây giết tao, sợ tao đào trước hả?

Hắn trói tay chân Hai Tam, đập thật mạnh lên ngực. Hai Tam nằm thiu thiu, liếc nhìn Lục cụ nướng cá lóc, ăn ngon lành với tên Mách.

Lục cụ nói:

– Khuya rồi! Sáng mai, Tư Bá với tụi Tàu Ô thế nào cũng lên đây truy nã bọn mình. Mày ráng mà ăn để đủ sức chạy.

Tên Mách nói khể:

– Lục cụ tin tôi không?

– Không tin mày thì tao sống với ai? Mày cứ nói thiệt cho tao nghe. Hai Tam lên rừng làm gì?

Tên Mách trình bày đầu đuôi tự sự. Anh ta gặp Hai Tam giữa rừng, gương mặt Hai Tam lúc đó trông sợ hãi, hốt hoảng. Và Hai Tam rất sợ bọn Tàu Ô.

Giữa Hai Tam và bọn Tàu Ô có mối thù không đội trời chung.

– Nhưng tại sao Tư Bá theo phe Tàu Ô?

– Có lẽ Tư Bá giả vờ đầu hàng để lấy tấm bản đồ kho tàng.

– Mà tin trên rừng này có kho tàng không?

Tên Mách lắc đầu thở dài:

– Chắc là có. Tụi giặc Tàu Ô ở bên Tàu còn nghe danh kho tàng rừng U Minh. Nếu thiếu bằng cứ thì tụi nó ngu dại gì đạu tàu trên sông Cái Lớn. Quân sĩ triều đình sẽ kéo tới... Tôi khuyên Lục cụ đừng giết Hai Tam.

Lục cụ gật đầu:

– Đừng lo, tao trói tay chân nó để hãm dọa thôi. Bây giờ mở trói cho nó là vừa.

Hai Tam mừng quýnh khi được mời ăn. Lục cụ cứ theo dõi mấy ngôi sao trên bầu trời khá trong sáng:

– Gần sáng rồi! Tao đã hiểu. Mày có làm dấu ở dọc đường không?

– Tôi làm dấu một lần, bẻ nhánh cây cho gãy đổ dọc đường rồi khắc chữ thập lên vỏ cây.

– Mày ngủ đi! Ngày mai tụi Tàu Ô tới đây, mình nên dưỡng sức để chạy.

Nằm trong chiếc nóp rách, Lục cụ suy nghĩ miên man. Ông ta hối hận vì đã trót theo dõi một kho tàng vu vơ. Nếu không có bọn Tàu Ô kéo đến thì hẳn đã trở về Tắc Cậu, cưới vợ lập gia đình, sống

với nghề làm thầy bùa thầy phép. Nhưng làm sao về được trong những ngày này.

“Hai Tam đã khắc một chữ thập lên vỏ cây. Chữ thập nếu thêm hai nút nhỏ trở thành chữ mộc. Tại sao mình không khắc rải rác dọc đường những dấu hiệu Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ để kích thích sự tò mò của bọn giặc Tàu Ô? Chúng nó sẽ đem bản đồ ra đối chiếu và tìm tòi thêm. Chẳng ai biết trước ngày mai sẽ ra sao? Tại sao mình chưa thử thời vận?”

✱

Nhưng trở mình thức giấc. Gió thổi lạnh buốt. Chiếc tàu nghiêng qua ngiên lại, sóng vỗ vào mạn tàu mỗi lúc một mạnh. Bọn hải tặc kêu réo âm ỉ, đốt đuốc chạy tới lui. Nhưng thở dài. Tư Bá lên đất liền với A Lầu và nhóm hải tặc. Suốt đêm rồi không thấy Tư Bá trở về.

Hay là Tư Bá thừa dịp ấy trốn vào rừng với A Lầu? Trong một thoáng, Nhung nghĩ đến chuyện tự tử.

Tên chúa tàu xuất hiện. Mưa rơi lất phất nhưng hấn cứ bước tới gần chỗ Nhung nằm. Hấn lên tiếng, Nhung không hiểu gì cả. Nhung cố gắng trả lời. Hấn cũng không hiểu gì. Lát sau, hai đứa nữ tỳ từ khoang tàu chui lên, vuốt ve Nhung, nói líu lo rồi buộc tay, buộc chân Nhung.

Nhung cứ chửi rủa:

– Tụi bay quăng tao xuống sông hả?

Nhung chỉ ngón tay xuống sông. Bọn nữ tỳ cười to hơn. Thế là chúng nó không có ý định quăng Nhung xuống sông. Nhung nghĩ đến hình thức tra tấn mà bọn hải tặc thường dùng: treo nạn

nhân lên chót cột buồm. Bọn nữ tỳ lại cười. Sau khi trối Nhung, chúng nó kh-iêng lên, đem xuống hầm tàu.

Khung cảnh dưới khoang hầm cực kỳ xa hoa. Đó là nơi chúa tàu uống rượu, nghe bọn tỳ nữ múa hát, đánh đàn. Nhung nghĩ đến chuyện cưỡng hiếp. Biết rằng nếu có la lên cũng chẳng ai tiếp cứu nhưng nó cứ la:

– Đồ khốn kiếp!

Chúa tàu Long Phi quát to:

– A Lầu!

Từ trên sàn tàu A Lầu bước xuống hầm. Nhung thêm bối rối. A Lầu lên bờ tìm vàng với Tư Bá. Hiện giờ Tư Bá ở đâu? Hay là Tư Bá đã bị giết?

Nhung cửa quây:

– A Lầu! Mở trói cho tôi!

Tên chúa tàu gật đầu. A Lầu nhỏ nhẹ:

– Cô cứ yên tâm chúa tàu mời cô xuống để hỏi chuyện. Bây giờ chúa tàu mở trói cho cô, cô cứ nói nhỏ nhẹ, tụi nó không biết tiếng An Nam đâu. Tôi hỏi điều gì thì cô nói không biết điều đó. Tư Bá vẫn bình yên đang tìm cách cứu cô.

Sau khi được mở trói, Nhung ngồi trên chiếc ghế nhỏ, chờ đợi. Chúa tàu rót rượu mời, Nhung vẫn chưa hết giận:

– Tôi không uống đâu. Tại sao trói tay chân tôi?

A Lầu nói với chúa tàu rồi an ủi Nhung:

– Chúa tàu sợ cô nhảy xuống sông tự tử vậy thôi. Cô nghe tôi hỏi: Vừa rồi có

người đi dạo thám trên rừng gặp một chữ Tàu khắc trên cây. Tư Bá biết chữ Tàu không?

Nhung đáp, theo lời căn dặn:

– Không biết.

Chúa tàu vỗ tay reo mừng. Ông ta truyền lệnh cho bọn nữ tỳ mời Nhung trở lên sàn tàu.

Dưới khoang hầm, chúa tàu gọi A Lầu:

– Lại đây! Mày gặp chữ thập hay chữ Mộc? Gặp trong trường hợp nào?

A Lầu kể lại cuộc hành trình từ căn chòi lên rừng có dấu chân người dẫm nát cây cỏ. A Lầu gặp gốc cây có khắc chữ thập.

– Chữ thập hay chữ mộc?

A Lầu đáp:

– Vỏ cây đã khô, nứt nẻ nên khó phân biệt, hơn nữa, trong đêm khuya chúng tôi đốt đuốc lên mà xem.

– Mày tới đó cắt miếng vỏ cây đem về cho tao xem. Tư Bá là người thế nào?

A Lầu nói:

– Còn ngủ trên nền chòi, tôi cho bọn nó canh chừng cẩn thận. Tư Bá muốn lập công với ông để cứu vợ.

Hồi lâu, chúa tàu mới nói:

– Chắc là chữ mộc. Kim mộc thủy hỏa thổ. Xưa nay mấy người chôn vàng thường dùng mấy chữ ấy để đánh dấu bốn phía.

A Lầu hỏi:

– Nếu như vậy là có tới năm phía?

– Mày ngu quá, không bao giờ họ đánh dấu chữ kim vì làm như vậy là lộ bí mật. Người chôn vàng chỉ ghi rõ bốn phía trên nền đất: mộc thủy hỏa thổ. Người tìm vàng cứ noi theo bốn gốc ấy mà đào khoảnh đất chính giữa...

A Lầu mừng quýnh, ngỡ rằng đã gặp kho tàng. Tư Bá vốn cẩn thận nên không cho A Lầu biết rằng trên rừng còn có Hai Tam, tên Mách đi trước. Nên sau khi hút ba điếu thuốc phiện, chúa tàu thở dài:

– Khó lắm. Mình không thể nào đậu tàu tại đây thêm năm bảy ngày nữa. Quân sĩ triều đình xem bọn mình như kẻ bất lương.

A Lầu đưa ra ý kiến:

– Nên tổ chức dạo thám, đến chợ Kiên Giang để nghe ngóng. Nếu quân sĩ triều đình kéo tới quá ít thì chúa tàu cứ chống cự!

– À! Hay lắm. Ngày mai ta làm việc đó.

– Nhưng tại sao chúa tàu hơi buồn khi gần gặp kho tàng?

Chúa tàu đáp:

– Lắm khi bốn chữ mộc, thủy, hỏa, thổ được ghi ở bốn góc của một khu rừng to!

A Lầu chợt hiểu:

– Thí dụ như họ khắc ở bốn góc rừng U Minh Thượng thì biết đâu mà tìm.

Chúa tàu nói:

– Lại đây! Mày tiết lộ, tao giết mày! Tao có bằng chứng về kho tàng của di thần nhà Minh còn chôn rải rác khắp vịnh Xiêm La. Năm ngoái có người đào được trên ngàn nén vàng ở Xiêm La.

Chúa tàu lại mở tráp, liếc nhìn về phía nắp hầm tàu. Hắn đem ra mấy miếng giấy nhỏ:

– A Lầu thấy chưa! Đây là bản đồ kho tàng bên Xiêm.

Trên mảnh giấy nhàu nát, A Lầu cố ý xem. Bốn chữ mộc, thủy, hỏa, thổ ghi ở bốn góc theo hình thoi. Ngay chính giữa mảnh giấy bị một ăn.

Chúa tàu Long Phi nói tiếp:

– Mày coi kỹ! Tao khoét hai lỗ nhỏ, để phòng bản đồ bị đánh cắp thì chẳng ai dùng được. Đó là hai chữ Nhựt và

Nguyệt. Kho tàng chôn ngay vào khoảng giữa của hai chữ đó!

– Vô lý quá! Nhựt và Nguyệt nghĩa gì?

– Nhựt và Nguyệt viết gần nhau, tức là chữ Minh, nhà Minh bên Tàu. Bọn di thần bài Mãn phục Minh muốn nhắc nhở nguyện ước của họ. Hễ ai đào được thì dùng số vàng bạc vào công việc phát triển Thiên Địa Hội! Mà trở lên rừng, tìm bốn góc mọc thủy hỏa thổ. Khi nào tìm gặp chữ Nhựt thì cho tao hay...

A Lầu vàng dạ, cúi đầu. Trong khi đó, chúa tàu Long Phi tiếp tục hút thuốc phiện, nghĩ đến kế hoạch bố trí, mua chuộc dân chúng vùng phụ cận để nghe ngóng sự ứng phó của quân sĩ triều đình.

Lão thầy rần ngồi trên xuống ngừng tay không thềm bơi nữa. Lão gác cây dầm, hát nghêu ngao. Hai bên bờ sông lá dừa nước mọc dày bịt như bức tường thành. Nước ròng phơi bãi. Lão muốn tìm một gian nhà để tá túc.

Trước mặt lão, dòng nước chảy từ trên rừng, đổ xuyên qua bãi bùn. Lão mừng quỳnh. Lão đứng dậy, ngóng thử. Quả thật trên bờ có vài căn chòi, khi nước lớn dâng lên ngập bãi thì người trên chòi mới xuống xuống, bơi ra sông. Gặp lúc nước ròng như thế này, tuyệt nhiên không còn cách nào lên bờ được!

Lão đẩy xuống lên bãi rồi bỏ xuống, lội xuống bùn, đến con đường mòn cập theo bờ sông. Đó là xóm người Huê kiều cuộc rẫy. Họ đã sống lâu đời ở Việt Nam nên ăn nói rành rẽ. Một ông lão ngồi cú

rũ ngoài sân, trùm cái mền tận cổ. Lão thầy răn hỏi:

– Làm gì mà ngồi ngoài sân?

– Đi đâu vậy? Người... An Nam hả?

Lão thầy răn hơi sừng sốt:

– Có gì lạ không? Tôi muốn lên đây mua khoai lang.

Lão già liền quăng cái mền xuống đất rồi chỉ trỏ khắp bốn phía:

– Đi đi! Đừng ở đây!

– Nhưng tại sao ông ở đây? Làm gì mà ngồi ngoài nắng?

– Người ta chạy hết rồi, tôi già yếu mang bệnh nên ở lại giữ nhà. Tụi nó ở gần vàm sông Cái Lớn, vô tới năm sáu chiếc tàu, gặp ai giết nấy. Mới ngày hôm

qua, tụi nó chặt đầu hơn mười người dân trong xóm.

Giọng nói thành khẩn của ông lão khiến lão thầy rắn tin là chuyện thật. Lão tìm cách điều tra cho biết rõ sự thật. Vì quá thương nhớ con Nhung, vì muốn trả thù Hai Tam, vì không còn nơi dung thân, lão bơi xuống lần hồi đến sông Cái Lớn. Đã có lần lão thầy rắn nghe lóm rằng Hai Tam làm ăn ở U Minh. Vùng rừng tràm U Minh là nơi tụ tập bao nhiêu rắn độc. Tới đó, lão tha hồ trở tài trị bệnh. Lão biết vài toa thuốc gia truyền, có thể cứu người bị rắn độc cắn, nếu dùng để quá trễ nải.

– Ai chặt đầu ai? Làm gì mà gây thù oán?

Lão già nói khẽ:

– Biết Tàu Ô không? Giặc Tàu Ô.
Chạy cho mau! Kia!

Sáu bảy tên hải tặc mang mã tấu
bước chậm rãi, từ phía đầu đường đi lại.
Lão thầy rắn chưa biết ứng phó thế nào!

– Trễ rồi! Đừng chạy, không kịp đâu.

Bọn hải tặc lù khù bước tới, dường
như chúng không chú ý đến hai lão già
ốm yếu. Lão thầy rắn hỏi:

– Làm sao? Để tôi vô nhà ông tôi
trốn.

Lão già đáp:

– Không được. Nó vô lục xét, nếu
gặp là nó chém.

Lão thầy rắn run lẩy bẩy khi nghe
bọn hải tặc thét vang.

- Tôi vô nhà ông, tôi trốn.
- Không được.
- Tôi xuống mé lá dừa nước để trốn.
- Không được! Nó tới rồi kìa!

Lão thầy rần co chân chạy. Bọn hải tặc hò hét vang rân phía trước sân.

Liệu bề không xong, lão chạy dọc theo mé sông lần lượt đến năm sáu gian nhà bên cạnh. Nhà cửa đều trống hoang. Vậy thì chỉ còn cách chạy mãi.

Đột nhiên lão nghe tiếng đồn cò, tiếng sáo thổi vang rân. Lão thầy rần dừng lại, nép mình vào gian nhà bỏ hoang. Trước nhà, có bà lão mù lòa ngồi đan rổ. Trong một thoáng, lão thầy rần muốn chạy ra sau vườn, ca hát như phụ họa với bọn người đồn cò thổi sáo.

Nhanh như chớp, lão chui vào cửa sau. Nhà tối om.

Bọn hải tặc bước rầm rập ngoài đường rồi dừng lại, đứng ngay căn nhà mà lão thấy rần đang ẩn nấp. Lão điếng hồn, nghe rõ ràng một giọng... hơi quen thuộc, giọng con gái:

– Bà ơi! Vô nhà đi.

Bà lão nói:

– Tôi già cả mù lòa. Tôi đâu có tội tình gì...

– Coi chừng nó giết oan. Tội này tàn nhẫn lắm.

Hai tay lão thấy rần vạch lá, như có sức lực vô hình nào thúc đẩy. Đó là giọng... Nhưng. Tấm vách buông khá dày, đứng ngoài sân, khó thấy người núp

bên trong nhưng đôi mắt lão đã dán sát vào kẻ vách.

Những bắp chân đen đúa đi qua đi lại trước thềm nhà. Bọn hải tặc, đúng rồi. Nhưng kìa! Nhung đang nghiêng mình, sát bà lão, đôi mắt nó đen lánh, sâu hoắm. Vóc dáng nó vẫn đẹp như ngày nào, hồi ở rạch Ông Rầy. Dường như nó hơi gầy đi một chút. Nó nói:

– Bà ơi! Tôi...

Bà lão quát to:

– Mày là con gái An Nam hả?

Nhung lấy tay lau nước mắt:

– Tụi giặc Tàu Ô này không biết tiếng An Nam, nó bắt con đi theo để nói chuyện! Khổ lắm! Con không biết tiếng Hải Nam như tụi họ.

– Vậy chó mày theo tụi nó để làm gì?

– Nó biểu con đi dò thám, gặp người nào đáng nghi ngờ, con gặt đầu thì nó giết.

– Té ra mày giết mấy chục người trong xóm này rồi?

Nhung kêu la:

– Đừng cãi nữa, bà ơi. Bà đi nơi khác đi. Tụi nó muốn đốt cái nhà này!

Bà lão vẫn to tiếng:

– Hể đốt nhà thì tao ở trong nhà luôn.

Chưa dứt lời, bọn hải tặc quát tháo chạy lăng xăng.

Bà lão kêu rú lên:

– Đồ tàn nhẫn! Nó đốt nhà tao kìa!
Nó giết tao...

Một nhát mã tấu chém xuống, thân bà lão gãy lại, như gấp làm đôi. Ngọn lửa nổi lên, từ phía trước thêm. Lão thầy rần im lặng, cố bò ra phía cửa sau. Lão chạy nhanh ra phía rẫy khoai. Bọn hải tặc quát to chẳng hiểu chúng nói gì. Chạy được một đôi, lão ngồi xuống để thở:

– Trời! Nhưng ơi!

Nhưng cũng chạy trốn như lão. Rất tiếc là nó chạy hướng khác, lão không dám gọi to. Bọn hải tặc rượt theo nhưng quá trễ. Khói bay cuộn cuộn, khuất lấp người và cảnh vật... Lão bước lững thững về phía ven rừng, thỉnh thoảng nhìn lại sau lưng. Lần lượt năm bảy gian nhà đều cháy rụi. Lão hơi mừng, khẩn vái Trời Phật:

– Cầu xin cho Nhung được sống sót.

Chiều hôm ấy, bọn giặc Tàu Ô rút lui. Người trong xóm lần lượt trở về, chửi rửa vang trời. Lão quyết định trở về xóm.

Dường như không ai chú ý đến sự có mặt của lão. Lão bước lẩn thẩn như người mất hồn. Vài người bơi xuống, cập vào bến, nói to:

– Tụi nó về Tàu rồi! Gặp ai, tụi nó cũng chém. Mất một người con gái.

Thấy thiên hạ đi xuống, lão thầy rần sức nhớ đến chiếc xuồng của mình đậu dưới bãi, ngay căn nhà của ông lão trùm mền dưới nắng.

Vừa thấy dạng ông lão trùm mền, lão thầy rần nói:

– Ông ơi! Nhớ tôi không?

Ông lão nọ đáp:

– Nhớ chứ. Mô Phật! Tụi nó quên đốt nhà tôi. Bây giờ tới phiên tôi mời ông anh vô nhà chơi. Hồi trưa tôi xua đuổi ông anh, ông anh buồn không?

Lần đầu tiên trong đời, lão thầy răn cảm thấy lâng lâng sung sướng và lão biết xấu hổ trước tấm lòng chân thật của đồng loại, trong cơn hoạn nạn.

Lão thầy răn nói:

– Cám ơn. Tôi đâu dám buồn. Nhờ ông anh đuổi mà tôi được sống. Xin lỗi.

– Mời ông anh vô nhà. Ông anh tên gì?

– Tôi thứ hai, làm nghề... thầy răn.
Còn ông anh?

– Tôi là Chòi Mui.

– Tại sao lại Chòi Mui? Tên nghe lạ quá.

– Thỉnh thoảng tôi nói sự tích cho ông nghe. Thôi! Vô nhà cho vui. Vô nhà uống rượu chơi.

Nắng chiều gần tắt, Nhung đã biệt tích.

Đêm ấy, lão thức nói chuyện với lão Chòi Mui. Lão Chòi Mui là người sống lâu đời tại U Minh Thượng.

Sực nhớ tới Hai Tam, lão thấy rần hỏi:

– U Minh... gần hay xa? Rộng cỡ nào? Có chừng bao nhiêu xóm?

Lão Chòi Mui đáp:

– Ôi thôi! Biết bao ngàn mẫu đất, quan trên còn chưa hiểu rõ, hưởng hồ là

tôi. Hỏi chi vậy?

Lão thầy rần ướm thử:

– Tôi có người bà con tên là Hai Tam, xuống đây... tìm vàng rồi mất dạng luôn.

– Hai Tam, Hai Tú gì! Mệnh mông thiên địa mà! Còn cái vụ tìm vàng thì đừng hòng. Tôi nghe người ta đồn đãi nhưng đã có gặp đâu. Anh Hai ở đây cho vui, muốn ở lâu thì ở. Biết nghề trỉ rần thì quý lắm.

Lão thầy rần hỏi:

– Tại sao ông anh tên Chòi Mui?

Lão Chòi Mui kể lại vài đoạn đời lưu lạc, từ Vĩnh Long đến ven rừng U Minh, gần bờ sông Cái Lớn. Hồi mới đến xứ này, lão đánh liều vào rừng đốn củi đem bán. Nhưng khổ thay, chở củi đến nơi nào cho có người mua, ở xứ quá nhiều

củi? Muốn chở củi phải sắm chiếc ghe khá to. Người ở chợ Rạch Giá chẳng thèm mua củi, nếu cần họ cứ ra biển mà đốn hoặc “quơ bậy” mấy nhánh tre khô sau hè nhà. Chịu không nổi cảnh thiếu thốn cô độc, lão đến gần rạch Nhà Ngang, nơi khá tấp nập quy tụ hơn mười căn chòi. Dân ở Nhà Ngang chuyên nghề lên rừng ăn ong, tìm ong mật, bán mật và sáp cho bọn tàu buồm Hải Nam.

Lão thấy rần lại hỏi:

– Như tôi là người xứ xa mới tới, nên làm thế nào để kiếm tiền? Xóm này tàn lạc hết rồi, chẳng lẽ cứ đợi ba ngày là xảy ra một chuyện rần căn.

Lão Chòi Mui đáp:

– Trước tiên nên kiếm một cái chòi mui.

– Chòi mui là gì? Ông anh nói quanh quẩn tôi vẫn chưa hiểu?

– Là một căn chòi mà mình tạo ra dễ dàng khỏi tốn kém. Nó nhẹ nhàng, gọn gàng... Ông anh thấy mấy chiếc ghe chở củi đậu bên kia sông không? Họ làm cái mui tạm, hình tròn, sườn tre lợp lá. Mùa này họ quăng cái mui lên bờ. Khi cần đi xa họ kiếm cái mui khác. Mình qua đó mà xin một cái mui, để trên nền đất cao ráo là xong chuyện. Xứ này nhiều cây lá nhưng người nào cất chòi, cất nhà là đại dột.

– Họ sợ giặc Tàu Ô tới đốt phá?

– Năm bảy năm, tụi Tàu Ô gây sự một lần. Mọi khi tụi nó mua bán đàng hoàng lắm.

Tại sao giặc Tàu Ô gây sự, lão thầy

rắn nhớ tới Hai Tam và Nhung. Đúng rồi bọn Tàu Ô bắt Nhung và Hai Tam dẫn đường đi tìm vàng. Hồi ở rạch Ông Rầy Hai Tam khoe khoang điều đó. Bắt Nhung đem về làm vợ, loại trừ Hai Tam tìm kho tàng. Ba mục tiêu ấy hiện ra rõ rệt trong đầu óc lão thầy rắn hơn bao giờ hết.

Đến hừng sáng, lão thầy rắn lại nghe tiếng tù và thổi vang rền phía vàm sông Cái Lớn. Lão Chòi Mui lồm cồm ngồi dậy:

– Mình chạy!

– Chạy về đâu?

Lão thầy rắn cuống cuống lên khi thấy lão Chòi Mui khoác áo. Bên ngoài sương xuống mù tịt. Mấy người trong xóm gọi nhau ới ới loan tin:

– Tụi nó vô đông lắm.

Lão thầy rắn còn nói theo kiểu đạo đức giả:

– Tôi muốn đi theo ông anh nhưng sợ ông anh tốn kém cơm gạo. Ông anh nghèo túng.

Lão Chòi Mui đáp:

– Về chùa với tôi! Đành vậy! Ông anh nghĩ thế nào?

– Ủa! Ở đây có chùa hả?

– Có... một cái cổng chùa, trong rừng. Nếu ông anh dám làm bạn với khỉ, với heo rừng thì vô chùa ở với tôi. Ở đó buồn quá, tôi ra ngoài xóm này. Nhè gặp bọn Tàu Ô... xui xẻo quá.

Lão Chòi Mui chạy ra sân, đứng ngóng. Lão thầy rắn nói chuyện nhỏ nhẹ

để che giấu sự vui mừng:

– Ông anh sẵn sàng cứu tôi chứ? Tôi hứa đền ơn xứng đáng làm công quả trong chùa.

Con đường trước nhà chạy quanh co, làm sao quan sát đối phương được? Sương lại xuống dày đặc, lúc gần sáng. Lão thấy rắn trở nên dạn dĩ lạ thường. Lão muốn chờ Nhưng một lát nữa, không gặp Nhưng thì đi theo lão Chòi Mui tới chùa cũng không muộn. Ngôi chùa ấy được xây cất giữa rừng chỉ còn một cái cổng thôi “có thể là nơi chôn giấu vàng bạc. Chưa ắt đã là chùa Phật. Người Huế kiều, người Việt Nam thường gọi chùa bất cứ nơi nào thờ thánh thần”.

Đột nhiên, lão thấy rắn đứng dậy nắm tay lão Chòi Mui.

Trong màn sương trắng xóa, xuất hiện vài bóng đen to lớn. Giọng Nhung nổi lên rõ to:

– Chạy đi, bà con ơi! Tụi nó hung ác lắm. Tụi nó kiếm vàng! Kiếm vàng không được tụi nó giết bà con mình.

Lão thầy rắn nói với lão Chòi Mui:

– Chạy về hướng nào?

– Ra sau rẫy, vô rừng.

Hai người nắm tay nhau, chạy riết ra phía sau nhà, gần rẫy ổi. Bọn Tàu Ô xuất hiện trên mười đứa hò hét ồm tỏi. Tuy sức yếu nhưng lão Chòi Mui vẫn gắng gượng từng bước một. Rẫy ổi đầy cây, mọc loạn xạ có lẽ là rẫy hoang, chẳng còn huê lợi nên không ai chăm sóc. Cỏ mọc cao tận gối, tận ngực.

– Nó chạy ra sau vườn bà con ơi!

Nhung nói to, ngoài đường cái, lão thầy rần im lặng kính phục sự can đảm của cô gái. Lão suy luận: Bây giờ, nếu mình chạy ra đường cái cứu Nhung là điều dại dột.

Bọn Tàu Ô chạy nghe thành thịch vượt qua chỗ hai người đang ẩn náu.

Lão Chòi Mui mừng quýnh:

– Bây giờ mình vô rừng cho mau!
Mặt trời mọc rồi kìa!

Đôi mắt của lão thầy rần ghéch lên: Mặt trời mọc trong rừng đầy sương, quả là một kỳ quan. Mặt trời lên cao rồi, hơn hai sào mà chưa phá màn sương. Mặt trời đỏ lòm như cục sắt trong lò rèn. Hai người tiến về phía mặt trời mọc. Sương tan dần, họ không bước xuống bùn lầy

nữa. Con đường mòn đầy cỏ hiện ra cao hơn vùng đất hai bên. Đôi khi cây tràm tróc gốc, nằm chận ngang. Lão Chòi Mui nói:

Cái chùa của tôi ở ẩm lắm, cỡ nào nghèo, muốn xa lánh trần gian thì mình vô đó... Bởi vậy chỉ có ông anh với tôi đây mới biết có chùa ở đây.

Lão thầy rần mừng thầm. Có thể đây là ngôi chùa xưa, xây cất từ thời Đế Thiên Đế Thích với những cái tháp bằng đá đã sụp đổ.

Một thân tràm nằm ngã, chận ngang đường. Đây là cây tràm thứ ba mà lão thầy rần đã gặp, lão Chòi Mui như không chú ý, cho đó là loại cây tràm có rễ cạn, tróc gốc. Nhưng lão thầy rần quan sát kỹ lưỡng bên cạnh gốc tràm có dấu chân người đạp dẫm lên cỏ, dấu chân còn

rành rành. Trên vỏ cây trầm, hiện ra vài vết. Như ai cầm dao chặt vào để làm dấu giống hệt chữ thập làm vỏ trầm bị đứt. Lão thầy rần nhướng mắt, liếc nhanh. Đường như là hai chữ thập.

Bọn người chặt vỏ trầm ấy không theo con đường mòn. Họ vượt qua bên kia đường, để lại vài giấu dấm nát và hai gốc củi cháy đen. Có lẽ họ đốt lửa lúc ban đêm, khi trời sáng họ đi tuốt.

– Ai vậy?

Bao nhiêu câu hỏi là bấy nhiêu hy vọng. Lão thầy rần vừa đi vừa nhìn xuống con đường mòn. Lão đặt ra giả thuyết, có thể đây là sào huyết bí mật của bọn cướp. Bọn Tàu Ô chưa dám đi sâu vào rừng để mai phục hoặc bắt bớ lão Chòi Mui tại chùa.

Lão Chòi Mui cười vang:

– Gần tới chùa rồi! Cảnh đẹp ghê!
Ông anh thích không? Tứ bề chim kêu
vượn hú. Kìa! Chùa của tôi đó.

Vừa nói lão Chòi Mui vừa chỉ về phía
bên tay mặt. Một làn khói xám vươn lên,
khác hẳn màu xanh của lá rừng.

Lão Chòi Mui nói tiếp:

– Căn chòi trong đó. Nhưng cổng
chùa ở trước mặt, ngay bụi cây giữa!

– Sao tôi không thấy cổng?

– Cổng bị sập rồi, một mối ăn gần hết
nhưng chót cổng có hình... ông Tể Thiên
Đại Thánh, một tay cầm cái vòng tròn...
Tròn vo. Còn tay kia thì ổng cầm cái lưới
liềm, chắc là mặt trời với mặt trăng.

– Sao chưa thấy ông Tể Thiên?

– Ông bị rớt xuống cống, tôi để thờ ông tại gốc cây cho vui.

Mặt trời mặt trăng, ông Tề Thiên... Bao nhiêu bí mật, nếu giải đáp được thì có lẽ ông thầy rắn sẽ đi trước rất nhiều người. Nghĩ vậy, lão thở phào, hỏi lão Chòi Mui:

– Đêm nay mình ngủ tại đâu?

– Tại căn chòi, dưới gốc cây gừa. Anh đi theo tôi.

Con đường từ pho tượng ông Tề Thiên đến căn chòi không xa cho lắm, điều đáng chú ý là đất được nén cứng, rải rác có vài phiến đá đen. Lão Chòi Mui mỉm cười bí mật:

– Ông anh bỏ ngõ hả?

Lão thầy rắn giả vờ như kẻ ngây thơ,

tôn trọng thần thánh:

– Dạ, chốn này thâm nghiêm, u tịch. Ngôi chùa thờ ông Tể Thiên này có từ đời nào?

– Ai mà biết. Mình ở đây thì biết chuyện ở đây, ngay bây giờ. Đừng hỏi chuyện đời xưa! Nền đất cứng, trái đá là chuyện hy hữu ở chốn bùn lầy, đất sụp.

Lão thầy rắn vội thanh minh:

– Thấy thì hỏi cho biết vậy thôi. Tôi là người sợ ma quỷ.

Nhưng lão Chòi Mui bước rẽ qua bên mặt, cúi đầu chui dưới một nhánh cây to:

– Căn chòi kia.

Lão thầy rắn càng ngạc nhiên hơn. Nói đúng ra đó là ngôi miếu cổ, vách xây

bằng đá nhưng nóc thì sụp xuống tự bao giờ. Thay vào đó, lão Chòi Mui đã đồn lá dừa nước phủ lên mớ kèo bằng tre. Chòi không có cửa. Nắng đã lên cao, rọi vào tảng đá đầy rêu xanh trước thềm.

– Vô cho vui mà!

Vừa nói, lão Chòi Mui vừa nắm tay lão thầy rần, kéo vô chòi. Hai người nằm xuống để dưỡng sức. Tiếng tù và vang rền, xa xa.

– Nằm nghỉ đi. Tôi nấu cơm cho anh ăn! Tôi là chủ nhà mời anh tới đây. Tôi hứa giúp anh đầy đủ cơm nước, chỗ ngủ. Chắc là bọn Tàu Ô ra khỏi sông Cái Lớn.

Câu nói của lão Chòi Mui đượm vẻ thân mật nhưng đồng thời cũng là lời cảnh cáo. Lão thầy rần sanh nghi. Lần này, lão quyết tâm khám phá bao nhiêu

bí mật của ngôi miếu và pho tượng ông Tề Thiên ở gốc cây đa. Lão Chòi Mui là tay lợi hại, tới đây để làm môi giới cho bọn trộm cướp. Một ngày rày, lão ta chạy ra mé sông để theo dõi hành động của bọn Tàu Ô. Liệu chừng bọn Tàu Ô còn nấn ná tại đây lâu ngày, lão ta mời khách về chòi để tỏ ra hiếu khách và giữ bí mật.

Lão Chòi Mui nói to:

– Bé! Mày về đó hả?

Phía sau chòi, có giọng nói trong trẻo:

– Dạ. Cháu đây nè.

– Có gì ăn chưa?

Thằng bé bước vào chòi, cúi đầu chào lão thầy răn. Lão thầy răn nắm tay nó:

– Cá lóc lớn quá. Thằng bé này là...

Lão Chòi Mui đáp:

– Là cháu tôi.

Rồi day qua thằng bé:

– Lo kiếm củi đi. Bữa nay tao có khách. Lát nữa mày về ăn cơm sau.

Lão thầy răn có linh cảm rằng lão Chòi Mui muốn đuổi thằng bé.

– Để nó ăn một lượt chớ?

– Con nít con nôi mà! Tôi là người biết quý khách. Ai lại cho thằng con nít ngồi chung một mâm với người lớn.

Con cá lóc được xỏ lụi, để trên mớ than hồng. Mùi cá vừa thơm vừa ngon bốc lên. Lão thầy răn liếc vào vách đá. Mỗi phiến đá có chạm tro tở tở mả nào hình cạp, hình chiến sĩ cầm gươm cỡi ngựa. Trong góc, vài cái hũ không tráng men

nằm ngay ngắn, nắp đầy kỹ lưỡng, loại hũ hình vuông.

Hai người ngồi ăn, chậm rãi. Lão Chòi Mui lẩm bẩm:

– Tụi Tàu Ô đốt cái quán rượu ngoài mé sông. Bằng không thì bạn già mình tha hồ nhậu.

Lão thầy rắn giả vờ hỏi:

– Vậy mà nãy giờ tôi tưởng rằng ở đây còn nhiều rượu. Rượu là vị thuốc ngừa sơn lâm chương khí.

Lão Chòi Mui cười nhếch mép:

– Ở đây, chưa ai chết vì sơn lâm chương khí. Nhiều người chết khi tới căn chòi này, chết vì tai nạn khác.

Lời hăm dọa ấy khiến lão thầy rắn nuốt nghẹn miếng cơm. Quả là kỳ phùng

địch thủ rồi. Nếu im lặng quá lâu, lão ta thêm nghi ngờ.

– Ủa! Tai nạn gì?

Lão Chòi Mui không trả lời thẳng vào câu hỏi của lão thầy răn:

– Ông anh thấy mấy cái hũ lạ lùg đó chớ. Tòì chưa dờì nó đi nơi khác.

– Sao vậy? Tòì tưởng là hũ đựng rượu, đựng gạo muối của ông anh.

– Người ta chết vì muốn đồ cái hũ đó ra để... tìm vàng! Những cái miếu lạ lùg, xây bằng đá như vậy... là nơi giết người. Ông anh nên mở cái nắp hũ mà xem. Hũ đựng xương người! Nhưng hãy coi chừng! Thứ xương người để lâu bốc hơi độc lắm, gây bệnh phong, bệnh cùi. Thôi, đang ăn uống mà nói bệnh tật, mất ngon đi. Hôm nào rảnh, tôi mời ông anh

dạo chơi xung quanh miếu đó xem mấy chòm mả mới. Hễ ai tới đây dờ thói gian tham vô lễ thì ông Tề Thiên vạ họng tức khắc!

Tàn buổi cơm, cả hai nằm xuống vì đêm tối đến quá nhanh. Thằng bé chạy vào, đem mớ củi khô đặt vào bếp un. Nhờ cái nóp rách mà lão Chòi Mui cho mượn, lão thấy rần yên tâm, tin rằng mình sẽ ngủ dưỡng sức một đêm dài xứng đáng.

Đến nửa khuya, lão thức dậy, chụm thêm củi vào bếp un khói. Lão Chòi Mui ngáy khò khò. Đứng ngoài sân mà chẳng thấy bóng cây đa và pho tượng Tề Thiên.

Nhất định là ngay trên nền chòi này còn có nhiều bí mật. Lẽ dĩ nhiên lão Chòi Mui đã đào xới vùng xung quanh đây rồi. Thằng bé ngủ nơi nào lúc ban đêm?

Có tiếng huýt sáo trên nhánh tràm. Đó là loại rắn lục, màu xanh lè, giết người. Con rắn ngóng mồi, cách xa lão thầy rắn chừng bốn bước. Nghĩ vậy lão bước lui, đưa tay nhanh về phía con rắn, nắm đuôi nó quay vòng tròn.

Con rắn yếu ớt cứ thẳng mình như sợi dây. Lão thầy rắn hạ tay xuống, quay tròn rồi nường tay, đập nhẹ đầu con rắn vào gốc cây.

Lão đem con rắn vô chòi, để gần bếp lửa. Con rắn ngất ngư, cửa quây khi gặp hơi nóng. Lão ghé tai, sát đầu nó để tin chắc rằng lão Chòi Mui đang ngủ... lão đem con rắn ngất ngư ấy vào hũ để cho nó hồi sinh, sống với mớ xương thịt khô khan. Rắn sống với hơi ẩm ướt trong hũ ấy và ăn chút ít xương cốt ấy. Theo bí quyết của thuật nuôi rắn thì nọc rắn lục ấy sẽ giết người trong nháy mắt.

Lão trở về nóp, nằm xuống mỉm cười.

*

Thằng bé bước rón rén đến gốc cây đa, nhìn dáo dác. Lão Chòi Mui đã tát tai nó.

– Phải cẩn thận. Thằng cha thầy rắn lợi hại lắm. Đừng cho nó biết pho tượng ông Tể Thiên này bọng ruột.

Thằng bé cúi mặt lẩm bẩm:

– Nó... biết chỗ có kho tàng. Mình xài nó trong vài ngày. Nếu có gặp kho tàng thì mình giết nó. Bằng không thì mình cũng giết nó.

Dường như trời sắp chuyển mưa. Thằng bé dạo một vòng chung quanh gốc cây đa. Lão thầy rắn không có đó.

Nó vững bụng, đến sát gốc cây, lách mình vào phía sau lưng pho tượng ông Tề Thiên, đẩy cánh cửa bí mật sau lưng ông Tề. Nó chui vào trong, nằm dài trên mớ lá khô lót sẵn.

Gió thổi lồng lộng vào từ đôi mắt ông Tề Thiên. Đôi mắt ấy che tạm bằng hai miếng ván nhỏ. Tuy chật hẹp nhưng pho tượng đủ sức chứa đựng một đứa trẻ như nó.

Nó nằm dài, gác tay lên trán. Từ trên nóc gian phòng chật hẹp ấy, một sợi dây treo lủng lẳng thấp đèn dầu mù u, đèn đã cạn dầu.

– Để cho người ngoài đừng tò mò. Chẳng lẽ để sợi dây treo toòng teng một mình.

Sợi dây ấy ăn liền vào trong chòi.

Xưa kia theo lời giải thích của lão Chòi Mui, ngôi chùa này là nơi hội họp bí mật của một nhóm làm quốc sự. Thời ấy, pho tượng ông Tể Thiên được dựng lên trên chót cổng, trong đó bố trí một người canh chừng ngày đêm. Từ trong ruột pho tượng, người canh phòng thấy rõ từ xa, qua hai con mắt đục thủng trên mặt ông Tể. Khi cần báo động, người ta nắm sợi dây giựt một tiếng, ba tiếng tùy theo dấu hiệu quy định trước. Bây giờ vì thiếu cái chuông, lão Chòi Mui buộc đầu sợi dây phía trước chòi vào cái gáo dừa. Hễ ngoài này có giựt dây là trong kia nghe tiếng lộp cộp như có chuột chạy.

Nó vừa chớp mắt chợt nghe tiếng ho hen phía xa xa. Nó nằm im. Lát sau, hai ba tiếng hô vang rền. Nó dụi mắt vì nước miếng của người ho văng xuống, từ đôi mắt của ông Tể Thiên.

– Mở cửa ra mày.

Tiếng nói của lão Chòi Mui khiến nó giật mình.

Thằng bé ngoan ngoãn mở cánh cửa, sau lưng pho tượng. Lão Chòi Mui nói khẽ:

– Hồi chiều tới giờ mày thấy thằng cha thấy rần đi đâu không?

– Dạ không.

– Nếu vậy là nó trốn. Nguy lắm. Nó là người của bọn giặc Tàu Ô tới đây kiểm kho tàng.

– Tôi không biết giặc Tàu Ô. Tụi nó ra sao? Mình ở đây mấy năm rồi mà không gặp vàng, tụi nó chân ướt chân ráo làm sao gặp được.

– Nín đi. Coi chừng cẩn thận. Mày

lên ngọn cây đa, coi chừng tứ phía. Ban đêm hễ nghe tiếng lá khua động, tiếng chim bay kêu oang oác thì mày... cho tao hay...

– Làm sao cho ông biết? Chẳng lẽ tôi trở vô bụng ông Tể giựt dây chuông.

Lão Chòi Mui bước sấn tới:

– Mày ngu quá. Hễ thấy động tịnh gì thì chạy vô chòi cho tao biết. Ban đêm, tụi nó đốt đuốc mở đường.

– Cháu hiểu rồi. Khi ở xa tụi nó đốt đuốc. Lúc đến gần tụi nó tắt đuốc.

– Mày khôn rồi đó.

– Hèn gì... hôm trước cháu thấy có bọn người đốt đuốc ở ngoài xa. Họ không đi về hướng mình nên cháu không lên tiếng.

– Thật vậy sao?

Ai đã dám đến khu vực này? Nếu là bọn giặc Tàu Ô thì tại sao chúng nó dám thức suốt đêm trong rừng?

Hồi lâu, thằng bé chờ đợi mà chẳng nghe lão Chòi Mui căn dặn điều gì. Nó chui sát gốc cây đa rồi lách mình vào trong pho tượng ông Tể Thiên.

Ngoài này gió thổi lai rai. Trên đường về chòi, lão Chòi Mui thắc mắc. Khi hay tin bọn giặc Tàu Ô đến vàm sông Cái Lớn, lão đã liều lĩnh bỏ căn chòi, ra ngoài xóm để dò xét tình hình. Lão mừng thầm, tin rằng gần nền chòi, gần cây đa ắt là nơi chôn giấu kho tàng.

Khi bọn giặc Tàu Ô chạy dài theo đường cái, cướp của đốt nhà lão Chòi Mui càng nghi ngờ hơn.

Còn lão thầy rắn? Lão Chòi Mui đã gặp lão ta từ hồi đầu. Lão này chẳng dính dáng gì đến bọn Tàu Ô. Dầu sao đi nữa, lão Chòi Mui vẫn bốn chồn linh tính như báo trước biến cố quan trọng.

Về đến chòi, lão tăng hắng, gọi to:

– Ông anh ơi!

Cái nóp bỗng dưng hạ xuống, dẹp lép. Lão Chòi Mui hiểu ngay, trong nóp chẳng có gì cả. Lão thầy rắn đã trốn.

Không bỏ lỡ cơ hội, lão Chòi Mui lật cái nóp lại, lấy miếng vải rách độn lên cho cao rồi bước ra khỏi căn chòi. Lão sức nhớ đến mấy gốc tràm ngã lăn trên con đường nối liền từ bờ sông Cái Lớn vào chùa.

Khi thấy lão Chòi Mui ra khỏi căn chòi, đi xăm xăm về phía mé sông, lão thấy rần chạy nhanh ra gốc cây đa, đến gần pho tượng ông Tể Thiên.

Pho tượng quá cao lớn khiến lão khiếp sợ. Ánh trăng chiếu mờ hồ trên hai bàn tay pho tượng, hai bàn tay cầm miếng gỗ to tượng trưng cho mặt trời và mặt trăng.

Lão gọi to:

– Bé ơi!

Bên trong pho tượng, thằng bé trở mình.

Lão đến sát pho tượng, tìm nhánh cây khá to, gõ mạnh:

– Bé! Bé!

Thằng bé vẫn im lìm. Lão thầy răn nói nhanh:

– Ra đây chơi cháu ơi! Bác là người quen ở trong chòi ra đây chơi, xa lạ gì? Nãy giờ bác hiểu tất cả. Làm bộ hoài! Tao đốt lửa thảy vô trong pho tượng bây giờ!

Thằng bé chui ra từ phía sau lưng pho tượng. Nó chấp tay xin lỗi:

– Bác đừng giận, ông Chòi Mui ngăn cấm không cho cháu ra ngoài ban đêm.

– Cho bác vô trong nằm nghỉ một lát được không? Chà pho tượng này lớn quá. Chắc ở trong... có vàng!

Vô tình thằng bé thú nhận:

– Dạ, hồi mới tới đây, cháu cũng tưởng nó có vàng trong bụng. Ông Chòi Mui với cháu hì hục đẽo suốt ngày...

– Gặp gì trong bụng ông Tể Thiên?

Thằng bé cười to:

– Gặp vài con chuột chết.

Lão thầy rắn đến sát gốc cây đa nhìn vào. Lão đã hiểu: nhút định kho tàng được chôn giấu nơi khác. Pho tượng này chỉ là cái chòi canh trá hình.

Đột nhiên thằng bé quay mặt, nói nhanh:

– Bác vô chòi đi. Đừng cho ông Chòi Mui biết rằng cháu nói chuyện với bác. Ông giết cháu ngay lập tức.

Thằng bé chui vào bụng pho tượng. Lão thầy rắn nói khẽ:

– Cái gì làm cháu sợ?

– Ông Chòi Mui về rồi!

– Sao tao không thấy?

– Chim bay kêu oang oác... nghĩa là có người đi trong rừng.

Lão thầy rần chạy nhanh về chòi mở nóp chui vào, giả vờ ngáy pho pho như kẻ say ngủ.

Ngoài cửa chòi có tiếng dặm chân thành thịch. Lão Chòi Mui chếp miệng, đến gần bếp lửa thổi lên. Ngọn lửa cháy bập bùng. Lão ta đến gần cái nóp ng-hiêng tai rồi hỏi:

– Ngủ hay thức?

Lão thầy rần đáp:

– Ai đó? Tôi... ngủ!

– Thức dậy nói chuyện chơi!

Vừa lú đầu ra khỏi nóp là lão thầy

rắn gắp đôi mắt tóe lửa của lão Chòi Mui. Lão thầy rắn nhìn về phía cửa chòi. Bên ngoài vắng tanh. Lão thầy rắn vững lòng hơn bao giờ hết.

Trong cái hũ đựng cốt còn con rắn lục. Con rắn đã “trầm nọc”.

– Nãy giờ ông anh đi đâu? – Giọng lão Chòi Mui đay nghiến hằn học.

Lão thầy rắn giả vờ dụi mắt:

– Tôi ngủ...!

– Đừng lấy vải thưa che mắt thánh. Hồi nãy tôi thấy có mớ vải rách trong nóp. Nghĩa là... ông anh đi vắng.

Lão thầy rắn hiểu rằng cơ mưu đã bại lộ nhưng cứ điềm tĩnh trả lời:

– Đi chơi cũng không được sao? Còn ông anh? Ông anh chắc đi đâu mới về.

Lão Chòi Mui tức giận hiểu rằng lão thầy rắn đến đây để tìm kho tàng.

– Đừng lấy vải thưa che mắt thánh!
Lão thầy rắn ơi!

Lão thầy rắn đáp:

– Người ta vô rùng. Ai cũng sống theo kiểu riêng của mình. Tốt hơn, anh em mình nên thuận thảo với nhau, để phòng bọn giặc Tàu Ô tới đây... cướp của. Vậy thôi!

Lão Chòi Mui nhớ lại: lão thầy rắn xuất hiện một lúc với bọn giặc Tàu Ô.

– Ủ! Tôi nuôi một thằng giặc Tàu Ô mà tôi không hay biết!

– Ai là giặc? Đừng nói bậy bạ!

– Đừng chối nữa, lúc chạy giặc ông anh luôn luôn nấn ná trong chòi để nghe

ngóng ám hiệu của cô gái!

Đã đến lúc xung đột rồi! Té ra lão Chòi Mui này hồ nghi lão có dính dáng với Nhung và bọn giặc Tàu Ô.

Đột nhiên lão Chòi Mui đứng dậy đi tới lui, giọng bực tức:

– Ông anh tới đây để làm gì cứ thú thiệt. Bằng không thì tôi liều sống chết.

Kế bên chiếc nóp của lão Chòi Mui, cây móc khá dài nằm đó, lưỡi thép lấp lánh. Lão thấy rần thấy mình khó bề chống cự nếu lão Chòi Mui thủ cây móc trong tay.

– Nói đi! Cứ nói, tôi tha tội cho.

Cây móc sáng ngời nằm gọn trong tay lão Chòi Mui. Lão đứng dậy, cười mỉa mai:

– Cứ nói! Tôi chờ đây! Phía sau hè này có năm bảy năm mồ hoang. Bọn người như ông anh nằm dưới đó.

Trong cái hũ đựng cốt vang ra tiếng cựa quậy. Có lẽ con rắn lục đã hồi sinh, tìm cách chui ra khỏi nắp hũ. Ban đêm lạnh lẽo, nếu gặp hơi nóng, rắn trở nên lạnh lẽ, hăng sức.

Lão thầy rắn nghĩ thầm:

– Đã tới lúc mình ra tay.

Lão thầy rắn chấp tay, ra vẻ hối hận:

– Dạ, xin ông anh tha tội cho, tôi nói thật.

– Ai cấm ông anh nói sự thật? Ông anh tới đây tìm vàng hả?

Lão thầy rắn nói:

– Tôi sẵn sàng nói thật: bọn giặc Tàu Ô cho tôi lên rừng để tìm kho tàng. Tôi theo tấm bản đồ.

Lão Chòi Mui sáng mắt lên:

– Bản đồ ở đâu? Đưa bản đồ cho tôi. Tôi hứa chia hai kho tàng cho ông anh.

Lão thầy rắn nói:

– Tôi đâu dè ông anh rộng lượng tới mức đó. Tấm bản đồ tôi không dám cất giấu trong mình. Tôi để...

– Để ở đâu?

– Dạ để trong cái hũ đựng cốt của ông anh.

Lão Chòi Mui chạy nhanh đến góc chòi, mở nắp hũ ra rồi ngã ngửa kêu rú.

Con rắn lục từ trong hũ phóng ra,

cắn ngay cườm tay lão. Lão ta hơi cây mác toan chém con rắn.

Nọc độc ngấm vào cơ thể lão Chòi Mui. Bàn tay lão từ từ buông cây mác:

– Đồ khốn kiếp!

Lão thấy rắn bước lui, mỉm cười:

– Tao không cần ăn thua với một cái thầy ma. Trời cứu mày thì họa may.

Lão Chòi Mui té quỵ xuống đất, đôi mắt lơ dờ:

– Cứu tôi giùm. Tôi đền ơn cho. Tôi đâu có tội tình gì? Trời...

Rồi lão nằm xuôi tay. Nơi vết rắn cắn, lão thấy rắn thấy một đốm đen hiện ra, lan rộng. Bàn tay của nạn nhân trở nên xanh chàm đông đặc. Con rắn lục đến gần bếp lửa nằm khoanh.

Nhanh như chớp, lão thầy rắn giựt cây móc. Lão Chòi Mui nói hỏn hển, đôi mắt từ từ khép lại:

– Giết tao đi.

Lúc bấy giờ, lão thầy rắn đã thấy sự đặc thẳng. Trong giây lát nữa, nọc rắn sẽ chạy đến tim, nhập vào phổi của nạn nhân, máu không còn chảy mạnh. Lão Chòi Mui thở khò khè, hết nói ra lời. Lão đến gần đồng lửa, lấy lưỡi móc đè nhẹ lên đầu con rắn lục rồi nắm ngay cổ, đem vào chòi, nhốt trong hũ như trước.

Lão Chòi Mui nằm đó, hết cựa quậy. Lão thầy rắn sờ tay rồi sờ chân nạn nhân. Làn da lạnh ngắt. Lão nghiêng đầu, đưa tay sát ngực nạn nhân. Ngực còn nóng, còn ấm. Lão ngẩng đầu lên. Búi tóc của lão đã dính vào miệng lão Chòi Mui. Cái miệng ấy đã cắn lại lần cuối cùng. Khi

sờ lên búi tóc để gỡ ra, lão thấy rần cảm thấy ớn lạnh. Nọc rần gây chứng sôi đàm, đàm đã tràn ra đầy miệng nạn nhân.

Lão thấy rần ung dung bước ra sân. Lão đến gần pho tượng tìm nhánh cây đa thấp nhất trèo lên nhìn qua đôi mắt thủng. Bên trong tối om om. Lão hái một cái nhánh khô quăng vào.

Mớ lá khô lót dưới lưng thẳng bé chuyển mình xào xạc. Nó nghiêng răng rồi tiếp tục ngáy pho pho.

Làm gì bây giờ?

Lão thấy rần vào chòi, nhìn thân xác lão Chòi Mui. Bỗng dưng lão thấy ngựa ngựa dưới chân. Ngõ là nọc rần, lão đến gần bếp lửa, xem kỹ: hàng trăm, hàng ngàn con kiến kéo nhau, xếp thành hàng dài, bò từ vách đến tay chân xác chết.

Ruồi bu lại nhiều hơn. Mớ xương thịt lão chắc đã bốc mùi hôi thúi. Dưới ánh lửa bập bùng, lão thấy rần thấy hàng trăm đốm đỏ li ti quả là loài ghê gớm. Nọc của nó làm rớm máu lỗ chân lông, làm chảy máu tai, máu mũi.

Trong cái hũ đựng xương, con rần lục cựa quậy. Nó hăng sức khi cắn được con mồi ngon.

Từ nóc chòi, tiếng huýt gió rít lên đôi ba lượt. Lão thấy rần thích chí quá chừng. Lão đứng dậy rình mò. Trên cây đòn dông, con rần lục xanh lè bò tới bò lui, ngóng cổ. Lão thò tay nắm đuôi con rần trên đòn dông nhà quơ mạnh cho đầu nó bị đập mạnh xuống đất, rồi bỏ vào cái nóp của lão Chòi Mui.

Gà rừng gáy vắng vắng.

Cái gáo dừa ở góc chòi rung chuyển, nghe lụp cụp. Thằng bé đã tiết lộ với lão: cái gáo dừa rung lên vì có sợi dây từ pho tượng ông Tề Thiên nối vào. Bàn tay thằng bé đang giựt dây. Lão chạy ra sân, đi một vòng thật lớn, đến con đường mòn nối liền từ bờ sông đến chòi. Lão ho lên vài tiếng.

Thằng bé từ sau lưng pho tượng chạy ra:

– Ai đó!

Lão thầy rần nói:

– Tao! Thầy rần.

Thằng bé dụi mắt:

– Sao ông không ngủ trong chòi?

Lão thầy rần đáp:

– Hồi hôm tao về chòi, bị đuổi...

– Ủa? Sao ông Chòi Mui đuổi ông...

– Ông nói đêm nay có khách tới chơi, bàn chuyện kho vàng, kho bạc gì đó.

– Ai tới đây vậy kìa?

Lão thấy rần khoanh tay trước ngực, giả bộ ho sù sụ.

– Tao muốn vô chòi ngủ một giấc. Không hiểu ông Chòi Mui rảnh hay chưa? Hay là ông khách nào đó còn ở trong chòi?

Thằng bé nói:

– Để tôi hỏi thử.

Nó chui vào lưng pho tượng Tể Thiên, nắm sợi dây mà giật. Lão thấy rần cười thầm:

– Bữa nay mình khôn quá. Bố trí như vậy thì làm sao hiểu nổi. Vái trời cho hai con rần trong hũ đựng cốt và trong nóp còn ở lại chỗ cũ. Thằng bé là đứa có phước. Mình bắt nó làm đệ tử.

Vừa thấy mặt thằng bé, lão thầy rần hỏi:

– Sao? Trong chòi còn khách không?

Thằng bé nói:

– Lạ quá! Mọi lần tôi giựt dây là ông Chòi Mui chạy ra. Đêm nay không thấy ông. Để tôi chạy vô chòi coi thử. Ông đừng vô.

Lão thầy rần ngồi dựa gốc cây đa, chờ đợi. Lão vẫn thuốc hút. Thời khắc trôi qua chậm chạp.

– Ông thầy ơi! Ông thầy ơi!

Lão thầy rần đứng dậy hỏi:

– Cái gì?

– Nãy giờ ông ở đâu?

Đôi mắt thẳng bé trợn tròn. Lão thầy rần đến gần nó. Nó là đứa đầy đủ bản lĩnh.

Lão đáp:

– Ở đây.

– Ông hay biết gì chưa?

– Chưa!

– Vô chòi mà coi. Ông Chòi Mui cảm mạo hoặc trúng thuốc độc.

– Trời ơi! Ai đành giết ông?

Lão thầy rần theo thẳng bé.

Vừa đến cửa, lão thầy rần lấy tay che mặt, ra tuồng sợ hãi:

– Trời ơi!

Thằng bé thúc giục:

– Sợ quá. Ông vô trước thử coi.

– Tao... sợ lắm. Mày... đốt lửa lên cho sáng. Trời ơi! Ông nằm dưới đất chắc là ông lê lét kêu cứu với mày, ông chạy không kịp.

– Hèn gì... hồi tối nằm trong pho tượng mà tôi nghe có tiếng nói chuyện lớn, như hai người cãi vã.

Bếp lửa cháy lên khá sáng.

Thằng bé đến gần cái nóp của lão Chòi Mui, trong nóp thầy rần nhốt sẵn con rắn lục.

Thằng bé nhìn dáo dác:

– Cây mác!

Lão thầy rần hỏi:

– Cây mác của ai vậy?

– Cây mác của ông Chòi Mui. Để tôi coi... Ông Chòi Mui có mất mát món gì không?

Thằng bé từ từ rờ miếng nóp, mở ra. Con rần lục phóng tới, cắn ngay “áp khẩu” thằng bé!

Thằng bé phúi tay. Con rần phóng xuống đất chạy mất. Nó thở hển hển:

– Rần! Ông ơi rần này hiền hay dữ?

– Tao không thấy rõ rần gì?

Thằng bé cau mày, dùng tay này ôm tay kia:

– Dạ cháu nhớ không rõ! Ông cứu tôi!

– Màỵ cho tao biết là loại rắn gì thì tao mới chạy đúng thuốc...

Thằng bé há miệng:

– Không biết.

Bấy giờ lão thầy rắn mới ra tay cứu trị, e lâu quá thì thằng bé chết luôn. Nhứt định phen này thằng bé sẽ mang ơn cứu tử hoàn sanh của lão đến trọn đời.

– Vậy thì màỵ lên chõng mà nằm, đừng sợ.

Nói xong, lão đỡ thằng bé đem lên chõng.

Thằng bé trợn mắt nói phều phào:

– Lạnh tay rồi ông ơi! Đờm lên rồi, cứu tôi.

Đã đến lúc ra tay cứu chữa giúp thằng bé mang ơn cứu tử hoàn sanh. Trong những ngày sắp tới, lão cần nương tựa vào nó. Lão mở nóp ra đưa lại gần bếp lửa, tháo mấy góc đệm. Lão đập mạnh chiếc đệm xuống nền rồi ngừng tay, cúi mặt. Thằng bé nhắm mắt lại nghe thì thào:

– Một đứa, hai đứa, ba đứa...

Nó không còn hy vọng nơi tài năng của lão thầy răn. Lão đang tính chuyện gì bí mật chẳng? Thí dụ như chuyện giết người.

Giọng thằng bé nắc lên, lẩn chót:

– Giết tôi luôn đi!

Lão thầy răn đáp:

– Nín đi, mày ơi! Nam thất nữ cửu. Mày gần chết mày nói bậy hoài.

Lão thầy rần rờ trên nền nhà, bắt đúng bảy con rệp bỏ vào miệng mà cắn đôi rồi nhổ nước vào miệng thằng bé. Rệp là vị thuốc cấp cứu hiệu nghiệm nhứt. Gặp trường hợp rần lục con chưa đủ nọc thì rệp trị dứt được, nạn nhân sống bình thường. Tuy nhiên đến mùa gió bắc thổi lai rai, nạn nhân trở bệnh, xương sống nhức nhối như bị cắt ra làm nhiều khúc.

Muốn trị tuyệt nọc phải cho nạn nhân uống thêm củ cỏ ống và phèn chua. Phèn chua là vị khó kiếm hơn. Lão thầy rần mang sẵn trong mình một cục nhỏ gói trong miếng vải đỏ để làm tăng thêm vẻ huyền bí trước mặt thân chủ.

Hướng về tương lai, lão thầy rần thấy mình cần nuôi dưỡng thằng bé đừng cho bao giờ nó dứt bệnh. Suốt đời, nó mang

một bản án tử hình treo nếu xa thầy rần.
Nó đau đớn, có thể chết.

– Mày mạnh rồi đó! Khổ cho tao quá.
Mặt trời lên cao... Cái xác lão Chòi Mui
nằm một đống trong nhà. Tao sợ.

– Lát nữa lấy cái nóp quần xác ông,
chôn cho xa. Theo ý tôi thì tối nay, hãy lo
liệu.

– Ủ!

Lão thầy rần muốn tìm cách thao
túng căn chòi và pho tượng ông Tể Thiên,
lục soát, đào xới tìm kho tàng, lão ra lệnh:

– Tao sợ quá! Mày bỏ xác ông Chòi
Mui trong chiếc đệm để sau hè. Chờ tối
nay...

Trong lúc thằng bé bó xác ông Chòi
Mui, lão thầy rần đi lẩn thẩn ngoài sân.

Thằng bé không ngăn được hai hàng nước mắt.

Lão thầy rần rần lắm lắm:

– Đúng là, gần đây hoặc ngay dưới nền này có kho tàng. Thằng bé là đứa hiểu nhiều chuyện!

Lão ra gốc cây đa, sờ vào pho tượng ông Tể Thiên ngắm nghía từng chi tiết. Hai tay ông Tể Thiên dang ra, một tay có chữ Nhật, một tay có chữ Nguyệt, hai chữ này chạm vào lòng bàn tay chung quanh có viền hình mặt trời tròn và mặt trăng khuyết lưỡi liềm.

Thằng bé trở ra.

– Xong rồi ông ơi! Buồn quá!

– Tao đâu có vui. Này bé! Pho tượng này ở chỗ nào? Hồi xưa nó ở chỗ nào?

Thằng bé đáp:

– Làm sao biết được? Hồi mới tới, cháu thấy nó ở sau hè.

– Chỗ nào?

Thằng bé cau mày:

– Có cái giếng. Giếng cạn rồi...

Biết thằng bé đang phân vân, lão nắm tay thằng bé:

– Hỏi cho biết vậy thôi. Mình lo cho ông Chòi Mui yên mồ yên mả rồi tính sau. Tao già rồi. Hễ gặp kho tàng, tao giao hết cho mày.

*

Lục cụ ngồi dưới gốc cây, run lập cập. Bệnh rét rừng hoành hành lão ta từ bốn ngày rồi. Tên Mách và Hai Tam

nhận thấy: Lục cụ chẳng biết bùa phép gì cả, cứ ngồi mà ăn hại. Tên Mách buồn rầu, muốn trở về rạch Tắc Cậu để trồng khoai cuốc rẫy. Hai Tam thì thương nhớ con Nhung đến ngày thứ bảy rồi mà chưa được tin tức gì của Tư Bá. Tư Bá dẫn bọn Tàu Ô nhưng tại sao chú chưa dám vào rừng sâu?

Hai Tam đốt lửa, ngồi nhai mớ đột choại rồi đem con rùa vàng thả vào đồng lửa.

Tên Mách đến gần, nói khôi hài:

– Tội mình chắc trở thành con xà niêng!

Hai Tam hỏi:

– Sao vậy? Xà niêng là con gì? Rừng này có xà niêng à?

Tên Mách nói khẽ:

– Coi chừng... ông nghe! Ông... sắp thành con xà niêng rồi đó.

Hai Tam vui sướng quá. Thế là tên Mách đã chán chê Lục cụ, muốn kết phe với Hai Tam, bằng cứ rõ rệt là anh ta dám nói xấu, so sánh Lục cụ với con xà niêng. Nhưng biết đâu tên Mách nói vậy để thử lòng Hai Tam?

Lục cụ bỗng nhiên quát to:

– Mách!

Tên Mách giật mình day lại. Lục cụ nằm xuống thở dốc. Như thường lệ, tên Mách chạy đến gốc cây:

– Thưa Lục cụ... Muỗi cắn hả? Để tôi đốt thêm lửa...

– Mày đốt thêm lửa rồi lại đây! Mày đừng làm bộ... Tao nằm đây, tao nghe mày nói tao là con... xà niêng. Tao là con thú vật hả?

Tên Mách biến sắc, tìm cách chối cãi:

– Dạ, tôi với anh Hai Tam nói chuyện xà niêng!

– Thiệt hay chơi! Để tao kêu Hai Tam tới đây hỏi lại.

Tên Mách đứng dậy:

– Để tôi kêu Hai Tam!

– Không cần tới mày! Mày muốn cản dận trước hả?

– Hai Tam lại đây! Nãy giờ thằng Mách nói chuyện gì?

Hai Tam đáp:

– Tôi nói chuyện con xà niêng ở rừng U Minh này cho thẳng Mách nghe.

– Ủ! Mà nói tiếp. Nếu tao nghe không suông lỗ tai thì tao giết cả hai đứa.

Hai Tam bịa ra câu chuyện xà niêng căn cứ theo một giai thoại trong chuyện Tàu:

– Rừng U Minh này, hồi thời Gia Long tẩu quốc, binh sĩ của vua Gia Long chạy lạc vô rừng, nghe dân đồn củi bàn về tai nạn xà niêng. Một ông quan tới nơi tìm cách cứu dân. Ông ra lệnh cho binh sĩ mua rượu... mua thật nhiều cho xà niêng uống.

Lục cụ bữu môi:

– Mà nói chuyện tiểu lâm để bêu riếu cái tật uống rượu của tao hả?

Hai Tam tức giận vô cùng nhưng nghĩ rằng chưa đến lúc ra tay giết Lục cụ. Anh tiếp lời:

– Dạ, xà niêng ừa uống rượu lắm. Hôm sau, quân sĩ mua hàng chục hũ rượu nếp, thứ ngon. Ông quan ra lệnh bảo quân sĩ đồn cây về...

Lục cụ trở mặt:

– Mà thấy tao đau ốm, mà bàn chuyện ám chỉ tao là kẻ gần vô hòm hả? Đồn cây để... đóng hòm.

Tên Mách phục thăm tài ăn nói của Hai Tam nên phụ họa vào:

– Dạ, hồi nãy anh Hai Tam đâu có nói chuyện đóng hòm.

Lục cụ trợn trừng chỉ tay vào tên Mách:

– Đốn cây làm gì?

Tên Mách nói bừa:

– Dạ, đốn cây, chặt ra từng khúc nhỏ
chứ đâu phải cửa ván.

Hai Tam liền nối lời tên Mách:

– Chặt từng khúc ngắn, để làm guốc, thứ guốc có ngù kẹp ở ngón chân. Hai ba chục đôi guốc đẽo xong, ông quan ra lệnh cho quân sĩ đi guốc ban đêm nơi có xà niêng. Xà niêng chạy lại rình... để bắt chước. Hôm sau ông quan đem mấy chục hũ rượu để ở gốc cây rồi đem guốc để gần đó. Xà niêng đánh hơi rượu, chạy lại giành nhau uống rượu.

Lục cụ lắm bầm:

– Xà niêng uống rượu cũng như tao giành kho tàng hả? Tao nghe tụi bay nói xấu.

Hai Tam đáp:

– Dạ... xà niêng uống rượu say rồi đến tìm mấy chiếc guốc. Nó tập tành đi guốc như loài người. Uống rượu quá say, làm sao xà niêng bước vững được. Nó té. Mà hễ té thì lom khom đứng dậy, xỏ chân vô guốc. Nó bước tới vài bước, tới lục lạo mấy hũ rượu để uống cạn. Xà niêng gây gổ với nhau, lúc đầu còn đùa giỡn nhưng lát sau, cả bọn như một lũ điên khùng chẳng phân biệt tôn ti trật tự gì ráo. Xà niêng con đánh xà niêng mẹ. Xà niêng cái cắn xà niêng đực. Thế là vị quan ra lệnh cho quân sĩ cầm hèo nhảy ra đập túi bụi. Xà niêng hoảng chạy vô rừng vấp ngã, nhiều con chết tại trận.

Nghe tới đó, Lục cụ vẫn còn nghi ngờ:

– Mà y nói tao giành kho tàng như xà

niêng giành đi guốc uống rượu hả? Tao nghèo túng, tại sao tao không trở thành giàu sang? Bộ mấy người có vườn tược đất cát ở xứ này đều khôn hơn tao sao?

Sự cố chấp của Lục cụ khiến cho Hai Tam và tên Mách chán chê. Đã đến lúc Hai Tam chịu không nổi. Già cả mà ganh tị với bọn trẻ, thiệt là tiểu nơn.

– Sao mày không nói? Con xà niêng là ai? Mày bịa chuyện để nói xấu tao. Tao không sợ mấy đứa làm phản.

Đột nhiên tên Mách ra dấu hiệu cho cả bọn ngồi im. Nhánh cây gãy nghe rôm rốp. Rừng U Minh không có voi, cộp di chuyển êm ái, chẳng gây tiếng động. Vài con diệc bay nhanh, vỗ cánh phần phật.

Lục cụ nằm mọp xuống... khi Hai Tam hỏi tên Mách:

– Gì vậy?

Tên Mách lạnh tay cào đồng lửa, rút từng khúc củi ra. Đám lửa ngọn đã biến mất. Hai Tam quơ tay xuống vũng bùn, hốt từng nắm đất ướt mà tạt vào. Hồi lâu, tên Mách không trả lời.

– Mách đâu rồi? – Hai Tam hỏi khẽ.

Tên Mách thở hỗn hển.

– Nó đó. Nó đi!

Hai bóng người lướt qua rặng tràm. Đường như họ khiêng vật gì khá nặng.

– Ma! Ma đó!

Hai Tam tức cười vì hai bên đều nghi ngờ nhau nhưng chẳng biết ai là ai cả. Hai Tam nghe một giọng hơi quen thuộc.

– Cứ đi. Mình đây là anh hùng hơi

đâu sợ ma. Mà nói bậy hoài!

Kẻ tri hô ma quỷ lúc nãy bèn trả lời:

– Ma nói chuyện thì thảo. Tôi sợ quá.

Giọng khàn khàn đáp lại:

– Ban đêm rừng này không có cọp. Nếu có cọp thì mình quăng cái đồng này làm mồi. Còn nếu gặp rắn thì có tao!

Đúng là lão thầy rắn, Hai Tam mừng khôn xiết, ở rạch Ông Rầy, Hai Tam đã hiểu rành lão này, trong lúc tranh giành con Nhung. Lão thầy rắn ốm yếu như con mằm. Hai Tam không sợ. Lão ta đến đây làm gì? Khiêng cái gì trên vai? Nếu không có Lục cụ và tên Mách, Hai Tam đã lên tiếng. Anh tin rằng giữa đêm khuya thâm u, nơi xứ lạ quê người ít ra lão thầy rắn cũng tạm quên mối thù xưa.

Lão thầy răn và người kia khuất hẳn.
Bấy giờ tên Mách mới lên giọng:

– Họ khiêng cái gì vậy?

Lục cụ đáp:

– Chắc là... vàng. Họ tới đây trước,
họ gặt vàng.

Hai Tam bữu môi:

– Làm sao có một đồng vàng như
vậy mà khiêng? Vàng nặng lắm, nặng
hơn đá, hơn sắt.

– Bọn đó ở đâu vậy kìa? Đâu phải là
Tứ Bá, đâu phải bọn Tàu Ô? Tao theo tụi
nó mới được. Gặt vàng rồi chết, tao mát
ruột hơn là ngồi chờ đợi như vậy, chết
lần chết mòn.

Hai Tam thích chí vì đây là dịp may
để anh ta theo chân lão thầy răn. Anh

giữ bí mật không cho Lục cụ biết nguồn gốc lão thầy rắn.

Bấy giờ Lục cụ trở nên hăng hái hơn ai hết. Ông ta đứng dậy chống cây gậy, ra vẻ chỉ huy:

– Im lặng nghe tụi bay. Nếu tao gặp vàng thì tụi bay được hưởng.

Hai Tam và tên Mách nhìn nhau.

– Ủa! Tụi bay không đi trước tao? Hai Tam đi trước, cầm dao coi chừng. Tên Mách đi theo sau.

Lão thầy rắn đã mất dạng và bước thật nhẹ chẳng gây tiếng động nào.

Vài tiếng gà gáy từ xa vọng lại. Hai Tam nói:

– Đừng sợ. Gà rừng gáy, chó đâu phải gà nhà. Tụi nó sợ đông đảo.

– Tức quá!

Vừa nói, tên Mách vừa trèo lên nhánh cây tràm để quan sát.

Sương xuống mù mịt. Gió lửa màn sương, di chuyển lướt khướt như miếng lụa rách nát rồi vá lại, chập chờn che khuất ngọn cây, chim rừng không bay, tiếng trùng rên rĩ.

Một đốm lửa hiện ra bên trái:

– Người ta đốt đuốc!

Lục cụ hỏi:

– Thiệt hả? Phải tụi nó không? Hay là bọn người khác?

Tên Mách đáp:

– Không thấy gì hết, ông ơi!

Lục cụ nói gắt:

– Hai Tam lên coi thử.

Hai Tam dẫn cơn phần nộ, trèo lên nhánh cây, đến gần tên Mách:

– Chỗ nào?

– Đốm lửa cháy lan ra, chập chờn. Đúng là ngọn đuốc.

Trong phút giây, Hai Tam nghĩ Tư Bá đã hẹn gặp nhau trong rừng, sau khi Tư Bá giải thoát cho con Nhung.

Ban nãy người nói chuyện với thầy răn là kẻ hoàn toàn xa lạ. Vì sợ chết cho nên Lục cụ đùn Hai Tam đi tiên phong.

– Chú mày có dao, lại gần đó thử coi họ đốt đuốc làm gì?

Hai Tam lần dò từng bước, đến gần ngọn đuốc. Lão thầy răn đang lui cui làm dấu một món gì. Hai Tam nghe tiếng

khóc sụt sùi nên hiểu là xác chết. Kẻ nằm dưới huyết là kẻ xa lạ, không phải Tư Bá. Hai Tam chờ họ lấp đất rồi mới lại gần. Đúng là huyết chôn xác. Lão thầy rắn đã vô ý, quên dụi tắt ngọn lửa. Nhờ đó Hai Tam lần theo.

Đến gốc cây đa, Hai Tam dừng lại. Pho tượng cao nghệu khiến anh sửng sốt. Anh chợt nghe tiếng quát to:

– Ai đó!

Vừa rút ngọn đao, Hai Tam vừa chạy tới với ý định trốn lánh. Một bóng người từ trong chòi chạy ra.

Tên Mách cau có nói gắt:

– Có gì đâu! Hửi cái mùi này... mang bệnh mà chết luôn.

Lục cụ nói:

– Mày là con nít. Biết đâu dưới xác này tụi nó giấu cái... bản đồ. Mày thấy Hai Tam đâu không?

Vừa lúc ấy Hai Tam xuất hiện:

– Lục cụ! Tôi đây nè! Tôi tìm được... căn chòi này đáng nghi. Lục cụ theo tôi. Hồi nãy tôi rượt theo tụi nó, tụi nó bỏ chạy.

Lục cụ là kẻ đa mưu nên chưa vội tin Hai Tam. Ông ta ra lệnh:

– Mách! Bắt Hai Tam cho tao!

Hai Tam chưa biết liệu định lẽ nào, tên Mách nói:

– Anh đừng chống cự.

– Ủ! Có gì mà chống cự. Tôi lạc đường, tới căn chòi đằng kia. Căn chòi bí mật lắm.

Lục cụ mừng quýnh:

– Vậy thì tao tha tội cho Hai Tam. Đưa tao tới căn chòi đó. Xác chết này... của ai?

– Làm sao tôi biết được. Chắc là của một ông già trong rừng. Hôi hám quá.

Hai Tam và tên Mách đi trước. Để dễ bề nói chuyện riêng với tên Mách, Hai Tam bước khá nhanh, bỏ Lục cụ phía sau:

– Mách, chỗ này nguy hiểm lắm. Mà cứ ăn hiền ở lành là yên thân.

Giọng Lục cụ can ngăn:

– Chờ tao với.

Đã đến gần pho tượng ông Tề Thiên, cây cối thưa dần, chim kêu ríu rít trên

tàn cây đa cổ thụ. Hai Tam phập phồng lo sợ:

– Coi chừng tụi nó bắn tên tẩm thuốc độc.

Lục cụ nhảy đến gốc cây mà núp trong khi tên Mách chạy tới bám vai Hai Tam:

– Pho tượng gì vậy? Cắn chòi ở đâu?

Trong lúc Hai Tam ngơ ngác, thằng bé xuất hiện, từ sau lưng pho tượng:

– Thầy tôi mời mấy ông vô nhà.

Lục cụ trợn trừng nhìn thằng bé:

– Em đi trước. Tụi này theo sau.

Thằng bé cất bước, đi khá xa, đến gần cửa chòi mà ngoài này Lục cụ vẫn dè dặt. Chưa đựng chuyện khó mà Lục cụ đã hóa ra tên hề.

Lục cụ ra dấu, bảo tên Mách chờ đợi để Hai Tam đi trước. Hai Tam mừng thầm vì đó là dịp may để anh vào chòi gặp lão thầy răn.

Lão thầy răn nói với Hai Tam:

– Tội này lợi hại không?

Hai Tam quyết định:

– Ông coi chừng thằng già. Thằng trẻ không lợi hại. Mình nên giết thằng già đó.

– Để cho tao.

Rồi lão thầy răn ngoắt lia lịa:

– Mời hai ông khách. Hai ông đi đâu mà lỡ đường vô rừng này. Lát nữa, hai ông với chú này ở lại dùng bữa cơm đạm bạc với tôi.

Vào đến chòi, Lục cụ thất vọng. Nền chòi cao ráo nhưng vách phen đều thừa thớt. Chủ nhà ngồi tiếp khách trên bộ vật tre ọp ẹp. Nhứt định là nơi đây chưa ai tìm ra kho tàng. Lục cụ xin phép nằm trên bộ vật cho khỏe lưng.

Thấy khách đã vào chòi, thằng bé trở ra phía pho tượng.

*

Sau bữa cơm trưa, lão thầy răn gọi Hai Tam ra sau hè:

– Để tao giết thằng già Lục cụ. Chú mày dẫn thằng Mách vô rừng chơi.

Hai Tam hỏi:

– Giết bằng cách nào? Nó mạnh hơn ông đó.

– Đừng lo. Kìa! Thằng Mách đứng ngoài sân gần pho tượng.

Anh đến vỗ vai tên Mách:

– Vui quá chứ. Chưa gặp kho tàng nhưng cuộc đời mình đã thay đổi, tối nay mặc sức mà ngủ. Ra đây mà xem pho tượng xưa.

Hai Tam và tên Mách ngắm nghía pho tượng. Nhưng khi Hai Tam sờ vào thì thằng bé chui ra.

– Máy ông tới đây, ở lâu hay mau?

Tên Mách lên tiếng:

– Ở cho vui vài ngày. Em tới đây bao lâu rồi?

– Chừng vài tháng, ở với ông Chòi Mui, xác mới chôn mấy ông moi móc lên. Tôi tính chừng vài ngày nữa là rời

khỏi chỗ này. Ở đây lấy gì mà ăn.

Hai Tam làm dấu hiệu cho tên Mách:

– Mình vô rừng kiếm mật ong ăn chơi, lâu ngày thèm ngọt.

Hai bạn trẻ vào rừng sâu rồi trèo lên ngọn cây, hai người ngồi gần nhau trên một nhánh khá to. Họ buồn rười rượi, nói chuyện rất ít nhưng thông cảm đậm đà.

– Chán lắm rồi. Hai Tam biểu tôi làm gì cho rảnh nợ đời? Xóm Ông Rầy vui lắm hả? Tôi muốn cưới vợ làm mướn kiếm tiền. Nè! Tôi hỏi thiệt nghe không? Lão già trong chòi là ai?

– Là lão thầy rắn đại tài, ở rạch Ông Rầy. Tình cờ tới đây, tôi gặp ông ta với thằng bé hồi nãy. Mình mượn tay lão thầy rắn đó giết giùm Lục cụ.

– Chùng nào giết? Giết chưa?

Hai Tam mỉm cười:

– Trời mà biết, bọn già đó khó hiểu lắm.

Tiếng hú vang dội từ phía chòi đưa đến.

Hai Tam giật mình:

– Mách nghe gì không?

Hai người tuột xuống đất. Thằng bé từ gốc cây đa đưa tay lên kêu cứu:

– Chết rồi! Mấy ông ơi!

Tên Mách dọa Hai Tam:

– Nó hăm dọa bọn mình? Ai chết?

Gương mặt thằng bé tái nhợt, nó nói:

– Cái người mới tới đó... chết rồi! Bị

rắn cắn.

Lục cụ thở phều phào, đàm sôi lên nghe khò khò. Lão thầy rắn nghiêm mặt, nói với tên Mách và Hai Tam:

– Thằng Lục cụ này đáng chết lắm. Nó bắt buộc tôi... điếm chỉ kho tàng. Nó hăm he giết tôi.

Tên Mách đứng dậy nói:

– Xin thầy điều trị giúp được không?

Lão thầy cười vang:

– Nó là con rắn. Bốn phận thầy rắn là phải giết rắn. Chú em còn nhỏ tuổi, đừng can dự vào chuyện người lớn.

Tên Mách bước lững thững ra sân. Lục cụ là người ác nhưng chưa làm cho ai thiệt mạng. Lão thầy rắn dạy luân lý ở

đời, nói điều phải điều quấy, nhưng lại giết người.

Tiếng tù và trỗi lên, vang rần từ bờ sông Cái. Trong lúc Hai Tam và tên Mách hơi bối rối thì lão thầy răn giải thích:

– Tụi Tào Ô thổi tù và hoài để hăm dọa. Chưa bao giờ tụi nó dám vô rừng. Mấy em cứ ở đây với tôi chôn xác Lục cụ.

Tên Mách hơi buồn, thấy mình cô đơn hơn bao giờ hết. Có tiếng khóc thút thít. Thằng bé chạy vào tụi bao giờ. Lão thầy răn hỏi:

– Tại sao khóc? Mà nhớ ông Chòi Mui hả? Già thì chết.

Thằng bé đưa bấp tay ra:

– Hôm trước răn cắn tôi một lần nhờ ông chữa.

Lão thầy rần cười to:

– Mày còn trẻ, đừng lộn xộn.

Nói xong lão thầy rần từ từ bước lại góc chòi, giở cái nắp hũ đựng cốt, rồi đập nắp thật mạnh. Trong hũ con rần cựa quậy nghe sột soạt. Tên Mách cầm lòng không đậu:

– Nếu vậy là Lục cụ chết vì con rần này! Hồi nãy tôi thấy...

– Mày bệnh vực Lục cụ hả? Mới chân ướt chân ráo vô nhà là ông ta đòi... tao hai cái hũ vàng! Tao ở xứ này nếu có vàng thì người khác đã đào xới trước tao rồi. Lục cụ không tin lời tao, chạy lại hũ. Dè đâu, con rần nhảy ra, cắn chết tươi. Chôn lẹ đi. Bé với tên Mách! Hai đứa bây khiêng xác Lục cụ, Hai Tam đi theo đào huyết.

Thằng bé cau mày căm tức. Nó biết rằng con rắn trong hũ là con rắn của lão thầy rắn nuôi nấng.

Tiếng tù và trỗi lên, liên hồi mỗi lúc một gần. Thằng bé đứng dựa gốc cây. Nó thấy con người chết sao dễ dàng quá; cái chết của lão Chòi Mui và Lục cụ làm nó suy nghĩ mông lung. Con người giết con người, giết dễ dàng nhờ con rắn lục. Nó định một ngày nào đó sẽ giết con rắn.

Giọng tù và vang rền. Hai Tam lấp đất lên xác Lục cụ, vừa lấp đất vừa trông ngóng về phía cây cao nhút.

– Thằng bé đâu rồi?

Tên Mách sửng sốt:

– Nó mới đây mà. Nó đâu rồi?

★

Chúa tàu Long Phi cho người chèo tam bản ra tận vàm Cái Lớn. Mấy cuộc thám hiểm vào tận rừng sâu do Tư Bá và A Lầu hướng dẫn chưa đem lại kết quả nào đáng kể. Tụi Tàu Ô hơi nản chí, báo cáo riêng với chúa tàu:

– Khó tìm thấy kho tàng. Tư Bá là đứa hèn nhát, cứ mặt trời xế bóng là hẩn thối lui về mé sông mà ngủ.

Chúa tàu Long Phi lật quyển lịch, xem những trang chót rồi lật trở lại những trang đầu. Tuổi Hợi, sanh giờ Thìn của ông ta, vào ngày Mẹo, thuộc bà Mi Châu bảo vệ. Muốn cho bà Mi Châu hiện về báo mộng, ông ta gọi bọn hộ vệ:

– Gọi A Lầu tới!

A Lầu xuống khoang hầm ra mắt chúa tàu:

– Xin chúa tàu chỉ dạy.

Chúa tàu Long Phi đến trước bàn thờ cao ngang đầu.

– Mày lạy Thiên Hậu Thánh Mẫu.

A Lầu rồn tóc gáy. Khi chúa tàu dùng đến nghi lễ này là có đổ máu.

Lạy xong A Lầu chấp tay thưa:

– Xin chúa tàu chỉ dạy thêm.

Chúa tàu ngồi xuống chiếc ghế nhỏ, đuổi bọn hầu thiếp ra ngoài:

– Mày với Tư Bá đều có tội. Đứa con gái kia có tội nặng nhưng nó được tha.

Nói xong chúa tàu Long Phi mò mẫm trên vách, lấy một thanh gương, đặt kính cẩn trên bàn thờ.

A Lầu thất sắc nói bập bẹ;

– Thưa chúa tàu, tôi chưa làm được phận sự...

– Nín đi! Trước khi nói, mày chờ tao làm lễ.

Trước bàn thờ bà Mi Châu, tấm màn nhiễu đỏ buông xuống im lìm. Chúa tàu khấn lâm râm rồi dùng thanh gươm nhỏ khoát màn. Thanh gươm ấy quá cũ, lưỡi nằm gọn trong bao bằng cây cũ xì. Theo tục lệ bọn Tàu Ô, khi tàu hạ thủy lần đầu tiên, họ sắm một thanh gươm gọi là “lĩnh đao”. Cây lĩnh đao của tàu Long Phi đã cũ sét, điều ấy chứng tỏ rằng tàu đã sống nhiều năm trên mặt biển.

Thanh gươm được dựng nghiêng nghiêng trong góc bàn thờ.

– Đêm nay ta cầu mộng. – Chúa tàu nói. – Nếu thấy điều may mắn, ta tha

tội cho bọn người. Đứa con gái kia, ta tha tội chết vì nó là... con gái đang mang thai. Bà Thiên Hậu luôn luôn bình vực đàn bà con gái.

A Lầu cúi đầu. Chúa tàu Long Phi gọi hộ vệ quân!

– Đưa nó lên tàu. Dẫn đứa kia xuống đây!

Chúa tàu ra lệnh cho Tư Bá quỳ xuống. Chứ cứ quỳ rồi chúa tàu cho hộ vệ quân đưa chú lên sàn tàu.

Tư Bá và A Lầu bị trói vào cây cột buồm lớn nhứt. Con Nhung được dẫn ra lái tàu. Bọn Tàu Ô đến gần cột buồm nói líu lo. Đứa tở lớn tuổi nhất mang một cái vệm khá to. Tư Bá thất sắc hỏi:

– A Lầu! Nó chém bọn mình.

A Lầu cười gượng:

– Chưa dám đâu. Đừng nói chuyện. Lát nữa anh em mình mặc sức mà nói. Anh em mình trở thành thần thánh.

Tư Bá nhủ thầm:

– Chết thì chết. Mình coi thử cho biết. Nếu liệu bề không xong, A Lầu nói cho tôi hay. Anh em mình nhảy đại xuống sông Cái Lớn.

A Lầu nháy mắt, sợ sệt. Tên giặc nhảy tới tát tai Tư Bá. Tư Bá nói:

– Đừng hỗn.

A Lầu nói:

– Túc chết đi. Đừng gây sự với nó.

Tên giặc bước qua bên này, đập mạnh lên đầu A Lầu. Hai người ngồi im. Tư Bá

thử cựa quậy hai tay. Bọn chúng buộc dây hơi lỏng. Thay vì ra sức bứt tung sợi dây, chú có thể rút đi từ từ một bàn tay ra khỏi vòng dây. Đột nhiên chú nín cười không được. Tên giặc Tàu Ô rảy nước trên sàn tàu, màu nước trắng đục, xông hơi nồng. Đúng là nước sôi. Và chung quanh cây cột buồm, hắt vẽ một vòng tròn khá to, bao bọc Tư Bá và A Lầu.

A Lầu cười:

– Anh gan thiệt. Tụi nó làm lễ tế sống bọn mình.

– Cái bàn thờ hồi nãy dưới khoang tàu...

A Lầu vội giải thích:

– Thờ bà Mi Châu, nữ thần phò hộ tàu biển của tụi nó. Tụi nó gặp cơn nguy rồi. Anh em mình cứ nằm dài trên sàn

nói chuyện chơi. Bây giờ sợ anh em mình như ôn dịch, chẳng đứa nào dám lại gần. Nếu không xong, bọn mình chịu chết...

– Không xong nghĩa là sao?

– Khi nào đêm nay chúa tàu Long Phi không thấy bà Mi Châu hiện về mách bảo trong giấc mộng. Bây giờ mình là người của bà Mi Châu rồi. Tội nó sợ, còn cô nọ thì khỏe lắm. Bà Mi Châu là đàn bà nên ghét kẻ nào đem xác đàn bà tới làm lễ.

Nắng chiều xế dần, Tư Bá nằm dài bên cạnh A Lầu.

– Mặt trời gần lặn rồi, anh Tư ơi!

Giọng A Lầu mếu máo, hai hàng nước mắt trào ra. Anh ta chùi nước mắt, ngửa mặt nấc lên:

– Chắc chết quá! Anh Tư biết lợi

không? Mà lội làm sao được? Tụi nó lội nước giỏi bằng mười anh em mình. Ngoài biển, tụi nó còn không sợ, huống gì trong sông rạch.

Tư Bá đáp:

– Trời tối thì ngủ mát. Làm sao có cơm ăn?

A Lầu nói:

– Anh Tư đói hả?

– Đói chớ.

A Lầu ngồi dậy, nói với bọn Tàu Ô. Lát sau chúng bưng ra một mâm cơm gồm thịt nướng, trứng vịt muối, củ cải muối. Dọn xong chúng thắp nhang vào một quả trứng, rồi đốt giấy vàng bạc. Tên giặc lớn tuổi nhất lại xuất hiện. Hắn dùng hai cây sào thật dài đẩy nhẹ cái mâm cơm tới sát góc cột buồm.

Tư Bá ăn ngon lành.

Đêm xuống dần. Rặng cây bần đung đưa gió thổi mạnh đến mức nhiều cây trốc gốc nằm dài trên bãi bùn. Tư Bá hơi buồn lòng. Phải chi không có con Nhung thì chú đã trốn thoát dễ dàng sau khi giết chúa tàu. Sóng vỗ lát chát vào mạn tàu. Chú nghĩ đến kế hoạch đục thủng cho tàu chìm, với một tắc thép trong tay. Chiếc tàu tuy lớn nhưng vẫn yếu và mỏng manh. Giữa mấy tấm ván be là khoảng trống trét chai. Nếu cạo tróc lớp chai ấy, nước chảy vào và phá ra một lỗ lớn.

A Lầu khẩn vái lạy thầm:

– Bà Mi Châu nếu linh thiêng thì cho chúa tàu nằm mộng... đừng giết tội tôi.

Tư Bá không chịu nổi thái độ hèn nhát ấy:

– Khẩn vái rồi cũng chết.

A Lầu đáp:

– Anh Tư chưa đi biển nên chưa hiểu bà Mi Châu. Bà linh lắm. Đang lúc sóng gió nhiều nhờ khẩn vái mà tàu lướt qua khỏi chìm. Gặp cơn nguy, chúa tàu để trên bàn thờ bà một cái lịnh đao. Hễ lịnh đao ấy tự nhiên lúc lắc hoặc rớt xuống làm cho chúa tàu thức giấc là anh em mình được sống.

– Bà Mi Châu là ai?

A Lầu nói:

– Chuyện dài lắm. Hồi xưa bà học được phép thần thông trong cuốn sách bí truyền gập dưới đáy giếng. Bà ngồi ở nhà lo dệt vải. Cha ruột của bà đi thuyền ngoài biển khơi gập giông tố. Bà thấy rõ ràng trước mắt. Bà ra tay cứu vớt mặc

dầu đang ngồi bên khung cửa...

A Lầu bỗng ngưng câu chuyện. Bọn giặc nói chuyện to tiếng, bàn cãi. Cả bọn đứng dậy hướng về mé sông. Tư Bá ngồi dậy hỏi A Lầu:

– Cái gì kia?

A Lầu lắc đầu:

– Tôi đâu thấy gì lạ?

Tư Bá nói gắt:

– Tụi nó nói xí xồ xí xào chuyện gì?

Bọn Tàu Ô vụt đứng dậy. Từ cửa khoang tàu, ngọn đèn lồng xuất hiện, treo lủng lẳng dưới bàn tay đứa nữ tỳ áo xanh. A Lầu lắc đầu:

– Chúa tàu Long Phi sắp làm thịt bọn mình rồi. Ông ta khẩn vái bà Mi Châu rồi nằm chờ giấc mộng.

Tư Bá đáp:

– Nếu nó muốn giết mình nhảy xuống sông. Chết dưới sông mát ruột hơn mà có hy vọng được sống sót. Đêm nay tối tăm hơn mọi khi.

Sự xuất hiện của tên chúa tàu khiến A Lầu sợ sệt, ngậm miệng. Chúa tàu nghiêng mình quan sát, gật đầu rồi đi thẳng đến cột buồm, ông ta đứng ngoài vòng trắng vẽ bằng vôi trên sàn tàu mà gọi A Lầu. A Lầu trả lời xong bèn thúc giục Tư Bá đứng dậy.

Vì chưa hiểu ý muốn của tên chúa tàu, Tư Bá chống cự:

– Nó giết hả?

– Không đâu. Có tin mừng. Chúa tàu tin bà Mi Châu nên chẳng dám giết hai anh em mình quá sớm.

– Nó nằm chiêm bao thấy điềm gì lạ?

– Tội nghiệp tôi mà. Cãi cộ hoài nó nghi ngờ.

Mặc dầu hai tên tử tội dùng dằng chưa tuân lệnh tên chúa tàu vẫn đứng bình tĩnh.

Tư Bá hỏi:

– Nó biểu anh em mình đi đâu?

– Ai mà biết. Dường như nó quý trọng anh em mình.

Rốt cuộc, vì tò mò muốn hiểu thêm về cổ tục lạ lùng của bọn Tàu Ô, Tư Bá đứng dậy, vừa nói vừa cười bất chấp sự có mặt của tên chúa tàu.

– Nó quý trọng anh em mình theo kiểu tế thần.

Đứa nữ tỳ xách cái lồng đèn đi trước, xuống khoang hầm. Chúa tàu theo sau. A Lầu nói:

– Anh thấy chưa. Nó hiền lành như cục đất. Nó sợ anh em mình.

Tư Bá im lặng, bước thật chậm trên sàn tàu. Vài tên hải tặc cúi đầu khép nép. Chú liếc xuống sông. Nước chảy đen thui, óng ánh như vũng mực tàu. Rặng cây bên bờ rung chuyển, bấy khỉ kêu chí chóe.

Chúa tàu quỳ xuống, gọi A Lầu. Lát sau A Lầu phiên dịch lại:

– Ông biểu anh em mình lạy bàn thờ bà Mi Châu. Bà Mi Châu đang giận vì ông bạc đãi anh em mình.

Tư Bá vui lòng lạy, lần thứ nhất, rồi lần thứ nhì:

– Đủ chưa? Đói bụng mà lạy hoài mệt quá.

Đột nhiên, chúa tàu day lại A Lầu và Tư Bá. A Lầu nói:

– Anh Tư, ông biểu anh em mình đứng nghiêm cho ông lạy.

– Lạy rồi giết hả?

Chúa tàu quỳ xuống, lạy ba lần. Tư Bá và A Lầu ưỡn ngực kiêu hãnh. Lạy xong, chúa tàu mời A Lầu và Tư Bá ngồi. Hai đứa nữ tỳ đem hai chén rượu tràn đầy. Hai người tự tiện nâng chén uống cạn. Tư Bá nói khôì hài:

– Điều này chắc nó giao cho anh em mình làm chúa tàu!

Hành động của chúa tàu càng lúc càng tăng thêm phần khó hiểu. Chính A

Lầu cũng thờ người. Chúa tàu lấy nước rửa mặt, nói lầm thắm. Ông ta quỳ xuống, giở miếng vải đen trải sẵn trên sàn.

Miếng vải đen được giở lên, kính cẩn. Đứa nữ tỳ lấy tay che mặt.

Thanh gươm lộ ra, lưỡi gươm nằm trong cái bao cũ kỹ bằng cây. Tư Bá hiểu rồi. Hồi chiều, trước khi cầu mộng, chúa tàu dựng thanh gươm lịnh trên bàn thờ bà Mi Châu. Ông ta nằm ngủ rồi có lẽ thanh gươm ấy từ trên bàn thờ rớt xuống như bà Mi Châu đã chứng giám cho lòng thành của ông ta.

Đứa nữ tỳ cầm thẻ nhang, đốt vào ngọn đèn trao cho chúa tàu, trong khi đó, chúa tàu nâng thanh gươm trên hai tay xá ba bốn lần. Ông ta day lại bối rồi ngượng ngùng. A Lầu hiểu ý, đem cái ghế nhỏ để gần ông ta, ông ta bước lên

ghế, khoát hai lớp màn đỏ, vàng che bàn thờ rồi để thanh gươm nằm xuống.

– Chử gì vậy, A Lầu?

A Lầu nói khẽ:

– Thiên Hậu Thánh Mẫu tức là chức vị của bà Mi Châu, vua nhà Thanh phong cho bà.

Chúa tàu bước xuống ghế rồi nói với A Lầu.

A Lầu nói với Tư Bá:

– Chúa tàu cho anh em mình trọn quyền theo dõi một con sấu thần vừa xuất hiện ra sát mé hồ. Con sấu đó là vị cứu tinh do bà Mi Châu sai xuống cứu giúp chúa tàu, anh em mình đi theo con sấu rồi báo cáo cho chúa tàu biết.

Nói xong, Tư Bá gật đầu chào chúa

tàu. Ba đưa nữ tỳ xách cái lồng đèn soi sáng cho hai vị “thượng khách” bước lên thang.

A Lầu nói:

– Để tôi ra lệnh cho tụi nó đem chiếc tam bản tới lái tàu. Mình trèo xuống tam bản.

A Lầu nói khẽ:

– Trốn luôn nghe!

Tư Bá lắc đầu:

– Còn cô này...

Bỗng dừng Tư Bá nhớ đến Hai Tam và bọn Lục cụ trên rừng. Hay là Hai Tam đã nhớ vợ nên liều lĩnh bơi xuống đến gần chiếc tàu để báo hiệu? Chú nói to:

– Thức hay ngủ?

Con Nhung e ngại chưa dám trả lời,
Tư Bá cười giòn:

– Cứ nói chuyện. Nó sợ chú. Ờ! Ráng
ở thêm vài ngày, đây là dịp may ngàn
năm có một.

– Dạ, cháu không hiểu?

– Thôi, ngủ đi.

A Lầu đeo vào cái bánh lái to tướng
của tàu buồm từ từ tuột xuống dễ dàng.

Tư Bá theo sát A Lầu, chụp cây chèo
lái.

– Chú chèo hay tôi chèo? Chú chèo
thì dễ hơn và tôi không biết chèo hướng
nào bây giờ.

Tư Bá mỉm cười:

– Chú mày chèo đi! Mình giả vờ chèo

chầm chậm gần tàu, vòng quanh tàu rồi từ từ cho chiếc tam bản vô bờ, mé bên rừng.

Chiếc tam bản lướt trên dòng nước ngược. Từ trên tàu nhìn xuống, thật khó phân biệt được đâu là chiếc tam bản, đâu là khúc cây trốc gốc trôi xuôi, đâu là con sấu.

Tư Bá nói:

– Tao đổ chú mày bà Mi Châu linh thiêng hay không? Tại sao thanh gươm trên bàn bỗng nhiên rớt xuống cứu anh em mình?

A Lầu lưỡng lự:

– Chắc là linh thiêng, bà Mi Châu hiện về hóa phép cho thanh gươm rớt, phải không? Mà chắc là không phải... À! Hay là chuột chạy.

– Nói bậy dưới khoang hầm nơi chúa tàu ăn ở làm sao có chuột. Chịu thua chưa?

– Dạ, thua rồi. Anh cắt nghĩa thử?

Bấy giờ Tư Bá mới đặt giả thuyết. Bọn lâu la đứng trên sàn tàu thấy bóng dáng chiếc xuống hoặc khúc cây hoặc cái bè chuối trôi sát mé bãi. Trong đêm tối làm sao chúng phân biệt đâu là thật đâu là giả.

A Lầu chèo mạnh, cười to:

– Tôi biết.

– Biết thế nào?

– Nếu là ngày thường thì bọn nó tri hô lên. Ngặt vì đêm nay chúa tàu cầu mộng nên bọn nó lưỡng lự. Tri hô lên thì làm thức giấc chúa tàu. Không tri hô

thì rủi xảy ra điềm bất lành. Vì vậy tụi nó chỉ trở bàn tán om sòm rồi đứng đồn qua một phía. Chiếc tàu lắc qua chòng chành, thanh gươm dựng đứng trên bàn thờ bà Mi Châu... lẽ dĩ nhiên rơi xuống vì cán thanh gươm khá nặng. Chúa tàu giựt mình vì tàu nghiêng, vì thanh gươm rớt xuống gây tiếng động. Ông ta bảo là... điều bà Mi Châu chứng giám.

– Hay lắm. Chú mày xứng đáng làm... chúa tàu. Nãy giờ chèo giáp vòng chưa?

– Dạ giáp vòng chiếc tàu rồi.

– Kệ nó. Ráng chèo thêm một vòng thứ nhì để cho tụi nó biết anh em mình là con vật tận tụy.

Gần hết vòng thứ nhì, Tư Bá ra lệnh cho A Lầu cho tam bản vào bãi bùn, sát rặng cây bần. Tư Bá lên tiếng:

– Ai đó? Ai bơi xuống đó? Đừng giết hại tôi. Tội tôi là tù vượt ngục.

Rồi chú bảo A Lầu buông tay chèo ngồi xuống. Chú lặp lại đôi ba lần câu nói trên, khi chiếc tam bản trôi theo dòng nước ròng. Chú nài nỉ:

– Bà con ơi! Cứu tôi.

Rồi sực nhớ đến Hai Tam và Lục cụ, chú nói:

– Lục cụ ơi! Hai Tam ơi! Bà con mình nè. Nói gì thì nói, tội nó không đáng sợ đâu. Tư Bá đây nè...

Từ phía rặng bần, có giọng yếu ớt vang ra:

– Mấy ông ơi! Con nè!

Tư Bá giựt mình:

– Ai mà xưng con với tôi? Chìm xuống hả? Ở đâu? Đốt lửa lên.

– Dạ, con ở đây... Cứu con. Chờ con đốt lửa. Hồi nãy con đốt lửa rồi sợ quá, nên con dụi tắt rồi.

Đốm lửa hiện chập chờn trên bãi bùn. Một thằng bé ngồi cù rữ trên chiếc xuống, bếp un cháy lan tỏa khói trắng.

Tư Bá nói:

– Được rồi em. Tắt lửa đi. Để cho có vẻ huyền bí. Em là ai? Lại đây coi.

Thằng bé đáp:

– Con ở trên rừng, sợ chết, sợ rắn cắn nên con chạy xuống đây... trả thù. Con sợ quá... thấy hai ông chèo tam bản vô đây. Con dám lên tiếng vì hai ông kêu tên Lục cụ, Hai Tam.

Thằng bé đáp, gương mặt không vui:

– Họ ở gần pho tượng ông Tề Thiên. Lục cụ chết rồi. Hai Tam ở gần ông thầy rấn.

Tư Bá hỏi:

– Thầy rấn nào?

Thằng bé đáp:

– Ông thầy đó gặp ai là giết nấy để giành cái kho tàng chưa ai thấy.

– Trời cứu tôi, phen này...

Nụ cười hiền hòa nở trên môi Tư Bá trong bóng đêm. Chú biết chắc còn nhiều khó khăn nhưng dễ vượt qua. Hai Tam và con Nhung sẽ gặp nhau. Cứu con Nhung là chuyện dễ. Giết tên thầy rấn nọ chưa hẳn là khó. Kho vàng của bọn di thần nhà Minh nếu gặp càng hay. Bằng

không, chú không lỗ lã gì ráo.

Công việc trước mắt vẫn là đuổi bọn Tàu Ô, giết tên chúa tàu gian ác.

Thằng bé run sợ khi ứng phó với hai người lạ mặt:

– Mấy ông cứu tôi.

Tư Bá hỏi A Lầu:

– Mình trở về tàu kéo nó nghi ngờ, này giờ lâu quá rồi.

Thừa lúc thằng bé vô ý, Tư Bá siết cườm tay, xé vạt áo nó nhét vào miệng. Chú xé luôn cái quần của nó để làm sợi dây. A Lầu nói:

– Tội nghiệp nó.

Tư Bá trối nhanh thằng bé vào góc bần:

– Vì tội nghiệp nó nên mình trói nó ở đây.

Thằng bé giãy giụa hai chân. Chú Tư vỗ đầu nó mà an ủi:

– Mày đừng sợ. Tao trở lại gặp mày. Tao cũng bị trói như mày vậy thôi.

A Lầu đứng sau lái tam bản, cầm cây chèo mà lao thật nhanh. Bọn hải tặc ngồi im trên sàn tàu, chúa tàu Long Phi đứng thẳng người hai tay chống nạnh, gần cây cột buồm.

– Nó làm gì vậy, A Lầu?

A Lầu lần lần thấy một cô gái bị trói vào cột buồm:

– Anh ơi! Nó trói...

– Chắc là con Nhung. Hồi nãy, anh em mình là vật tế sống cho bà Mi Châu.

Bây giờ tới lượt con Nhung.

Từ trên sàn tàu, bọn hải tặc chỉ trở, đôi ba ngọn đèn. A Lầu run sợ:

– Trả lời làm sao?

– Thì chú mày cứ để tao trả lời. Mình tìm cách trở lại chỗ thẳng bé bị trói chớ. Sáng mai mình lên rừng kiếm kho tàng, nhứt định là chúa tàu thêm tín nhiệm...

Bọn hải tặc quát to, xua tay khi chiếc tam bản đến gần chiếc tàu. Tư Bá hỏi:

– Sao lạ vậy? Cho tụi nó biết rằng mình gặp một cái miếu linh thiêng, trước miếu hai con sấu lội tới lội lui, tụi mình tới thì sấu lặn.

Lời nói của A Lầu được chúa tàu nghe chăm chú. Hẳn bảo A Lầu chờ đợi. A Lầu nói khẽ với Tư Bá:

– Nó cho đồ ăn để ngày mai mình xem xét ngôi miếu. Nó nói rằng trên bàn thờ bà Mi Châu cứ khua lụp cụp, vì vậy cô gái bị trói để... tế sống.

Nghe qua Tư Bá giận sôi gan. Chúa tàu Long Phi là kẻ vừa tham, vừa ác, vừa thông minh. Hắn muốn khích lệ Tư Bá và hăm dọa khéo léo. Nhưng Tư Bá đã nghĩ kỹ rồi: chú sẽ lấy độc trừ độc, dùng dị đoan mê tín để trừ mê tín dị đoan.

A Lầu chụp gói gạo, gói muối từ trên tàu thả xuống. Chúa tàu khuyên nhủ:

– Ráng mà kiếm kho tàng, chắc ở xung quanh miếu. Nếu kiếm được thì cho biết để thả cô gái. Bằng không cô gái phải chết.

Chiếc tam bản từ từ quay mũi. Trong giây lát, Tư Bá thấy chập chờn trên mặt

nước nào là con rắn, con sấu và một mũi dao nào đó. Thuyền của bọn cướp này có thể chìm, tại sao không chìm? Thuyền tuy to nhưng sẽ chìm nếu bị chọc thủng, đục ngay chỗ mềm nhất giữa kẽ ván, nơi trét chai.

Chiếc tam bản cập vào bãi. Tư Bá mở trói cho thằng bé, rồi nói với A Lầu:

– Từ bây giờ cho tới sáng, chú mày kéo chiếc xuống của thằng bé lên bãi, đào lỗ, bỏ xuống xuống lấy bùn lấp lên cho nó giống một nắm mồ con sấu. Kiếm vài gốc cây khô chôn xung quanh nắm mồ, liệu bề làm kịp không?

– Anh đi đâu?

– Làm chuyện riêng. Chú mày quên rằng trong rừng cách đây không xa có kho tàng và có kẻ thù. Mình dẹp bớt.

Thằng bé ngoan ngoãn vâng lời Tư Bá. Từ mé sông lên ngôi miếu cổ, thằng bé van nài hàng chục lần:

– Ông đừng giết tôi.

Tư Bá đáp:

– Tao giết mày để làm gì?

Vài tiếng chim vang lên. Thằng bé ngồi xuống nắm tay Tư Bá:

– Coi chừng. Tôi sợ lắm.

Tư Bá hơi buồn rầu. Nếu bị kẻ lạ mặt nhảy ra đâm lén, chú khó bề xoay trở. Vòm cây trước mặt hiện ra, tỏ rõ từng gốc. Chú hỏi:

– Sợ ai?

Thằng bé đáp:

– Dạ, sợ ma báo oán!

– Tại sao chỗ này có ma?

Thằng bé cúi mặt:

– Hai người chết chôn tại đây, chôn thiệt cạn. Hôi hám lắm.

– Tao bắt con ma cho mày thấy. Đứng dậy!

Thằng bé lưỡng lự:

– Hai cái mả chôn chặn đường. Chỗ không có cỏ đó.

Tư Bá bước nhanh. Mặt đất mềm nhũn. Thằng bé xám mặt:

– Ma đó!

Tư Bá dậm mạnh. Từ lòng đất, một làn hơi hôi hám xông lên:

– Ủ! Xác chết sinh lên... Tới pho tượng ông Tề Thiên chưa?

Thằng bé khóc nức nở:

– Tôi trốn ra khỏi miếu, tôi trở lại chắc tôi bị ông thầy răn giết.

– Mày đừng lo. Mày cứ nói là mày gặp tao, tao bắt mày... Tao là... Tư Bá. Nói cho tên Mách và Hai Tam biết.

– Kìa! Pho tượng...

Hai người ngồi xuống thật nhanh. Lần đầu tiên trong đời, Tư Bá mới gặp pho tượng cao lớn như vậy.

– Bằng cây hay bằng đá?

– Dạ, bằng cây. Trong bụng ông Tể Thiên mọi đêm tôi nằm ngủ. Hai con mắt của ông bị khoét, ở trong dòm thấy ở ngoài.

– Lại đó thử!

Thằng bé run sợ, ôm lưng Tư Bá. Nó tưởng tượng đến con rắn lục mà lão thầy rắn đã nuôi, mắt nó chóa lòa: hàng trăm con rắn đeo lưng lẳng dưới nhánh cây đa. Nó nhớ lại con rắn. Cườm tay nó như rụng rời.

– Dạ... rắn dưới nhánh cây!

Tư Bá đáp:

– Rễ cây gừa! Ban đêm rắn không thấy đường! Hơi đầu mà sợ. Mà cứ đi tới.

– Nếu ai hỏi, tôi trả lời làm sao?

– Tao có quen với hai người kia. Mà nói là Tư Bá kiếm họ. Nếu gặp lão thầy rắn, mà ngồi xuống cho tao biết, tao giết nó.

Bấy giờ thằng bé bắt đầu vững bụng.

Nó đến sau lưng pho tượng mở cánh cửa, gây tiếng động.

– Ông ơi! Ông thầy rắn ơi!

Tên Mách lồm cồm ngồi dậy.

– Ai?

– Tao là Tư Bá.

– Dạ... thiệt chú Tư Bá hả?

Nói xong, tên Mách ra khỏi pho tượng, anh ta dụi mắt:

– Chú trốn được?

– Hai Tam đâu?

– Giữ chòi cho ông thầy rắn ngủ. Còn tôi ngủ trong này, canh chừng kẻ lạ mặt.

Tư Bá nhìn vào phía chòi. Bếp lửa

còn cháy ngún bốc khói. Chú ra lệnh cho tên Mách:

– Kêu Hai Tam ra đây!

Tên Mách lắc đầu:

– Thầy rần trong nóp, con rần nằm trong hũ. Cây mác nằm dưới bộ vạt.

– Đi theo tao. Tao giết thầy rần... Giặc Tàu Ô tao còn không sợ, sá gì thằng đó.

Tư Bá đến gần cửa chòi. Giọng Hai Tam quát to:

– Ai đó?

– Tao! Tư Bá.

Cái nóp mở tung. Lão thầy rần ngồi dậy. Tư Bá nhìn vào hốc chòi, chú ý đến hai cái hũ nhỏ. Chú hỏi:

– Ông thầy rần! Tôi thăm ông.

Thân hình to lớn của Tư Bá khiến lão thầy rần hoảng sợ. Tư Bá đến gần hai cái hũ nhỏ ngăm bảo thầy rần: “Tao biết rồi”. Lão thầy rần nhìn chòng chọc Tư Bá:

– Mời... ông uống nước...

Tư Bá theo dõi cây mác dưới bộ vạt. Lão thầy rần thò tay xuống...

Tư Bá cười khanh khách:

– Thầy... rần...

Lão thầy rần quay mình, chạy ra cửa, té sắp xuống. Tư Bá cầm cây mác lắc đầu:

– Chạy đi đâu thì cứ chạy. Như vậy mà cũng đòi lên rừng tìm vàng!

Tên Mách, Hai Tam và thằng bé đều muốn rượt theo lão thầy rần nhưng Tư Bá nói:

– Tội nghiệp nó.

Hai Tam ôm Tư Bá:

– Còn vợ tôi?

– Bị trói dưới tàu, ăn uống đầy đủ. Chú em cứ chờ. Ngày mai, ai ăn ai thua thì biết. Mình làm chuyện mà quân sĩ triều đình làm không nổi: đuổi giặc Tàu Ô!

Nói xong Tư Bá xách cây mác đi về phía mé sông với thằng bé. Nhưng pho tượng Tể Thiên hiện ra sừng sững.

Chú cầm cây mác, trèo lên vai pho tượng chặt một cánh tay. Thớ cây đã mục cánh tay ngã xuống. Thằng bé kêu rú:

– Như vậy có xúc phạm tới thánh thần không?

Tư Bá cười giòn, nhảy xuống:

– Hơi đầu mà sợ. Nó là cái chòi canh thời xưa của mấy người theo phe Thiên Địa Hội.

Nói xong chú sờ vào cánh tay bằng cây. Bàn tay to lớn, thô sơ xòe ra, giữa lòng bàn tay có khắc hình mặt trời. Chú nói lầm thầm:

– Cánh tay này đánh chìm chiếc tàu Long Phi. Mình mượn vai thần thánh để giết bọn ma quái. Mày vác lên vai cho tao.

Hai Tam chạy đến, mặt mày nhăn nhó:

– Chùng nào chú trở lại?

– Chắc là đêm mai. Đêm mai mọi việc đều xong xuôi. Chú mày ở lại đây với tên Mách, coi chùng con rắn với lão thầy rắn. Nếu con rắn bò ra khỏi hũ, chú

mày cứ giết. Nếu thằng thầy rắn trở lại chòi, chú mày bắt trói lại để đó. Thầy rắn với con rắn đều là thú vật, chú mày thương xót nhẹ dạ thì chết.

✱

Con Nhung ngồi bên gốc cột buồm khóc ráo nước mắt. Phía rừng tràm, bên kia sông, từng đợt mây trắng đậm ngang, báo hiệu bình minh. Lục bình trôi từng dề, chậm chạp. Con Nhung trông chờ mỗi mắt mà chưa thấy Tư Bá về. Nó tin rằng Tư Bá đang bận rộn bố trí giúp nó thoát nạn. Nhưng hiện tại, nó sợ từng chập.

Ánh nắng rọi tỏ rõ trên sàn tàu. Chung quanh con Nhung, cái vòng tròn vẽ bằng nước vôi hiện ra. Đột nhiên bọn hải tặc la to, chạy đổ xô về một phía.

Chiếc tàu nghiêng qua rồi trở lại. Từ khoang hầm, chúa tàu Long Phi nhô đầu lên... Mặt hắc nhẵn nhó, đen đúa, đôi mắt lơ đờ, nhướn lên một nhọc. Hắc đã thức suốt đêm để khẩn vái.

Chiếc tam bản chở Tư Bá từ bãi sông rẽ nước tiến về tàu Long Phi. Chúa tàu nói líu lo với A Lầu.

Tư Bá mỉm cười, đưa tay lên trời như làm dấu hiệu báo tin mừng với con Nhung.

A Lầu trèo lên tàu, kể đó là Tư Bá. Họ bước thật nhanh đến cửa khoang hầm. Trong khi A Lầu nói chuyện với chúa tàu, Tư Bá đến gần con Nhung nói to:

– Cháu vững lòng. Lát nữa chúa tàu cho cháu lên bờ.

Con Nhung mừng quýnh:

– Làm sao cháu chạy được? Tội nó rượt theo.

– Không đâu. Hễ chú biểu làm điều gì, cháu cứ tuân theo. Gặp Hai Tam rồi. Hai Tam mạnh khỏe và thương nhớ cháu.

A Lầu gọi Tư Bá:

– Anh ơi! Chúa tàu mời xuống hầm.

Lần này, chúa tàu đón rước nồng hậu hơn. Nữ tỳ đem rượu thịt khô kính cẩn dâng lên cho A Lầu và Tư Bá. Chúa tàu nâng thanh gươm lên. A Lầu lãnh trách nhiệm thông dịch:

– Hồi hừng sáng, thanh gươm từ trên bàn thờ bà Mi Châu lại rơi xuống. Chúa tàu tin anh hơn tôi. Anh cứ trả lời ở trên bãi bùn có gì lạ?

Tư Bá đáp:

– Tôi thấy một con sấu, con sấu đó sống lâu năm nên nó... đội đèn. Biết nó là con sấu thần, tôi bảo A Lầu chèo theo. Lát sau, con sấu mất dạng trên bãi.

Chúa tàu trở mắt:

– Sao không lên bãi bùn? Con sấu đó là sứ giả của bà Mi Châu, nó mất dạng ngay chỗ nào là chỗ đó có kho tàng.

– Dạ, tôi gặp một ngôi miếu xiêu vẹo cất bằng lá, kế bên tôi thấy có mộ đất vun lên.

Chúa tàu gật đầu:

– Mi đào mộ đất lên...

Tư Bá thích chí trả lời khéo léo, để tỏ ra mình là đứa tở trung thành:

– Dạ chúa tàu ra lệnh thì tôi mới dám
đào.

– Còn gì lạ nữa không?

Để kích thích sự tò mò của chúa tàu,
Tư Bá nói khẽ:

– Có một cái bàn tay... lớn lắm. Tôi
chưa dám đụng tới bởi vì chúa tàu chưa
ra lệnh.

– Đưa ta tới đó!

Bọn hải tặc nhảy xuống tam bản,
bốn chiếc chèo nhanh vô bãi bùn.

Vừa đến bãi, A Lầu hỏi:

– Làm gì bây giờ? Anh định giết chúa
tàu? Không được đâu. Tôi sợ lắm.

Để hun đúc A Lầu, Tư Bá nói gắt:

– Tôi chưa giết chúa tàu đâu! Con

Nhưng còn ngồi trên sàn tàu gần cây cột buồm. Tôi muốn liều chết để cứu nó. Đó là tình nghĩa ở đời. Tôi thể không bao giờ bỏ rơi chú mày.

A Lầu vội thanh minh:

– Tôi muốn ở gần anh.

Chúa tàu Long Phi hất tay áo, bốn tên hải tặc nhảy xuống bãi bùn, công kênh ông ta lên vai. Ngồi miếu nhỏ hiện ra, xiêu vẹo, vài tấm lá gừa che phủ bên trên. Mô đất bên cạnh khiến chúa tàu chú ý. Theo sự nhận xét của chúa tàu thì đây là dấu hiệu do người đi tìm vàng để lại. Vong linh bà Mi Châu đã mách bảo. Nếu khôn ngoan, nếu biết tin lời dạy của thánh thần, ông ta còn nhiều hy vọng.

Chúa tàu đến sát bên miếu, hỏi A Lầu:

– Miếu thờ ai?

A Lầu hỏi ý kiến của Tư Bá, rồi trả lời:

– Thờ con sấu. Có lẽ vong linh con sấu đó đã hiện ra, hôm rồi, trôi đến sát tàu.

Đột nhiên chúa tàu quỳ xuống, lạy cái cánh tay ông Tề Thiên, rồi thò tay sờ vào:

– Mặt trời! Còn cánh tay kia đâu rồi?

Tư Bá đáp:

– Tôi chưa biết.

Chúa tàu Long Phi nói:

– Đúng là kho vàng. Kho vàng ở đâu? Mặt trời là chữ nhật, bàn tay bên kia nhứt định có hình mặt trăng chữ

nguyệt. Nhựt và Nguyệt hợp lại thành ra chữ Minh. Tức là nhà Minh, là di thần nhà Minh, những người trung thành với Châu Hồng Võ. Thôi, trở về! Ta muốn khẩn vái bà Mi Châu...

Tư Bá thở dài:

– Xin chúa tàu bày lễ cúng tại miếu này. Biết đâu con sấu thần lại hiện ra. Sấu thần là sứ giả của bà Mi Châu.

– Hay lắm!

Rồi ông ta truyền lệnh cho A Lầu:

– Dem cô gái lại đây mà tế thần.

Tâm trí A Lầu thật bối rối. Anh ta nghĩ đến chuyện báo cáo của Tư Bá. Con Nhung sẽ được đưa từ tàu Long Phi tới trước miếu. Tư Bá sẽ công con Nhung lên vai mà chạy vào rừng. Chùng đó nhút

định chúa tàu sẽ giết A Lầu vì tội thông đồng với đối phương.

Khi A Lầu cầm cây chèo. Tư Bá cười giòn:

– Tôi đâu phải là đứa hèn hạ. Tới rùng U Minh để mang tiếng hèn hạ thì tôi làm gì?

Bọn hải tặc chỉ trở lên bờ, theo dõi tình hình, A Lầu quát to:

– Mở trói cho cô gái! Đem xuống đây!

Con Nhung kêu rú lên:

– Đem tôi đi đâu?

Bọn hải tặc ào tới, trói con Nhung rồi thòng dây xuống chiếc tam bản. A Lầu chèo thật nhanh:

– Tư Bá tìm cách cứu cô khỏi chốn này. Cô nên nghe lời Tư Bá.

Đến bãi bùn, con Nhung được khiêng lên. Nó quỳ trước miếu, ngơ ngác. Tư Bá nói:

– Lát nữa, cháu giả bộ lên xác bà Mi Châu.

Con Nhung hỏi:

– Hồi nhỏ tới giờ cháu chưa lên xác lần nào.

– Cãi hoài! Nếu vậy thì cứ nói bậy bạ, găm thét lên như oan hồn người nào đó bị sấu ăn thịt. Tội nó đâu biết tiếng An Nam.

Con Nhung nhìn vào trong miếu.

Chúa tàu Long Phi liền xuống tam bản, sau khi căn dặn:

– A Lầu! Tao về tắm rửa sạch sẽ rồi đem rượu thịt tới đây cúng tế. Mà coi chừng tội nó. Nói với tội nó là tao chia phân nửa kho tàng.

Bọn hải tặc cầm mã tấu đứng canh phòng nghiêm ngặt. A Lầu, Tư Bá và con Nhung tha hồ trò chuyện.

A Lầu nói:

– Hồi nãy, chúa tàu hồ nghi rằng kho tàng ở trên rừng gần đây. Không lẽ mình dẫn ông ta vô rừng!

Tư Bá chột nghĩ:

– Tại sao mình không bảo rằng cái kho tàng hiện đang chôn vùi dưới bãi sông hoặc giữa lòng sông? Pho tượng này bị chôn, vì nước chảy xiết nên cánh tay bị mục gãy, nổi lên mặt nước trôi tấp vào bãi bùn, trước cái miếu. Cháu Nhung

nhớ không? Lát nữa cháu cứ nói giọng khào khào, thỉnh thoảng chỉ tay xuống sông.

Khi chúa tàu Long Phi trở lại, bọn lâu la mang theo nào nhang, rượu và thịt nướng. Lễ cúng miếu cử hành đơn giản. Chúa tàu và bọn hải tặc đều quỳ lạy. Tư Bá nói:

– Nhưng! Cháu cứ lên xác!

Con Nhung run rẩy vì sợ sệt:

– Chú ơi...

Tư Bá nói với A Lầu:

– Chúa tàu đang lắng nghe! Chú mày còn nói lại rằng xác con sáu hiện về... Ồ, Nhung, ngáy đi cháu, ngáy cho thật dài rồi ngã lăn ra, rồi ngồi dậy.

Sau khi nghe hai ba tiếng ngáy, chúa

tàu rót rượu trao cho con Nhung. Tư Bá thúc hối:

– Uống đi cháu. Uống rồi nói bậy nói bạ cũng được. Nhớ chỉ ngón tay về phía ngoài sông.

Con Nhung bắt đầu say rượu. Vâng theo lời Tư Bá, nó quơ tay trong khi A Lầu bắt đầu thông dịch lại:

– Thừa chúa tàu! Đây là vong hồn của một người bị sấu ăn thịt. Người đó sống không nơi nương tựa xương cốt rơi rớt, may thay nhờ ông Tề Thiên che chở.

Chúa tàu quỳ xuống lạy con Nhung:

– Ông Tề ở đâu?

Tư Bá dạy cho A Lầu nói:

– Ông Tề ở dưới thủy động.

Chúa tàu hỏi:

– Từ đây đến thủy động còn bao xa?

Nhung đáp:

– Gần lắm.

Tư Bá khéo trình bày thêm:

– Gần chiếc tàu, kho tàng ở thủy động có ông Tề Thiên giữ gìn. Đêm nay nếu chúa tàu khẩn vái ta thì ta chỉ cho, đem món gì cho ta ăn, ta ngồi tại đây để giúp chúa tàu.

Theo lệnh chúa tàu, Nhung được ăn uống tại miếu. Chúa tàu cho năm tên khác nhảy xuống sông Cái lặn thật sâu để tìm pho tượng ông Tề Thiên. Chúa tàu gọi A Lầu, Tư Bá đến:

– Tối nay ta cúng một lần nữa. Tư Bá sẽ tính lễ nào? Kho tàng ở đâu?

Tư Bá nói:

– Chắc là con sấu thần của bà Mi Châu nổi lên để điếm chỉ nơi chôn giấu kho tàng. Ai dám đi theo con sấu đó bây giờ?

Chúa tàu Long Phi gật gù:

– Tư Bá với A Lầu giúp ta. Ta đền ơn xứng đáng.

Nói xong, chúa tàu thúc hối bọn hải tặc đưa ông ta lên tàu. Hai tên hải tặc cầm mã tấu ngồi dựa gốc cây mà ngủ gật.

A Lầu hỏi:

– Chùng nào mình trốn?

Tư Bá cười to:

– Trốn là hèn. Không gặp kho vàng, ít ra mình cũng giết được vài chục đứa

gian ác. Giết kẻ gian tức là mình tích trữ vàng bạc cho con cháu hưởng đời đời.

Nhung lắc đầu:

– Chú Tư lo liệu, chú theo ý chúa tàu muốn giết bọn mình. Không tìm được kho tàng thì ngày mai ngày mốt, nó bắt buộc bọn mình lặn hụp làm mồi cho cá sấu... Nếu tìm được, nó giết bọn mình để sang đoạt.

Đây là lần đầu mà Nhung nói nghe được. Nó đã khôn ngoan và hiểu rằng luật đường rừng là mạnh được yếu thua.

A Lầu nói:

– Ý của Nhung là trốn... để sống.

Tư Bá đáp:

– Trốn chưa ắt là sống. Và hung bạo như chúa tàu cũng chưa ắt sống dai.

Hai tên hải tặc giật mình đứng dậy, nói với A Lầu:

– Có ai rình sau miếu!

Tư Bá chợt nhớ đến thằng bé. Nó đi một mình, thất lạc. Nó chưa gặp chú. Chú nói:

– A Lầu! Biểu hai thằng đó vô rừng rình xem.

Nhưng hai tên nọ làm sao dám đi xa. Chúng khuyên Tư Bá vô rừng với điều kiện là để Nhung ở lại làm con tin.

Chú Tư nhớ đến Hai Tam, lão thầy rần, tên Mách và cả hũ đựng cốt, trong đó có rần nọc đang lăm le phun độc. Kẻ thù ở ngoài đánh vào, ở trong đánh ra. Chú nói:

– Lát chiều tôi trở lại.

Lão thầy rần đi lang thang trong rừng, không ngờ Tư Bá xuất hiện đột ngột. Tư Bá là ai? Đường như Hai Tam có quen với Tư Bá.

Lão thầy rần không đủ sức trèo lên ngọn cây để rình núp và quan sát như con rần rình mồi. Lão đi thơ thẩn, nhắm theo hướng mé sông Cái với ý định:

– Mình tố giác với bọn hải tặc, nếu bị chúng bắt. Theo bọn hải tặc thì mình chia chút ít vàng bạc, chớ ở lẫn thẩn tại đây, chưa chắc Tư Bá dung tha tánh mạng. Nhưng theo bọn cướp là hành động táo bạo, liều lĩnh. Rốt cuộc, chỉ còn bài toán chót là trở về chòi, thăm pho tượng Tể Thiên để van xin lòng thương hại của

Hai Tam, làm kế ly gián để Hai Tam, Tư Bá không thuận thảo với nhau.

Lão đã thấy dạng con Nhung lúc bọn hải tặc đốt nhà ở mé sông.

Pho tượng Tề Thiên hiện ra trước mặt. Lão thấy rần đứng lấp ló, thấy Tư Bá chạy trở về mé sông với thằng bé.

Lão bước chậm rãi vào chòi. Tên Mách kêu to:

– Hai Tam, ông trở lại.

Hai Tam sửng sốt, nói với tên Mách:

– Anh em mình đừng bỏ nhau. Nó trở lại để giết luôn anh em mình đó.

Thấy Hai Tam đứng rình sát vách, lão thầy rần cất tiếng:

– Hai Tam! Tao già rồi. Tao trở lại

đây vì thương chú mày. Coi chừng chú mày bị gạt.

Hai Tam vẫn đề phòng:

– Gạt chuyện gì? Ai gạt?

Lão thầy răn nói to:

– Con Nhung!

– Nhung gạt tôi? Làm sao có chuyện vô lý như vậy được?

– Không đâu. Tao chưa nói ra, tao sợ mày không tin lời tao. Tao sống tới tuổi này rồi mà không dè. Mày tin tao thì tao mới nói. Bằng không, tao lên rừng sống một mình như con xà niêng, con khỉ...

Hai Tam hơi run giọng:

– Bác cứ nói. Tôi tin lời bác.

Lão thầy răn nghiêm nét mặt:

– Chẳng lẽ tao nói chuyện xấu hổ của đàn bà con gái cho người khác nghe.

Hai Tam nói với tên Mách:

– Đây là chuyện tâm sự riêng, chú mày đừng nghe. Để tao nói với lão ta. Lúc lâm nguy, tao tri hô lên, chú mày chạy tới cứu cũng không muộn.

Tên Mách ra cửa chòi bước về phía pho tượng ông Tể Thiên. Trong khi đó, lão thầy rần chăm chú nhìn vào cái hũ ở góc chòi.

Hai Tam cười:

– Bác ngồi trên vạt. Bác nói con Nhung đã... hư thân rồi hả?

Lão thầy rần ung dung đến bộ vạt và lựa chọn vị trí gần cái hũ. Lão nghe tiếng con rần cựa quậy yếu ớt.

– Tao mệt lắm. Con Nhung không hư thân mà cũng không chết.

– Như vậy là sao?

Hai Tam trở mắt, đến gần lão thầy rần. Lão căn nhắc:

– Mày nóng nảy quá, tao không dám nói đâu.

Hai Tam lắc đầu:

– Xin lỗi bác.

– Mày ngồi im tao mới nói.

– Tao đi lang thang ra bờ sông Cái kiếm xuống “quá giang” về rạch Ông Rầy. Tao gặp ma. Dè đâu tao nghe rõ giọng nói của Tư Bá: “Ai đó!” Tiếp theo là tiếng con Nhung kêu cứu: “Anh Tư ơi! Anh không thương em, anh bỏ em, anh chạy đi đâu?”

Hai Tam đã mất bình tĩnh. Anh hỏi:

– Tư Bá bây giờ ở đâu? Như vậy chắc là tôi tự tử cho đỡ nhục. Tất cả mọi người đều khốn nạn.

Lão thầy rần nói nhanh:

– Ở... gần cái mả của Lục cụ và Chòi Mui. Hồi này đi ngang, tao thấy đường như họ nằm gần nhau, bên gốc cây.

Hai Tam chạy ra cửa. Không bỏ lỡ cơ hội, lão thầy rần đến góc chòi, nâng cái hũ lên, bước theo Hai Tam. Hai Tam nhìn về phía trước sắp sửa chạy.

Bàn tay lão thầy rần từ từ giở nắp hũ. Lão quăng cái hũ sau lưng Hai Tam.

Hai Tam day lại. Con rần bò ra. Hai Tam té xuống ôm bàn chân:

– Mách ơi! Mách!

Lão thầy rần chạy về phía mé sông với ý định đầu hàng bọn giặc Tàu Ô. Bọn chúng sẽ tin lời lão vì lão đã giết đồng bạn.

Phía sau, có tiếng quát to:

– Đồ bất nhơn! Tao rượt tới ồ!

Lão bèn chạy vòng qua bên phải, đến khu rừng tràm sinh lầy. Tên Mách đã mất dạng. Lão nghe hơi gió thổi mát lạnh từ phía mé sông.

Đến gần bãi bùn, lão ngồi xuống lấy hơi.

Đột nhiên, lão nghe tiếng hỏi:

– Ai đó?

Tiếng hỏi của đứa bé, giọng quen thuộc, tuy nhiên lão cứ trả lời:

– Tao! Đứa nào đó, cứ xưng tên.

– Dạ, tôi, thằng bé! Bác là... thầy răn?

– Đừng nói lớn. Tao giết mày bây giờ. Lại đây với tao.

Thằng bé từ ngọn cây bắn tuột xuống, lão hỏi:

– Hồi này mày đi với Tư Bá?

– Dạ... Tư Bá trốn rồi. Xuống tàu của tụi cướp biển rồi trở lên miếu.

Lão thầy răn vẫn chưa hiểu.

– Tao ở cái chòi... trên nền miếu. Đâu có Tư Bá?

– Không, cái miếu ở mé sông. Bọn Tàu Ô đông lắm, cầm mã tấu, cầm đoản đao như để tế thần.

Lão thầy răn suy nghĩ:

– Hay là tên thầy rắn mãng xà nào đã xuất hiện tại rừng U Minh? Mình tới đó dọa thử để lập công, mượn tay bọn Tàu Ô để giết Tư Bá...

Thằng bé ngồi im và cất giọng:

– Kìa... bác ơi! Ông ơi! Ở mé sông, tụi nó thả đuốc. Đông lắm.

– Mày bò tới đó coi giùm rồi trở lại cho tao biết. Nếu bị bắt thì cứ dẫn họ vô rừng tới pho tượng Tể Thiên. May ra mày được chia của.

Thằng bé hơi ngạc nhiên, không dè cái miếu lại được trang hoàng, có nhang khói, có đèn chong.

Tư Bá đứng chống nạnh nhìn về mé rừng. Nó đưa tay ngoắt.

Tư Bá đến gần nó.

– Có gì lạ?

Thằng bé day lại phía sau, từng chập:

– Lão thầy rắn còn... đâu đây. Ông giết Hai Tam rồi. Ông cho rắn cắn Hai Tam. Ông bắt buộc tôi ra đây với ông để... theo phe giặc Tàu Ô.

Hai Tam chết. Tư Bá hơi buồn vì chú không làm tròn phận sự đối với con Nhung. Đáng lý ra chú đi theo thằng bé để giết lão thầy rắn. Nhưng giờ đã đến nước này, nếu lo trả mối thù riêng thì hư việc lớn.

Chú nói:

– Màý theo tao. Màý dẫn cô gái này về chòi. Đừng cho cổ biết Hai Tam đã chết.

– Khó quá. Làm sao tôi giấu chuyện

đó được?

– Đưa cổ vô trong ruột pho tượng Tề Thiên bảo nằm trong đó mà chờ tao. Nhớ đi vòng quanh đừng cho lão thầy rần theo dõi.

Nói xong, Tư Bá đến gần miếu đánh thức tên hải tặc đang ngủ gục:

– Thức dậy, ngủ hoài sao?

A Lầu hỏi:

– Mình làm gì bây giờ?

Tư Bá đáp:

– Coi chừng thằng kia.

Nhanh như chớp, Tư Bá giật cây mã tấu chém tên hải tặc. Hắn đưa tay đỡ và cánh tay bị rụng. Tên hải tặc kia mở mắt, liếc nhìn A Lầu. Tư Bá chạy tới chém

ngay cổ. Hai thanh mã tấu chạm vào nhau tóe lửa.

Con Nhung cựa quậy với ý định chạy trốn.

Con Nhung kêu rú:

– Chú ơi!

Nhưng Tư Bá không trả lời. Hai nhát mã tấu bồi theo đã kết liễu cuộc đời hai tên hải tặc. Con Nhung đến gần chú, ôm thật chặt:

– Chú ơi... Sợ quá.

Tư Bá cười giòn:

– Cháu giỏi quá. Khi người ta muốn sống thì chẳng có thứ dây nào trói được. Bé!

Thằng bé chạy tới:

– Thưa ông...

– Đưa cô này vô trong... bụng ông Tề Thiên. Tao đi đây. Tao lấy cây móc nhỏ, để ăn thua với tụi nó. Nhớ nằm ngủ trong bụng ông Tề Thiên, coi chừng thiên hạ dòm ngó.

Con Nhung vẫn nài nỉ:

– Cháu muốn theo chú. Phải chi có Hai Tam...

Bỗng dừng Tư Bá cúi đầu đau xót. Chú nói khẽ:

– Nhung... cháu đi theo thằng bé vô rừng cho yên thân. Lát nữa, ở đây xảy ra nhiều chuyện lôi thôi lắm. Tới mức này mà chết thì uổng.

– Sợ... chú khó thoát.

– Cháu ở đây làm chú bận rộn. Chú

phải chèo tam bản ra ngoài sông, giả làm con sấu thần. Chú phải lặn xuống nước để cạy cho tróc chai trét thuyền.

Con Nhung và thằng bé lăm lũi vào rừng, trong khi Tư Bá ra lệnh cho A Lầu đốt hai đồng lửa.

Vừa đi, thằng bé vừa dò từng bước. Nó mãi lo sợ vì lão thầy rắn còn ẩn núp đâu đây. Con Nhung cứ hồi từng chập:

- Về đâu vậy, chú em?
- Về chòi ở giữa rừng.
- Ghê vậy, trong chòi có ai không?
- Có... tên Mách.
- Tên Mách nào? Còn Hai Tam?

Thằng bé bối rối, chưa biết trả lời thế nào cho gọn. Nó tả hình dáng tên Mách

và cho biết Lục cụ đã chết vì lão thầy răn.
Con Nhung vụt ngồi xuống:

– Chị không dám vô chòi đâu. Lão thầy răn ác độc lắm. Thôi, đưa chị trở ra mé sông.

Thằng bé hơi mừng vì nếu cô gái này vào chòi, gặp cái xác của Hai Tam thì thật là khó xử.

– Ra mé sông thì bị rầy, chị ơi. Chú Tư căn dặn tôi đem chị vô trong bụng ông Tề Thiên. Cái ông Tề Thiên bằng cây bị chặt một tay đem ra ngoài miếu.

– Trong đó có răn không? Nếu lão thầy răn rình sẵn trong đó thì chắc là chị em ta phải chết.

Sau rớt, thằng bé và con Nhung đều đồng ý dừng lại giữa rừng. Đêm về khu-ya, con Nhung ngồi dựa lưng vào gốc cây

mà ngủ thiếp. Thằng bé trèo lên ngọn cây để quan sát.

Phía ngoài sông Cái Lớn, tiếng tù và thổi lên. Nó đếm kỹ: có tất cả sáu ngọn đèn, những ngọn đèn lung lay, một ngọn đèn ngã xuống từ từ, gần sát ngọn cây bần, vươn lên rồi mất hẳn. Mấy ngọn đèn còn lại di chuyển về phía vàm biển thật nhanh.

Nó đã hiểu: một chiếc bị đánh chìm. Tư Bá đã thành công. Con Nhung giục mình kêu to:

– Em bé ơi!

Thằng bé tuột xuống, nói nhanh:

– Tàu chìm rồi! Mình ra ngoài mé sông thử xem.

Hai người nắm tay nhau, tuy muốn

đi thật nhanh, nhưng cây cối che khuất trước mặt. Bên mặt, bên trái, phía trước... dường như đầy bóng người và tiếng động. Họ nằm xuống, rồi chạy qua, chạy lại. Vài ánh lửa chập chờn. Mưa rơi lác đác khiến chim rừng vỡ tổ.

Một dáng người mảnh khảnh đứng sững trước mặt thằng bé. Nó và con Nhung ngồi xuống một lượt. Người ấy nói to:

– Người hay ma.

Rồi quay mặt. Thằng bé lạnh tay chụp một nhánh cây khô ném mạnh. Đúng là lão thầy răn.

Chờ khi lão thầy răn khuất dạng, thằng bé nói với Nhung:

– Về chòi chị ơi. Bọn Tàu Ô chạy ra biển rồi. Lão thầy răn chạy trốn rồi.

Con Nhung càng bối rối hơn:

– Sao em biết? Lão thầy răn ở đâu?

Thằng bé nói gắt:

– Chú Tư Bá khó tánh lắm. Đừng cãi lời.

Vừa đến chòi, thằng bé sững sốt khi nghe tên Mách lên tiếng:

– Ai đó! Bé phải không?

Thằng bé hỏi:

– Tôi đây? Ai ở trong chòi?

– Tư Bá.

Tư Bá chạy đến gần pho tượng Tề Thiên, đón Nhung, giọng nói nghẹn ngào:

– Cháu ơi! Chú đánh chìm một chiếc

tàu, bọn hải tặc chết chìm vô số, còn lại chạy ra biển. Nhưng mà... Hai Tam chết rồi.

Con Nhung chạy vào chòi, ôm lấy xác Hai Tam. Thằng bé đốt lửa lên cho sáng. Tư Bá đứng yên, thằng bé giải thích:

– Hồi chiều, lão thầy rắn loan tin bảy bạ khiến Hai Tam chạy ra sân. Thừa lúc đó, lão thầy rắn mở nắp hũ cho rắn lục phóng ra.

Tư Bá trở mắt:

– Nói bảy bạ là nói điều gì?

Thằng bé mời Tư Bá ra sau:

– Xin lỗi... ông. Lão thầy rắn nói cho Hai Tam biết rằng chú lấy con Nhung làm vợ. Vì vậy Hai Tam tức giận quên đề phòng.

– Thôi! Chuyện cũ rồi. Mà đừng nói cho ai nghe. Chờ chôn xác Hai Tam rồi hãy hay.

Từ phía pho tượng Tề Thiên, một bóng người từ trong ruột pho tượng chạy vụt ra.

Tứ Bá hiểu đó là lão thầy rắn. Chú túm cổ lão ta siết mạnh.

Lão kêu van:

– Tội nghiệp, cho tôi sống với chú.

Tứ Bá muốn đưa lão thầy rắn vào chòi bắt buộc lão ta thú nhận tội lỗi. Nhưng để làm gì? Chú từ từ buông tay:

– Lão về đi. Đừng ở xứ này nữa. Mình giết nhau nhiều quá rồi. Lão ở đâu?

– Trước kia tôi ở rạch Ông Rầy.

– Về nói lại rằng, con Nhung còn sống và có chồng. Chừng vài tháng nữa, nó về... Nãy giờ, lão ở đâu? Nói thiệt, tôi tha tội cho.

– Tôi ở mé sông, thấy tàu chìm.

– Đi đi! Bịn rịn gì nữa? Ở đây làm gì có vàng. Bất quá là có một bài học hơn từ mà thôi.

✱

Lẽ dĩ nhiên, Tư Bá và Nhung thành vợ chồng. Họ bỏ nên chòi, xô ngã pho tượng ông Tể Thiên rồi đến vùng Chắc Bạng để cuộc rầy khoai mì.

Tên Mách trở về Tắc Cậu, vào chùa mà tu.

Thằng bé xin theo vợ chồng Tư Bá.

Nhưng có điều trớ trêu là tên tuổi Tư Bá, con Nhung không được ai nhắc nhở. Dân địa phương cứ nhắc nhở đến chiến công của quý thần đã đánh chìm tàu.

Hiện nay, trước khi đến vùng U Minh, từ phía biển đi vào, nhìn trên bản đồ, chúng ta thấy một địa danh chánh: Ngã ba tàu, và một địa danh phụ: Cái Tàu.

Tàu tức là chiếc Tàu Ô. Có lẽ xưa kia tàu Long Phi bị chìm đâu đó và bọn hải tặc nếu không chết đuối thì chạy vào rừng lẩn hồi trở thành con dân Việt Nam.

